

L. M. MONTGOMERY

Anne
và tóc đỏ
Ngôi Nhà
Mơ Ước



Giới thiệu

Gilbert Blythe - tình yêu đích thực của đời Anne - cuối cùng cũng trở thành bác sĩ, và trong ánh nắng tỏa ngời khu vườn quả, giữa những bạn bè thân thiết nhất, họ nói lời thề ước bên nhau trọn đời. Một cuộc sống mới đang chờ đợi họ trong căn nhà mơ ước nơi bờ cảng Bốn Làn Gió mù sương tím.

Cuộc sống mới cũng đồng nghĩa với những vấn đề mới tinh phải giải quyết, những bất ngờ đáng yêu, những người bạn thú vị: thuyền trưởng Jim, người trông đèn chất chứa những câu chuyện buồn về biển; cô Cornelia, lời nói thẳng như ruột ngựa nhưng tấm lòng lại ấm áp vô ngần; và thiếu nữ tuyệt đẹp mang trong mình đầy bi kịch Leslie Moore, mà cuộc đời tăm tối rồi đây sẽ được Anne soi vào ánh sáng rạng rỡ.

Nhận định

“Dành cho tất cả những ai muốn được trải nghiệm cảm giác vui vẻ, hài hước trong khi đọc; và đặc biệt dành cho tất cả những ai từng yêu thích Anne tóc đỏ dưới Chái Nhà Xanh.”

- Resident Scholar

Tác giả

Lucy Maud Montgomery

(1874-1942) chào đời tại Clifton (nay là vùng New London), thuộc đảo Hoàng Tử Edward, Canada. Năm 1908, bà xuất bản cuốn đầu tiên trong series kinh điển về cô bé Anne tóc đỏ và thu được thành công vang dội. Đến nay, cuốn sách đã được xuất bản bằng hơn 30 ngôn ngữ, bán được tới hơn 50 triệu bản, đưa **Montgomery** thành một trong những nhà văn bestseller của mọi thời đại.

Trọn bộ 8 cuốn series Anne tóc đỏ được Nhã Nam xuất bản:

- *Anne tóc đỏ dưới Chái Nhà Xanh*

- *Anne tóc đỏ làng Avonlea*

- *Anne tóc đỏ ở đảo Hoàng tử Edward*

- *Anne tóc đỏ dưới mái nhà Bạch Dương*

- *Anne tóc đỏ và Ngôi Nhà Mơ Ước*

- *Anne dưới mái nhà Bên Ánh Lửa*

- *Thung lũng Cầu Vòng*

- *Rilla dưới mái nhà Bên Ánh Lửa*

Mục lục

1. Trên gác xếp chái nhà xanh
2. Ngôi nhà mơ ước
3. Giữa Vùng Đất Ước Mơ
4. Cô dâu đầu tiên của Chái Nhà Xanh
5. Về nhà
6. Thuyền trưởng Jim
7. Cô dâu của thầy giáo
8. Cô Cornelia Bryant ghé chơi
9. Một tối ở mũi đất Bốn Làn Gió
10. Leslie Moore
11. Chuyên của Leslie Moore
12. Leslie sang chơi
13. Một tối ma ám
14. Những ngày Tháng Mười một
15. Giáng sinh ở Bốn Làn Gió
16. Đêm giao thừa ở ngon đèn biển
17. Một mùa đông bốn làn gió
18. Những ngày xuân
19. Hoàng hôn và bình minh
20. Margaret quá cố
21. Những rào cản bí cuốn trôi
22. Cô Cornelia sắp xếp mọi việc
23. Owen Ford tới
24. Quyển sách cuộc đời của thuyền trưởng Jim
25. Viết sách
26. Lời thú nhận của Owen Ford
27. Trên cồn cát
28. Những chuyên vặt

29. Gilbert và Anne bất đồng

30. Leslie quyết định

31. Sự thật mang tự do

32. Cô Cornelia bàn chuyện

33. Leslie trở lại

34. Con tàu mơ ước cập bến

35. Chính trị ở Bốn Làn Gió

36. Sắc đẹp thay tro tàn

37. Cô Cornelia đưa ra một thông cáo gây kinh ngạc

38. Hoa hồng đỏ

39. Thuyền trưởng Jim ra khơi

40. Tam biệt ngôi nhà mơ ước

1. Trên gác xếp Chái Nhà Xanh

“Ồn trời, tớ đã hết việc với môn hình học, học cũng xong mà dạy cũng xong,” Anne Shirley, như thể để trả đũa, vút quyển Euclid có phần rách nát vào một hòm sách lớn, nện nắp hòm xuống một cách đắc thắng, rồi ngồi lên trên đó, nhìn Diana Wright qua gác xếp Chái Nhà Xanh, với đôi mắt xám như bầu trời buổi sáng.

Căn gác là một chốn mờ tối đầy khơi gợi và say mê, như tất cả mọi gác xếp phải thế. Qua ô cửa sổ để ngỏ nơi Anne ngồi, làn không khí ngọt ngào, thơm nức, ấm mùi mặt trời của một chiều tháng Tám thổi qua; ngoài kia, những rặng phong rì rào lá lướt trong gió; xa xa là cánh rừng, nơi đường Tình Nhân trải ra mê hoặc, và vườn táo cũ vẫn còn hào phóng lưu lại những chùm quả ửng hồng. Và, trên tất cả, là những đám mây trắng tuyết như một rặng núi hùng vĩ trên bầu trời xanh phía Nam. Xa xa qua khung cửa sổ bên kia, biển xanh ngời, tháp thoáng, trắng lấp lóa - vịnh St. Lawrence xinh đẹp, cái tên Anh-điêng mềm mại, ngọt ngào này từ lâu đã bị bỏ rơi để thay bằng cái tên bình dân hơn, đảo Hoàng tử Edward.

Diana Wright so với lần gặp trước đã già thêm ba tuổi, và trông đã chín chắn hẳn lên trong khoảng thời gian đó. Nhưng đôi mắt cô vẫn đen và long lanh, má vẫn hồng, và đôi lúm đồng tiền vẫn quyến rũ, như những ngày rất xa khi cô và Anne Shirley thề thốt tình bạn vĩnh cửu trong khu vườn nơi dốc Vườn Quả. Cô bế trên tay một sinh linh bé nhỏ tóc xoăn đen đang ngủ, đưa bé trong hai năm hạnh phúc vừa qua đã được toàn thể làng Avonlea biết đến với cái tên “bé Anne Cordelia”. Dân Avonlea biết tại sao Diana gọi cô bé là Anne, đương nhiên rồi, nhưng dân Avonlea ngỡ ngác trước cái tên Cordelia. Chẳng có ai tên Cordelia trong sổ họ hàng thân thích nhà Wright hay nhà Barry hết cả. Bà Harmin Andrews đoán chắc Diana đã vớ được cái tên trong một cuốn tiểu thuyết rác rưởi nào đó, và tự hỏi Fred đầu óc thế nào mà lại đồng ý. Nhưng Diana và Anne cười với nhau. Họ biết Anne Cordelia bé nhỏ làm sao lại mang tên đó.

“Lúc nào cậu cũng ghét môn hình,” Diana nói với một nụ cười hồi tưởng. “Thành thử tớ đoán cậu hẳn phải mừng lắm vì không còn phải dạy với đỡ gì nữa.”

“Ôi, tớ lúc nào cũng thích dạy học, trừ dạy môn hình. Ba năm qua ở Summerside rất dễ chịu. Bà Harmon Andrews bảo với tớ khi về nhà tớ sẽ thấy cuộc sống hôn nhân cũng chẳng khá khẩm hơn việc dạy học là mấy như tớ mong đợi đâu. Rõ ràng bà Harmon cùng suy nghĩ với Hamlet, rằng thà cứ ôm lấy những khốn khó đang có còn hơn bay đến với những bất hạnh khác mà ta không biết.”

Tiếng cười của Anne, vẫn trong trẻo và khó cưỡng như thuở nào, điểm thêm một nốt ngọt ngào và chín chắn, vang vọng qua căn gác xếp. Bà Marilla trong căn bếp phía dưới, đang trộn mứt mận tía, nghe thấy liền mỉm cười; rồi thở dài nghĩ tiếng cười thân thiết ấy những năm sau này sẽ không mấy khi vang vọng trong Chái Nhà Xanh nữa. Không gì trong đời này làm bà hạnh phúc hơn là biết rằng Anne sẽ cưới Gilbert Blythe; nhưng mọi niềm vui đều phải mang theo một bóng mây sầu muộn nho nhỏ. Trong ba năm ở Summerside Anne vẫn thường xuyên về nhà vào các kỳ nghỉ và các dịp cuối tuần; nhưng, sau đám cưới, bà chỉ có thể mong chờ cô về thăm nửa năm một lần là nhiều.

“Cậu chẳng cần để tâm lo lắng mấy lời bà Harmon nói đâu,” Diana, với sự tự tin của một người đã làm vợ làm mẹ được bốn năm nay, nói. “Cuộc sống hôn nhân có lúc lên lúc xuống, dĩ nhiên. Cậu không thể trông chờ mọi thứ lúc nào cũng trôi chảy. Nhưng tớ có thể cam đoan với cậu, Anne ạ, rằng đó sẽ là một đời sống hạnh phúc, khi cậu cưới được đúng người.”

Anne nhòen cười. Dáng vẻ ta đây đầy một bề kinh nghiệm của Diana lúc nào cũng làm cô thấy khô hài đôi chút.

“Mình dám chắc là rồi mình cũng sẽ khoác cái vẻ ấy, sau khi đã lấy chồng được bốn năm,” cô nghĩ. “Tuy nhiên hẳn khiếu hài hước của mình sẽ bảo vệ mình.”

“Thế các cậu đã quyết xong sẽ ở đâu chưa?” Diana hỏi, vuốt ve Anne Cordelia bé nhỏ bằng một cử chỉ thăm đượm tình mẫu tử không thể bắt chước được mà lúc nào cũng truyền thẳng qua tim Anne, đọng đầy những ước mơ và hy vọng ngọt ngào không cất nên lời, một cơn rùng mình nửa là niềm vui sướng trong trẻo, nửa là một nỗi đau lạ lùng, thoát tục.

“Rồi. Tớ muốn báo cho cậu chuyện đó khi tớ gọi điện bảo cậu xuống đây hôm nay đây. À mà tớ không nhận ra là chúng ta đã thực sự có điện thoại ở Avonlea rồi đâu đây. Nghe có vẻ hiện đại và cập nhật đến ngược đời ở cái

chôn xưa cũ yêu dấu êm đềm này.”

“Ta có thể cảm ơn Hội Cải tạo Đồng quê vì chuyện đó,” Diana nói. “Chúng ta chắc sẽ không bao giờ có đường dây nếu Hội không sấn tay vào làm đến nơi đến chốn. Chỗ nước lạnh giội vào đây đủ để làm nhụt chí bất cứ hiệp hội nào. Nhưng gì thì gì Hội vẫn kiên quyết bám lấy ý tưởng đó. Cậu đã làm một điều tuyệt diệu cho Avonlea khi lập ra cái hội ấy, Anne ạ. Những buổi họp hành mới vui làm sao! Có bao giờ cậu quên được tòa thị chính xanh lè và âm mưu sơn quảng cáo thuốc tây lên hàng rào của Judson Parker không cơ chứ?”

“Tớ chả biết mình có toàn tâm toàn ý biết ơn Hội về vấn đề đường dây điện thoại không nữa,” Anne nói. “Ôi, tớ biết là rất tiện - còn tiện hơn phương pháp ra dấu bằng nến của bọn mình hồi xưa nữa! Và, như bà Rachel nói, ‘Avonlea phải theo kịp thời đại, thế đấy’. Nhưng chả hiểu sao tớ vẫn thấy như mình không muốn Avonlea bị làm hư bởi cái mà bác Harrison gọi là ‘những bất-tiện-ích hiện đại’, mỗi khi bác ấy muốn tỏ ra hóm hỉnh. Tớ muốn giữ nó mãi như những năm tháng cũ thân thương ấy. Thật là ngốc - và sến nữa - và bất khả. Thế nên giờ tớ sẽ ngay lập tức trở nên thông thái và thực tế và khả thi. Cái điện thoại, như bác Harrison thừa nhận, là ‘một thứ tốt đẹp tỏ chẳng’ - ngay cả khi cậu chắc chắn là có nửa tá người hiếu kỳ đang nghe lỏm trên đường dây.”

“Tệ nhất là chuyện đấy,” Diana thở dài. “Thật bực mình khi nghe tiếng đập ống nói mỗi khi mình gọi cho ai đó. Người ta bảo bà Harmon Andrews đã khăng khăng đòi đặt điện thoại trong bếp cốt sao cho bà ta vẫn vừa trông nom được buổi tối vừa có thể nghe lỏm được bất cứ lúc nào chuông reo. Hôm nay, lúc cậu gọi tớ, tớ nghe rõ ràng tiếng gõ của cái đồng hồ quái gỡ nhà Pye. Thế nên không nghi ngờ gì nữa, hoặc Josie hoặc Gertie đang nghe lỏm.”

“Ô, ra đây là lý do cậu nói, ‘Ở Chái Nhà Xanh mới sắm một cái đồng hồ mới đúng không?’ Tớ chả tưởng tượng nổi ý cậu là gì. Tớ nghe một tiếng cạch rõ là hẳn học ngay khi cậu nói xong. Tớ đoán đây là cái máy nghe nhà Pye bị đập xuống bằng một lực trời giáng. Ôi, kệ nhà Pye đi. Nhà bà Rachel nói, ‘Luôn là Pye và mãi mãi sẽ là Pye, dù trời long đất lở, amen.’ Tớ muốn nói tới những điều dễ chịu hơn. Chuyện nhà mới của tớ ở đâu đã quyết định cả rồi.”

“Ôi, Anne, ở đâu thế? Tớ thật sự hy vọng là nó ở gần đây.”

“Khôông, dở một cái là như thế. Gilbert sẽ định cư ở cảng Bốn Làn Gió - cách đây sáu mươi dặm.”

“Sáu mươi! Thế thì thà sáu trăm dặm cho xong,” Diana thở dài. “Giờ thì tớ chẳng bao giờ đi xa khỏi nhà đến quá Charlottetown.”

“Cậu sẽ phải đến Bốn Làn Gió. Đây là vũng neo tàu đẹp nhất trên đảo. Có một ngôi làng nhỏ tên là Glen St. Mary ở đầu bến cảng, và bác sĩ David Blythe đã làm việc ở đó được năm mươi năm. Ông là ông chú của Gilbert, cậu biết đấy. Ông sắp về hưu, và Gilbert sẽ tiếp quản công việc của ông. Nhưng mà bác sĩ Blythe sẽ giữ lại nhà của mình, thế nên bọn tớ sẽ phải tìm một chỗ ở riêng. Tớ còn chưa biết trên thực tế nó sẽ ra sao hay ở đâu, nhưng tớ có một ngôi nhà mơ ước nho nhỏ, trang bị đầy đủ đồ đạc trong trí tưởng tượng của mình - một lâu đài be bé xinh xinh ở Tây Ban Nha.”

“Các cậu sẽ đi nghỉ tuần trăng mật ở đâu?” Diana hỏi.

“Không đâu cả. Đừng tỏ vẻ hời hợt như thế, Diana thân mến. Cậu làm tớ nhớ tới bà Harmin Andrews đấy. Bà ấy, đương nhiên, sẽ nhận xét một cách kẻ cả là những ai không đủ tiền đi ‘chăng mật’ thì khôn nhất là đừng có đi; và rồi bà ấy sẽ nhắc cho mình nhớ là Jane hồi đó đã đi châu Âu. Tớ muốn trải qua tuần trăng mật *của tớ* ở Bốn Làn Gió trong căn nhà mơ ước thân yêu của riêng mình.”

“Và cậu cũng đã quyết định sẽ không cần phụ dâu?”

“Chẳng có ai để mà làm phụ dâu cả. Cậu, Phil, Priscilla và Jane đều đi trước tớ một bước trong vấn đề hôn nhân; còn Stella thì đang dạy học ở Vancouver. Tớ chẳng còn ‘tâm hồn đồng điệu’ nào khác và nếu thế thì tớ cũng chả muốn nhờ ai khác làm phụ dâu.”

“Nhưng cậu sẽ đeo mạng chứ, phải không?” Diana hỏi, vẻ hồi hộp.

“Có chứ, hẳn rồi. Tớ sẽ không cảm thấy mình là một cô dâu nếu không đeo mạng. Tớ nhớ có lần mình nói với bác Matthew, cái buổi tối bác ấy đưa tớ về Chái Nhà Xanh, rằng tớ chẳng bao giờ mong được làm cô dâu vì tớ xấu quá chẳng ai thèm cưới... trừ một nhà truyền đạo nước ngoài nào đó. Hồi đó tớ có ý nghĩ là mấy nhà truyền đạo nước ngoài chắc không thể kén cá chọn canh quá trong vấn đề hình thức nếu họ muốn một cô gái phải liêu mình sống giữa đám người man rợ. Cậu nên gặp mặt nhà truyền đạo nước ngoài

chồng Priscilla. Anh ấy đẹp trai và bí hiểm y hệt những chàng trai trong mơ mà chúng ta lên kế hoạch cưới về cho riêng mình hồi xưa ý, Diana ạ; anh ấy là người đàn ông ăn mặc đẹp nhất mà tớ từng gặp, và anh ấy mê tí thò lò ‘vẻ đẹp siêu thoát, vàng son’ của Priscilla. Nhưng dĩ nhiên ở Nhật Bản thì không có những kẻ ăn thịt người.”

“Dù sao thì, chiếc áo cưới của cậu đúng là một giấc mơ. Diana thở dài nồng nhiệt. “Cậu sẽ trông như một nữ hoàng tuyệt đẹp khi mặc nó... cậu mới cao và thanh mảnh làm sao. *Làm thế nào* mà cậu giữ được dáng mảnh dẻ như thế hở Anne? Tớ giờ béo hơn bao giờ hết... chẳng mấy chốc mà tớ sẽ chả còn tí eo nào cả.”

“Mập mạp hay gầy gò có vẻ là chuyện trời định rồi,” Anne nói. “Dẫu sao thì, bà Harmon Andrews cũng không thể nói với cậu cái điều bà ấy nói với tớ khi tớ từ Summerside trở về, ‘Này, Anne ạ, cháu đúng là vẫn gầy nhom như thuở nào.’ ‘Mảnh dẻ’ thì nghe khá lãng mạn, nhưng ‘gầy nhom’ lại có vị rất khác.”

“Bác Harmon cũng có bàn tán về hòm hoi môn của cậu. Bà ấy thừa nhận là nó cũng đẹp như của Jane, mặc dù bà ấy bảo Jane thì cưới một triệu phú còn cậu thì chỉ cưới ‘một bác sĩ trẻ nghèo chả có một xu lận lưng’.”

Anne cười lớn.

“Đám quần áo của tớ *đúng là* đẹp. Tớ thích những thứ đẹp đẽ. Tớ nhớ bộ váy đẹp đầu tiên tớ từng có... chiếc váy lụa nâu mà bác Matthew tặng tớ để diện ở buổi hòa nhạc của trường. Trước đó mọi thứ tớ mặc đều thậm xấu. Tớ như đã bước sang một thế giới khác từ cái đêm hôm đó.”

“Đấy là đêm Gilbert ngâm bài ‘Bingen trên sông Rhine’, và nhìn về phía cậu nói, ‘Có một người nữa, *không phải* người em gái.’ Còn cậu thì tức lồng lên vì cậu ấy để bông hoa hồng giấy của cậu trong túi áo ngực! Lúc đó chắc cậu chả hình dung nổi là sẽ có ngày cưới cậu ấy đâu nhỉ.”

“Ừ thì, đấy lại là một chuyện trời định khác,” Anne cười, khi cả hai cùng bước xuống thang gác xép.

2. Ngôi nhà mơ ước

Chưa bao giờ trong lịch sử của Chái Nhà Xanh, không khí lại phấn khích

đến thế. Ngay cả bà Marilla cũng hào hứng đến mức không thể không thể hiện ra ngoài... mà điều này thì quả là một hiện tượng.

“Chưa từng có một đám cưới nào trong căn nhà này,” bà nói với bà Rachel Lynde, vẻ hơi hối tiếc. “Hồi nhỏ tôi nghe một cha đạo già nói rằng một căn nhà không thể là một mái ấm thực thụ nếu nó chưa được thụ phong bởi một cuộc sinh nở, một đám cưới và một đám tang. Đã có những người qua đời nơi đây... cha mẹ tôi mất ở đây, cả anh Matthew nữa; và chúng tôi đã có một cuộc sinh nở ở đây. Lâu lắm rồi, ngay lúc chúng tôi vừa chuyển vào căn nhà này, một người làm thuê có gia đình đã lưu lại đây một thời gian, và vợ anh ta đã sinh một đứa bé ở đây. Nhưng chưa từng có một đám cưới nào. Thật lạ lùng khi nghĩ đến việc Anne lấy chồng. Theo một cách nào đó, với tôi nó dường như vẫn là con bé anh Matthew mang về nhà mười bốn năm về trước. Tôi không tài nào nhận ra nổi là nó đã trưởng thành. Tôi sẽ không bao giờ quên mình đã cảm thấy thế nào khi Matthew mang vào nhà *một đứa con gái*. Tôi tự hỏi đứa con trai chúng tôi đáng lẽ đã nhận được sẽ ra sao nếu không có sự nhầm lẫn đó. Tôi tự hỏi số phận *của nó* thế nào rồi.”

“Ừ, đây là một sự nhầm lẫn may mắn,” bà Rachel Lynde nói, “mặc dù, nhắc cho chị nhớ, đã có lúc tôi không nghĩ thế đâu... cái buổi tối tôi đếm xem mặt Anne và con bé đã đẩy chúng ta một màn kịch ra trò. Nhiều thứ đã thay đổi từ đó đến giờ, thế đấy.”

Bà Rachel thở dài, rồi lại hoạt bát lên gay. Cứ hễ sắp có đám cưới là bà Rachel sẵn sàng vui chôn quá khứ.

“Tôi sẽ cho con bé Anne hai tấm trải trang trí giường bằng vải sợi bông đan dọc của tôi,” bà nói tiếp. “Một có họa tiết sọc nâu đen và một hình lá táo. Nó bảo giờ chúng lại đang mốt. Hừm, mốt hay không mốt, tôi không tin có thứ gì xinh hơn một tấm trải hình lá táo đẹp cho một phòng ngủ trống, thế đấy. Tôi phải sửa soạn đem chúng ra tẩy mới được. Từ hồi Thomas mất tôi đã khâu chúng vào trong mấy cái túi đựng vải sợi bông, đảm bảo là màu sắc trông tẻ lắm. Nhưng còn tới một tháng nữa, và phoi sương sẽ cho tác dụng diệu kỳ.”

Chỉ còn một tháng! Bà Marilla thở dài rồi tự hào nói:

“Tôi sẽ cho Anne nửa tá thảm bện tôi để trên gác xép. Tôi chả bao giờ nghĩ là con bé sẽ muốn lấy chúng... chúng lỗi mốt quá rồi, và dạo này có vẻ như chẳng ai thích gì khác ngoài mấy cái thảm đan. Nhưng nó hỏi xin tôi...”

bảo là nó muốn có mấy cái thảm ấy để trải sàn nhà của nó hơn bất cứ thứ gì khác. Chúng cũng *đẹp* mà. Tôi dùng những mẫu vải đẹp nhất mà bện thành sọc. Rất được việc trong mấy mùa đông vừa qua. Và tôi sẽ làm đủ mút mận tía cho nó trữ cả năm trong tủ mút. Kể cũng lạ lùng. Mấy cây mận tía đó ba năm rồi chưa nở hoa, tôi cứ tưởng chắc phải chặt đi rồi. Thế mà mùa xuân vừa rồi chúng nở hoa trắng xóa, và chưa bao giờ tôi nhớ ở Chái Nhà Xanh lại có một đợt mận sai quả đến thế.”

“Ôi, cảm ơn Chúa là cuối cùng Anne và Gilbert cũng sắp cưới nhau. Lúc nào tôi cũng cầu nguyện cho điều này xảy ra,” bà Rachel nói, bằng giọng điệu của một người tin tưởng một cách thoải mái là những lời cầu nguyện của mình kiểu gì cũng ứng nghiệm. “Thật nhẹ nhõm khi biết tin nó không định cưới cái cậu người Kingsport kia. Cậu ta giàu, dĩ nhiên, còn Gilbert thì nghèo... ít nhất bây giờ thì thế; nhưng mà Gilbert là con trai đảo.”

“Nó là Gilbert Blythe,” bà Marilla nói vẻ hài lòng. Bà Marilla thà chết còn hơn nói thành lời ý nghĩ lúc nào cũng ở tận sâu trong tâm khảm bà khi bà ngắm nhìn Gilbert từ lúc cậu còn bé đến nay... rằng nếu không phải vì lòng kiêu hãnh ngang ngạnh của mình từ lâu, rất lâu rồi, thì cậu đáng lẽ đã là con trai *bà*. Bà Marilla cảm thấy rằng, theo một cách kỳ lạ nào đó, cuộc hôn nhân của cậu với Anne sẽ sửa chữa sai lầm cũ đó. Tốt đẹp đã đến từ sự xấu xí của niềm cay đắng cũ xưa.

Về phần mình, Anne hạnh phúc đến nỗi cô gần như sợ hãi. Sự mê tín trong cô mách bảo rằng các vị thần không thích chứng kiến những phạm nhân quá ư hạnh phúc. Ít nhất có một điều chắc chắn... một vài *người* không thích điều đó. Hai trong số đó “giáng” xuống gặp Anne một buổi hoàng hôn màu tím nọ và xúc tiến làm những gì có thể để chọc vào quả bong bóng cầu vồng mãn nguyện của cô. Nếu cô tưởng kiếm được anh bác sĩ trẻ Blythe đã là một phần thưởng gì ghê gớm lắm, hoặc nếu cô mơ mộng cho rằng anh vẫn còn say đắm cô như cái thuở ngờ nghếch ngày xưa, thì hiển nhiên nhiệm vụ của họ là đặt vấn đề trước mặt cô dưới một ánh sáng mới. Thế nhưng hai người phụ nữ xứng đáng này không phải là kẻ thù của Anne; ngược lại, thực ra họ khá mến cô, và nếu có ai khác công kích cô thì họ sẽ đứng ra bảo vệ cô như con cái của chính mình vậy. Bản chất của con người không phải lúc nào cũng nhất quán.

Bà Inglis - tức Jane Andrews, theo tờ *Daily Enterprise* - đến cùng mẹ và bà Jasper Bell. Nhưng ở Jane, dòng sữa tình cảm con người đã không bị

đóng cặn theo những năm tháng vật vãnh của hôn nhân. Cuộc sống của cô đã đi vào những nề nếp dễ chịu. *Mặc dù* cô cưới một triệu phú - như bà Rachel Lynde hay nói - cô đã có một cuộc hôn nhân hạnh phúc. Sự giàu sang đã không làm hỏng cô. Cô vẫn là cô Jane má hồng điềm đậm, dễ mến của bộ tứ ngày nào, sẽ chia với hạnh phúc của người bạn cũ và cũng hứng thú nhiệt thành với những chi tiết nhỏ xinh trong bộ đồ hồi môn của Anne như thể chúng có thể tranh đua với những món lụa là trang sức sang trọng của chính cô vậy. Jane không phải là người sáng láng, và có lẽ trong đời mình cô chưa bao giờ đưa ra được một nhận xét gì đáng để lắng tai nghe; nhưng cô cũng chưa bao giờ nói điều gì làm tổn thương đến ai... có thể đấy là một khả năng hơi tiêu cực nhưng vẫn là một khả năng hiếm có và đáng ghen tị.

“Vậy là Gilbert cũng không quay lưng lại với cháu nhỉ,” bà Harmon Andrews nói, cố truyền đạt một chút ngạc nhiên trong giọng nói. “Ừ, nhà Blythe thường đã nói lời thì sẽ giữ lấy lời, dù có chuyện gì xảy ra đi nữa. Để ta xem nào... cháu hai mươi lăm rồi Anne nhỉ? Thời của ta, hai lăm tuổi là bước ngoặt đầu tiên đấy. Nhưng trông cháu cũng khá trẻ. Mấy người tóc đỏ lúc nào trông cũng trẻ hơn tuổi.”

“Tóc đỏ giờ đang một,” Anne nói, cố gắng mỉm cười nhưng giọng vẫn khá lạnh lùng. Cuộc đời đã nuôi lớn trong cô một khiếu hài hước giúp cô vượt nhiều khó khăn; nhưng vẫn chưa điều gì che chắn được cho cô khỏi những ám chỉ liên quan đến mái tóc của mình.

“Đúng thế... đúng thế,” bà Harmon nhượng bộ. “Chả ai nói trước được những thứ đồng bóng quái dị mà thời trang đi theo. Anne à, mấy món đồ của cháu đẹp đấy, và rất hợp với địa vị hiện tại của cháu trong cuộc sống, đúng không Jane nhỉ? Ta hy vọng cháu sẽ rất hạnh phúc. Ta chúc cho cháu những gì tốt nhất, chắc chắn rồi. Một hôn ước kéo dài thường không mấy khi kết thúc tốt đẹp. Nhưng dĩ nhiên, trong trường hợp của cháu thì đấy là chuyện chẳng đáng dừng.”

“Gilbert trông quá trẻ để làm bác sĩ. Ta sợ là mọi người sẽ không tin tưởng cậu ấy lắm,” bà Jasper Bell nói về u ám. Rồi bà ngậm chặt miệng lại, như thể bà đã nói xong cái điều bà cho là nghĩa vụ phải nói và giờ thì lương tâm bà sạch sẽ. Bà thuộc loại luôn thủ sẵn một sợi lông đen dai nhách trong mũ và một vài lọn tóc rối trên cổ.

Niềm vui bề mặt của Anne với những món đồ cưới xinh đẹp của mình tạm thời bị phủ bóng; nhưng những tầng sâu hạnh phúc bên dưới không vì

thế mà xáo trộn; và những vết châm chích nhỏ nhất của hai quý bà Bell và Andrews đã được lãng quên sau đó khi Gilbert đến, và họ tha thân tản bộ tới hàng bu lô bên suối, mới hôm nào khi Anne đến Chái Nhà Xanh còn là những cây non, giờ đã là những hàng cột cao lớn màu ngà trong lâu đài thần tiên của ráng chiều và những vì sao. Anne và Gilbert thì thăm kiêu-những-người-yêu-nhau về ngôi nhà mới và cuộc đời mới của họ dưới bóng những hàng bu lô ấy.

“Anh đã tìm được một tổ ấm mới cho chúng ta, Anne ạ.”

“Ôi, ở đâu? Em hi vọng không phải ở ngay trong làng chứ ạ. Em sẽ chẳng thích thế đâu.”

“Không. Chẳng có ngôi nhà cho thuê nào trong làng cả. Đây là một căn nhà nhỏ màu trắng bên bờ cảng, nằm giữa làng Glen St. Mary và mũi đất Bốn Làn Gió. Hơi biệt lập một tí, nhưng khi nào có điện thoại thì điều đó sẽ không quá quan trọng nữa. Vị trí rất đẹp. Nó nhìn về phía hoàng hôn và có một vịnh cảng xanh tuyệt diệu trước mặt. Những đụn cát cũng không cách quá xa... gió biển thổi qua chúng và sóng biển nhúng ướt chúng.”

“Nhưng còn căn nhà thì sao, Gilbert... mái ấm đầu tiên *của chúng ta*? Trông nó như thế nào?”

“Không quá to, nhưng đủ rộng cho hai ta. Một phòng khách tuyệt vời có lò sưởi ở tầng dưới, rồi một phòng ăn nhìn ra vịnh cảng, và một căn phòng nhỏ vừa làm văn phòng cho anh. Căn nhà được khoảng sáu mươi tuổi rồi - căn nhà cao tuổi nhất ở Bốn Làn Gió. Nhưng nó được giữ gìn tu sửa khá tốt, và đã được trùng tu toàn bộ khoảng mười lăm năm trước - lợp mái, trát vữa và làm lại sàn. Căn bản nó cũng là một căn nhà được xây kiên cố. Theo anh hiểu thì đã từng có một câu chuyện lãng mạn nào đó gắn với nó, nhưng người anh hỏi thuê lại không biết. Ông ta nói thuyền trưởng Jim là người duy nhất kể được câu chuyện cũ đó.”

“Thuyền trưởng Jim là ai?”

“Người gác đèn trong ngọn hải đăng của mũi Bốn Làn Gió. Em sẽ yêu ngọn đèn đó cho mà xem, Anne ạ. Đó là một ngọn đèn xoay, nó lóe sáng như một ngôi sao rục rĩ trong buổi chiều tà. Ta có thể nhìn thấy nó từ các cửa sổ phòng khách và cửa chính nhà ta.”

“Ai sở hữu căn nhà vậy?”

“À, giờ thì nó là tài sản của Giáo hội Trưởng lão Glen St. Mary, và anh thuê nó từ ban ủy thác. Nhưng mãi đến gần đây nó vẫn thuộc về một quý bà rất già, bà Elizabeth Russell. Bà mất mùa xuân vừa rồi, và vì bà không có họ hàng gần nào cả nên bà để lại tài sản cho nhà thờ Glen St. Mary. Đồ đạc của bà vẫn còn ở trong nhà, và anh đã mua lại gần hết - giá rẻ như cho không em ạ, vì chúng lỗi mốt đến nỗi ban ủy thác đã hết hy vọng bán được chúng. Dân ở Glen St. Mary thích nệm bọc gấm và tủ búp phê kính với đồ trang trí hơn, anh đoán thế. Nhưng đồ gỗ của bà Russell rất tốt và anh tin chắc là em sẽ thích, Anne ạ.”

“Từ đầu đến giờ thì ổn,” Anne nói, gật đầu tán thành một cách thận trọng. “Nhưng mà, Gilbert ạ, người ta không thể sống chỉ bằng đồ gỗ mà thôi. Anh còn chưa nhắc đến một thứ hết sức quan trọng. Có *cây cối* quanh căn nhà này không?”

“Vô khối, ôi, cả một nữ thần rừng! Có một rừng linh sam lớn sau nhà, hai hàng dương Lombardy dọc lối đi, và một hàng bu lô trắng bao quanh một khu vườn vô cùng tuyệt diệu. Cửa chính nhà chúng ta mở ngay ra vườn, nhưng còn một lối vào nữa - một vòm cổng nhỏ treo ngay giữa hai cây linh sam. Bản lề ở thân cây bên này và then cửa ở bên kia. Các cành cây tạo thành một mái vòm ở trên đầu.”

“Ôi, em sung sướng quá! Em không thể sống được ở nơi nào không có cây... một phần thiết yếu trong em sẽ chết mòn đi mất. Ừm, sau hết, chắc em không cần hỏi anh liệu có một con suối nào gần đó nữa đâu nhỉ. Như thế thì quả là hy vọng quá nhiều.”

“Nhưng *có* một con suối mà... mà nó còn cắt ngang một góc khu vườn nữa kia.”

“Thế thì,” Anne nói, với một tiếng thở dài mãn nguyện cực kỳ, “ngôi nhà anh tìm thấy này, không đâu khác, *chính là* ngôi nhà mơ ước của em.”

3. Giữa Vùng Đất Ước Mơ

“Cháu đã quyết định mời những ai đến dự đám cưới chưa Anne?” bà Rachel Lynde hỏi, trong khi vẫn cần mẫn khâu giũa mấy cái khăn ăn. “Cũng

đến lúc gửi thiệp mời rồi đấy, dù chỉ là mời thân mật.”

“Cháu cũng không định mời nhiều lắm đâu ạ,” Anne nói. “Chúng cháu chỉ muốn có những người yêu thương nhất chứng kiến chúng cháu làm đám cưới thôi. Người nhà Gilbert này, gia đình mục sư Allan, nhà bác Harrison này.”

“Đã có lúc cháu chắc không liệt ông Harrison vào chỗ bạn bè thân thiết đâu,” bà Marrilla nói khô khan.

“Vâng, cháu không thích bác ấy *cho lắm* ở lần gặp đầu tiên,” Anne thừa nhận, cười thành tiếng khi nhớ lại. “Nhưng bác Harrison đã ngày càng trở thành thân tình, còn bác gái thì thật sự quá đáng yêu. Rồi, dĩ nhiên, có cô Lavendar và Paul nữa.”

“Họ đã quyết định đến đảo mùa hè này à? Ta tưởng họ định đi châu Âu.”

“Họ thay đổi ý định khi cháu viết thư báo là cháu sắp cưới. Hôm nay cháu vừa nhận được một lá thư từ Paul. Cậu ấy bảo cậu ấy *phải* dự đám cưới của cháu, chuyện gì xảy đến với châu Âu cũng mặc.”

“Thằng bé ấy lúc nào cũng thần tượng cháu,” bà Rachel nhận xét.

“ ‘Thằng bé ấy’ giờ đã là một thanh niên mười chín tuổi rồi, bác Lynde ạ.”

“Đúng là thời gian thấm thoát thoi đưa!” là câu trả lời sáng láng và độc đáo của bà Lynde.

“Charlotta Đệ Tứ có thể cũng đến. Con bé nhún qua Paul là sẽ đến nếu chồng nó cho phép. Cháu tự hỏi không biết nó có còn đeo mấy cái nơ xanh to đùng ấy không, không biết chồng nó gọi nó là Charlotta hay Leonora. Có Charlotta ở đám cưới thì tốt biết mấy. Charlotta và cháu đã từng có mặt tại một đám cưới, hồi lâu rồi. Theo dự kiến thì tuần tới mọi người đã ở Nhà Vọng rồi. Rồi còn có Phil và mục sư Jo...”

“Thật là kinh khủng khi nghe nói cháu về một mục sư như vậy, Anne ạ.” Bà Rachel nghiêm khắc nói.

“Vợ anh ấy gọi anh ấy thế mà.”

“Thế thì cô vợ ấy nên kính trọng danh vị thiêng liêng của chồng mình hơn,” bà Rachel vặn lại.

“Cháu đã từng nghe bác chỉ trích sát sạt các mục sư còn gì,” Anne trêu.

“Đúng, nhưng ta làm thế một cách cung kính,” bà Lynde phản đối. “Cháu đã bao giờ nghe ta *đặt biệt danh* cho một mục sư chưa?”

Anne nặn ra một nụ cười.

“Ừm, có Diana và Fred và Fred bé và Anne Cordelia bé nhỏ... và Jane Andrews. Cháu ước sao có cả cô Stacey và dì Jamesina và Priscilla và Stella nữa. Nhưng Stella thì ở Vancouver, Pris ở Nhật, và cô Stacey thì lập gia đình ở California, còn dì Jamesina thì đã đi Ấn Độ để khám phá khu truyền đạo của con cái dì ấy, mặc dù vẫn rất sợ rắn. Thật là dễ sợ... giờ mọi người cứ rải rác khắp địa cầu ấy.”

“Chúa không bao giờ muốn vậy đâu, thế đấy,” bà Rachel nói giọng uy quyền. “Hồi ta còn trẻ, mọi người lớn lên và dựng vợ gả chồng rồi định cư ngay nơi họ sinh ra, hoặc khá gần đó. Ông trời là cháu vẫn gắn với đảo, Anne ạ. Ta cứ sợ là Gilbert sẽ đòi lao về nơi xó xỉnh địa cầu nào đó khi xong đại học, và lôi cháu theo cùng.”

“Nếu mọi người đều ở lại nơi mình sinh ra thì sẽ sớm đầy chật mọi chỗ mất, bác Lynde ạ.”

“Ôi, ta không tranh luận với cháu đâu Anne. *Ta* có phải là cử nhân đâu. Hôn lễ sẽ cử hành vào lúc nào?”

“Bọn cháu đã quyết định là vào buổi trưa - chính Ngọ, như cánh phóng viên xã hội sẽ nói. Như vậy chúng cháu sẽ có thời gian bắt chuyến tàu tối đến Glen St. Mary.”

“Và cháu sẽ kết hôn trong phòng khách chứ?”

“Không ạ, chỉ trừ phi trời mưa thôi. Chúng cháu muốn tổ chức trong vườn... với trời xanh trên đầu và nắng vàng xung quanh. Nếu được, bác có biết cháu muốn được làm đám cưới ở đâu và lúc nào không? Sẽ là vào lúc bình minh... một buổi bình minh tháng Sáu, với cảnh mặt trời mọc huy hoàng, và hoa hồng bừng nở trong vườn; rồi cháu sẽ lên xuống gặp Gilbert

và chúng cháu sẽ cùng nhau đi đến giữa rừng sỏi... và ở đó, dưới những vòm xanh như một giáo đường lộng lẫy, chúng cháu sẽ cưới nhau.”

Bà Marilla khịt mũi vẻ khinh bỉ còn bà Lynde thì có vẻ sốc.

“Anne! Như thế thì thật là kỳ cục quá. Chao ôi, lại chẳng có vẻ *hợp pháp* nữa cơ. Bà Harmon Andrews sẽ nói sao?”

“À, cái khó là ở chỗ đó,” Anne thở dài. “Có quá nhiều thứ trong đời ta không thể làm được vì sợ bà Harmon Andrews ‘sẽ nói sao’. ‘Cái đó đúng, cái đó thật đáng tiếc, và tiếc quá, đúng là vậy đó.’ Ta sẽ làm được bao nhiêu là việc hay ho nếu không phải vì bà Harmon Andrews!”

“Anne à, nhiều lúc ta không dám chắc là ta hoàn toàn hiểu được cháu đâu,” bà Lynde phàn nàn.

“Anne nó lúc nào cũng lảng mạn, chị biết đấy,” bà Marilla nói về biện minh.

“Ừm, đời sống hôn nhân chắc chắn sẽ chữa cho nó khỏi cái bệnh đó,” bà Rachel trả lời vẻ an ủi.

Anne cười rồi lên ra đường Tình Nhân, Gilbert tìm thấy cô ở đó; và không ai trong hai người có vẻ dung dưỡng sự sợ hãi, hay niềm hy vọng, rằng cuộc sống hôn nhân sẽ chữa họ khỏi bệnh lảng mạn.

Người Nhà Vọng đến vào tuần sau đó, và Chái Nhà Xanh rộn ràng vui cùng họ. Cô Lavendar thay đổi ít đến nỗi ba năm kể từ chuyến thăm đảo trước của cô cứ như mới hôm qua; nhưng Anne há hốc mồm kinh ngạc trước Paul. Có thể nào chàng trai cáo mét tám sáng rỡ ràng này lại là cậu Paul bé bỏng của những ngày đến trường ở Avonlea?

“Em làm cô thấy mình già thực sự đấy, Paul ạ,” Anne nói. “Xem này, cô phải ngược nhìn em đây này!”

“Cô sẽ không bao giờ già đi, cô giáo ạ,” Paul nói. “Cô là một trong những người trần may mắn đã tìm thấy và uống nước từ Suối nguồn Tuổi trẻ - cô và mẹ Lavendar. Đây nhé! Khi cô cưới em sẽ *không* gọi cô là bà Blythe đâu. Với em cô sẽ luôn luôn là ‘cô giáo’ - cô giáo của những bài học tốt đẹp nhất mà em từng được học. Em muốn cho cô xem cái này.”

“Cái này” ấy là một quyển sổ tay chép đầy thơ. Paul đã đem những tưởng tượng đẹp đẽ của mình chuyển thành những vần thơ, và các nhà biên tập tạp chí không đến nỗi kém khiêu thưởng thức như thi thoảng họ vẫn thế. Anne đọc những bài thơ của Paul với niềm vui thích thật sự. Chúng đầy quyến rũ và hứa hẹn.

“Paul, em rồi sẽ nổi tiếng. Có lúc nào cũng mơ có được một học trò nổi tiếng. Người đó đáng lẽ phải là hiệu trưởng một trường đại học... nhưng một nhà thơ lớn thì còn tốt hơn. Một ngày nào đó cô sẽ có thể huênh hoang là cô đã đánh đòn Paul Irving danh tiếng. Nhưng mà cô chưa bao giờ đánh đòn em, đúng không Paul nhỉ? Một cơ hội bị bỏ lỡ! Nhưng cô nghĩ mình đã từng bắt em ở lại lớp trong giờ nghỉ.”

“Cô có thể cũng sẽ nổi tiếng mà, cô giáo. Ba năm trở lại đây em đã được xem khá nhiều tác phẩm của cô.”

“Không. Cô biết cô làm được gì chứ. Cô có thể viết những phác thảo nhỏ xinh giàu tưởng tượng mà bọn trẻ con thích và các nhà biên tập gửi cho những tấm séc gọi mời. Nhưng cô không làm được gì lớn cả. Cơ hội duy nhất trên cõi đời này để cô thành bất tử là một góc trong hồi ký của em.”

Charlotta Đệ Tứ đã từ bỏ mấy chiếc nơ xanh nhưng những nốt tàn nhang của cô thì vẫn không ít hơn là mấy.

“Em không bao giờ nghĩ là mình sẽ xuống thấp đến mức cưới một gã Yankee, cô Shirley ạ,” cô nói. “Nhưng mà chẳng làm sao biết được phía trước có gì, mà đây cũng không phải lỗi của anh ấy. Anh ấy sinh ra đã thế rồi.”

“Em cũng là một người Yankee rồi đấy, Charlotta, vì em đã cưới một người Yankee.”

“Cô Shirley, em *không phải!* Và em sẽ không bao giờ là thế ngay cả nếu em cưới một tá Yankee! Tom khá dễ thương. Với cả, em nghĩ em không nên khó chiều quá, vì em có thể không có cô hội thứ hai. Tom không rượu chè và không cầu nhàu vì anh ấy còn phải làm việc kiếm ăn, và nói gì thì nói em cũng hài lòng, cô Shirley ạ.”

“Anh ấy có gọi em là Leonora không?” Anne hỏi.

“Lạy Chúa, không, cô Shirley ạ. Nếu mà thế thì em sẽ chẳng biết anh ấy gọi ai. Dĩ nhiên, khi làm đám cưới anh ấy phải nói, ‘Anh lấy em, Leonora,’ và em phải nói với cô, thưa cô Shirley, em có cảm giác kinh khủng nhất từ bấy đến giờ là anh ấy đã không nói với em và em chưa hề được hỏi cưới đúng cách. Thế là cô cũng sắp cưới, cô Shirley nhỉ? Em luôn nghĩ mình sẽ khoái lấy được một bác sĩ. Sẽ thật tiện nếu con cái bị lên sởi hay bạch cầu. Tom chỉ là thợ gạch thôi, nhưng anh ấy thuần tính lắm. Khi em nói với anh ấy, em bảo là, ‘Tom, em đến dự đám cưới cô Shirley được không? Em định cứ đi đấy, nhưng em muốn có sự đồng ý của anh,’ anh ấy chỉ bảo, ‘Em mà thích thì anh cũng thích, Charlotta ạ.’ Có được người chồng như thế cũng thật dễ chịu, cô Shirley ơi.”

Philippa và mục sư Jo của cô đến Chái Nhà Xanh một ngày trước tiệc cưới. Anne và Phil có một cuộc hội ngộ cuồng nhiệt mà giờ đã dịu xuống thành một cuộc trò chuyện ấm cúng, kín đáo về tất cả những gì đã qua và những gì sắp đến.

“Nữ hoàng Anne, cậu vẫn chúa như xưa. Tớ thì gầy đi kinh khủng từ hồi có lũ trẻ. Tớ chẳng xinh bằng một nửa hồi trước; nhưng tớ nghĩ Jo thích thế. Cậu thấy đấy, không còn một sự tương phản quá lớn giữa chúng tớ. Và nữa, thật hết sức tuyệt vời là cậu sắp cưới Gilbert. Roy Gardner sẽ không ỏn chụt nào. Giờ thì tớ rõ rồi, mặc dù hồi đó tớ thất vọng kinh khủng. Cậu biết đấy, Anne, đúng là cậu đã đối xử với Roy hết sức tệ.”

“Anh ấy đã hồi phục, theo tớ biết,” Anne mỉm cười.

“Ừ đúng. Anh ta có vợ rồi và vợ anh ta là một phụ nữ bé nhỏ ngọt ngào và họ hoàn toàn hạnh phúc. Mọi thứ đều tốt đẹp. Jo và Kinh Thánh nói thế, và họ là những nguồn tin khá có uy tín.”

“Alec và Alonzo đã lập gia đình chưa?”

“Alec rồi, Alonzo thì chưa. Những ngày xưa tươi đẹp ở Nhà Patty cứ ùa hết về khi tớ nói chuyện với cậu, Anne ạ! Chúng ta đã có bao nhiêu là niềm vui!”

“Gần đây cậu có đến Nhà Patty không?”

“Ồ có, tớ đến thường xuyên. Cô Patty và cô Maria vẫn ngồi bên lò sưởi đan lát. À nhắc mới nhớ... bọn tớ mang cho cậu một món quà cưới từ họ đây

Anne. Đồ cậu đoán là gì.”

“Tớ chả đoán được đâu. Làm sao họ biết tớ sắp cưới?”

“Ồ, tớ kể chứ. Tớ vừa đến đó tuần trước. Và họ rất quan tâm. Hai ngày trước cô Patty viết cho tớ một bức thư ngắn bảo tớ ghé qua; và rồi cô ấy nhờ tớ mang quà đến cho cậu. Cậu mong ước điều gì nhất từ Nhà Patty hở Anne?”

“Đừng nói là cô Patty gửi cho tớ hai con chó sứ đấy nhé!”

“Chính thế. Chúng đang nằm trong hòm của tớ ngay lúc này đây. Và tớ có một lá thư dành cho cậu. Đợi tí, tớ đi lấy.”

“Cô Shirley thân mến,” cô Patty viết, “Maria và tôi rất vui khi được tin về hôn lễ sắp tới của cô. Chúng tôi gửi cho cô những lời chúc tốt đẹp nhất. Maria và tôi chưa bao giờ lập gia đình, nhưng chúng tôi không hề phản đối những người khác làm thế. Chúng tôi gửi cho cô hai con chó sứ. Tôi đã định để lại chúng cho cô trong di chúc, vì cô có vẻ thật sự yêu mến chúng. Nhưng Maria và tôi định sẽ còn sống dài dài (trộm vía), thế nên tôi đã quyết định cho cô hai con chó khi cô còn trẻ. Chắc cô chưa quên là Gog quay về bên phải và Magog là về bên trái.”

“Cứ tưởng tượng hai con chó già đáng yêu kia ngồi cạnh lò sưởi trong căn nhà mơ ước của tớ xem,” Anne cuồng nhiệt nói. “Tớ chưa bao giờ dám mong thứ gì thú vị đến thế.”

Tối đó Chái Nhà Xanh rộn ràng chuẩn bị cho ngày hôm sau; nhưng trong ánh chiều tà Anne lại lẩn đi. Cô cần phải làm một cuộc hành hương nho nhỏ trong ngày cuối cùng của thời con gái và cô phải đi một mình. Cô đến mộ ông Matthew, trong nghĩa trang nhỏ rợp bóng dương của Avonlea, nơi lưu giữ những hẹn hò câm lặng của ký ức cũ và những tình yêu bất tử.

“Bác Matthew sẽ vui mừng biết mấy nếu mai bác ấy có ở đây,” cô thì thầm. “Nhưng mình tin là bác ấy biết và mừng vì điều đó... ở một nơi khác. Mình đã đọc đâu đó rằng ‘những người thân yêu đã khuất của ta sẽ không bao giờ chết trừ phi ta lãng quên họ’. Bác Matthew sẽ không bao giờ mất với mình, vì mình không bao giờ có thể quên bác ấy.”

Cô đặt trên mộ ông những bông hoa cô mang theo và thong dong bước

xuống con dốc dài. Đây là một buổi chiều duyên dáng, đầy ánh sáng và những bóng râm nhảy múa. Ở đằng Tây, một bầu trời đầy mây lửng lơ - đỏ tía và ánh màu hồ phách, chen lẫn những dải dài bầu trời màu xanh táo. Xa hơn nữa là ánh huy hoàng rạng rỡ của mặt biển hoàng hôn, và giọng nói không dứt của ngàn con sóng chồm lên bờ biển vàng nâu. Khắp quanh cô, nằm trong thình lạng đồng quê êm ái, đẹp tươi là những ngọn đồi, là đồng cỏ và rừng cây mà cô đã quen biết và yêu dấu từ lâu.

“Lịch sử lặp lại,” Gilbert nói, sánh bước cùng cô khi cô bước qua cổng nhà Blythe. “Em có nhớ chuyến tản bộ đầu tiên của chúng ta xuống ngọn đồi này không Anne - cũng là chuyến tản bộ đầu tiên của chúng ta với nhau?”

“Em đang trên đường về nhà từ mộ bác Matthew trong ánh chạng vạng... và anh bước ra khỏi cửa; và em nuốt đi niềm kiêu hãnh của nhiều năm trời và nói chuyện với anh.”

“Và thiên đường mở toang trước mắt anh,” Gilbert nói thêm. “Từ giây phút đó anh đã luôn chờ đợi một ngày mai. Khi anh để em lại cổng nhà em tối hôm đó và bước về nhà, anh đã nghĩ mình là cậu con trai hạnh phúc nhất thế giới. Anne đã tha thứ cho mình.”

“Em nghĩ em mới là người cần tha thứ. Em đúng là một con bé ngốc nghếch vô ơn... và sau khi anh đã thực sự cứu mạng em hôm đó trên hồ nữa. Ban đầu em mới căm ghét cái gánh nặng ơn nghĩa đó làm sao! Em không xứng đáng với hạnh phúc đã đến với em.”

Gilbert cười lớn và nắm chặt hơn bàn tay người con gái đang đeo chiếc nhẫn của anh. Nhẫn đính hôn của Anne là một vòng nhỏ đính ngọc trai. Cô đã từ chối đeo kim cương.

“Em chưa bao giờ thực sự thích kim cương từ khi em phát hiện ra chúng không mang màu tím đáng yêu mà em vẫn mơ tưởng. Chúng sẽ luôn gọi cho em nhớ về niềm thất vọng cũ đó.”

“Nhưng ngôn ngữ nói ngọc trai là nước mắt,” Gilbert đã phản đối như vậy.

“Em cũng không sợ điều đó. Và nước mắt cũng có thể là hạnh phúc lẫn khổ đau. Những giây phút hạnh phúc nhất của em là những giây phút em trào nước mắt... khi bác Marilla nói em có thể ở lại Chái Nhà Xanh... khi

bác Matthew tặng em bộ váy đẹp đầu tiên em từng có... khi em biết tin anh sẽ hồi phục sau trận sốt. Thế nên hãy cho em ngọc trai trên nhẫn đính hôn của chúng ta, Gilbert ạ, và em sẽ sẵn sàng đón nhận những nỗi buồn của cuộc đời cũng như niềm vui của nó.”

Nhưng đêm nay đôi tình nhân của chúng ta chỉ nghĩ đến niềm vui mà không hề có nỗi buồn. Vì ngày mai là ngày cưới của họ, và ngôi nhà mơ ước đón chờ họ trên bờ biển tím mờ sương của vịnh cảng Bốn Làn Gió.

4. Cô dâu đầu tiên của Chái Nhà Xanh

Sáng ngày cử hành hôn lễ Anne thức dậy, thấy mặt trời hấp háy nhòm vào cửa sổ mái hiên nhỏ dưới chái nhà và một ngọn gió thảng Chín đang đùa giỡn mấy tấm rèm phòng cô.

“Thật vui vì mặt trời sẽ tỏa sáng lên mình,” cô hạnh phúc nghĩ.

Cô nhớ lại buổi sáng đầu tiên tỉnh dậy trong căn phòng nhỏ ở chái Đông, khi ấy mặt trời cũng bò vào phòng tỏa sáng lên người cô qua tán cây rục rờ hoa của cây táo già Nữ Hoàng Tuyết. Đây không phải là một lần thức dậy hạnh phúc, vì nó đem theo sự thất vọng cay đắng của đêm hôm trước. Nhưng từ đó đến nay căn phòng đã trở nên xiết bao thân thương, những năm tháng hạnh phúc với mơ ước tuổi thơ và khát khao thiếu nữ đã khiến nó hóa thiêng liêng. Nơi đó cô đã vui sướng trở về sau bao lần vắng mặt; nơi khung cửa sổ này cô đã quỳ xuống trong cái đêm đau khổ đắng chát khi cô tưởng Gilbert sắp chết, và cạnh nó cô đã ngồi trong niềm hạnh phúc không lời của đêm đính ước. Nhiều đêm trắng hạnh phúc và một vài đêm buồn đau đã được lưu giữ ở đây; và ngày hôm nay cô phải rời nó mãi mãi. Từ giờ về sau nó sẽ không còn là của cô nữa; Dora mười lăm tuổi sẽ thừa hưởng căn phòng một khi cô ra đi. Anne cũng không mong gì hơn, căn phòng nhỏ là thiêng liêng với tuổi trẻ và thời con gái... với quá khứ sẽ đóng cửa ngày hôm nay trước khi mở ra chương thiếu phụ.

Chái Nhà Xanh sáng hôm đó là một căn nhà bận rộn tràn ngập niềm vui. Diana đến sớm để giúp một tay, mang theo nhóc Fred và bé Anne Cordelia. Davy và Dora, đôi song sinh của Chái Nhà Xanh, lùa hai đứa nhỏ ra vườn.

“Đừng để bé Anne Cordelia làm hồng quần áo đấy nhé,” Diana dặn dò vẻ lo lắng.

“Cháu không phải sợ khi giao con cho Dora đâu,” bà Marilla nói. “Con bé ấy hiểu biết và cẩn thận hơn hầu hết các bà mẹ mà ta biết. Trong nhiều khía cạnh con bé thật sự là một điều kỳ diệu. Không như cái thằng liều lĩnh vô trách nhiệm ta nuôi kia.”

“Hai đứa bé sinh đôi đó thật sự là những đứa trẻ ngoan,” bà Rachel nói, sau khi tin chắc là bọn trẻ đã ra khỏi tầm nghe. “Dora thì hết sức nữ tính và được việc, còn Davy thì đang dần trở thành một đứa con trai rất thông minh. Nó không còn là thằng trời đánh suốt ngày gây chuyện như trước nữa.”

“Trong đời mình, chưa bao giờ tôi rối bời như trong sáu tháng đầu thằng bé ở đây,” bà Marilla thừa nhận. “Sau đấy tôi nghĩ chắc mình cũng quen. Đạo này nó bắt đầu để ý nhiều đến việc đồng áng và muốn tôi cho nó thử điều hành nông trại từ năm sau. Chắc tôi sẽ làm thế đấy, vì ông Barry không nghĩ là ông ấy muốn thuê nông trại thêm nữa, thành thử phải có cách cắt đặt khác thôi.”

“Này, cậu đã chọn được một ngày thật đẹp trời để làm đám cưới đấy Anne ạ,” Diana vừa nói vừa đeo một cái tạp dề không lò phủ ra ngoài bộ đồ lụa. “Có đặt hàng từ Eaton cũng chẳng đẹp ngày hơn được đâu.”

“Thực tình có quá nhiều tiền của đang rời đảo mà đổ vào cái nhà Eaton ấy,” bà Lynde nói về giận dữ. Bà có những quan điểm rất mạnh mẽ đối với những cửa hàng bách hóa bán trứng vôi bạch tuộc, và không bao giờ bỏ lỡ cơ hội nào để phát biểu những quan điểm trên. “Còn mấy cái quyển catalog nữa, giờ chúng cứ như là Kinh Thánh với đám con gái Avonlea, thế đấy. Chủ nhật bọn nó cứ châu đầu vào đó thay vì đọc Kinh.”

“Ôi, để tiêu khiển cho bọn trẻ con thì mấy quyển sách ấy tuyệt lắm ạ,” Diana nói. “Fred và bé Anne Cordelia xem tranh ảnh trong đó hàng giờ liền.”

“*Ta* đã giải trí cho mười đứa con của ta mà không hề có sự trợ giúp của quyển catalog Eaton nào sất,” bà Rachel gay gắt nói.

“Nào, hai người, đừng cãi nhau vì quyển catalog của Eaton chứ,” Anne vui vẻ nói. “Hôm nay là ngày ý nghĩa hơn tất cả mọi ngày của cháu, mọi người biết đấy. Cháu hạnh phúc đến nỗi cháu muốn tất cả mọi người cũng hạnh phúc luôn.”

“Dĩ nhiên là ta hy vọng hạnh phúc của cháu sẽ bền lâu, con gái ạ,” bà Rachel thở dài. Bà thật tâm mong vậy, và tin vào điều đó, nhưng bà sợ rằng phô trương hạnh phúc của mình một cách quá công khai thì về bản chất cũng như một thách thức đối với đấng Tạo hóa. Cần phải làm Anne dịu xuống chút ít, cũng là để tốt cho nó thôi.

Nhưng bước xuống những bậc thang cũ kỹ trải thảm thô tự dệt buổi trưa tháng Chín hôm đó là một cô dâu hạnh phúc và xinh đẹp... cô dâu đầu tiên của Chái Nhà Xanh, mảnh mai, mắt sáng ngời, sau tám mạng trinh nữ sương khói, tay ôm đầy hoa hồng. Gilbert đang đợi cô dưới sảnh ngược nhìn cô với đôi mắt ngưỡng mộ. Cuối cùng cô cũng đã là của anh, cái cô Anne khó nắm bắt mà anh theo đuổi đã bao lâu nay, anh đã có được cô sau nhiều năm rông kiên nhẫn chờ đợi. Trong sự đầu hàng ngọt ngào của một cô dâu, cô đang đến với anh. Liệu anh có xứng đáng với cô không? Liệu anh có thể làm cho cô hạnh phúc như anh hằng hy vọng? Lỡ anh làm cô thất vọng... lỡ anh không đạt đến tiêu chuẩn người đàn ông lý tưởng của cô... rồi, khi cô đưa tay ra, mắt họ chạm nhau và mọi nghi ngờ đều bị quét sạch trong một niềm tin chắc chắn hân hoan. Họ thuộc về nhau; và dấu cuộc đời dành cho họ những gì, nó cũng không thể thay đổi được điều đó. Hạnh phúc của họ là do người kia nắm giữ và cả hai đều không sợ hãi.

Họ cưới nhau trong ánh mặt trời tỏa sáng trên khu vườn lâu năm, vây quanh họ là những gương mặt yêu thương và ân cần của những người bạn thân thiết lâu ngày. Ông Allan làm phép cưới cho họ, và mục sư Jo đọc cái mà bà Rachel Lynde sau đó tuyên bố là “lời chúc phúc đám cưới đẹp đẽ nhất” mà bà từng được nghe. Chim thường không hay hót vào tháng Chín, nhưng một chú chim đã hót thật ngọt ngào từ một nhánh cây kín đáo nào đó khi Gilbert và Anne đọc lời thề bất tử của mình. Anne lắng nghe và rùng mình theo; Gilbert lắng nghe và tự hỏi sao tất cả chim chóc trên thế giới không bưng hát lên một bài ca rạng rỡ hân hoan; Pail lắng nghe và sau đó viết lên một trong những tứ thơ được ngưỡng mộ nhất trong tập thơ đầu tiên của cậu; Charlotta Đệ Tứ lắng nghe và vui sướng tin rằng tiếng hót mang may mắn đến cho cô Shirley yêu quý của mình. Chú chim kia hót cho đến khi buổi lễ chấm dứt và rồi chú kết thúc bài hát bằng một nốt nhỏ cao vút, mừng vui. Chưa bao giờ căn nhà xanh xám cũ trong vòng ôm của những khu vườn biết đến một buổi chiều vui tươi, hạnh phúc hơn thế. Tất cả những lời đùa vui, hẳn đã được nói ra tại những lễ cưới từ thuở hồng hoang, giờ lại được đem ra nói, mà nghe vẫn mới mẻ và rạng rỡ và vui tươi như chưa từng bao giờ được thốt ra. Tiếng cười và niềm vui dẫn lối; và khi Anne và Gilbert

rời đi để bắt chuyến tàu đến Carmody, có Paul đánh xe đưa, cặp song sinh đã chuẩn bị sẵn gạo và giày cũ, Charlotta Đệ Tứ và ông Harrison sau đó đã anh dũng giờ đầu chịu ném. Bà Marilla đứng ở cửa nhìn cỗ xe đi xa khỏi tầm mắt dọc con đường dài giữa hai hàng hoàng anh. Anne quay đầu lại ở cuối con đường để vẫy tay chào tạm biệt lần cuối. Cô đã đi khuất... Chái Nhà Xanh giờ không còn là nhà của cô nữa; mặt bà Marilla trông thật u ám và già cỗi lúc bà quay về phía căn nhà mà Anne đã lấp đầy bằng ánh sáng và sự sống trong mười bốn năm nay, ngay cả khi cô vắng mặt.

Nhưng Diana và hai đứa nhỏ, người Nhà Vọng và nhà Allan, đã ở lại để giúp hai người phụ nữ có tuổi vượt qua nỗi cô đơn của buổi chiều tối đầu tiên; và họ xoay xở tổ chức một bữa tối nho nhỏ lặng lẽ dễ chịu, ngồi thật lâu quanh bàn và bàn tán về những chi tiết trong ngày. Trong khi họ ngồi đó thì Anne và Gilbert đang xuống tàu tại Glen St. Mary.

5. Về nhà

Bác sĩ Davie Blythe cử ngựa và một cỗ xe độc mã đến đón cả hai, và thằng nhóc con mang xe đến đã lần đi với một nụ cười đồng lõa nhăn nhở, để lại họ với cái hứng thú được tự đánh xe về nhà trong một buổi chiều rạng rỡ.

Anne không bao giờ quên vẻ đáng yêu của khung cảnh ập lên họ khi cả hai đánh xe qua ngọn đồi phía sau làng. Ngôi nhà mới của cô vẫn chưa nhìn thấy được; nhưng trước mặt cô trải ra vịnh cảng Bốn Làn Gió như một tấm gương khổng lồ rực rỡ dát bạc và phủ hoa hồng. Xa xa phía dưới, cô thấy đường dẫn vào vịnh cảng giữa một dải đụn cát một bên và bên kia là vách đá vôi dốc đứng, cao, âm trầm và đỏ ối. Sau dải cát là biển, tĩnh lặng và trang nghiêm, mơ màng trong ánh sáng còn rơi rớt lại. Xóm chài nhỏ, nép mình vào khoảng lõm nơi những đụn cát với bờ vịnh cảng gặp nhau, như một viên opal khổng lồ trong sương mờ. Bầu trời phía trên như một chiếc cốc nạm ngọc mà ráng chiều đang rót xuống; không khí khô giòn vị biển mê hoặc, và cả khung cảnh đắm trong vị tinh tế của một buổi chiều trên biển. Vài cánh buồm mờ mờ trôi dọc những đường bờ biển mọc đầy linh sam đang chìm dần vào bóng tối. Một tiếng chuông lạnh lót kêu từ tháp nhà thờ nhỏ sơn trắng xa xa; êm dịu và ngọt ngào như một giấc mơ, tiếng chuông trôi lững lờ trên mặt nước hòa vào tiếng rền rĩ của biển. Ngọn đèn xoay vĩ đại trên vách đá nơi kênh nước lóe ánh sáng vàng ấm trên nền trời phương Bắc trong trẻo,

một ngôi sao run rẩy, lung linh của niềm hy vọng tốt lành. Xa xa dọc đường chân trời, khói từ một con tàu hơi nước ngang qua trông như một dải lụa xám uốn khúc.

“Ôi, đẹp quá, đẹp quá,” Anne thì thầm. “Em sẽ yêu Bốn Làn Gió lắm, Gilbert ạ. Nhà của chúng ta đâu?”

“Chưa thấy được đâu em ạ... bị rặng bu lô chạy từ vịnh lên che khuất rồi. Từ Glen St. Mary về nhà mình khoảng hai dặm, rồi từ đây đến ngọn hải đăng lại thêm một dặm nữa. Chúng ta sẽ không có nhiều hàng xóm đâu Anne. Chỉ có một căn nhà gần đây và anh cũng không biết ai sống ở đó. Liệu em có cô đơn khi anh đi vắng không?”

“Với ngọn đèn kia và cảnh vật đáng yêu này làm bạn thì không đâu. Ai sống trong căn nhà đó vậy Gilbert?”

“Anh không biết. Trông không có vẻ, không thật sự có vẻ như những người trong căn nhà đó sẽ là những tâm hồn đồng điệu với mình, phải không?”

Căn nhà là một cơ ngơi rộng lớn, sơn một màu xanh lá rục rờ đến nỗi cả khung cảnh xung quanh như nhạt đi khi đứng cạnh. Một vườn quả ở phía sau, và một bãi cỏ gọn gàng đằng trước, nhưng, không hiểu sao, ở ngôi nhà có một vẻ trống vắng trợ trụ nào đó. Có lẽ chính sự gọn gàng của căn nhà phải chịu trách nhiệm; mọi thứ, ngôi nhà, nhà kho, vườn quả, khu vườn, bãi cỏ và lối đi, sạch sẽ đến cứng nhắc.

“Em không chắc là một người có thị hiếu về màu sơn như thế có thể đồng điệu với mình *cho lắm*,” Anne thừa nhận, “trừ phi đó là một tai nạn - cũng như tòa sảnh thị chính màu xanh dương của chúng ta. Ít nhất em tin chắc là ở đây không có trẻ con. Nó còn gọn gàng hơn cả căn nhà Copp cũ trên đường Bảo Thủ, thế mà em đã nghĩ là không còn chỗ nào sạch sẽ hơn thế rồi cơ đây.”

Họ chưa gặp ai trên con đường đất đỏ ẩm ướt chạy dọc bờ cảng. Nhưng ngay trước khi đến rặng bu lô che khuất căn nhà của họ, Anne nhìn thấy một cô gái đang lùa một đàn ngỗng trắng muốt từ đỉnh một ngọn đồi xanh mượt bên phải xuống. Giữa các thân cây thấp thoáng những cánh đồng mùa gặt càng uơm, những đồi cát vàng rộm, và vài vạt biển xanh. Cô gái cao, mặc bộ váy in hoa nhạt. Cô bước đi với vẻ nhanh nhẹn trẻ trung, dáng cô thẳng. Cô

và đàn ngỗng của mình ra khỏi cánh cổng ở chân đồi đúng lúc Anne và Gilbert đi qua. Cô đứng tì tay vào chỗ chốt cửa, và nhìn thẳng vào họ, với một vẻ mặt chưa đạt đến mức hứng thú, nhưng không xuống đến mức tò mò. Trong thoáng chốc, Anne thấy như còn có chút thù địch trong ánh mắt đó. Nhưng vẻ đẹp của cô gái mới là thứ làm Anne gần như há hốc mồm - một vẻ đẹp lộ lộ đến mức hẳn đi đâu cũng phải gây chú ý. Cô không đội mũ, nhưng những bím tóc nặng, bóng mượt, màu lúa mạch chín, ôm lấy đầu cô như một chiếc mũ miện; đôi mắt cô xanh và sáng như ánh sao; thân hình cô, trong bộ váy in hoa giản dị, vẫn đẹp lộng lẫy; và đôi môi cô đỏ thắm như bó hoa anh túc màu máu cô đeo ở thắt lưng.

“Gilber, cô gái ta vừa đi ngang qua là ai vậy?” Anne hỏi, hạ thấp giọng.

“Anh có thấy cô gái nào đâu,” Gilbert nói, vốn chỉ để mắt đến cô dâu của mình.

“Cô ấy đang đứng cạnh cái cổng kia kìa... đừng, đừng quay lại nhìn. Cô ấy đang nhìn theo chúng ta đấy. Em chưa bao giờ thấy một khuôn mặt đẹp đến thế.”

“Anh chẳng nhớ đã từng thấy cô gái đẹp nào khi ở đây cả. Có vài cô xinh xinh ở Glen, nhưng anh nghĩ không thể gọi họ là đẹp được.

“Cô gái này thì có. Chắc chắn anh chưa nhìn thấy cô ấy, nếu không thì anh đã phải nhớ rồi. Không ai có thể quên được cô ấy. Em chưa bao giờ thấy một khuôn mặt như thế trừ ở trong tranh. Và mái tóc của cô ấy! Nó gợi cho em nhớ đến ‘sợi dây vàng’ và ‘con rắn rục rờ’ của Browning^[1]!”

[1] Những hình ảnh miêu tả mái tóc cô gái trong bài thơ Trên thuyền đáy bằng của Robert Browning

“Có thể cô ấy là khách tham quan ở Bón Làn Gió chẳng... chắc là khách từ cái khách sạn nghỉ hè to bên kia bờ vịnh cảng.”

“Cô ấy đeo tạp dề trắng và đang lừa ngỗng.”

“Có thể cô ấy làm thế cho vui. Nhìn kìa Anne... nhà của chúng ta kia rồi!”

Anne đưa mắt nhìn và tạm thời quên đi cô gái với đôi mắt rục rờ, thù hằn. Từ cái nhìn đầu tiên, căn nhà đã là một niềm vui thích với cả thị giác và tinh

thần - trông nó thật giống với chú sò biển khổng lồ màu kem vừa dạt vào bờ vịnh. Những hàng dương Lombardy cao lớn dọc lối đi in bật những cái bóng màu tím nghiêm trang lên nền trời. Phía sau căn nhà, che chắn khu vườn khỏi hơi thở quá mạnh của những làn gió biển, là một cánh rừng linh sam mờ tối, nơi những ngọn gió sẽ tạo nên vô vàn tiếng nhạc kỳ lạ và say mê. Như mọi khu rừng, nó như đang vừa cất giữ vừa hé mở nhiều bí mật mà sự hấp dẫn chỉ có thể được khám phá bằng cách dần thân vào và kiên trì tìm kiếm. Bên ngoài, những cánh tay xanh sẫm ngăn chúng khỏi bị xâm phạm bởi những đôi mắt tò mò hoặc thờ ơ.

Gió đêm đang bắt đầu vũ điệu hoang dại của mình sau những đụn cát, và khu xóm chài nhỏ nhỏ bên kia vịnh cảng lấp lánh ánh đèn khi Anne và Gilbert đánh xe lên con đường giữa hai hàng dương. Cửa ngôi nhà nhỏ đã mở sẵn, và ánh lửa lò ấm áp bập bùng tỏa lan vào bóng tối bên ngoài. Gilbert bế Anne khỏi cỗ xe và dẫn cô vào khu vườn, qua cánh cổng nhỏ giữa hai cây linh sam rủ cành, lên con đường đất đỏ gợn gàng đến bậc thềm bằng đá vôi.

“Mừng em về nhà,” anh thì thầm, và tay trong tay, họ bước qua ngưỡng cửa căn nhà mơ ước của mình.

6. Thuyền trưởng Jim

“Bác sĩ Dave già” và “phu nhân bác sĩ Dave” đã xuống tận căn nhà nhỏ để chào đón cô dâu và chú rể. Bác sĩ Dave là một ông già ria bạc to cao, vui tính, còn phu nhân bác sĩ là một cụ bà bé nhỏ gọn gàng má hồng, tóc bạc đã ngay lập tức ôm lấy Anne vào lòng, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

“Bác rất vui được gặp cháu, cháu cưng ạ. Chắc cháu mệt lắm rồi phải không. Chúng ta đã chuẩn bị một chút đồ ăn tối đây, và thuyền trưởng Jim có mang cho cháu ít cá hồi đây. Thuyền trưởng Jim... anh đâu rồi? Ồ, ông ấy lại đi ra ngoài thăm ngựa rồi, chắc thế. Lên gác cất đồ đạc nào cháu.”

Anne nhìn xung quanh với đôi mắt sáng đầy cảm kính rồi đi theo bà lên gác. Cô rất thích vẻ ngoài ngôi nhà mới của mình. Nó như có không khí của Chái Nhà Xanh và mùi vị những truyền thống cũ.

“Mình nghĩ mình hẳn đã tìm thấy ở quý bà Elizabeth Russell một ‘tâm hồn đồng điệu’,” cô thì thầm khi còn lại một mình trong phòng. Phòng có hai cửa sổ; cửa mái nhìn ra vịnh cảng phía dưới, còn cát và ngọn hải đăng Bốn

Làn Gió.

“Một khung cửa thần kỳ mở ra trên bọt sóng

Của những vùng biển dữ nơi đất thần tiên đã bỏ hoang,”

Anne nhỏ nhẹ trích đọc. Cửa sổ đầu hồi mở ra cảnh một thung lũng nhỏ màu lúa chín nơi một con suối chảy qua. Ngược lên con suối nửa dặm là căn nhà duy nhất trong tầm mắt - một căn nhà cũ kỹ, úi xùi màu xám bao quanh bởi những cây liễu to lớn, những ô cửa sổ của căn nhà dòm qua hàng liễu ra ngoài ánh chạng vạng, như những con mắt nhút nhát, lờ mờ. Anne tự hỏi ai sống ở đây; họ sẽ là những hàng xóm gần nhất của cô và cô hy vọng họ dễ mến. Đột nhiên cô thấy mình đang nghĩ đến cô gái xinh đẹp với đàn ngỗng trắng.

“Gilbert nghĩ cô ấy không thuộc về nơi này,” Anne lan man nghĩ, “nhưng mình tin chắc là có. Có cái gì đó nơi cô ấy khiến cô ấy trở thành một phần của biển, của trời và của vịnh. Bốn Làn Gió ở trong máu cô ấy.”

Khi Anne xuống nhà thì Gilbert đang đứng trước lò sưởi nói chuyện với một người lạ mặt. Cả hai quay lại lúc Anne bước vào.

“Anne, đây là thuyền trưởng Boyd. Thuyền trưởng Boyd, vợ cháu.”

Đây là lần đầu tiên Gilbert gọi Anne là “vợ” với bất cứ ai khác ngoài cô, và anh suýt nữa thì nổ tung vì tự hào. Người thuyền trưởng già giờ một bàn tay gân guốc ra cho Anne bắt; họ mỉm cười với nhau và đã là bạn của nhau từ giây phút đó. Những tâm hồn đồng điệu nhận ngay ra nhau.

“Ta thật tình vui sướng được gặp cháu, cháu gái Blythe ạ; và ta hy vọng cháu cũng sẽ được hạnh phúc như cô dâu đầu tiên từng đến đây. Ta không thể mong gì hơn thế. Nhưng chồng cháu không giới thiệu ta chính xác cho lắm. ‘Thuyền trưởng Jim’ là tên gọi hằng ngày của ta và tốt hơn cháu nên bắt đầu gọi ta như thế, vì kiểu gì cháu cũng sẽ gọi ta như thế. Cháu rõ ràng là một cô dâu nhỏ bé đáng yêu, cháu Blythe ạ. Nhìn cháu mà ta suýt tưởng mình cũng mới lấy vợ.”

Giữa những tràng cười nối tiếp, bà bác sĩ Dave giục thuyền trưởng Jim ở lại ăn tối với mọi người.

“Cảm ơn bà rất nhiều. Thế thì tuyệt quá, bà bác sĩ ạ. Tôi gần như lúc nào

cũng chỉ ăn một mình, chỉ có cái bóng xấu xí của mình trong cái gương đối diện làm bầu bạn. Chẳng mấy khi tôi có dịp ngồi ăn cùng hai quý bà xinh đẹp, đáng yêu chừng này.”

Những lời khen của thuyền trưởng Jim viết ra thì có vẻ phô, nhưng ông nói với một ngữ điệu và dáng vẻ tôn kính lịch thiệp, nhẹ nhàng đến nỗi người phụ nữ được ông khen thấy mình như vừa được dành cho một tặng phẩm dành cho nữ hoàng theo cung cách đế vương.

Thuyền trưởng Jim là một ông già với tâm hồn cao thượng và đầu óc giản dị, mang trong mắt và trong tim sự trẻ trung vĩnh hằng. Ông có dáng người dong dỏng cao, hơi thiếu duyên dáng, hơi gù, nhưng bộc lộ sức mạnh và sự bền bỉ cao độ; một khuôn mặt nhẵn nhụi hằn sâu những nếp nhăn và sẫm màu đồng hun; bộ tóc dày màu xám thép phủ gần đến vai, và một đôi mắt đặc biệt xanh và sâu, có lúc lấp lánh, có lúc mơ màng, và đôi lúc vẫn hướng nhìn ra biển với một vẻ kiếm tìm tiếc nuối bên trong, như thể đang tìm kiếm một cái gì quý giá đã mất. Rồi một ngày Anne sẽ biết thuyền trưởng Jim tìm kiếm điều gì.

Không thể phủ nhận thuyền trưởng Jim là một người đàn ông thô kệch. Khuôn hàm gầy gò, cái miện khắc khổ, và đôi lông mày vuông không được đẽo theo tiêu chuẩn đẹp; ông đã trải qua nhiều gian truân khổ não; nhưng nếu trong cái nhìn đầu tiên Anne có nghĩ ông trông tầm thường thì cô cũng không bao giờ nghĩ thêm nữa - cái tinh thần tỏa sáng đằng sau chỗ trú ngụ xù xì của nó đã làm cho ông đẹp lên một cách quá toàn hảo.

Họ quây quần vui vẻ quanh bàn ăn tối. Ngọn lửa lò xua tan cái giá lạnh đêm tháng Chín, nhưng cửa phòng ăn vẫn mở và từng cơn gió biển ngọt ngào tự ý ùa vào. Khung cảnh đẹp rực rỡ, với vịnh cảng và mướt mát những ngọn đồi thấp sẫm tím xa xa. Bàn ăn bày đầy những món ngon của bà bác sĩ, nhưng món ngon nhất, không nghi ngờ gì nữa, vẫn là đĩa cá hồi to.

“Chắc là cũng ngon đấy, sau vài vòng du ngoạn,” thuyền trưởng Jim nói. “Tươi hết mức cá hồi có thể tươi, cháu Blythe ạ. Hai giờ trước chúng còn đang bơi trong hồ Glen.”

“Ai trông đèn tối nay vậy thuyền trưởng Jim?” bác sĩ Dave hỏi.

“Cháu tôi, Alec. Thằng bé cũng hiểu việc như tôi vậy. Ừ, nào, tôi thật tình rất vui là mọi người mời tôi ở lại ăn khuya. Tôi đói ra trò... tối nay có ăn gì

mấy đâu.”

“Tôi tin là bác gần như lúc nào cũng bỏ đói cái thân bác ở trên ngọn hải đăng ấy,” bà bác sĩ Dave nói về nghiêm trang. “Bác chẳng bao giờ bỏ công chuẩn bị một bữa ăn nào cho chu đáo.”

“Ồ, có chứ, bà bác sĩ, có mà,” thuyền trưởng Jim phản đối. “Chao ơi, tôi sống như một ông hoàng. Mới hôm qua tôi lên Glen và mang về nhà hai cân bò bít tết. Tôi đã định làm một bữa tối ra trò tối nay ấy chứ.”

“Thế chuyện gì đã xảy ra với mấy miếng thịt bò đó rồi?” bà bác sĩ Dave hỏi. “Bác đánh rơi chúng trên đường về rồi chẳng?”

“Không.” Thuyền trưởng Jim trông có vẻ bẽn lẽn. “Đúng giờ đi ngủ một con chó xấu tính tội nghiệp mò đến xin chỗ trú qua đêm. Tôi đoán chắc chủ nó là mấy người đánh cách dọc bờ biển. Tôi đâu có đuổi nó đi được... nó bị đau một chân. Thế là tôi khóa cửa để nó ngoài hiên, vất cho nó một cái túi cũ để nằm lên, rồi đi ngủ. Nhưng mà chẳng hiểu sao tôi không ngủ được. Nghĩ đi nghĩ lại, tôi nhớ hình như con chó đó trông cũng đói đói.”

“Thế là bác trở dậy cho nó chỗ thịt bò đó... tất cả chỗ thịt bít tết đó,” bà bác sĩ Dave nói, với một vẻ trách móc đặc trưng.

“Ồ, thì cũng đâu có gì *khác* để mà cho nó đâu,” thuyền trưởng Jim nói về phản kháng. “Không có gì mà một con chó thích, ý thế. Tôi đoán nó đói *thật*, vì nó quơ hai miếng là hết chỗ đó. Đêm hôm ấy tôi ngủ ngon, nhưng bữa tối của tôi thành ra đành phải hơi hẻo một tí... khoai tây nọ kia thôi, có thể nói như vậy. Con chó, nó đi về nhà sáng nay rồi. Cá là *nó* không ăn chay trường.”

“Nghĩ mà xem, bỏ đói bản thân vì một con chó vô giá trị!” bà bác sĩ khịt mũi.

“Ai mà biết được, rất có thể nó rất có giá trị đối với ai đó,” thuyền trưởng Jim phản đối. “*Trông* nó chả ra làm sao thật, nhưng không thể bằng vào vẻ ngoài mà đánh giá một con chó được. Như tôi đây này, nó rất có thể là một con chó đẹp đẽ ở bên trong. Con Bạn Đầu không thích nó, tôi biết thế. Ngử điệu của nó gượng ép ra mặt. Nhưng con Bạn Đầu thiên vị lắm. Lấy ý kiến của một con mèo về một con chó thì phỏng có ích gì. Tóm lại là, tôi mất bữa tối, thế nên bữa tiệc thịnh soạn đáng yêu giữa những người bạn thú vị này

quả là dễ chịu. Có hàng xóm tốt thật là tuyệt.”

“Ai sống trong căn nhà giữa những cây liễu phía trên con suối vậy ạ?”
Anne hỏi.

“Bà Dick Moore,” thuyền trưởng Jim nói... “và chồng,” ông nói thêm, kiêu sau một hồi suy nghĩ thì mới nhớ.

Anne mỉm cười, và rút ra một bức tranh tâm cảnh về bà Dick Moore từ cách nói của thuyền trưởng Jim; rõ ràng là một bà Rachel Lynde thứ hai.

“Cháu không có nhiều hàng xóm lắm đâu, cháu Blythe ạ,” thuyền trưởng Jim nói tiếp. “Phía bên này cảng dân cư khá thưa thớt. Phần lớn đất đai thuộc về ông Howard ở đầu kia, bên Glen, và ông ấy cho thuê làm đất chăn thả. Còn phía kia cảng mới gọi là dày dân... nhất là nhà MacAllister. Có cả một vùng toàn MacAllister quơ tay là trúng. Hôm trước tôi có nói chuyện với ông già Leon Blacquiere. Ông ấy làm việc ở cảng suốt mùa hè. ‘Toàn là MacAllister ở đó,’ ông ấy bảo tôi thế. ‘Cô Neil MacAllister rồi Sandy MacAllister rồi William MacAllister rồi Alec MacAllister rồi Angus MacAllister... và tôi tin là còn có cả Devil MacAllister nữa.’ ”

“Elliott với cả Crawford cũng nhiều chả kém,” bác sĩ Dave nói, sau khi tiếng cười đã lắng xuống. “Cháu biết không, Gilbert, bọn ta ở phía bên này của Bốn Làn Gió có câu thành ngữ thế này: ‘Từ tính kênh kiêu của nhà Elliotts, sự tự phụ của nhà MacAllister, và tính khoác lác của nhà Crawford, Chúa trời sinh ra chúng ta.’ ”

“Cũng có rất nhiều người tốt trong số đó chứ,” thuyền trưởng Jim nói. “Tôi lái tàu với William Crawford trong nhiều năm, và nói về can đảm và chịu đựng và thật thà thì người đàn ông đó không có đối thủ. Mấy người phía bên kia Bốn Làn Gió có đầu óc lắm đó. Chắc vì vậy nên phía bên này có xu hướng hay trêu ghẹo họ. Lạ hén, cái kiểu người này hay ghét người khác vì họ sinh ra thông minh hơn mình một hai phân đó.”

Bác sĩ Dave, bốn mươi năm cừu hận với người phía bên kia cảng, bật cười rồi im lặng.

“Ai sống trong căn nhà màu xanh ngọc chói lóa cách nửa dặm phía đầu đường vậy ạ?” Gilbert hỏi.

Thuyền trưởng Jim mỉm cười vui thích.

“Cô Cornelia Bryant. Chắc cô sẽ ghé qua thăm mấy đứa sớm thôi, mấy đứa thuộc Giáo hội Trưởng lão mà. Nếu mấy đứa mà ở bên Giám lý là cô không đến tí nào luôn. Cornelia sợ mấy người theo Hội Giám lý kinh

khủng.”

“Cổ cá tính lắm đó,” bác sĩ Dave cười khùng khục. “Ghét đàn ông thâm căn cố đế nhất đời.”

“Nho chua, gái già ạ?” Gilbert hỏi, bật cười.

“Không, không phải nho chua,” thuyền trưởng Jim trả lời vẻ nghiêm túc. “Cornelia hồi trẻ chỉ tay là lấy được chồng, Ngay cả bây giờ chỉ cần cổ nói một tiếng là mấy anh góa già nhảy cõn lên liền. Có điều cổ hình như sinh ra là đã có cái bệnh kinh niên khinh ghét đàn ông và người theo Hội Giám lý. Cổ có cái lưỡi đáng nhất và trái tim nhân từ nhất Bốn Làn Gió. Cứ chỗ nào có rắc rối là người phụ nữ đó có mặt, làm mọi thứ để giúp đỡ một cách dịu dàng nhất. Cổ không bao giờ nặng lời lấy một tiếng về một phụ nữ khác, và nếu cổ thích đi đám đàn ông hư hỏng bọn này xuống thì ta nghĩ đám da dày của chúng ta phải chịu được thôi.”

“Cô ấy lúc nào cũng nói tốt về bác đây, thuyền trưởng Jim ạ,” bà bác sĩ nói.

“Đúng rồi, tôi e là như vậy. Tôi chả thích tí nào. Làm tôi thấy như kiểu con người tôi có gì trái tự nhiên vậy đó.”

7. Cô dâu của thầy giáo

“Ai là cô dâu đầu tiên từng đến căn nhà này vậy thuyền trưởng Jim?” Anne hỏi, lúc cả nhà quay quần quanh lò sưởi sau bữa tối.

“Có phải cô ấy là một phần trong câu chuyện cháu nghe nói gắn liền với căn nhà này không?” Gilbert hỏi. “Có người nói với cháu rằng ông kể câu chuyện ấy, thuyền trưởng Jim ạ.”

“Ừ, đúng, ta biết chuyện ấy. Ta nghĩ ta là người duy nhất sống ở Bốn Làn Gió còn nhớ về cô dâu của thầy giáo khi cô ấy đến đảo. Cổ mất đã ba mươi năm nay rồi, nhưng cổ nằm trong số những phụ nữ mà người ta không bao giờ quên được.”

“Ông kể cho cháu cháu chuyện ấy đi.” Anne nài nỉ. “Cháu muốn tìm hiểu mọi thứ về những người phụ nữ từng sống ở căn nhà này trước cháu.”

“À, mới chỉ có ba người thôi... Elizabeth Russell, rồi bà Ned Russell, và cô dâu của thầy giáo. Elizabeth Russell là một người con gái nhỏ nhắn xinh xắn, thông minh, cả bà Ned cũng là một người phụ nữ dễ thương nữa. Nhưng họ không giống chút nào với cô dâu của thầy giáo.”

“Tên thầy giáo là John Selwyn. Từ Old Country thầy đến dạy học ở Glen khi ta còn là một thằng con trai mười sáu tuổi. Ông không như mấy gã vô dụng hay ra đảo Hoàng Tử Edward dạy học thời đấy. Đám đó gần hết là mấy gã khôn lỏi say rượu, khi tỉnh rượu thì dạy bọn trẻ được vài ba chữ, lúc say vào thì đánh đập tụi nhỏ. Nhưng John Selwyn là một chàng trai trẻ đẹp, đáng mến. Thầy trọ lại nhà cha ta, và thầy với ta là bạn chí cốt, mặc dù thầy hơn ta tới mười tuổi. Bọn ta đọc sách và đi bộ và nói cả đồng chuyện với nhau. Ông biết tất cả thơ phú từng được viết ra trên đời này, ta nghĩ thế, và ông thường đọc lại cho ta nghe vào những buổi tối đi bộ dọc bờ biển. Cha ta thì nghĩ làm thế chỉ tổ phí thì giờ, nhưng cha cũng cố chịu đựng chuyện đó, hy vọng nó sẽ làm ta từ bỏ ý định đi biển. Hừm, chẳng có gì làm được chuyện *đó*... mẹ ta là dân biển và ta sinh ra đã có cái máu đó rồi. Nhưng ta thích nghe John đọc sách và trích thơ lắm. Đã gần sáu mươi năm rồi mà ta vẫn còn đọc lại được hàng tá thơ ta học từ ông ấy. Gần sáu mươi năm rồi!”

Thuyền trưởng Jim lặng im một nhịp, dăm dăm nhìn ngọn lửa cháy như đang tìm kiếm những gì đã qua. Rồi, với một tiếng thở dài, ông tiếp tục câu chuyện của mình.

“Ta nhớ một tối mùa xuân nọ, ta gặp ông trên đồi cát. Trông thầy giáo có vẻ kích động... y như cháu, bác sĩ Blythe ạ, lúc cháu đưa cháu gái Blythe vô nhà tối nay. Ta nghĩ đến ông ngay khi ta nhìn thấy cháu. Ông nói với ta ông có một cô người yêu ở nhà và cô sắp ra đây với ông. Ta chẳng hài lòng một tẹo nào, cái thằng trẻ người non dạ ích kỷ xấu tính là ta hồi đó; ta nghĩ ông sẽ không còn thân với ta mấy nữa một khi cô kia đến. Nhưng ta cũng đủ lịch sự để không cho ông ấy thấy. Ông kể cho ta mọi thứ về cô. Cô tên là Persis Leigh, và đáng lẽ cô đã ra với ông rồi nếu không vì người chú bị ốm của cô. Ông chú ốm, mà ông ấy thì đã chăm sóc cho cô từ hồi cha mẹ cô mất và cô không chịu rời ông ấy. Và giờ thì ông ấy chết rồi và cô sẽ ra đây để cưới John Selwyn. Hồi đó phụ nữ mà đi một chặng như thế là không dễ dàng gì. Nên nhớ là làm gì hồi đó đã có tàu thủy chạy nòi hơi.”

“ ‘Anh tính khi nào chị tới nơi?’ ” ta nói.

“ ‘Chị ấy lên con tàu *Royal William*, từ ngày 20 tháng Sáu,’ anh ấy nói,

‘vậy nên chị ấy sẽ có mặt ở đây khoảng giữa tháng Bảy. Anh phải nhờ bác thợ mộc Johnson xây cho anh một cái nhà cho chị mới được. Anh nhận được thư chị hôm nay. Anh biết ngay từ trước khi mở thư là có tin tốt cho anh mà. Mấy đêm hôm trước anh có gặp chị.’ ”

“Ta không hiểu, và ông giải thích... mặc dù sau đó ta cũng chẳng hiểu hơn là *máy*. Ông nói ông có một năng lực, một món quà, hay một lời nguyện. Đây là lời ông ấy, cháu Blythe ạ... một món quà hoặc một lời nguyện. Ông ấy không biết là cái nào. Ông nói một người ký ở bên đảng ngoại của ông có năng lực đó, vì vậy mà người ta đã thiêu bà, nói bà là phù thủy. Ông nói những cơn mê kỳ quái... những trận lên đồng, ta nghĩ ông dùng từ đó... thỉnh thoảng lại chiếm lấy ông ấy. Có mấy chuyện đó không, bác sĩ?”

“Chắc chắn có những người dễ bị các trạng thái lên đồng như vậy,” Gilber trả lời. “Vấn đề này thiên về nghiên cứu tâm thần hơn là y khoa. Những cơn lên đồng của thầy John Selwyn này như thế nào ạ?”

“Như các giấc mơ chứ gì,” ông bác sĩ già nói vẻ nghi ngờ.

“Ông nói ông nhìn thấy chuyện nọ chuyện kia trong đó,” thuyền trưởng Jim thông thả nói. “Mọi người nên nhớ là ta đang kể đúng những gì *ông* nói... những chuyện đã xảy ra... những chuyện *sắp* xảy ra. Ông nói cái đó nhiều khi là một niềm an ủi của ông, lắm lúc lại là nỗi kinh hoàng. Bốn đêm trước đêm hôm đó ông gặp một “cơn” như thế... trôi vô trống khi đang ngồi nhìn lò sưởi. Rồi ông thấy một căn phòng cũ ở Anh mà ông biết rõ, thấy Persis Leigh trong đó, giơ tay về phía ông ấy, trông rất vui mừng và hạnh phúc. Vậy nên ông biết mình sắp được tin tốt từ cô.”

“Năm mơ... năm mơ,” ông bác sĩ lầm bầm.

“Có thể lắm... có thể lắm,” thuyền trưởng Jim thừa nhận. “Lúc đó *ta* cũng nói với ông như thế. Nghĩ vậy thì thoải mái hơn rất nhiều. Ta không thích chuyện ông nhìn thấy cái nọ cái kia... nghe rùng rợn lắm.”

“ ‘Không,’ ông nói, ‘anh không mơ. Nhưng ta sẽ không nói chuyện này nữa. Em sẽ không còn là bạn của anh như trước nữa nếu em nghĩ nhiều về chuyện này.’ ”

“Ta nói với ông rằng không điều gì có thể làm suy suyển tình bạn của ta. Nhưng ông chỉ lắc đầu và nói, ông nói:

“ ‘Nhóc, anh biết mà. Anh từng mất bạn vì chuyện này. Anh không trách họ. Có những lúc chính anh cũng thấy khó thân thiện với bản thân mình vì chuyện đó. Một khả năng như vậy có chút gì siêu phàm ở trong đó... là tốt hay là xấu ai mà nói được? Và con người chúng ta thấy đều rứt khỏi những tiếp xúc quá gần gũi với Chúa trời cũng như Quý dữ.’ ”

“Lời ông đó. Ta nhớ chúng như thể mới hôm qua, mặc dầu hồi đó ta không biết thiệt tình là ông muốn nói gì. Bác sĩ, ông nghĩ ông có ý gì?”

“Tôi ngờ là chính thầy ấy cũng không biết mình muốn nói gì,” bác sĩ Dave cúi kính đáp.

“Cháu nghĩ là cháu hiểu,” Anne thì thầm. Cô đang lắng nghe bằng thái độ quen thuộc, môi mím chặt và mắt sáng ngời. Thuyền trưởng Jim mỉm một nụ cười ngưỡng mộ trước khi tiếp tục câu chuyện.

“Ừm, chẳng mấy mà cả Glen và Bốn Làn Gió đều biết cô dâu của thầy giáo sắp đến, và mọi người mừng lắm vì họ nghĩ rất tốt về thầy. Và mọi người đều quan tâm đến ngôi nhà mới của thầy... căn nhà *này* đây. Thầy chọn địa điểm, vì từ đây có thể nhìn thấy vịnh và nghe tiếng biển. Thầy làm khu vườn ngoài kia cho cô dâu của thầy, nhưng thầy không trồng mấy cây dương Lombardy. Mấy cây *đó* bà Ned Russell trồng. Nhưng có một hàng đôi bụi hồng trong vườn mà mấy bé gái học ở trường Glen trồng ngoài đó cho cô giáo. Thầy ấy nói chúng hồng như mà cô, trắng như trán cô và đỏ như môi cô. Thầy ấy trích thơ nhiều đến nỗi thành thói quen nói cũng ra thơ luôn, ta đoán thế.”

“Gần như cả làng cả xóm đều gửi cho thầy ít quà để giúp trang bị căn nhà. Khi mà Russell chuyển vô, họ khá dư dả và trang bị nhà cửa rất là tươm tất, như mọi người thấy đây; nhưng các món đồ đầu tiên vào nhà này chỉ giản dị thôi. Nhưng căn nhà này giàu tình yêu lắm đó. Các bà các cô gửi mền và khăn trải bàn rồi khăn ăn, người này góp cho cô giáo cái tủ, người kia cái bàn, cứ thế. Ngay bà già mù Margaret Boyd cũng đan cho cô giáo một cái làn nhỏ từ cỏ ngọt trên đồi cát. Cô giáo dùng cái làn đó hàng bao nhiêu năm trời để đựng khăn tay.”

“Rồi, cuối cùng mọi thứ đã sẵn sàng... đến từng khúc củi trong lò sưởi lớn cũng sẵn sàng để thắp lửa. Không phải cái lò *này* đâu, mặc dù cũng vị trí đó. Cô Elizabeth cho xây cái lò sưởi này khi cô sửa lại căn nhà mười lăm năm trước. Hồi đó nó là một cái lò sưởi lớn, kiểu cũ, quay được cả một con

bò ở trống. Rất nhiều lần ta đã ngồi đây kể chuyện, cũng như ta đang làm đêm nay.”

Lại một khoảng lặng nữa, khi thuyền trưởng Jim có một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi với những vị khách mà Anne và Gilbert không nhìn thấy được – những người đã cùng với ông ngồi quanh cái lò sưởi kia trong những năm tháng đã tàn phai, cùng từng câu đùa và bao niềm vui mới mẻ bùng sáng trong những đôi mắt từ lâu đã vĩnh viễn nhắm lại dưới lớp đất nghĩa trang nhà thờ hay dưới từng dặm biển phập phồng. Tại đây vào những đêm xưa cũ, lũ trẻ con đã vô tư thả những tràng cười qua lại. Nơi đây trong những đêm đông, bạn bè đã quần quay. Hát ca, nhảy múa, đùa vui. Nơi đây những người trẻ tuổi và những trinh nữ đã mộng mơ. Với thuyền trưởng Jim, cư ngụ trong căn nhà nhỏ đó là bóng hình mong cầu được nhớ tới.

“Đến đầu tháng Bảy thì căn nhà hoàn tất. Thầy giáo bắt đầu đếm từng ngày. Chúng ta thường thấy thầy đi bộ một mình dọc bờ biển, và bọn ta nói với nhau, ‘Cô ấy sắp đến với thầy rồi.’ ”

“Theo kế hoạch thì giữa tháng Bảy cô giáo sẽ đến nơi, nhưng lúc đó cô không đến. Chẳng ai sốt ruột cả. Thuyền bè thời bấy giờ có thể trễ nhiều ngày thậm chí nhiều tuần. Tàu *Royal William* trễ một tuần... rồi hai... rồi ba. Và rồi cuộc chúng ta bắt đầu sợ hãi, và mọi thứ càng lúc càng tệ. Cuối cùng ta không nữa nhìn vào mắt John Selwyn nữa. Cháu có biết không, cháu Blythe” - Thuyền trưởng Jim hạ giọng - “ta thường nghĩ đôi mắt đó hẳn giống như mắt bà cố của thầy lúc cụ bị người ta thiêu đến chết. Thầy chẳng nói gì nhiều nhưng thầy dạy học như người mộng du rồi quay quả đi ra bờ biển. Rất nhiều đêm thầy đếm bước ở đó từ tối đến tận bình minh. Mọi người nói thầy đang mất trí rồi. Mọi người đều đã từ bỏ hy vọng... tàu *Royal William* đã trễ tám tuần. Đã giữa tháng Chín mà cô dâu thầy giáo vẫn chưa đến... không bao giờ đến nữa, chúng ta đã nghĩ vậy.

“Hồi đó có một cơn bão lớn kéo dài ba ngày, và vào cái đêm trước khi bão tan, ta ra bờ biển. Ta thấy thầy ở đó, khoanh tay dựa vào một tảng đá lớn, ngược nhìn ra biển.

“Ta gọi thầy nhưng ông không trả lời. Mắt ông như đang nhìn về một cái gì đó ta không thấy được. Mặt ông nghiêm lại, như mặt một người đã chết.”

“ ‘Anh John, anh John ơi,’ ta gọi... đúng như thế đó... như một đứa trẻ hoảng loạn, ‘tỉnh dậy... tỉnh dậy đi.’ ”

“Cái vẻ lạ lùng, khủng khiếp ấy dường như từ từ tan biến khỏi mắt thầy.

Thầy quay đầu lại nhìn ta. “Ta đã thấy con tàu *Royal William* rẽ vào mũi Đông. Cô ấy sẽ đến đây trước lúc trời sáng. Đêm mai ta sẽ ngồi cạnh cô dâu của ta bên ngọn lửa lò sưởi của ta.”

“Mọi người có nghĩ thầy thấy thật không?” thuyền trưởng Jim đột ngột hỏi.

“Chúa biết,” Gilbert nói vẻ dịu dàng. “Tình yêu lớn và nỗi đau lớn có thể đạt đến những điều kỳ diệu mà ta không sao biết được.”

“Cháu tin thầy ấy đã thấy,” Anne tha thiết nói.

“Vớ-vẩn-vẩn,” bác sĩ Dave nói, nhưng giọng ông có vẻ ít được thuyết phục hơn thường lệ.

“Bởi vì, mọi người biết không,” thuyền trưởng Jim nghiêm trang nói, “con tàu *Royal William* đã cập vịnh cảng Bốn Làn Gió buổi bình minh hôm đó.

“Hết thầy bà con ở Glen và dọc bờ biển đều có mặt ở cầu tàu để gặp cô giáo. Thầy giáo đứng trông ở đó cả đêm. Bọn ta reo hò mới khiếp chứ, lúc con tàu dong buồm vào kênh nước.”

Mắt thuyền trưởng Jim sáng long lanh. Đôi mắt ấy đang nhìn thấy vịnh cảng Bốn Làn Gió của sáu mươi năm về trước, một con tàu cũ kỹ tả tơi dong buồm lướt qua rục rở bình minh.

“Và Persis Leigh có trên tàu?” Anne hỏi.

“Đúng, cô và vợ thuyền trưởng. Họ đã trải qua một hải trình khủng khiếp... hết cơn bão này đến cơn bão khác... thực phẩm dự trữ cũng cạn kiệt. Nhưng rồi họ cũng đến được nơi. Khi Persis Leigh bước lên chiếc cầu tàu vĩ, John Selwyn ôm cô ấy vào vòng tay... và mọi người thôi reo hò mà bắt đầu khóc. Ta cũng khóc, mặc dù nên nhớ là phải nhiều năm sau ta mới thừa nhận chuyện đó. Tức cười há, cái chuyện mấy đứa con trai cứ xấu hổ vì nước mắt đó?”

“Persis Leigh có đẹp không ạ?” Anne hỏi.

“Ừm, ta không biết chính xác có gọi cô là đẹp được không... ta... không... biết,” thuyền trưởng Jim chậm rãi nói. “Không hiểu sao, chẳng ai buồn tự hỏi cô ấy có đẹp hay là không. Đơn giản là chuyện đó không quan trọng. Ở cô có một cái gì đó ngọt ngào và thu phục lòng người đến nỗi người ta cứ phải yêu quý cô, thế thôi. Nhưng cô giáo cũng ưa nhìn lắm - đôi mắt to, trong màu hạt dẻ và mái tóc nâu óng ả bồng bềnh, và một làn da Anh quốc. John và cô ấy thành thân tại nhà ta tối hôm đó lúc vừa đến giờ thấp nền; bà con gần xa đều có mặt để chứng kiến và sau đó cùng đưa họ về đây. Cô Selwyn thấp lửa, rồi chúng ta ra về và để họ ngồi lại đó, đúng như John đã nhìn thấy trong viễn kiến của mình. Kỳ lạ... một điều kỳ lạ! Nhưng ta đã gặp quá nhiều điều kỳ lạ trong đời mình.”

Thuyền trưởng Jim lắc đầu như một nhà hiền triết.

“Thật là một câu chuyện đáng yêu,” Anne nói, lâu lắm rồi cô mới thấy một câu chuyện đủ độ lãng mạn có thể làm cô thỏa mãn. “Họ sống ở đây bao lâu ạ?”

“Mười lăm năm. Ta đông ra biển sau khi họ cưới nhau không lâu, cái thằng trẻ tuổi ấ ơ là ta hồi đấy. Nhưng mỗi lần trở về từ một chuyến viễn trình ta lại chạy đến đây, thậm chí còn trước cả khi về nhà, và kể cho cô Selwyn nghe mọi chuyện. Mười lăm năm hạnh phúc! Họ như có năng khiếu hạnh phúc hay sao ấy, hai người đó. Một số người là vậy đó, nếu mọi người để ý. Họ *không thể* bất hạnh lâu được, dù có chuyện gì xảy ra. Họ cãi vã nhau một hai lần, vì cả hai đều rất giàu nhiệt khí. Nhưng cô Selwyn có lần nói với ta, cô vừa nói vừa cười đúng cái kiểu dễ thương của cô, ‘Chị cảm thấy rất kinh khủng khi chị và John cãi nhau, nhưng trong thâm tâm chị rất hạnh phúc vì chị có người chồng dễ thương như vậy để mà cãi cộ rồi lại làm lành với nhau.’ Rồi họ chuyển đến Charlottetown, và Ned Russell mua lại căn nhà này rồi mang cô dâu của mình đến đây. Họ cũng là một cặp trẻ trung vui tươi, ta nhớ vậy. Cô Elizabeth Russell là em gái của Alec. Cô đến sống cùng họ một hai năm sau đó, và cô ấy cũng là người vui tươi. Những bức tường trong căn nhà này chắc phải *đẫm* tiếng cười và những giờ vui vẻ. Cháu là cô dâu thứ ba ta được chứng kiến đặt chân đến đây, cháu Blythe ạ... và là cô dâu xinh đẹp nhất.”

Thuyền trưởng Jim đã mang lại cho lời khen hướng dương này phong vị của một đóa violet, và Anne tự hào mang nó lên mình. Tối hôm ấy là tối cô đẹp nhất với sắc hồng cô dâu trên má và ánh sáng tình yêu trong mắt; ngay

cả bác sĩ Dave già khô khan cũng nhìn cô vẻ tán thưởng, và nói với vợ mình, khi cả hai cùng đánh xe về nhà, rằng cô vợ tóc đỏ của cháu ông có thể nói là một mỹ nhân.

“Ta phải về với ngọn đèn đây,” thuyền trưởng Jim tuyên bố. “Ta đã tận hưởng buổi tối hôm nay phải nói là hết cỡ.”

“Ông phải đến chơi với chúng cháu thường xuyên nhé,” Anne nói.

“Ta tự hỏi liệu cháu có dám mời không nếu biết ta sẵn sàng chấp nhận lời mời đó đến mức nào,” thuyền trưởng Jim bông đùa nhận xét.

“Một cách khác để nói ông tự hỏi liệu cháu có mời thật lòng không,” Anne mỉm cười. “Cháu nói thật đấy, ‘thề đứt lưỡi luôn’, như chúng cháu hay nói ở trường.”

“Thế thì ta sẽ đến. Đảm bảo các cháu sẽ bị ta quấy rầy bất kể giờ giấc. Và ta cũng sẽ tự hào được các cháu ghé qua thăm lúc này lúc khác. Bình thường ta chẳng có ai mà nói chuyện trừ con Bạ Đầu, Chúa phù hộ cho trái tim cởi mở của nó. Nó là một thánh giả tuyệt vời, và đã quên đi nhiều chuyện hơn bất cứ gã MacAllister nào từng được biết, nhưng nó không phải là người ‘hay chuyện’ gì cho cam. Các cháu trẻ còn ta già, nhưng tâm hồn của chúng ta chắc cũng khoảng tuổi nhau, ta đoán thế. Chúng ta đều cùng thuộc về lớp người quen của Joseph^[1], như Cornelia Bryant vẫn nói.”

[1] Sách xuất hành 1:8 (quyển thứ hai trong Cựu Ước) viết, “Nhưng bấy giờ tại nước Ai Cập, có một vua mới lên ngôi chẳng biết quen Joseph,” chỉ sự chấm dứt thời kỳ yên ấm của người Do Thái ở Ai Cập dưới sự lãnh đạo của Joseph. Điều đó có nghĩa là, nhưng người quen biết Joseph, ngược lại, là những người tin ở Chúa và đi theo Người.

“Lớp người quen của Joseph á?” Anne ngơ ngác.

“Đúng. Cornelia chia tất cả người trên thế giới này làm hai loại: loại quen Joseph và loại không. Nếu một người kiểu như đầu gan thấu ruột cháu, và đại loại có cùng cảm nghĩ với cháu về các vấn đề, và có cùng khiếu hài hước... đó, vậy là anh ta thuộc lớp người quen của Joseph.”

“Ô, cháu hiểu rồi,” Anne reo lên, bừng lên ánh sáng thông hiểu. “Đây là cái mà cháu từng gọi... và vẫn gọi trong ngoặc kép là ‘những tâm hồn đồng điệu’.”

“Đúng đó... đúng đó,” thuyền trưởng Jim đồng ý. “Chúng ta là *cái đó đó*,

dù cái *đó* là cái chi đi nữa. Tối nay lúc cháu bước vào, cháu Blythe ạ, ta đã tự nhủ, ta kêu, ‘Đúng rồi, cô bé thuộc lớp người quen của Joseph đây mà.’ Và ta cực kỳ vui mừng *đó*, vì nếu không phải vậy thì chúng ta không sao có được sự hài lòng thực sự khi bầu bạn cùng nhau. Lớp người quen của Joseph chính là muối của đất, ta nói vậy *đó*.’”

Khi Anne và Gilbert tiễn các vị khách ra cửa thì trăng vừa lên. Vịnh cảng Bốn Làn Gió đang dần chuyển mình thành một cơn mơ với ánh sáng và bùa chú... một chốn trú ẩn được yểm bùa che chở, nơi không một cơn thịnh nộ nào có thể chạm tới. Những cây dương Lombardy dọc lối đi, cao lớn và nghiêm trang như những mục sư đứng xếp thành một hàng kỳ bí, nặng trĩu sương bạc.

“Lúc nào cũng thích Lombardy,” thuyền trưởng Jim nói, vẫy cánh tay dài về phía chúng. “Chúng là những cái cây công chúa. Giờ chúng lỗi một rồi. Dân tình phản nản là chúng chết từ ngọn và dần trông rất thảm hại. Đúng thế... đúng thế, nếu mỗi mùa xuân ta không liều gậy cổ mà leo một cái thang nhẹ lên tía ngọn cho chúng. Ta lúc nào cũng làm việc *đó* cho cô Elizabeth, thế nên mấy cây Lombardy của cô không bao giờ héo. Cổ đặc biệt thích chúng. Cổ thích vẻ trang nghiêm và sự nổi bật của chúng. *Chúng* không trộn lẫn với mấy thằng Tom, Dick hay Harry vớ vẩn. Nếu cây phong là bầu bạn, cháu Blythe ạ, thì Lombardy là quảng giao.”

“Đêm nay mới đẹp làm sao,” bà bác sĩ Dave nói, khi bà trèo vào xe của bác sĩ.

“Hầu hết các đêm đều đẹp,” thuyền trưởng Jim nói. “Nhưng có điều ánh trăng chiếu trên Bốn Làn Gió nhiều khi làm ta tự hỏi thiên đường còn lại gì nữa. Mặt trăng là một người bạn lớn của ta, cháu Blythe ạ. Ta yêu nàng từ hồi ta còn nhớ được. Hồi ta mới là một đứa trẻ lên tám ta ngủ quên ngoài vườn một đêm nọ mà không ai biết hết. Ta thức dậy một mình lúc nửa đêm và sợ gần chết. Toàn là bóng đen và những âm thanh kỳ dị! Ta không động dậy. Cứ cuộn tròn ở *đó* mà run, thẳng nhóc tội nghiệp. Như kiểu không có ai trên thế gian này ngoài ta mà thế gian thì rộng lớn quá. Rồi đột nhiên ta thấy mặt trăng ngó xuống qua rặng táo, như một người bạn cũ. Ta được an ủi ngay. Đứng dậy và đi về nhà dững cảm như một con sư tử, vừa đi vừa nhìn trăng. Rất nhiều đêm ta đã nhìn nàng từ boong tàu của mình, trên những vùng biển xa xôi. Sao mấy người không bảo ta ngâm mồm lại và đi về cho rồi đi?”

Tiếng cười của những lời chúc ngủ ngon dần tắt. Anne và Gilbert tay trong tay dạo bước quanh vườn. Con suối vắt ngang góc vườn gọn sóng trong vắt dưới hàng bu lô. Những bông anh túc ở đôi bờ như những chiếc cốc nông đong đầy ánh trăng. Những bông hoa đã được bàn tay cô dâu thầy giáo trồng xuống tung sự ngọt ngào của chúng vào không khí, như vẻ đẹp và phúc lành từ những ngày đã qua đầy thiêng liêng. Anne dừng trong bóng tối để ngắt một canh hoa.

“Em thích ngủi hoa trong bóng tối,” cô nói. “Lúc đó ta nắm bắt được tâm hồn chúng. Ôi, Gilbert, căn nhà nhỏ này là tất cả những gì em từng mơ ước. Và em rất mừng là chúng ta không phải những người đầu tiên giữ gìn đỉnh ước hôn nhân ở đây!”

8. Cô Cornelia Bryant ghé chơi

Tháng Chín năm ấy là một tháng Chín sương vàng khói tím tại vũng Bốn Làn Gió... một tháng Chín của những ngày đầm nắng và những đêm ngụp lặn trong ánh trăng, hay phập phồng những vì sao. Không một trận bão nào làm xậy xước tháng Chín, không cơn gió dữ nào thổi qua. Anne và Gilbert thu xếp tổ ấm của họ, lang thang trên bờ biển, dong thuyền trên vịnh, đánh xe quanh Bốn Làn Gió và Glen, hay qua những con đường rừng cô tịch mọc đầy dương xỉ quanh vịnh cảng; tóm lại, họ đã có một tháng trăng mật mà bất cứ cặp tình nhân nào trên thế giới cũng phải ghen tị.

“Nếu cuộc sống có phải dừng lại ngăn ngủi ngay bây giờ thì nó vẫn vô cùng đáng sống, nếu chỉ nhờ bốn tuần vừa qua, phải không anh?” Anne nói. “Chắc chúng ta sẽ chẳng bao giờ có lại bốn tuần hoàn hảo đến thế nữa đâu... nhưng chúng ta *đã* có. Mọi thứ... gió, thời tiết, bạn bè, căn nhà mơ ước... đã thông đồng với nhau để làm cho tháng trăng mật của chúng ta thật diệu kỳ. Chưa có đến một ngày mưa từ lúc chúng mình đến đây.”

“Và chúng ta cũng chưa cãi nhau lần nào,” Gilbert trêu.

“À, ‘đấy là một lạc thú hoãn được chừng nào tốt chừng đấy,’ ” Anne trích. “Em rất vui là chúng mình đã quyết định trải qua kỳ trăng mật tại đây. Những ký ức của chúng ta về nó sẽ luôn thuộc về nơi này, trong ngôi nhà mơ ước của chúng ta, thay vì rải rác khắp những nơi chốn xa lạ.”

Có một âm sắc lãng mạn và phiêu lưu nhất định trong không gian căn nhà

mới của họ mà Anne chưa bao giờ tìm thấy ở Avonlea. Ở Avonlea, mặc dù cô đã sống trong tầm nhìn thấy biển, biển chưa bao giờ bước vào đời cô một cách mật thiết. Ở Bốn Làn Gió, biển bao bọc lấy cô và gọi cô không ngớt. Từ mọi ô cửa sổ căn nhà mới của mình, cô thấy được một góc luôn biến đổi nào đó của biển. Tiếng rì rào ám ảnh của nó luôn ở trong tai cô. Những chiếc tàu ngày ngày dong vào vịnh để cập cầu cảng ở Glen, hay giương buồm trở ra trong ánh hoàng hôn, đến những bến bờ chưa biết chừng cách cả nửa vòng trái đất. Những thuyền cá lướt đôi cánh trắng xuống kênh nước vào buổi sáng, và trở về trĩu nặng vào ban đêm. Thủy thủ và dân chài đi trên những con đường cảng đất đỏ quanh co, vui vẻ và hài lòng. Lúc nào cũng có cảm giác mọi điều đang sắp sửa xảy ra - những cuộc phiêu lưu và những chuyến đi. Đường ở Bốn Làn Gió ít phẳng lặng, ổn định và mòn cũ như đường ở Avonlea; những ngọn gió của sự đổi thay thổi tràn qua chúng; biển vẫn gọi liên hồi những cư dân trên bờ, và ngay cả những người có thể không trả lời tiếng gọi đó cũng cảm nhận được sự hào hứng và biến động và bí ẩn cũng như những tiềm năng của nó.

“Giờ thì em hiểu vì sao một số người nhất định phải ra biển,” Anne nói. “Cái khao khát đến với tất cả chúng ta, lúc này hay lúc khác - ‘dong buồm vượt ra ngoài biên giới của hoàng hôn’ - hẳn phải mãnh liệt lắm một khi nó nảy nở trong ta. Em không ngạc nhiên khi thuyền trưởng Jim chạy theo tiếng gọi của nó. Em không bao giờ nhìn một con tàu lướt ra ngoài kênh nước, hay một con chim mòng tung cánh qua đồi cát, mà không ao ước mình cũng ở trên boong tàu hoặc có cánh, không phải như một chú bồ câu ‘tung cánh hòa bình’, mà như một con mòng biển, sai cánh bay ra vào tận trái tim của một cơn bão.”

“Em sẽ ở nguyên đây với anh, bé Anne ạ,” Gilbert nói vẻ lười biếng. “Anh sẽ không cho em rời khỏi anh bay vào các tâm bão nọ kia đâu.”

Họ đang ngồi trên bậc thềm sa thạch đỏ vào một buổi chiều muộn. Vẻ bình yên tuyệt diệu ngự trị khắp chung quanh hai người trong đất và biển và trời. Những chú mòng biển màu bạc đang bay lượn trên đầu họ. Đường chân trời viền những dải mây mỏng dài màu hồng hồng. Một điệp khúc gió và sóng du ca thì thầm xâu chỉ qua không gian nín lặng. Những bông cúc tây tím nhạt đọng đưa trên những đồng cỏ khô mù sương giữa căn nhà và vịnh cảng.

“Các bác sĩ phải thức cả đêm trông người bệnh chắc chẳng máu phiêu lưu

lắm đâu nhỉ,” Anne ngoan ngoãn nói. “Nếu đêm qua mà anh được ngủ ngon, Gilbert ạ, thì anh cũng sẽ sẵn sàng cho một chuyến bay tưởng tượng giống em thôi.”

“Đêm qua anh đã làm việc tốt, Anne ạ,” Gilbert nhẹ nhàng nói. “Dưới Chúa, anh đã cứu một mạng người. Đây là lần đầu tiên anh có thể thật sự thừa nhận điều đó. Trong các trường hợp khác có lẽ anh cũng giúp phần nào; nhưng mà, Anne ạ, nếu đêm qua anh không ở lại nhà Allonby mà tay bo chiến đấu với thần Chết, thì người phụ nữ ấy đã chết trước lúc trời sáng rồi. Anh đã thử nghiệm một phương pháp chắc chắn trước đây chưa bao giờ được làm thử ở Bốn Làn Gió. Anh nghi là thậm chí nó còn chưa được thử nghiệm ở bất cứ nơi nào khác ngoài bệnh viện. Đây là một phương pháp mới ở bệnh viện Kingsport từ mùa đông trước. Anh đã không bao giờ dám thử nếu anh không hoàn toàn chắc chắn là không còn bất cứ cơ hội nào khác. Anh đã liều... và đã thành công. Kết quả là, một người vợ và một người mẹ tốt đã được cứu để sống thêm nhiều năm hạnh phúc và hữu ích. Lúc anh đánh xe về nhà sáng nay, khi mặt trời ló lên trên cảng, anh đã cảm tạ Chúa vì anh đã chọn nghề mình đang làm. Anh đã đánh một trận cừ và đã thắng - em hãy nghĩ đi Anne, *chiến thắng* Kẻ Hủy Diệt Vĩ Đại. Đây là điều anh mơ ước từ rất lâu rồi khi chúng ta cùng nhau nói về những điều ta muốn làm trong đời. Giấc mơ ấy của anh đã trở thành sự thật sáng hôm nay.”

“Đấy có phải là giấc mơ duy nhất của anh đã trở thành sự thật không?” Anne hỏi, hoàn toàn biết rõ đại ý câu trả lời của anh sẽ là gì, nhưng vẫn muốn nghe lại một lần nữa.

“*Em* biết mà, bé Anne,” Gilbert nói, mỉm cười nhìn mắt cô. Vào giây phút ấy chắc chắn có hai con người hoàn toàn hạnh phúc ngồi trên bậc thềm của một căn nhà trắng nhỏ trên bờ vịnh cảng Bốn Làn Gió.

Đúng lúc đó Gilbert nói, đổi giọng, “Có phải anh đang thấy một con tàu trang bị đủ đồ nghề đang dong buồm hướng lên đường vào nhà mình không nhỉ?”

Anne nhìn và bật dậy.

“Chắc là cô Cornelia Bryant hoặc là bà Moore đến hỏi thăm đấy,” cô nói.

“Anh vào văn phòng đây, và nếu đấy là cô Cornelia thì anh cảnh cáo em là anh sẽ nghe lén đấy,” Gilbert nói. “Từ những gì nghe được về cô Cornelia,

anh kết luận là cuộc chuyện trò với cô ấy sẽ không nhàm chán đâu, đây là nói nhẹ nhất rồi đây.”

“Có thể là bà Moore.”

“Anh không nghĩ bà Moore có dáng người như vậy. Hôm trước anh thoáng thấy bà ấy làm việc trong vườn, và, mặc dù đứng xa quá không nhìn rõ được, anh nghĩ bà ấy trông khá thanh mảnh. Bà ấy có vẻ không thích giao thiệp xã hội cho lắm khi mà vẫn chưa đến hỏi thăm em, mặc dù bà ấy là láng giềng gần nhất của chúng ta.”

“Chí ít thì bà ấy cũng không thể giống như bà Lynde, bằng không thì trí tò mò đã mang bà ấy đến rồi,” Anne nói. “Người khách này, em nghĩ, là cô Cornelia.”

Đúng là cô Cornelia; hơn nữa, cô Cornelia không đến chỉ để thăm hỏi đám cưới ngắn gọn và xã giao. Cô cắp theo một bộ đồ nghề đựng trong một cái gói to đùng, và khi Anne mời cô ở lại cô đang hoàng cỡi chiếc mũ đi nắng to uỳnh, được gắn lên đầu cô, bất chấp những cơn gió tháng Chín xắc lảo, bằng một dải băng chun chặt ních buộc dưới một búi tóc vàng nhỏ chặt. Không kim băng cài mũ cho cô Cornelia, cảm ơn nhé! Dây chun đã là đủ cho mẹ cô, và chúng cũng đủ cho cô. Cô có khuôn mặt tươi tắn, tròn trịa, trắng hồng, và đôi mắt nâu vui vẻ. Cô không giống một “bà cô già” truyền thống tí nào, và có gì đó trong cung cách của cô chiếm ngay được cảm tình của Anne. Với sự nhanh nhạy bản năng trong việc tìm kiếm những tâm hồn đồng điệu, cô biết cô sẽ thích cô Cornelia, bất chấp một số khác biệt chưa xác định về chính kiến, và những khác biệt rõ ràng về cách ăn mặc.

Không ai ngoài cô Cornelia đến thăm nhà mà lại khoác lên mình một cái tạp dề sọc xanh trắng và một chiếc áo choàng màu sô cô la với hoa văn in hình những bông hồng to tướng vương vãi trên đó. Và không ai ngoài cô Cornelia có thể trông đường hoàng và phù hợp khi ăn mặc như thế. Giá kể cô Cornelia có bước vào một cung điện để thăm hỏi cô dâu của một hoàng tử, thì cô trông cũng sẽ đường hoàng và hoàn toàn làm chủ bản thân y như vậy. Cô sẽ lê cái viền váy hoa hồng của mình trên mặt sàn đá cẩm thạch cũng với vẻ vô tư lự như thế, và cô cũng sẽ bình thản tiến hành quá trình làm cho nàng công chúa kia tỉnh ngộ nếu nàng ta manh nha có ý nghĩ rằng việc sở hữu một gã đàn ông, dù đây là hoàng tử hay nông dân, là một cái gì đáng để mà khoác lác.

“Ta có mang theo đồ nghề đây, cháu Blythe, cung ạ,” bà nhận xét, tháo ra một ít vật liệu rất thanh nhã. “Ta đang vội làm cho xong cái này, và không còn thì giờ đâu để mà bỏ phí nữa.”

Anne nhìn với chút ngạc nhiên chỗ vải trắng trải khắp trên lòng cô Cornelia. Rõ ràng đây là một chiếc váy cho trẻ con, và nó mới đẹp làm sao chứ, những viền những nếp bé tí ti. Cô Cornelia chỉnh lại kính và chú mục vào thêu những đường chỉ thật là tinh tế.

“Cái này là cho Fred Proctor ở trên Glen,” bà tuyên bố. “Chị chàng sắp sinh đứa thứ tám tới nơi rồi, mà chưa chuẩn bị cho nó lấy một cái áo cái quần nào. Bầy đứa trước đã mặc nát tất cả những gì chị ta may cho đứa thứ nhất, và chị ta không bao giờ có thì giờ hay sức lực hay tinh thần để may thêm cái gì nữa. Người đàn bà ấy đúng là một tu sĩ tử vì đạo đấy, tin *ta* đi, cháu Blythe ạ. Khi chị ta cưới Fred Proctor *ta* đã biết chuyện sẽ thành ra như thế nào rồi, một gã đòi bại và hấp dẫn. Sau khi hắn lấy vợ hắn hết hấp dẫn mà chỉ tiếp tục đòi bại. Hắn uống rượu vào rồi hắn bỏ bê gia đình. Đúng là đồ đàn ông! Ta cũng không biết Proctor làm thế nào mà giữ cho con cái chị ta ăn mặc tử tế nếu hàng xóm không đỡ cho nữa.”

Như Anne sau này sẽ biết, cô Cornelia là người hàng xóm duy nhất mất công lo cho sự tử tế của mấy đứa nhỏ nhà Proctor.

“Khi nghe tin đứa trẻ thứ tám này sắp chào đời ta đã quyết định sẽ làm vài thứ cho nó,” cô Cornelia nói tiếp. “Đây là cái cuối cùng và ta muốn làm cho xong luôn hôm nay.”

“Nó rõ ràng là rất đẹp ạ,” Anne nói. “Cháu sẽ lấy bộ đồ thêu của cháu và chúng ta sẽ có một nhóm may vá nhỏ gồm có hai người. Cô may đẹp quá, cô Bryant ạ.”

“Ừ, ta là thợ may khéo nhất vùng này đấy,” cô Cornelia nói bằng giọng thản nhiên. “Phải thế chứ còn gì nữa! Chúa ơi, ta may đồ còn nhiều hơn cả nếu ta có một trăm đứa con ruột, tin *ta* đi! Ta nghĩ ta thật là đồ ngọc, ta thêu tay trên cái váy này cho một đứa con thứ tám. Nhưng, Chúa ơi, cháu Blythe, cung ạ, làm sao đổ lỗi cho nó vì nó là đứa con thứ tám được, và ta thì đại loại hy vọng nó có một cái váy thật xinh, như thể *nó* là một đứa con *được* mong chờ vậy. Chả ai thêm cái con bé tội nghiệp đó cả... thế nên ta bày vẽ thêm chút xíu trên mấy thứ đồ của nó chỉ riêng vì điều đó.”

“Bất cứ đứa trẻ nào cũng có thể tự hào về chiếc váy đó,” Anne nói, cảm nhận ngày càng mạnh mẽ là mình sẽ thích cô Cornelia.

“Ta đoán cháu đã nghĩ ta sẽ chẳng bao giờ đến hỏi thăm cháu,” cô Cornelia nói tiếp. “Nhưng đang là tháng gặt, cháu biết đấy, và ta bận lắm... rất nhiều công nhân làm thêm lớn vồn xung quanh, ăn nhiều làm ít, đúng là đồ đàn ông. Ta định sang hôm qua, nhưng lại phải đến dự đám tang của bà Roderick MacAllister. Ban đầu ta nghĩ đâu mình nhúc quá, không thể nào vui vẻ được nếu mà đi. Nhưng bà ta một trăm tuổi lận, và ta lúc nào cũng tự hứa với lòng là sẽ đi dự đám tang của bà ta.”

“Đám tang có... ừm, thuận lợi không ạ?” Anne hỏi, nhận thấy cửa phòng làm việc đang he hé.

“Cái gì cơ? À, có, đám tang hoành tráng lắm. Bà ta quan hệ rộng lắm. Có tới hơn một trăm hai mươi cỗ xe trong lễ đưa tang. Có một hai chuyện tức cười xảy ra. Ta tưởng ta chết tới nơi khi thấy lão già Joe Bradshaw, vốn không theo đạo và chưa bao giờ hất bóng lên cửa một cái nhà thờ nào, lại hát bài ‘An toàn trong vòng tay của đức Jesus’ nhiệt tình hăng hái tới mức đó. Ông già nổi danh hát hay... chính vì thế ông không bỏ qua một đám tang nào. Bà già Bradshaw tội nghiệp trông không có vẻ gì là thích hát hò... nai lưng phục vụ chồng con đã mệt chết ra rồi. Thỉnh thoảng ông già Joe lại lên đường đi mua cho bà vợ một món quà nhưng rồi lại lôi về nhà một món máy móc nông trại mới nào đó. Đúng là đồ đàn ông! Nhưng một người đàn ông mà không bao giờ đi nhà thờ, ngay cả nhà thờ Giám lý, thì trông mong được gì? Ta thật mừng khi thấy cháu với bác sĩ trẻ trong nhà thờ Trưởng lão hôm Chủ nhật đầu tiên các cháu tới đây. Không Trưởng lão thì không có bác sĩ bác siếc gì với ta sất.”

“Tôi Chủ nhật tuần trước chúng cháu mới đi nhà thờ Giám lý đấy ạ,” Anne ranh mãnh nói.

“Ồ, ta đoán bác sĩ Blythe thỉnh thoảng cũng phải đi nhà thờ Giám lý, nếu không thì sẽ mất bệnh nhân bên đó.”

“Chúng cháu thích bài giảng đạo hôm đó lắm,” Anne bạo gan tuyên bố. “Và cháu nghĩ lời cầu nguyện của vị mục sư Giám lý là một trong những lời cầu nguyện hay nhất cháu từng được nghe.”

“Ồ, ta không nghi ngờ chuyện thằng cha ấy biết cầu nguyện. Ta chưa bao

giờ nghe ai cầu nguyện hay hơn ông già Simon Bentley, lúc nào cũng say, hoặc sắp say, mà càng say thì ông ta cầu nguyện càng hay.”

“Mục sư Giám lý rất đẹp trai,” Anne nói, vì lợi ích của cánh cửa phòng làm việc.

“Đúng, hẳn khá chải chuốt,” cô Cornelia đồng ý. “Ồ, và rất chi nữ tính. Và hẳn nghĩ cô gái nào nhìn hẳn cũng sẽ sa bẫy tình yêu với hẳn... như thể một mục sư Giám lý, cả lơ phất phơ như một tên Do Thái, là cái quý báu lắm ấy! Nếu cháu và bác sĩ trẻ mà nghe lời khuyên *của ta*, thì các cháu không nên dính dáng nhiều đến đám Giám lý. Phương châm của ta là... nếu đã là người của Giáo hội Trưởng lão, hãy cư xử cho ra người Trưởng lão.”

“Cô không nghĩ là người theo Giáo hội Giám lý cũng được lên thiên đường như người theo Giáo hội Trưởng lão sao?” Anne hỏi, không cười cợt.

“Chuyện đó đâu đến lượt *chúng ta* quyết định. Nó nằm trong những bàn tay cao hơn chúng ta, cô Cornelia nghiêm trang nói. “Nhưng ta sẽ không dây dưa với bọn họ trên mặt đất, dù ta có thể phải làm thế trên thiên đường. Cái gã mục sư Giám lý *này* chưa lấy vợ. Ông trước thì có vợ, và vợ ông ta là cái thứ ngờ nghệch, đồng bóng nhất ta từng thấy. Có lần ta nói với chồng cô ta rằng ông ta lẽ ra nên đợi tới khi cô ta lớn rồi hãy lấy làm vợ. Ông ta bảo ông ta muốn được huấn luyện vợ. Đúng là đồ đàn ông!”

“Cũng hơi khó xác định chính xác khi nào thì con người ta lớn,” Anne bật cười.

“Cháu nói đúng đó cung. Một số người mới sinh ra đã trưởng thành rồi, và số khác đến tám mươi tuổi cũng chưa lớn, tin *ta* đi. Cái bà Roderick ta mới đó cũng không bao giờ lớn. Một trăm tuổi rồi bà ta vẫn ngốc y như hồi lên mười.”

“Có lẽ vì vậy mà bà ấy sống lâu đến thế,” Anne gợi ý.

“Chắc vậy. *Ta* thà sống năm mươi năm biết điều còn hơn một trăm năm ngơ ngốc.”

“Nhưng cứ thử nghĩ thế giới này sẽ tẻ nhạt biết bao nhiêu nếu ai ai cũng đầy lý trí,” Anne nài nỉ.

Cô Cornelia coi thường mọi cuộc đôi co về thơ thần vắn vèo vợ vắn.

“Bà Roderick là một người nhà Milgrave, và nhà Milgrave chưa bao giờ có mấy đầu óc cả. Cháu trai của bà ta, Ebenezer Milgrave, hồi xưa còn bị mất trí cả mấy năm trời kia. Hắn tưởng mình chết rồi và thường nổi cơn tam bành với cô vợ vì cô ta không chịu chôn hắn. Phải tay *ta* là ta chôn luôn!”

Cô Cornelia trông quyết tâm sắt đá tới mức Anne gần như có thể hình dung ra cô với một con dao bầu trong tay.

“Cô *không* biết người chồng nào tốt hết sao, cô Bryant?”

“Ồ, có, đây... ngoài kia kia,” cô Cornelia nói, vẫy tay qua cửa sổ mở về phía khu nghĩa trang nhỏ của nhà thờ phía bên kia cảng.

“Nhưng mà còn sống ấy... đi lại bằng xương bằng thịt ấy?” Anne khẳng khái.

“Ồ, cũng có vài tay, để thấy là với Chúa mọi thứ đều có thể,” cô Cornelia thừa nhận một cách miễn cưỡng. “Ta không phủ nhận là chỗ nọ chỗ kia cũng có một vài gã đàn ông lạc loài, nếu tóm được sớm và huấn luyện đúng cách, và nếu mẹ gã đã tét mông gã ra trò từ trước, có thể thành ra người tử tế. Chồng *cháu* này, cũng không đến nỗi tồi, xét theo tiêu chuẩn đàn ông, từ những gì ta nghe được. Ta đoán,”... cô Cornelia nhìn Anne một cái sắc lẹm qua cặp kính... “cháu cho rằng trên đời này không có ai như chồng cháu.”

“Không có đâu ạ,” Anne đàng hoàng nói.

“À ờ, ta từng nghe một cô dâu nói câu đó một lần rồi,” cô Cornelia thờ dãi. “Jennie Dean lúc cưới đã nghĩ không có ai như chồng *cô ta* trên đời này. Và cô ta nói đúng... làm gì có! Đúng quá đi mà, tin *ta* đi! Hắn ta dẫn cô ta vào một cuộc đời kinh khủng... và lúc cô ta hấp hối thì hắn đang tán cô vợ thứ hai của hắn. Đúng là đồ đàn ông! Tuy nhiên, ta hy vọng sự tự tin của *cháu* có cơ sở hơn, cung ạ! Bác sĩ trẻ đang được tiếng lắm. Lúc đầu ta sợ là không được đâu, vì bà con quanh đây lúc nào cũng nghĩ bác sĩ Dave già là bác sĩ duy nhất trên thế giới. Bác sĩ Dave không khôn khéo gì cho lắm, chắc chắn rồi... toàn nói chuyện dây thừng trong nhà có người treo cổ thôi. Nhưng dân tình hề đau bụng là quên để bụng. Nếu bác ấy mà là mục sư thay vì bác sĩ thì đừng hòng người ta tha thứ cho bác ấy. Ta thấy là cả hai đứa đều là người Giáo hội Trưởng lão và không có gã Giám lý nào ở quanh đây, cháu có thể cho ta biết ý kiến thẳng thắn của cháu về mục sư *của chúng ta* được không?”

“Chà... thật tình... cháu... ừm,” Anne ngân ngữ.

Cô Cornelia gật đầu.

“Chính xác. Ta đồng ý với cháu, cung ạ. Chúng ta đã phạm một sai lầm khi thuê *ông ta*. Cái mặt ông ta trông đúng như một trong mấy cái bia mộ dài và hẹp trong nghĩa trang, nhỉ? Đáng lẽ người ta nên khắc lên trán ông ta dòng chữ ‘Thiên liêng trong ký ức’ mới phải. Ta sẽ không bao giờ quên được bài đầu tiên ông ta giảng lúc về đây. Nó nói về việc tất cả mọi người nên làm việc mà họ thấy hợp với mình nhất... một đề tài rất hay, dĩ nhiên; nhưng những minh họa ông ta dùng chứ! Ông ta nói, ‘Nếu các bạn có một con bò và một cây táo, và nếu bạn buộc cây táo trong chuồng rồi trồng con bò trong vườn, bốn chân giơ lên, liệu bạn sẽ lấy được bao nhiêu sữa từ cây táo và mấy quả táo từ con bò?’ Trần đời cháu đã bao giờ nghe thứ gì như vậy chưa cung? Ta mừng hết lớn là hôm ấy không có gã Giám lý nào ở đó... bằng không thì chúng nó lại nhả bình loạn cả đời chẳng hết. Nhưng cái ta không thích nhất ở ông ta là thói quen đồng ý với tất cả mọi người, dù người ta có nói chuyện gì. Nếu cháu nói với ông ta, ‘Ông là đồ cà chớn,’ ông ta sẽ nói, kèm theo cái nụ cười nuột nà, ‘Đúng, chính thế.’ Một mục sư phải có nhiều chính kiến hơn tí chứ. Nói dài nói ngắn, nói tóm lại là, ta xem ông ta là một gã mục sư chết tiệt. Nhưng, dĩ nhiên, đó là giữa ta với cháu thôi nhé. Dân tình có người nghĩ vợ ông ta ăn mặc vui vẻ qua, *ta* thì bảo là khi bà ta phải sống với một cái mặt như vậy thì bà ta cần cái gì đó để làm mình vui lên chứ. Cháu sẽ không bao giờ nghe ta kết tội một phụ nữ vì quần áo của cô ta. Chồng cô ta không quá keo kiệt xấu tính mà cho cô ta ăn diện là ta mừng hết lớn rồi. Nói vậy không phải là bản thân ta quan tâm đến quần áo gì lắm đâu. Phụ nữ chỉ mặc đẹp để chiều lòng đàn ông, và ta không bao giờ hạ mình tới mức *đó*. Ta đã sống một đời bình lặng, dễ chịu, và chính là vì ta không bao giờ để ý một xu tới những gì đàn ông nghĩ.”

“Sao cô ghét đàn ông thế, hờ cô Bryant?”

“Chúa ơi, cung à, ta không ghét họ. Họ không đáng. Ta chỉ đại loại là coi thường họ. Ta nghĩ ta sẽ thích chồng *cháu* nếu nó tiếp tục như nó đã bắt đầu. Nhưng ngoài nó ra thì hai người đàn ông duy nhất trên thế giới ta thấy có chút tác dụng là ông bác sĩ già và thuyền trưởng Jim.”

“Thuyền trưởng Jim đương nhiên là tuyệt vời rồi,” Anne đồng ý nhiệt thành.

“Thuyền trưởng Jim là người tốt, nhưng ông ấy cũng làm ta bực mình theo một kiểu khác. Người ta *không làm sao* cho ông ấy bực mình lên được. Ta đã cố gắng hai mươi năm nay mà ông ấy vẫn điềm tĩnh. Làm ta khá là bứt rứt. Mà ta đoán cái bà ông ấy đáng lẽ đã lấy làm vợ thế nào cũng vớ được một gã ngày nọ khùng hai bận.”

“Bà ấy là ai thế ạ?”

“Ồ, ta không biết, cưng ạ. Ta chẳng nhớ thuyền trưởng Jim có bao giờ để ý tới ai không. Ông ấy đã chớm già từ hồi ta bắt đầu nhớ được. Ông ấy bảy mươi sáu tuổi rồi, cháu biết đấy. Ta chưa bao giờ nghe được bất cứ lý do gì khiến ông ấy chịu cảnh độc thân, nhưng chắc chắn là có lý do, tin *ta* đi. Ông ấy đi biển cả đời cho mãi đến năm năm trước, và không có xó xỉnh nào trên trái đất mà ông ấy chưa chọc mũi vào. Ông ấy với Elizabeth Russell là bạn chí cốt, cả đời luôn ấy, nhưng họ chưa bao giờ có chút ý nghĩ yêu đương gì. Elizabeth chẳng bao giờ lấy chồng, mặc dù cũng có nhiều cơ hội. Hồi trẻ bà ấy đẹp lắm. Cái năm hoàng tử xứ Wales đến thăm đảo, bà ấy đang đến chơi nhà ông chú làm nhân viên chính phủ ở Charlottetown, thế là bà ấy được mời dự buổi vũ hội. Bà ấy là cô gái đẹp nhất ở đấy, và hoàng tử nhảy với bà, thế là tất cả đám phụ nữ khác không được ông ta nhảy cùng liền phát rồ lên, vì địa vị xã hội của họ cao hơn bà ấy và họ nói ông ta không nên bỏ qua họ. Elizabeth rất chi là tự hào vì điệu nhảy ấy. Đám ác mồm nói đấy là lý do vì sao bà ấy không lấy chồng... không chịu nổi bất cứ người đàn ông bình thường nào nữa sau khi đã nhảy với một hoàng tử. Nhưng không phải vậy đâu. Có lần bà ấy kể cho ta biết vì sao... đó là vì bà ấy có tính khí nóng như lửa nên bà ấy sợ không thể sống yên bình với ông nào hết. Bà ấy nóng tính *thật* ấy chứ... thỉnh thoảng bà ấy thường phải đi lên lầu căn cho cái tủ com một mấy miếng để hạ hỏa mà. Nhưng ta bảo đấy không phải là lý do để không lấy chồng nếu bà ấy muốn. Không lý gì chúng ta phải để cho bọn đàn ông độc quyền nóng tính, phải vậy không, cháu Blythe cưng?”

“Bản thân cháu cũng hơi nóng tính đấy ạ,” Anne thở dài.

“Thế là tốt con ạ. Vậy mới không dễ bị giẫm đạp lên, tin *ta* đi! Ôi kìa, đám cúc vàng của cháu nở đẹp chưa kìa! Vườn nhà cháu trông ổn đấy. Elizabeth tội nghiệp chăm bẵm khu vườn này ghê lắm.”

“Cháu yêu nó lắm,” Anne nói. “Cháu rất mừng là nó toàn những loại hoa lỗi mốt. Nói về làm vườn, chúng cháu muốn nhờ một người đào chỗ đất nhỏ phía sau rặng linh sam lên và trồng mấy cây dâu tây cho chúng cháu. Gilbert

bận quá, mùa thu này anh ấy sẽ chẳng có thời gian cho việc đó đâu. Cô có biết chúng cháu có thể thuê ai được không?”

“À, Henry Hammond trên Glen làm mấy việc đó. Chắc là thằng cha đấy cũng được. Lúc nào hắn cũng quan tâm đến tiền công hơn là công việc, đúng là đồ đàn ông, và hắn chậm hiểu đến nỗi có khi đứng đờ ra năm phút mới phát hiện ra là mình đã đờ. Cha hắn ném một gốc cây vào người hắn lúc hắn còn bé mà. Một quả tên lửa nhẹ nhàng dịu dàng, phải không nào? Đúng là đồ đàn ông! Nhưng hắn là người duy nhất ta có thể giới thiệu cho cháu. Hắn sơn cho ta cái nhà hồi mùa xuân năm ngoái. Giờ trông khá là xinh đẹp đấy chứ, cháu có nghĩ vậy không?”

Anne được cứu nhờ tiếng đồng hồ điểm năm giờ.

“Chúa ơi, trễ vậy rồi đó hả?” cô Cornelia la làng. “Lúc vui vẻ thì thời gian trôi cái vèo vậy đó! Thôi, ta phải vác xác về nhà đây.”

“Không được đâu! Cô phải ở lại dùng trà với bọn cháu chứ,” Anne nhiệt thành nói.

“Cháu mời ta vì cháu nghĩ cháu nên mời, hay vì cháu thật sự muốn thế?” cô Cornelia hắt hàm hỏi.

“Vì cháu thực lòng muốn thế.”

“Thế thì ta sẽ ở lại. *Cháu* thuộc lớp người quen của Joseph.”

“Cháu biết là chúng ta sẽ là bạn bè mà,” Anne nói, với một nụ cười mà chỉ những người có cùng đức tin đó mới được nhìn thấy.

“Đúng là như thế, cưng ạ. Cảm ơn Chúa, ta có thể chọn bạn mà chơi. Ta phải chấp nhận bà con họ hàng như họ vốn thế, và phải lấy làm biết ơn nếu không có con chiên ghẻ nào trong nhà. Mà ta cũng chả có nhiều họ hàng gì cho cam... không có ai gần hơn đám anh chị em họ xa xa. Ta là một linh hồn khá cô đơn, cháu Blythe ạ.”

Có một nốt nuối tiếc trong giọng cô Cornelia.

“Cháu hy vọng cô có thể gọi cháu là Anne,” Anne bộc phát kêu lên. “Nhu thể nghe sẽ thân mật hơn. Mọi người ở Bốn Làn Gió, trừ chồng cháu, đều gọi cháu là bà Blythe, làm cháu thấy mình như người lạ ấy. Cô có biết tên cô rất

gần với cái tên mà cháu khao khát lúc cháu còn bé không. Cháu ghét tên ‘Anne’ và tự gọi mình là ‘Cordelia’ trong tưởng tượng.”

“Ta thích tên Anne. Đây là tên mẹ ta. Cứ tên kiểu cũ là hay nhất và ngọt ngào nhất theo ý ta. Nếu cháu định đi dọn bữa trà thì nên gọi bác sĩ trẻ ra nói chuyện với ta đi. Nó nằm trên chiếc sofa trong cái văn phòng đó từ lúc ta đến, cười sấp chết vì những gì ta nói nãy giờ.”

“Làm sao cô biết?” Anne kêu lên, hoảng hồn trước ví dụ về khả năng nhận biết phi thường này của cô Cornelia đến nỗi không buồn chối cho lịch sự.

“Ta thấy nó ngồi cạnh cháu lúc ta đi bộ trên đường, và ta biết mảnh khóc của đám đàn ông,” cô Cornelia vặn lại. “Đó, ta đã may xong cái váy nhỏ của ta rồi, cưng ạ, và đưa bé thứ tám có thể chui ra bất cứ khi nào nó thích.”

9. Một tối ở mũi đất Bốn Làn Gió

Mãi cuối tháng Chín Anne và Gilbert mới đến thăm được ngọn hải đăng Bốn Làn Gió như đã hứa. Họ vẫn thường định đi, nhưng lúc nào cũng xảy ra chuyện gì đó ngăn cản họ. Thuyền trưởng Jim đã “tạt qua” căn nhà nhỏ vài lần.

“Ta không khách sáo đâu, cháu Blythe ạ,” ông bảo Anne. “Với ta đến đây là cả một niềm vui thích, và ta không định từ chối bản thân điều đó chỉ vì cháu chưa xuống thăm ta đâu. Không nên có kiểu cò cưa mặc cả như thế trong lớp người quen của Joseph. Ta sẽ đến khi nào có thể, và cháu cứ đến khi nào đến được, và miễn là được nói chuyện vui vẻ với nhau thì trên đầu là mái nhà ai chẳng quan trọng gì hết.”

Thuyền trưởng Jim hết sức thích thú với Gog và Magog, hai con chó sù đang ngủ trên bệ sưởi trong căn nhà nhỏ cũng kiêu hãnh và trang nghiêm như hồi chúng còn ở nhà Patty.

“Hai cái con này dễ thương quá trời,” ông thường nói một cách thích thú; và ông chào hỏi chúng lúc đến cũng như lúc về, nghiêm chỉnh, không bao giờ sai khác, cũng như chào hỏi hai vị chủ nhà vậy. Thuyền trưởng Jim không có ý định xúc phạm các vị gia thần bởi sự thiếu sót trong tôn kính cũng như lễ nghi.

“Cháu đã thu vén căn nhà này gần như hoàn hảo,” ông nói với Anne. “Chưa bao giờ nó được xinh xắn như thế này. Cô Selwyn cũng có khiếu thẩm mỹ giống cháu và cô ấy làm được nhiều thứ tuyệt lắm; nhưng bà con thời đấy làm gì có mấy cái rèm cửa nhỏ xinh rồi tranh ảnh và hòm bà lằng các thứ như các cháu có bây giờ. Còn Elizabeth, cô ấy sống trong quá khứ. Cháu đã gần như đem tương lai vào nhà, nô nôm na thế. Ta sẽ vẫn thật là hạnh phúc ngay cả khi chúng ta không nói chuyện gì hết, khi ta đến đây... chỉ ngồi ngắm cháu và đám tranh và hoa của cháu đã đủ sướng rồi. Đẹp... đẹp lắm!”

Thuyền trưởng Jim là kẻ tôn thờ nhiệt thành cái đẹp. Mọi thứ đáng yêu nghe được hay nhìn thấy đều mang cho ông một niềm vui sâu sắc, tinh tế, tỏa sáng cuộc đời ông. Ông cũng ý thức rất rõ việc mình thiếu một vẻ ngoài dễ nhìn, và than vãn về điều ấy.

“Bà con nói ta tốt,” một dịp nọ ông nhận xét về chua chát, “nhưng thỉnh thoảng ta ước Chúa trời đúc ta tốt phân nửa thôi và để phần còn lại vào vẻ bề ngoài. Nhưng đó, ta nghĩ Ngài biết Ngài đang làm gì, như một thuyền trưởng giỏi vậy. Một số người trong chúng ta phải xấu xí, không thì những người đẹp - như cháu Blythe đây - sẽ không được nổi bật như thế.”

Một buổi chiều nọ Anne và Gilbert cuối cùng cũng đi bộ xuống ngọn hải đăng Bốn Làn Gió. Ngày khởi đầu u ám trong mây xám và sương mù, nhưng đã kết thúc trong vẻ trắng lệt tím vàng. Bên những ngọn đồi phía Tây đằng sau vịnh cảng là những vùng nước sâu thẳm màu hổ phách và những vùng nước nông trong ngắt, với ánh lửa hoàng hôn bên dưới. Phía Bắc là một vùng mây trời li ti vàng rực như lửa. Ánh đỏ bùng lên trên những cánh buồm trắng của một con tàu đang lướt dọc kênh nước, hướng về một hải cảng phía Nam trên một vùng đất đầy cây cọ. Phía sau con tàu, ánh hoàng hôn ập xuống và nhuộm hồng những khuôn mặt trắng sáng ngời, nhẵn cổ của những đụn cát. Về bên phải, ánh sáng rơi trên căn nhà cũ giữa những cây liễu bên trên con suối, và trong giây phút ngắn ngủi đem lại cho nó những ô cửa sổ rực rỡ hơn cả cửa sổ của một nhà thờ cũ. Chúng tỏa sáng từ vẻ ngoài xám xịt lặng lẽ của căn nhà như những suy nghĩ phập phồng, đỏ máu của một linh hồn sinh động bị cầm tù trong một lớp vỏ môi trường khô khan nhàm chán.

“Ngôi nhà cũ phía trên con suối kia lúc nào cũng có vẻ thật cô đơn,” Anne nói. “Em chưa bao giờ thấy nó có khách khứa đến viếng thăm. Dĩ nhiên, lối vào nhà mở ra đường trên... nhưng em không nghĩ có mấy người

lui tới. Thật kỳ cục là chúng ta vẫn chưa gặp nhà Moore, khi họ chỉ sống cách chúng ta mười lăm phút đi bộ. Em có thể đã nhìn thấy họ ở nhà thờ, dĩ nhiên, nhưng dẫu vậy chắc em cũng không biết. Em rất tiếc là họ ít giao du đến thế, trong khi họ là những hàng xóm duy nhất của chúng ta.”

“Rõ ràng họ không thuộc lớp người quen của Joseph,” Gilbert cười. “Em đã tìm hiểu được ai là cô gái mà em nghĩ là rất đẹp ấy chưa?”

“Chưa. Không hiểu vì sao em chẳng bao giờ nhớ ra để hỏi thăm về cô ấy. Nhưng em cũng chưa gặp cô ấy ở đâu khác cả, thế nên em nghĩ có thể cô ấy là một người lạ. Ô, mặt trời đã lặn rồi kìa... và ngọn hải đăng kia rồi.”

Khi bóng chiều sẫm dần, con mắt đèn không lồ cắt từng vạt sáng xuyên qua hoàng hôn, quét một vòng tròn qua những cánh đồng và khu cảng, còn cát ngậm và vùng vịnh.

“Em có cảm giác như nó có thể bắt lấy em và cuốn em hàng hải lý ra biển,” Anne nói, khi một làn đèn tưới đẫm họ trong ánh sáng; và cô cảm thấy khá nhẹ nhõm khi họ đến đủ gần mũi đất để nằm trong tầm với của những tia sáng rực rỡ, đều đặn kia.

Khi họ rẽ vào lối đi nhỏ băng qua những cánh đồng dẫn đến mũi đất, họ gặp một người đàn ông bước ra khỏi đó - một người đàn ông với vẻ bề ngoài phi thường đến nỗi trong một khoảnh khắc cả hai cứ thế trở mắt ra nhìn. Ông là một người rõ ràng là điển trai - cao lớn, vai rộng, các đường nét hài hòa, với một chiếc mũi kiêu La Mã và đôi mắt xám kiên trực; ông ăn mặc theo kiểu phú nông đi nhà thờ Chủ nhật; tả đến đó thì ông có thể là bất cứ cư dân nào của Bốn Làn Gió hoặc Glen. Nhưng, tuôn trào trên ngực ông dài đến tận gôi, là một dòng-sông-râu màu nâu uồn khúc, và phía sau lưng ông, bên dưới chiếc mũ tầm thường, là một thác-tóc nâu dày, lượn sóng tương ứng.

“Anne,” Gilbert thì thầm, khi họ đã ra ngoài tầm nghe, “em không cho cái chú Dave gọi là ‘một ít Luật Scott’ vào cốc nước chanh em đưa anh ngay trước khi ta rời nhà chứ hả?”

“Không, em không có,” Anne nói, nén cười, sợ con người bí hiểm đang dòm gót nghe được đến tận đây. “Ông ấy là ai dưới gầm trời này vậy?”

“Anh không biết; nhưng nếu thuyền trưởng Jim giấu những bóng ma như vậy dưới mũi đất này thì anh sẽ phải mang theo một cây gậy sắt trong túi

mỗi khi đến đây. Ông kia không phải thủy thủ, nếu không thì người ta đã có thể thông cảm với vẻ ngoài lập dị của ông ấy; chắc ông ấy thuộc hội mấy người bên kia cảng. Chú Dave nói họ có một vài tay lập dị bên đó.”

“Chú Dave hơi thiên kiến một tí, em nghĩ thế. Anh biết tất cả những người bên kia cảng đi nhà thờ Glen đều có vẻ rất dễ mến mà. Ôi, Gilbert, anh xem đẹp chưa kìa?”

Ngọn hải đăng Bốn Làn Gió được xây dựng trên một mỏm đá vôi đỏ nhô ra vịnh. Ở một bên, qua kênh nước, trải dài bờ cát bạc của cồn cát ngầm; bên kia, mở ra một bờ biển dài uốn cong những vách đá đỏ, vươn lên thẳng đứng từ những vịnh nhỏ đầy đá cuội. Đây là một bờ biển đã biết đến sự diệu kỳ và bí ẩn của bão và của sao. Một bờ biển như thế luôn có một vẻ cô tịch sâu sắc. Rừng không bao giờ cô tịch... chúng đầy những sự sống thì thầm, mời gọi thân thiện. Nhưng biển là một linh hồn uy dũng, mãi mãi than khóc về một nỗi buồn rộng lớn, không sao chia sẻ được, tự nhốt mình vào với chính mình trong ngàn thu. Chúng ta không bao giờ có thể xuyên thủng sự bí ẩn không cùng của biển... chúng ta chỉ có thể lang thang, kinh ngạc và mê hoặc, ở rìa ngoài của biển. Rừng gọi đến ta với hàng trăm giọng nói, nhưng biển chỉ có một... một giọng nói quyền uy nhấn chìm linh hồn ta trong tiếng nhạc huy hoàng của nó. Rừng là người, nhưng biển bầu bạn cùng những thiên thần tối thượng.

Anne và Gilbert thấy thuyền trưởng Jim đang ngồi trên một băng ghế ngoài ngọn hải đăng, tút lại những đường nét cuối cùng cho một chiếc thuyền buồm đồ chơi tuyệt vời, đầy đủ mái buồm. Ông đứng lên và chào đón họ vào nơi trú ngụ của ông với vẻ lịch sự nhẹ nhàng, không cần cố gắng, rất hợp với ông.

“Hôm nay quả là một ngày đẹp đẽ từ đầu đến cuối, cháu Blythe nhi, và bây giờ, ngay phút cuối, nó lại phô ra vẻ huy hoàng nhất của nó. Hai đứa có muốn ngồi xuống đây ở ngoài này một tí, khi ánh sáng còn sót lại không? Ta vừa làm xong món đồ chơi nhỏ này cho thằng cháu họ nhỏ của ta, thằng Joe, ở trên Glen. Sau khi ta hứa sẽ làm cái này cho nó ta cũng hơi hối hận, vì mẹ nó buồn bực lắm. Mẹ nó sợ thằng bé sau này sẽ muốn đi biển và không muốn khuyến khích ý nghĩ đó trong đầu nó. Nhưng mà ta biết làm sao bây giờ, cháu Blythe? Ta lỡ *hứa* rồi, và ta nghĩ thiệt tình nếu mà đi nuốt lời đã hứa với một đứa trẻ con thì quá là hèn đi. Nào, ngồi xuống đi. Ở lại một tiếng đồng hồ không lâu đâu.”

Gió đã rời bờ, và chỉ vỗ về khiến mặt biển vỡ thành những gợn bạc dài, và đem những chiếc bóng lấp lóa từ mọi góc ngách và mũi đất bay ngang mặt biển, như những cách bay vô hình. Hoàng hôn đang treo một tấm rèm bóng tối màu tím lên những đụn cát và những mũi đất, nơi lũ mòng biển đang dập diu bay lượn. Bầu trời phủ những mảnh khăn choàng lụa khói sương. Từng cụm mây trôi lững lờ dọc đường chân trời. Một ngôi sao hôm đang giữ gác trên cồn cát.

“Chẳng phải là một khung cảnh đáng ngắm nghía hay sao?” thuyền trưởng Jim nói, với niềm tự hào yêu thương, gắn bó. “Dễ thương và xa hẳn chốn xô bồ, đúng không nào? Không mua không bán không mặc cả. Không phải trả đồng nào cả... tất cả biển đó trời đó đều miễn phí... ‘không cần tiền và không có giá’. Mà trăng sắp lên rồi đó... ta chẳng bao giờ chán xem trăng sẽ mọc thế nào trên ghềnh đá, mặt biển và bến cảng. Lần nào cũng có một điều ngạc nhiên trong đó.”

Họ xem trăng lên, và ngắm sự thần kỳ và ma thuật của nó trong một sự im lặng không đòi hỏi gì thêm ở thế giới hay ở nhau. Khi họ đi vào tháp đèn, thuyền trưởng Jim chỉ dẫn và giải thích cơ chế của ngọn đèn khổng lồ. Cuối cùng họ thấy mình đang ngồi trong phòng ăn, nơi một ngọn lửa đốt bằng gỗ trôi dạt đang dệt những sợi lửa lập lòe, chập chờn ẩn hiện, mang sắc màu của biển trong lò sưởi mở.

“Tự tay ta lắp cái lò sưởi này vào đây,” thuyền trưởng Jim nói. “Chính phủ không cho người giữ đèn những thứ xa xỉ như vậy đâu. Nhìn màu sắc đám gỗ kia tạo ra xem. Nếu cháu thích có ít gỗ trôi dạt để đốt lửa, cháu Blythe ạ, hôm nào ta sẽ mang lên cho cháu một mớ. Ngồi xuống đi. Ta sẽ pha cho các cháu một cốc trà.”

Thuyền trưởng Jim chỉ một cái ghế cho Anne, nhưng trước tiên ông phải chuyển một con mèo bụi chẳng màu cam và một tờ báo ra khỏi đó.

“Bạn Đầu, đi xuống. Chỗ của mày là sofa kia. Ta phải cất tờ báo này đi cho an toàn chờ khi ta có thời gian đọc xong câu chuyện ở trong đó. Nó có tên là *Một tình yêu cuồng dại*. Đây không phải là dòng truyện ta thích, nhưng ta đang đọc để xem bả kéo dài được đến chừng nào. Giờ đã là chương sáu hai rồi, mà so với chương đầu thì đám cưới vẫn chưa gần hơn tẹo nào, theo như ta thấy. Khi thằng bé Joe đến đây ta phải đọc cho nó nghe chuyện cướp biển. Kỳ nhỉ, những sinh vật nhỏ bé ngây thơ như bọn con nít lại thích những chuyện máu me nhất?”

“Y như thằng bé Davy của cháu ở nhà,” Anne nói. “Nó cứ thích những chuyện phải khét lẹt bạo lực cơ,”

Trà của thuyền trưởng Jim đúng là nước tiên. Ông hài lòng như một đứa trẻ trước những lời khen của Anne, nhưng cũng bày tỏ một vẻ thản nhiên hết sức tế nhị.

“Bí quyết là ta không keo kiệt món kem sữa,” ông thoải mái nhận xét. Thuyền trưởng Jim chưa bao giờ nghe nói đến Oliver Wendell Holmes nhưng rõ ràng ông đồng ý với câu châm ngôn của nhà văn rằng “trái tim lớn không thích hũ kem nhỏ”.

“Chúng cháu gặp một nhân vật trông hết sức quái đản bước ra khỏi con đường nhà ông,” Gilbert nói khi họ nhâm nháp trà. “Ai thế ạ?”

Thuyền trưởng Jim nhe răng cười.

“Đấy là Marshall Elliott, một người rất tốt, chỉ có điều hơi xuẩn ngốc. Ta đoán các cháu thắc mắc mục đích của thằng chả là gì khi tự biến mình thành một vật phẩm trưng bày bảo tàng quái dị hả?”

“Phải chăng ông ấy là một tu sĩ Do Thái tóc dài thời hiện đại hay một nhà tiên tri Do Thái còn sót lại từ thời xa xưa?” Anne hỏi.

“Không phải. Chính trị là căn nguyên sự quái dị của chả. Cả đám nhà Elliott và Crawford rồi MacAllister đều là chính trị gia từ trong trứng, và họ sống cũng Tự do hoặc Bảo thủ, và họ chết cũng Tự do hoặc Bảo thủ; và họ làm gì trên thiên đường, nơi có lẽ không có chính trị, thì vượt qua trí tưởng tượng của ta. Gã Marshall Elliott này sinh ra đã theo Tự do. Ta cũng là dân Tự do vừa phải, nhưng với Marshall Elliott thì không có vừa phải gì hết. Mười lăm năm trước có một cuộc tổng tuyển cử đặc biệt căng thẳng. Marshall nhe răng xắn tay tranh đấu cho đảng của mình. Hắn tin chắc trăm phần là đảng Tự do sẽ thắng... chắc đến nỗi hắn đứng lên trong một buổi họp chung mà thề rằng sẽ không cạo mặt hay cắt tóc cho đến khi đảng Tự do lên nắm quyền. Ồ, họ không lên - và vẫn chưa lên - và hôm nay mấy đứa được mục sở thị kết quả đấy. Marshall đã giữ lời.”

“Vợ chú ấy nghĩ sao ạ?” Anne hỏi.

“Thằng chả độc thân. Nhưng nếu hắn có vợ thì ta nghĩ cô ta cũng không

thể làm hấn phá lời thề đó. Cái nhà Elliott đó lúc nào cũng cứng đầu hơn bình thường. Anh trai của Marshall, Alexander có một con chó hấn ta cung lắm, và khi nó chết thằng chả thực tình muốn cho chôn nó trong nghĩa trang, ‘cạnh các con chiên Thiên Chúa giáo khác’, hấn nói. Dĩ nhiên, đâu có ai cho; thể là hấn chôn con chó ngay ngoài hàng rào nghĩa trang, và không bao giờ bén mảng tới cửa nhà thờ nữa. Nhưng các Chủ nhật hấn vẫn đánh xe đưa cả nhà đi lễ còn mình thì ngồi cạnh mộ con chó đó rồi đọc Kinh Thánh suốt thời gian diễn ra buổi lễ. Họ nói khi hấp hối hấn biểu vợ hấn chôn hấn cạnh con chó; cô ta là một linh hồn bé nhỏ yếu ớt nhưng đến đó thì cô ả nổi khùng lên. Cổ nói *cổ* không định nằm cạnh con chó nào hết cả sất, và nếu hấn thà có chỗ nghỉ ngơi cuối cùng cạnh con chó hơn là cạnh *cổ*, thì cứ nói ra. Alexander Elliott là một con lừa cứng đầu, nhưng hấn cũng yêu vợ, thể là hấn đầu hàng và nói, ‘Rồi, chết tiết, cứ chôn tôi chỗ nào bà thích. Nhưng khi tiếng kèn của Thánh Gabriel thổi lên tôi sẽ chờ xem con chó của tôi bay lên cùng với cả đám chúng ta, vì linh hồn của nó cũng như bất cứ tay Elliott hay Crawford hay MacAllister chết tiết nào từng khệnh khạng bước trên đời này.’ Đây là những lời trần trời của *hấn*. Còn về Marshall, chúng ta đã quá quen với hấn, nhưng với người lạ chắc hấn phải trông kỳ cục ghê lắm. Ta biết hấn từ hồi hấn mới mười tuổi - giờ gần năm mươi rồi - và ta thích hấn. Hấn với ta mới ra câu cá tuyệt hôm nay. Giờ thì ta chỉ được mỗi việc đây - thỉnh thoảng bắt cá hồi với cá tuyết. Nhưng không phải lúc nào ta cũng vậy đâu... không có đâu. Ta cũng từng làm những chuyện khác, như mấy đứa sẽ phải công nhận nếu mấy đứa coi quyển sách cuộc đời của ta.”

Anne đang định hỏi quyền sách-cuộc-đời của ông là gì thì bị con Bạ Đầu đánh lạc hướng bằng cách nhảy xổ lên đui thuyền trưởng Jim. Nó là một con vật tuyệt đẹp, với khuôn mặt tròn như trắng rằm, mắt xanh sáng quắc, và bộ móng đôi trắng muốt mạnh mẽ. Thuyền trưởng Jim nhẹ nhàng vuốt ve sống lưng nhưng của nó.

“Ta chưa bao giờ thích mèo cho lắm trước khi ta gặp con Bạ Đầu,” ông giải thích, với những tiếng gầm gừ hoành tráng của con Bạ Đầu làm nhạc đệm. “Ta cứu mạng nó, và khi mình đã cứu mạng một con vật thì mình buộc phải yêu nó thôi. Đây là điều gần nhất với việc tạo ra sự sống. Trên đời này có những người vô tâm khủng khiếp, cháu Blythe ạ. Dân thành phố có vài người tậu nhà nghỉ mùa hè bên kia cảng, họ vô tâm đến độ tàn nhẫn. Đây là loại tàn nhẫn tệ nhất - dạng vô tâm. Ta không làm sao đối phó được. Họ nuôi mèo ở đó vào mùa hè, rồi cho chúng ăn rồi cung nựng chúng, và chung diện cho chúng nào là ruy băng nào là dây đeo cổ. Rồi đến mùa thu họ bỏ đi để

mặc chúng lại cho chết đói hoặc chết rét. Làm máu ta sôi lên, cháu Blythe ạ. Một ngày mùa đông năm trước ta thấy một con mèo mẹ già tội nghiệp chết trên bãi biển, nằm sát vào ba con mèo con chỉ còn da bọc xương. Nó chết khi cố gắng che chắn cho chúng. Những cẳng chân cứng đờ tội nghiệp của nó còn ôm lấy chúng. Trời ơi, ta khóc. Rồi ta chửi thề. Rồi ta mang mấy con mèo con tội nghiệp về nhà cho ăn rồi tìm nhà tốt cho chúng ở. Ta biết cái bà để con mèo lại ấy, và hè năm nay khi bà ta quay lại đây, ta đã qua bên kia cảng nói cho bà biết ta nghĩ gì về bà. Rành là nhiều chuyện, nhưng ta thiệt sự thích được nhiều chuyện vì lẽ phải.”

“Bà ấy phản ứng ra sao ạ?” Gilbert hỏi.

“Khóc và nói bà ‘không nghĩ’. Ta nói với bà, ta nói chứ, ‘Cô cho rằng đó sẽ là một lời bào chữa xác đáng vào ngày Phán xét ư, khi mà cô sẽ phải lý giải cho cái chết của con mèo mẹ già tội nghiệp đó hay sao? Đức Chúa sẽ hỏi cô Ngài cho cô nào để làm gì nếu không phải để nghĩ, ta đoán vậy.’ Ta không nghĩ là bà ta dám để mấy con mèo lại cho chết đói nữa đâu.”

“Con Bạn Đầu cũng bị bỏ rơi ạ?” Anne hỏi, tỏ vẻ với con mèo vài cử chỉ làm thân được đáp lại một cách duyên dáng, dù có hơi kể cả.

“Đúng. Ta tìm thấy nó một ngày mùa đông lạnh thấu xương, bị mắc lên cây bởi cái dây ruy băng đeo cổ chết tiệt của nó. Nó suýt chết đói đến nơi. Giá cháu thấy được mắt nó lúc đó, cháu Blythe ạ! Nó mới là một con mèo con chứ mấy, sao đó nó đã tự sống được từ hồi bị bỏ lại cho đến khi bị vương lên cây. Khi ta giải thoát cho nó, nó liếm tay ta một cách tội nghiệp bằng cái lưỡi đỏ nhỏ xíu của nó. Hồi đó nó chưa phải là tay đi biển tài năng mấy đứa thấy bây giờ đâu. Nó gầy nhom à. Chín năm trước rồi. Với một con mèo thì nó sống trên mặt đất thế là thọ đấy. Nó là một anh bạn già rất tốt, con Bạn Đầu ấy.”

“Cháu nghĩ chắc ông sẽ nuôi một con chó,” Gilbert nói.

Thuyền trưởng Jim lắc đầu.

“Ta cũng từng có một con chó. Ta thương nó nhiều đến nỗi nó chết ta không chịu được ý nghĩ tìm một con khác để thay thế. Nó là một *người bạn*... cháu hiểu chứ, cháu Blythe? Con Bạn Đầu chỉ là một con bạn thôi. Ta thích nó, càng thích hơn vì chút gia vị quý quái trong nó... bọn mèo đứa nào cũng vậy. Nhưng ta *yêu* con chó của ta. Ta lúc nào cũng có chút cảm thông

lén lút dành cho Alexander Elliott vì con chó *của hắn*. Không có chút ma quỷ nào trong một con chó tốt. Đây là lý do vì sao chúng đáng yêu hơn mèo, ta đoán vậy. Nhưng quý tha ma bắt ta đi nếu chúng thú vị được như mèo. Đó đó, ta lại nói nhiều quá rồi. Sao mấy đứa không cản ta? Cứ khi nào có cơ hội nói chuyện với ai đó là ta ba láp kinh dị luôn. Nếu hai đứa uống xong trà rồi thì ta có mấy thứ nho nhỏ hai đứa chắc là thích coi... nhật nhật từ mấy cái xó xinh kỳ quặc ta từng hay thò mũi vào.”

“Mấy thứ nho nhỏ” của thuyền trưởng Jim thì ra là một bộ sưu tập thú vị bậc nhất toàn cổ vật, quái dị, kỳ quặc và tuyệt đẹp. Và hầu như mỗi thứ đều có một câu chuyện ẩn tượng đi kèm.

Anne không bao giờ quên niềm say mê mà cô dành để lắng nghe những câu chuyện cũ đêm trăng đó bên đống lửa gỗ trôi dạt mê hoặc ấy, khi biển bạc vẫy gọi họ qua cửa sổ để mở và thôn thốc vỡ vào những tảng đá bên dưới họ.

Thuyền trưởng Jim không bao giờ nói một lời khoe khoang, nhưng không thể không thấy ông đã là một người anh hùng như thế nào - dũng cảm, thành thật, không chút ích kỷ. Ông ngồi đó trong căn phòng nhỏ của mình và làm những đồ vật sống lại cho khán giả của mình. Bằng một cái nhướn lông mày, một cái cong môi, một cử chỉ, một lời nói, ông vẽ lại cả một khung cảnh hay nhân vật để họ nhìn thấy chúng như chúng xưa kia.

Vài cuộc phiêu lưu của thuyền trưởng Jim có một khía cạnh phi thường đến nỗi Anne và Gilbert thậm tự hỏi liệu ông có đang kéo dẫn hơi quá sự cả tin của họ không. Nhưng trong khoản này, sau này họ biết, họ đã hiểu sai cho ông. Những câu chuyện của ông tất cả đều hoàn toàn là sự thật. Thuyền trưởng Jim có cái tài của một nhà kể chuyện bẩm sinh, theo đó “những mẩu chuyện bất hạnh và xa xôi” được đưa ra trước mắt người nghe sống động trong tất cả sự thâm thía tinh khôi của chúng.

Anne và Gilbert cười và rùng mình trước những câu chuyện đó, và có lúc Anne thấy mình đang khóc. Thuyền trưởng Jim quan sát những giọt nước mắt của cô với vẻ hài lòng ánh lên trên khuôn mặt ông.

“Ta thích nhìn người khác khóc kiêu đó,” ông nhận xét. “Đó là một lời khen tặng. Nhưng ta không thể kể cho xứng đáng với những gì ta đã nhìn thấy hoặc đã góp phần làm. Ta đã ghi chúng lại trong quyển sách cuộc đời ta, nhưng ta không có cái tài để viết chúng ta cho tử tế. Giá có thể dùng được đúng từ ngữ và nói chúng lại với nhau cho ra hồn trên giấy, ta có thể làm một quyển sách tuyệt vời. Nó sẽ đánh bại *Một tình yêu cuồng dại* liền, và ta tin là thằng Joe cũng sẽ thích nó y như các truyện cướp biển. Đúng, ta đã có một vài cuộc phiêu lưu trong đời mình; và cháu có biết không, cháu Blythe, ta vẫn thăm thềm khát chúng. Đúng, dẫu có già và vô dụng, một nỗi khao khát khủng khiếp thỉnh thoảng vẫn quét qua ta, khao khát được dong buồm ra khơi... đi... đi... mãi mãi và mãi mãi.”

“Như Ulysses, ông sẽ

Dong buồm vượt cả hoàng hôn và bể tắm

Của muôn vì sao phía đặng Tây cho đến chết,”

Anne mơ màng nói.

“Ulysses à? Ta có đọc về ông. Đúng, chính là ta cảm thấy như vậy đó... đúng là cảm giác của đám thủy thủ già chúng ta, ta đoán vậy. Ta tính cuối cùng chắc ta sẽ chết trên đất liền thôi. Ồ, cái gì đến thì sẽ đến. Có lão William Ford ở Glen trong đời mình chưa bao giờ ra biển, vì lão sợ chết đuối. Một bà thầy bói đã phán là lão sẽ chết đuối. Rồi một ngày lão ngất xỉu và ngã sấp mặt xuống máng cỏ và chết nước. Hai đứa phải đi rồi à? Ồ, tới sớm và tới thường xuyên nha. Lần sau đến lượt bác sĩ kể chuyện đó. Cậu ấy biết cả mớ thứ mà ta muốn biết. Ở đây ta thỉnh thoảng cũng hơi cô đơn. Từ hồi Elizabeth Russell mất đi thì còn tệ hơn. Bà ấy và ta là bạn bè tốt lắm.”

Thuyền trưởng Jim nói với nỗi thống thiết của người già, chứng kiến những người bạn của mình lần lượt rời xa, từng người một – những người bạn mà vị trí không thể thay thế được bởi những người thuộc thế hệ trẻ hơn, dù cho có thuộc lớp người quen của Joseph. Anne và Gilbert hứa sẽ quay lại sớm và thường xuyên.

“Ông ấy quả thật là một ông già hiếm có, em nhỉ?” Gilbert nói, khi họ đi bộ về nhà,

“Thế nào đó, em không thể hòa hợp cái nhân cách giản dị, tốt đẹp của ông

với cuộc sống sóng gió, phiêu lưu mà ông đã sống,” Anne trầm ngâm.

“Em sẽ không thấy khó như vậy đâu nếu em gặp ông hôm nọ dưới xóm chài. Một gã trên tàu của Peter Gautier đưa ra một nhận xét xấu tính về một cô gái nào đó sống dọc bờ biển. Thuyền trưởng Jim suýt thì đốt sống gã trai xấu số kia bằng ánh chớp trong mắt ông ấy. Ông ấy như một người hoàn toàn khác. Ông ấy không nói nhiều đâu... nhưng cái cách ông ấy nói chứ! Em sẽ thấy nó như tước hết da thịt khỏi xương của gã kia. Anh hiểu rằng thuyền trưởng Jim không bao giờ cho phép một lời nói xấu phụ nữ nào được thốt ra trước mặt mình.”

“Em tự hỏi tại sao ông không bao giờ cưới vợ,” Anne nói. “Ông đáng lẽ phải có những người con trai với những con tàu riêng lênh đênh trên biển, và những đứa cháu nội trèo vào lòng ông để nghe chuyện của ông... ông là kiểu người như vậy đó. Thế mà thay vào đó, ông chẳng có gì ngoài một con mèo lông lầy.”

Nhưng Anne đã làm. Thuyền trưởng Jim có nhiều hơn thế. Ông có một ký ức.

10. Leslie Moore

“Tôi nay ta sẽ đi dạo ngoài bờ biển,” Anne nói với Gog và Magog một tối tháng Mười nọ. Không còn ai khác để kể, vì Gilbert đã đi qua bên kia vịnh. Anne đã xếp dọn căn nhà nhỏ của mình theo một trật tự không chút tì vết mà người ta phải trông đợi ở bất cứ ai được Marilla Cuthbert nuôi dạy, và cảm thấy mình có thể đi lang thang ra bờ biển với một lương tâm trong sạch. Những chuyến lang thang bờ biển của cô nhiều và đầy vui thú, đôi khi với Gilbert, đôi khi với thuyền trưởng Jim, đôi khi một mình với những suy nghĩ của riêng mình và những giấc mơ mới mẻ, ngọt ngào đến nhưc nhồi đang bắt đầu quét qua cuộc đời cô những chiếc cầu vồng. Cô yêu bờ vịnh dịu dàng, sương khói và bờ cát bạc vi vu gió, nhưng trên tất cả cô yêu bờ đá, với những vách những hang và hàng đồng đá cuội được sóng mài mòn nhẵn, với những vũng nhỏ nơi sỏi lấp lánh dưới làn nước; và đêm nay cô lại đi về chính bờ đá này.

Vừa qua một cơn bão mùa thu đầy mưa và gió, kéo dài suốt ba ngày. Sấm sét là những đợt sóng cồn trên đá, hoang dã là những bụi những bọt nước đã thổi qua cồn cát, lo lắng và mịt mù và xáo động là sự bình yên màu xanh

ngàn đời của vịnh cảng Bốn Làn Gió. Giờ thì tất cả đã qua, bờ biển lại nằm bóng sạch sau cơn bão; không một cơn gió trở mình, nhưng vẫn có một con sóng vỗ mịn màng, dạt vào cát và đá trong một xao động rực rỡ màu trắng – sự thao thức duy nhất trong cái tĩnh lặng và yên bình to lớn, ngập tràn.

“Ôi, đây quả là một giây phút đáng để sống qua bao tuần bão bùng và lo lắng,” Anne thốt lên, thích thú hướng ánh mắt xa xôi ngang qua những đợt sóng bập bênh từ đỉnh vách đá nơi cô đang đứng. Lúc này cô lần mò trên con đường dốc dẫn xuống vũng nhỏ bên dưới, nơi cô như bị nhốt lại cùng với đá và biển và trời.

“Minh sẽ nhảy và hát,” cô nói. “Không có ai ở đây để nhìn thấy mình... đám mòng biển sẽ không đưa chuyện. Minh có thể điên thế nào tùy thích.”

Cô vén váy và xoay tròn trên đầu ngón chân dọc rẻo cát thô ráp chỉ vừa ngoài tầm với của những con sóng suýt chút nữa là ập vào chân cô đám bọt thừa của chúng. Xoay vòng, cười giòn như một đứa trẻ, cô đã đến mũi đất nhỏ chạy ra phía Đông con vũng; rồi đột ngột cô dừng lại, đỏ mặt tía tai; cô không chỉ một mình; đã có một người chứng kiến điệu múa và tiếng cười của cô.

Cô gái có mái tóc óng vàng và đôi mắt xanh màu biển đang ngồi trên một tảng đá nơi mũi đất, khuất nửa người sau một tảng đá khác chia ra. Cô ta đang nhìn thẳng vào Anne với một nét mặt kỳ lạ... phần kinh ngạc, phần thông cảm, phần – có thể thế chăng? – ghen tị. Cô để đầu trần, và mái tóc rực rỡ của cô, giống hơn bao giờ hết “con rắn tuyệt diệu” của Browning, được quấn quanh bằng một dải ruy băng đỏ thắm. Cô mặc một bộ váy làm bằng thứ chất liệu tối màu nào đó, may rất đơn sơ; nhưng buộc quanh eo cô, nhấn mạnh những đường cong đẹp đẽ của nó, là một chiếc đai lưng rực rỡ bằng lụa đỏ. Đôi tay, đặt trên đùi, màu nâu và có hơi chai cứng vì làm lụng; nhưng làn da ở cổ và má thì trắng như kem. Một ánh hoàng hôn bay bay chiếu rọi qua một áng mây nằm thấp ở đằng Tây và rơi qua tóc cô. Trong một khắc trông cô như linh hồn của biển hiện thân – tất cả những bí ẩn của biển, đam mê của biển và vẻ quyến rũ mơ hồ của biển.

“Cô... chắc cô nghĩ tôi bị điên,” Anne lấp bắp, cố phục hồi sự tự chủ của mình. Bị cô gái trang nghiêm này bắt gặp trong một vẻ phóng túng trẻ con đến thế... cô, phu nhân bác sĩ Blythe, với tất cả danh dự của một bậc mệnh phụ cần phải giữ gìn... thật quá tệ!

“Không,” cô gái nói, “tôi không nghĩ thế.”

Cô ta không nói gì nữa; giọng cô vô cảm; thái độ của cô hơi chút xa lánh; nhưng có gì đó trong mắt cô – hăm hở nhưng e dè, tự kiêu nhưng cầu khẩn – làm Anne thay đổi ý định bước đi. Thay vào đó, cô ngồi xuống trên tảng đá cạnh cô gái.

“Hãy giới thiệu bản thân nào,” cô nói, với nụ cười chưa bao giờ thất bại trong việc gạt hái sự tin tưởng và thân thiện. “Tôi là bà Blythe... và tôi sống trong căn nhà nhỏ màu trắng trên bờ vịnh cảng.”

“Vâng, tôi biết,” cô gái nói. “Tôi là Leslie Moore... bà Dick Moore,” cô thêm vào, vẻ cứng nhắc.

Anne lặng đi mất một lúc đơn thuần vì kinh ngạc. Chưa bao giờ cô có ý nghĩ rằng cô gái này đã lấy chồng... trông cô không có chút dáng vẻ gì của một người vợ. Mà cô lại chính là người láng giềng mà Anne đã hình dung là một bà nội trợ Bốn Làn Gió tầm thường! Anne không tài nào điều chỉnh tập trung tinh thần của mình đủ nhanh theo sự thay đổi đáng kinh ngạc này.

“Thế... thế tức là cô sống trong căn nhà xám trên suối đó,” cô lắp bắp.

“Đúng. Đáng lẽ tôi phải đi thăm cô lâu rồi,” người kia nói. Cô ta không đưa ra một giải thích hay viện cớ gì cho việc không đến.

“Tôi ước gì cô *đến*,” Anne nói, hồi phục đôi chút. “Chúng ta là láng giềng gần, chúng ta nên là bạn bè. Đây là điểm yếu duy nhất của Bốn Làn Gió... không đủ hàng xóm. Nếu không thì nó hoàn hảo.”

“Cô thích nó?”

“*Thích* nó! Tôi yêu nó. Đây là nơi đẹp nhất tôi từng thấy.”

“Tôi chưa được thấy nhiều nơi,” Leslie Moore nói, chậm rãi, “nhưng lúc nào tôi cũng nghĩ ở đây rất đáng yêu. Tôi... tôi cũng yêu nó.”

Cách cô nói, cũng như vẻ ngoài của cô, e thẹn, nhưng hăm hở. Anne có một ấn tượng kỳ quặc là cô gái kỳ lạ này... cô vẫn muốn dùng từ “cô gái”... có thể nói rất nhiều nếu cô ấy muốn.

“Tôi thường ra bờ biển,” cô gái nói thêm.

“Tôi cũng thế,” Anne nói. “Thật kỳ lạ là chưa bao giờ chúng ta gặp nhau ở đây.”

“Có lẽ vì cô đến sớm hơn tôi. Thường là muộn... gần như tối hẳn... tôi mới đến. Và tôi vô cùng thích đến ngay sau một cơn bão... như thế này. Tôi không thích biển đến mức ấy khi nó yên bình và tĩnh lặng. Tôi thích sự đấu tranh... và sự xô đập... và tiếng ồn của nó.”

“Tôi yêu biển trong mọi tâm trạng,” Anne tuyên bố. “Biển ở Bốn Làn Gió với tôi như đường Tình Nhân ở nhà. Tôi nay biển có vẻ thật phóng túng... thật hoang dã... có gì đó trong tôi cũng xô lồng theo. Đây là lý do vì sao tôi nhảy múa dọc bờ biển một cách hoang dại như thế. Tôi không nghĩ là có ai đó đang nhìn, dĩ nhiên rồi. Nếu cô Cornelia Bryant mà thấy hẳn cô ấy sẽ tiên đoán một viễn cảnh tương lai ảm đạm cho bác sĩ Blythe trẻ tội nghiệp.”

“Cô biết cô Cornelia?” Leslie nói, bật cười. Cô có một tiếng cười thanh thoát; nó trào dậy đột ngột và bất ngờ, khoái chí như tiếng cười của một đứa trẻ. Anne cũng cười.

“Ồ, có chứ. Cô ấy đã xuống căn nhà mơ ước của tôi vài lần.”

“Căn nhà mơ ước?”

“Ồ, đây là cái tên thân mật ngớ ngẩn mà Gilbert và tôi đặt cho căn nhà của chúng tôi. Chúng tôi chỉ gọi như thế giữa hai đứa thôi. Nó bật ra trước khi tôi kịp nghĩ.”

“Thế ra căn nhà màu trắng nho nhỏ của cô Russell là căn nhà mơ ước của cô,” Leslie nói vẻ kinh ngạc. “Tôi cũng từng có một căn nhà mơ ước... nhưng nó là một cung điện kia,” cô nói thêm, kèm với một tiếng cười mà sự ngọt ngào bị một nốt mỉa mai nho nhỏ làm hỏng đi.

“Ồ, tôi cũng từng ước mơ về một cung điện,” Anne nói. “Tôi nghĩ tất cả các cô gái đều thế. Và rồi chúng ta hài lòng yên vị vào những căn nhà tám buồng có vẻ như đã thỏa mãn mọi ước ao của trái tim ta... vì hoàng tử của ta ở đó. Cô chắc đã có cung điện của cô rồi chứ... cô đẹp quá. Cô phải cho tôi nói điều đó – *cần phải* nói ra điều đó – tôi gần như nổ tung vì ngưỡng mộ. Cô là điều đáng yêu nhất tôi từng thấy, cô Moore ạ.”

“Nếu chúng ta làm bạn thì cậu phải gọi tôi là Leslie,” người kia nói với

một xúc cảm lạ lùng.

“Dĩ nhiên mình sẽ gọi. Và bạn *của mình* gọi mình là Anne.”

“Tôi đoán là mình đẹp,” Leslie nói tiếp, đưa cái nhìn bão bùng ra biển. “Tôi ghét vẻ đẹp của tôi. Tôi ước mình lúc nào cũng đen đúa và xấu xí như cô gái đen đúa và xấu xí nhất trong xóm chài ở đằng kia. À, cậu nghĩ gì về cô Cornelia?”

Sự thay đổi đề tài đột ngột đóng sập cánh cửa vào bất cứ thổ lộ nào khác.

“Cô Cornelia thật đáng yêu phải không?” Anne nói. “Gilbert và mình được mời đến nhà cô ấy dự một bữa trà trọng thể vào tuần trước. Cậu đã nghe nói đến những chiếc bàn rên rĩ rồi chứ.”

“Tôi hình như có nhớ đã từng nhìn thấy cách nói đó trong mấy tờ tường thuật các đám cưới trên báo,” Leslie nói, mỉm cười.

“Ừ, bàn của cô Cornelia đã rên rĩ đấy... ít nhất nó cũng kêu rảng rặc... chắc chắn luôn. Mình không thể tin được cô ấy có thể nấu nhiều đến thế cho hai người bình thường. Cô ấy có tất cả các loại bánh nướng nhồi nhân ta có thể kể tên, mình nghĩ vậy... trừ bánh nhân chanh. Cô ấy nói cô ấy đã đoạt giải cho món bánh nhân chanh tại Triển lãm Charlottetown mười năm trước và đã không bao giờ làm thêm cái nào nữa vì sợ mất danh tiếng.”

“Cậu có ăn đủ bánh để làm vừa lòng cô ấy không?”

“*Mình* thì không. Gilbert chiếm được trái tim cô ấy bằng cách ăn... mình sẽ không nói cho cậu là nhiều đến mức nào đâu. Cô ấy nói cô ấy chưa biết người đàn ông nào lại không thích bánh nướng nhồi nhân hơn Kinh Thánh cả. Cậu biết không, mình yêu cô Cornelia.”

“Tôi cũng thế,” Leslie nói. “Cô ấy là người bạn tốt nhất tôi có trên thế giới này.”

Anne thầm tự hỏi nếu thế thì tại sao cô Cornelia lại chưa bao giờ nhắc đến bà Dick Moore với mình. Cô Cornelia rõ ràng đã nói thoải mái về mọi nhân vật khác trong và quanh Bốn Làn Gió.

“Đẹp chưa kìa?” Leslie nói, sau một khoảng lặng ngắn, chỉ tay về một hiệu ứng tinh tế tạo ra từ một tia sáng chiếu qua một khe hở trên đá đằng sau

họ, qua một vũng nước xanh sẫm ở chân tảng đá. “Nếu tôi đến đây, và không thấy gì khác ngoài cái đó thôi, tôi sẽ thỏa mãn ra về.”

“Những hiệu ứng của sáng và tối khắp dọc bờ biển này thật tuyệt vời,” Anne đồng tình. “Căn phòng khâu nhỏ của mình nhìn ra cảng, và mình thì ngồi ở cửa sổ mà thưởng thức đến mãn nhãn thì thôi. Màu sắc và hình bóng không bao giờ giống nhau trong vòng hai phút đồng hồ.”

“Và cậu không bao giờ cô đơn?” Leslie đột ngột hỏi. “Không bao giờ... cả khi cậu ở một mình?”

“Không. Mình nghĩ mình chưa bao giờ thực sự cô đơn trong đời mình,” Anne trả lời. “Ngay cả khi mình ở một mình, mình vẫn có những người bạn đồng hành thực sự tốt – những giấc mơ và tưởng tượng và giả vờ. Mình thích thỉnh thoảng được ở một mình, chỉ để nghĩ về mọi thứ và *ném trái* chúng. Nhưng mình thích có bạn có bè... và những thời khắc vui vẻ dễ chịu với mọi người. Ôi, cậu có đến chơi với mình không... thường xuyên ấy? Làm ơn đi mà. Mình tin,” Anne nói thêm, cười, “là cậu sẽ thích mình nếu cậu biết mình.”

“Tôi tự hỏi *cậu* liệu có thích *tôi* không,” Leslie nghiêm túc nói. Cô không nói để “câu” một lời khen. Cô hướng mắt qua những con sóng đang bắt đầu được đeo những vòng hoa bọt sáng ánh trắng, và mắt cô tràn ngập bóng tối.

“Mình chắc chắn,” Anne nói. “Và làm ơn đừng nghĩ mình hoàn toàn vô trách nhiệm vì cậu nhìn thấy mình nhảy múa trên bờ biển lúc hoàng hôn. Chắc chắn sau một thời gian nữa mình sẽ đàng hoàng lên thôi. Cậu thấy đấy, mình lấy chồng chưa được bao lâu. Mình vẫn thấy mình như một cô gái, và thỉnh thoảng như một đứa trẻ, vẫn thế.”

“Tôi đã lấy chồng được mười hai năm rồi,” Leslie nói.

Đây lại là một điều không thể tin nổi nữa.

“Sao kia, cậu không thể nào bằng tuổi mình được!” Anne thốt lên. “Thế thì chắc lúc cưới chồng cậu chỉ mới là một đứa trẻ con!”

“Hồi đó tôi mười sáu tuổi,” Leslie nói, đứng dậy, và nhặt mũ và áo khoác nằm cạnh cô. “Giờ tôi hai tám. Thôi, tôi phải về.”

“Mình cũng thế. Gilbert chắc đã về nhà rồi. Nhưng mình rất mừng là cả

hai ta cùng đến bờ biển tối nay và gặp nhau.”

Leslie không nói gì cả, và Anne thấy hơi giá lạnh. Cô đã thẳng thắn dâng mời tình bạn nhưng nó đã không được đón nhận một cách ân cần gì cho lắm, nếu không muốn nói là đã bị từ chối thẳng thừng. Trong im lặng họ trèo vách đá và đi bộ qua một cánh đồng chần thả nơi những ngọn cỏ dại bông tợ, phai màu trải ra như một tấm thảm nhung kem trong ánh trăng. Khi họ đến con đường ven bờ biển Leslie quay lại.

“Tôi đi lối này, cô Blythe ạ. Cậu sẽ sang thăm tôi lúc nào đó chứ?”

Anne cảm thấy như lời mời vừa được ném về phía mình. Cô có ấn tượng là Leslie Moore đưa nó ra một cách miễn cưỡng.

“Minh sẽ đến nếu cậu thực sự muốn mình đến,” cô nói hơi lạnh lùng.

“Ôi, tôi muốn... tôi muốn,” Leslie thốt lên, với một vẻ hăm hờ dường như trào lên cõi tung sự kiểm chế nào đó vốn trói buộc nó.

“Thế thì tôi sẽ đến. Chúc ngủ ngon... Leslie.”

“Chúc ngủ ngon, cô Blythe.”

Anne đi vào nhà trong căn phòng làm việc màu nâu và trút câu chuyện của mình lên Gilbert.

“Vậy là bà Dick Moore không phải là một người quen biết với Joseph à?” Gilbert đùa cợt nói.

“Kh-ô-ông, không hẳn. Thế nhưng... em nghĩ cô ấy *từng* là một người như thế, nhưng đã ra đi hoặc rút về quy ẩn,” Anne trầm ngâm nói. “Cô ấy rõ ràng là rất khác với những người phụ nữ khác ở đây. Thế mà em đã từng tưởng tượng cô ấy như một bà Rachel Lynde thứ hai chứ! Anh đã bao giờ gặp Dick Moore chưa, Gilbert?”

“Chưa. Anh đã thấy vài người đàn ông làm việc quanh những cánh đồng trang trại, nhưng anh không biết ai là Moore.”

“Cô ấy không hề nhắc đến anh ta. Em *biết* cô ấy không hạnh phúc.”

“Từ những gì em nói với anh, anh đoán cô ấy đã cưới chồng trước khi đủ

lớn để biết rõ đầu óc hay trái tim mình, và nhận ra quá trễ là mình đã mắc một sai lầm. Đây là một bi kịch thường gặp, Anne ạ. Một người đàn bà tốt sẽ cố mà lấy hoàn cảnh làm vui. Bà Moore rõ ràng đã để điều đó biến mình thành cay đắng và thù hận.”

“Hãy đừng phán xét cô ấy cho đến khi ta biết chuyện,” Anne cầu khẩn. “Em không tin trường hợp của cô ấy lại tầm thường đến thế. Anh sẽ hiểu sự thú vị của cô ấy một khi anh gặp cô ấy, Gilbert ạ. Đây là một thứ khác biệt đứng ngoài vẻ đẹp của cô ấy. Em cảm giác như cô ấy sở hữu một nội tâm giàu có, mà một người bạn có thể tiếp cận như thể bước vào một vương quốc; nhưng vì một lý do nào đó cô ấy chặn tất cả mọi người lại bên ngoài và nhốt tất cả khả năng của mình vào bên trong bản thân mình, để chúng không thể phát triển và nở hoa được. Đó, em đã vật vã tìm cách định nghĩa cô ấy với chính mình từ lúc em tạm biệt cô ấy, và đây là mức gần nhất em có thể đến được. Em sẽ hỏi cô Cornelia về cô ấy.”

11. Chuyện của Leslie Moore

“Đúng, đưa thứ tám chào đời hai tuần trước,” cô Cornelia nói, từ một chiếc ghế bập bênh trước lò sưởi của căn nhà nhỏ một chiều tháng Mười lạnh giá nọ. “Một bé gái. Fred lắm nhảm điên cuồng luôn... nói hấn muốn một đứa con trai kia... trong khi sự thật là hấn chẳng thích có đứa con đó chút nào hết. Nếu nó là con trai thì hấn sẽ cầu nài vì đây không phải là con gái. Họ có bốn gái ba trai rồi, thế nên ta chẳng thấy có gì khác nhau chuyện đứa này là trai hay gái, nhưng dĩ nhiên thằng chẳng phải cảm rằm kia, đúng là đồ đàn ông. Con bé xinh lắm, diện mấy bộ đồ bé xinh của nó. Nó có đôi mắt đen và đôi bàn tay nhỏ nhắn xinh xắn nhất đời.”

“Cháu phải đi xem thôi. Cháu yêu trẻ con lắm,” Anne nói, mỉm cười một mình với một ý nghĩ quá thân thiết và thiêng liêng để nói thành lời.

“Ta không nói là bọn chúng không đáng yêu,” cô Cornelia thừa nhận. “Nhưng nhiều người có vẻ như có nhiều con hơn số họ thực sự cần, tin *ta* đi. Bà chị họ Flora tội nghiệp của ta trên Glen có mười một đứa, và bà ấy đúng là một nô lệ! Chồng bà ấy tự tử chết ba năm trước. Đúng là đồ đàn ông!”

“Điều gì khiến ông ấy làm thế ạ?” Anne hỏi, khá sốc.

“Có cái gì đó không vừa ý lão ấy, thế là lão nhảy luôn xuống giếng. Chết

đi cho rồi! Lão là một tay bạo ngược từ trong trứng! Nhưng dĩ nhiên là cái giếng cũng bị hỏng luôn. Flora không thể nào chịu được ý nghĩ dùng lại nó nữa, tội nghiệp! Thế là bà ấy nhờ người đào một cái giếng khác và cái vụ đó tốn kém mới khiếp chứ, còn nước thì rắn như đá. Nếu hẳn *nhất định* phải trẫm mình, có bao nhiêu nước trong vịnh mà, đúng không? Ta không có chút kiên nhẫn nào với loại đàn ông như vậy hết. Chúng ta mới chỉ có hai vụ tự tử ở Bốn Làn Gió theo như ta nhớ. Người kia là Frank West... cha của Leslie Moore. Nhân tiện, Leslie đã qua hỏi thăm cháu chưa thế?”

“Chưa, nhưng tối hôm nọ cháu gặp cô ấy trên bờ biển và chúng cháu đã vắt vả làm quen với nhau ạ,” Anne nói, ngông tai lên.

Cô Cornelia gật đầu.

“Ta rất mừng, cưng ạ. Ta đã hy vọng cháu sẽ làm thân với nó. Cháu nghĩ sao về nó?”

“Cháu nghĩ cô ấy rất đẹp.”

“Ồ, dĩ nhiên. Không có ai ở quanh Bốn Làn Gió có thể so với nó xét về hình thức. Cháu đã bao giờ thấy tóc nó chưa? Nó dài chấm gót khi thả ra. Nhưng ý ta là cháu có thích nó không?”

“Cháu nghĩ cháu có thể thích cô ấy rất nhiều nếu cô ấy chịu cho cháu thích,” Anne chậm rãi đáp.

“Nhưng nó sẽ không cho... nó đẩy cháu đi và tránh xa cháu một hải tặc. Tội nghiệp Leslie! Cháu sẽ không mấy ngạc nhiên nếu cháu biết đời nó đã như thế nào đâu. Thật là một bi kịch... một bi kịch!” cô Cornelia lặp lại đầy vẻ cảm thông.

“Cháu ước gì cô có thể kể cho cháu nghe về cô ấy... ý là, nếu cô có thể làm vậy mà không đi ngược lại lời hứa giữ bí mật nào.”

“Chúa ơi, cưng ạ, tất cả mọi người ở Bốn Làn Gió đều biết chuyện của Leslie tội nghiệp. Chẳng có gì bí mật cả... *bên ngoài* thì thế. Không ai biết chuyện *bên trong* ngoài chính Leslie, và nó không thổ lộ với ai đâu. Ta gần như là người bạn thân nhất nó có trên quả đất này, chắc thế, ấy thế mà nó cũng chưa bao giờ hé một lời phàn nàn với ta. Cháu đã gặp Dick Moore bao giờ chưa?”

“Chưa ạ.”

“Ừ, có lẽ ta nên bắt đầu từ đầu và nói cho cháu biết mọi thứ thẳng tuột luôn, để cháu hiểu. Như ta nói, cha của Leslie là Frank West. Anh ta thông minh và khờ dại... đúng là đồ đàn ông. Ô, anh ta nhiều não lắm... và đám não của anh ta mới mang lại cho anh ta lắm thứ tốt lành chứ! Anh ta bắt đầu đi học đại học này, và anh ta đi hai năm, và rồi sức khỏe của anh ta suy sụp. Dòng họ nhà West thấy đều dễ mắc lao phổi. Thế là Frank về nhà và bắt đầu làm ruộng. Anh ta cưới Rose Elliott từ bên kia vịnh. Rose được cho là nữ hoàng sắc đẹp của Bốn Làn Gió... Leslie thừa hưởng vẻ bề ngoài từ mẹ mình, nhưng nó có gấp mười lần tinh thần và sức sống mà Rose có, và một thân hình đẹp hơn rất nhiều. Giờ thì cháu biết rồi đấy, Anne, ta luôn luôn cho rằng phụ nữ chúng ta phải sát cánh bên nhau. Chúng ta đã có đủ điều phải chịu đựng dưới tay đám đàn ông rồi, có Chúa biết, nên ta tin rằng chúng ta không nên cấu xé nhau, và cháu sẽ không mấy khi thấy ta bôi xấu một phụ nữ khác đâu. Nhưng ta thấy Rose chẳng được cái bộ gì. Cô ta hư hỏng ngay từ đầu, tin *ta* đi, và cô ta không là gì ngoài một thứ lười nhác, ích kỷ, hay rên rỉ. Frank chẳng giỏi làm lụng gì hết, thế nên họ nghèo rớt mồng tơi ra. Nghèo! Họ chỉ rau cháo qua ngày thôi, tin *ta* đi. Họ có hai con, Leslie và Kenneeth. Leslie có vẻ ngoài của mẹ nó và bộ não của cha nó, và một thứ gì nữa nó không thừa hưởng từ cả hai người. Nó giống bà nội nó... một bà già tuyệt vời. Nó là đứa bé sáng sủa nhất, thân thiện nhất, tươi vui nhất lúc nó còn bé, Anne ạ. Tất cả mọi người đều thích nó. Nó là đứa con cưng của cha nó và nó rất quý cha. Họ là ‘bồ tèo’, như nó vẫn nói. Nó không nhìn ra bất cứ khuyết điểm nào của cha... mà cha nó xét ở một vài mặt nào đó cũng thuộc loại đàn ông hấp dẫn.”

“Rồi, năm Leslie mười hai tuổi, điều kinh khủng đầu tiên xảy ra. Nó tôn thờ thằng bé Kenneth... thằng bé nhỏ hơn Leslie bốn tuổi, và *nó* đúng là một thằng bé dễ thương. Và một ngày nọ nó bị chết... ngã từ một đám rom to ngay lúc xe đang đi vào vựa cỏ, và bánh xe nghiêng ngang qua thân mình bé nhỏ của nó đè bật sự sống ra khỏi đó. Và cháu hãy nhớ, Anne ạ, Leslie chứng kiến chuyện đó. Nó đang nhìn xuống từ trên gác xép. Nó rú lên một tiếng... bác thợ làm thuê nói bác ta chưa bao giờ nghe thấy tiếng gì như thế trong cả đời mình... bác nói nó sẽ rung trong tai bác cho đến khi tiếng kèn của Tổng thiên thần Gabriel xua được nó ra. Nhưng con bé không bao giờ rú rít hay khóc lóc gì thêm về chuyện đó nữa. Nó nhảy từ gác xép xuống đám cỏ và từ đám cỏ xuống sàn, chụp lấy cái thân hình bé nhỏ đầm đìa máu, còn ấm và đã chết, Anne ạ... họ phải dùng sức gỡ thằng bé ra khỏi Leslie thì nó mới chịu

buông. Họ gọi ta đến... ta không nói được nữa.”

Cô Cornelia quệt nước mắt từ đôi mắt nâu hiền lành của mình và ngồi khâu trong im lặng cay đắng trong vài phút.

“Rồi,” cô tiếp tục, “mọi chuyện qua hết... họ chôn bé Kenneth trong cái nghĩa trang bên kia vịnh, và sau một thời gian Leslie quay lại trường học. Con bé không bao giờ nhắc đến tên Kenneth... ta chưa bao giờ nghe cái tên đó thốt ra từ môi nó từ cái ngày đó đến nay. Ta nghĩ nỗi đau cũ vẫn làm nó nhức nhối và đôi khi đốt cháy nó; nhưng nó mới chỉ là một đứa trẻ và thời gian rất tốt bụng với trẻ con, Anne, cưng ạ. Sau một thời gian nó bắt đầu cười trở lại... nó có tiếng cười đẹp lắm. Giờ ta chẳng còn mấy khi được nghe nữa.”

“Tôi hôm ấy cháu có được nghe một lần,” Anne nói. “Đó *đúng* là một tiếng cười đẹp.”

“Frank West bắt đầu xuống dốc sau cái chết của Kenneth. Anh ta vốn đã không được khỏe và đây là một cú sốc với anh ta, bởi vì anh ta thực sự rất yêu thằng bé, mặc dù, như ta nói, Leslie mới là đứa con cưng. Anh ta trở nên ủ rũ và sầu thảm, và không thể hoặc không chịu làm việc. Và một ngày nọ, khi Leslie mới mười bốn tuổi đời, anh ta treo cổ tự tử... và ngay trong phòng khách nữa, con nên nhớ, Anne ạ, ngay chính giữa phòng khách từ cái móc treo đèn trên trần nhà. Đúng là đồ đàn ông phải không? Lại vào đúng cái ngày kỷ niệm ngày cưới của anh ta nữa chứ. Chọn thời điểm thật đáng yêu, ngon lành đúng không nào? Và, dĩ nhiên, Leslie tội nghiệp phải là người đầu tiên tìm thấy cha mình. Sáng hôm đó nó vào phòng khách, miệng hát vang còn tay thì ôm một đóa hoa tươi để cắm lọ, và ngay đó nó thấy cha nó lủng lẳng trên trần nhà, mặt đen như than. Đây là một cảnh tượng kinh khủng, tin *ta* đi!”

“Ôi, thật khủng khiếp!” Anne nói, rùng mình. “Cô bé tội nghiệp, tội nghiệp!”

“Leslie không khóc ở đám tang cha nhiều hơn nó khóc ở đám tang Kenneth. Tuy nhiên Rose thì gào rú vật vã cho cả hai, và Leslie phải làm tất cả mọi thứ để cố trấn tĩnh và an ủi mẹ nó. Ta ghê tởm Rose và tất cả mọi người khác đều thế, nhưng Leslie không bao giờ hết kiên nhẫn. Nó yêu mẹ mình. Leslie rất trọng gia đình... ruột thịt của nó không bao giờ có thể sai trong mắt nó. Ồ, họ chôn Frank West cạnh Kenneth, và Rose dựng một cái

lãng mộ to tướng cho anh ta. Nó còn lớn hơn nhân cách của anh ta nữa, tin *ta* đi! Tóm lại là, nó lớn hơn mức mà Rose có thể chi trả được, vì nông trại đã được đem ra thế chấp nhiều hơn giá trị thực của mình. Nhưng không lâu sau đó bà nội của Leslie mất và bà ấy để lại cho nó một số tiền nhỏ... đủ để cho nó một năm học tại Học viện Queen. Leslie đã quyết tâm trở thành giáo viên nếu như có thể, và rồi kiếm đủ tiền để đi học ở Đại học Redmond. Đây là kế hoạch ưa thích của cha nó... anh ta muốn nó có được cái mà anh ta đã mất. Leslie tràn trề tham vọng và đầu nó thì đầy nhóc não. Nó đi học ở Queen, học chương trình hai năm trong một năm và có bằng tú tài; và khi về nhà nó đi dạy trường Glen. Nó rất hạnh phúc và hy vọng và tràn đầy sức sống và hăm hở. Khi ta nghĩ đến nó hồi đó và nó bây giờ, ta nói... chết tiệt đám đàn ông!”

Cô Cornelia giật đứt sợi chỉ ra một cách hung dữ như thể, giống Nero, cô đang cắt bay đầu giới đàn ông bằng động tác đó.

“Mùa hè năm ấy Dick Moore bước vào cuộc đời của nó. Cha thằng đó, Abner Moore, có cửa hàng ở Glen, nhưng Dick thừa hưởng máu đi biển từ mẹ hắn; hắn thường đi biển vào mùa hè và bán hàng trong cửa hàng của cha hắn vào mùa đông. Hắn là một gã cao lớn, đẹp trai, nhưng tâm hồn thì xấu xí nhỏ nhặt. Hắn mà muốn gì thì quyết giành bằng được, nhưng lúc có rồi thì lại chán ngay... đúng là đồ đàn ông. Ô, hắn không găm gù với thời tiết lúc trời đẹp đâu, và nói chung hắn rất dễ chịu và đáng mến khi mọi thứ đều ổn. Nhưng hắn uống rượu rất nhiều, và có vài câu chuyện xấu xí kể về hắn và một con bé dưới xóm chài. Hắn không xứng để làm giẻ cho Leslie lau giày, nói luôn và nhanh. Và hắn lại còn là một tay Giám lý! Nhưng hắn si mê con bé điên cuồng... trước hết vì vẻ ngoài của con bé, sau nữa là vì con bé chả có gì để nói với hắn. Hắn thề hắn sẽ có được con bé... và hắn đã có!”

“Làm thế nào anh ta làm được thế ạ?”

“Ồ, thật là một việc trái đạo lý! Ta sẽ không bao giờ tha thứ cho Rose West. Con thấy đó, cung ạ, Abner Moore giữ thế chấp nông trại nhà West, và tiền lãi bị trễ vài năm, và Dick cứ thế đến nói với bà West là nếu Leslie không cưới hắn thì hắn sẽ bảo cha hắn tịch thu thế chấp. Rose làm mình làm mẩy mới gớm chứ... nào ngất xỉu nào khóc lóc, và cầu khẩn Leslie đừng để mình bị đuổi ra khỏi nhà mình. Cô ta nói trái tim cô ta sẽ tan nát nếu phải rời căn nhà cô ta đã đến với tư cách cô dâu. Ta cũng không trách cô ta vì cảm thấy tội tệ về chuyện đó... nhưng ai mà nghĩ cô ta lại ích kỷ đến nỗi hy sinh

cả máu thịt của mình vì chuyện đó, phải không cháu? Đó, cô ta là thế đó. Và Leslie đầu hàng... nó yêu mẹ mình nhiều đến mức nó có thể làm mọi thứ để cứu vớt nỗi đau của mẹ. Nó cưới Dick Moore. Lúc ấy chẳng ai trong chúng ta biết vì sao. Mãi về sau này ta mới phát hiện ra mẹ nó đẩy nó vào chuyện ấy như thế nào. Nhưng hồi đó ta đã chắc chắn là có chuyện gì sai quấy mà, vì ta biết nó từng làm thằng kia bẽ mặt hết lần này sang lần khác như thế nào, mà Leslie không phải là người hay quay ngoắt như thế. Hơn nữa, ta biết Dick Moore không phải loại đàn ông Leslie có thể thích, mặc cho vẻ đẹp mã và những kiểu cách chung diện của hắn. Dĩ nhiên, không có đám cưới nào cả, nhưng Rose yêu cầu ta đến chứng kiến chúng nó cưới nhau. Ta đến, nhưng ta rất tiếc vì mình đã đến. Ta đã thấy mặt của Leslie trong đám tang em nó và trong đám tang cha nó... và giờ ta cảm thấy như ta đang thấy con bé trong đám tang của chính mình. Nhưng Rose thì cười như nghe, tin *ta* đi!”

“Leslie và Dick ngụ tại nhà West – Rose không chịu nổi chuyện phải chia tay với cô con gái quý báu của mình! – và sống ở đó qua mùa đông. Đến mùa xuân Rose bị lao phổi và chết... trẻ mất một năm! Leslie tan nát con tim vì chuyện đó. Có kinh khủng không kia chứ, một vài kẻ không đáng thì lại được yêu thương như thế, trong khi những kẻ khác xứng đáng hơn rất nhiều, ta nghĩ, lại chẳng được bao nhiêu tình cảm? Còn về phần Dick, hắn đã chán cuộc sống gia đình phẳng lặng... đúng là đồ đàn ông! Hắn cứ thế xách đít ra đi. Hắn qua Nova Scotia thăm họ hàng – cha hắn xuất thân Nova Scotia mà – và hắn viết thư về cho Leslie là anh họ hắn, George Moore, sắp sửa đi một chuyến đến Havana và hắn cũng sẽ đi. Tên còn tàu là *Bốn chị em* và họ sẽ đi trong khoảng chín tuần.”

“Leslie hẳn phải thờ phào nhẹ nhõm. Nhưng nó không bao giờ nói gì hết. Từ ngày cưới đến giờ nó đúng như thế... lạnh lùng và kiêu ngạo, và xa lánh tất cả mọi người trừ ta. Ta thì không xa lánh được, tin *ta* đi! Ta cứ thế dính lấy Leslie, gần gũi hết mức có thể mặc kệ mọi thứ.”

“Cô ấy nói với cháu cô là người bạn tốt nhất mà cô ấy có,” Ann nói.

“Thế á?” cô Cornelia vui thích thốt lên. “Ừ, ta thật mừng khi nghe câu đó. Nhiều lúc ta tự hỏi liệu nó có thực sự muốn ta ở quanh không... nó không bao giờ cho phép ta nghĩ thế. Cháu hẳn đã làm tan chảy nó nhiều hơn cháu nghĩ, nếu không nó sẽ không bao giờ nói nhiều đến mức đó với cháu. Ôi, con bé tội nghiệp đau khổ! Ta chưa bao giờ nhìn thấy Dick Moore mà không muốn xiên cho thằng đó một nhát.”

Cô Cornelia lại quệt nước mắt và sau khi đã giải tỏa cảm xúc bằng điều ước khát máu của mình, cô tiếp tục câu chuyện.

“Ồ, Leslie bị bỏ lại ở đó một mình. Dick gieo cây trước khi đi, và ông Abner già chăm sóc vụ mùa. Mùa hè trôi qua mà con tàu *Bốn chị em* vẫn chưa trở lại. Đám nhà Moore ở Nova Scotia thăm dò, và phát hiện con tàu đã đến Havana trả hàng và lấy thêm hàng rồi về nhà và đây là tất cả những gì họ biết được về nó. Dần dà mọi người bắt đầu nói đến Dick Moore như một người đã chết. Hầu như tất cả mọi người đều tin là hắn đã chết, mặc dù không ai biết chắc, vì đám đàn ông đã từng có người xuất hiện tại vùng vịnh này sau khi biệt tích hàng bao nhiêu năm trời. Leslie không bao giờ nghĩ hắn đã chết... và nó đúng. Tiếc một ngàn lần! Mùa hè năm sau thuyền trưởng Jim đến Havana... đây là ngay trước khi ông ấy từ bỏ nghề biển, dĩ nhiên. Ông ấy nghĩ hay là dò hỏi xung quanh một chút... thuyền trưởng Jim lúc nào cũng nhiều sự, đúng là đồ đàn ông... và ông ấy bắt đầu dò hỏi quanh những căn nhà trọ của đám thủy thủ và các nơi như thế, để xem liệu có thể tìm được chút manh mối nào về thủy thủ đoàn của con tàu *Bốn chị em* hay không. Lẽ ra ông ấy đừng nên đánh động mấy con chó đã ngủ, theo ý kiến của ta! Ồ, ông ấy đến một nơi hẻo lánh, và ở đó ông ấy tìm thấy một gã mà ông ấy nhìn là biết ngay là Dick Moore, mặc dù hắn để râu rậm rì. Thuyền trưởng Jim cho cạo đi và rồi không còn nghi ngờ gì nữa... chính thị Dick Moore... ít nhất là thân xác hắn. Đầu óc hắn không có đó... còn về tâm hồn hắn, theo ý ta hắn chưa bao giờ có tâm hồn!”

“Chuyện gì đã xảy ra với anh ta ạ?”

“Chẳng ai biết chuyện gì. Tất cả những gì mấy người chủ nhà trọ có thể nói được là một buổi sáng nọ khoảng một năm về trước họ tìm thấy hắn ta nằm trên bậc thềm nhà họ trong một tình trạng kinh khủng... đầu hắn bầm giập đến độ chẳng thành hình nữa. Họ đoán hắn bị thương trong một vụ ẩu đả say rượu nào đó, và chắc đây là sự thật. Họ đem hắn vào, chẳng bao giờ nghĩ hắn có thể sống nổi. Nhưng hắn đã sống... có điều khi khỏe rồi thì hắn chỉ còn như một đứa trẻ con thôi. Hắn không có trí nhớ hay trí khôn hay lý trí gì sất. Họ cố tìm hiểu xem hắn là ai nhưng không được. Hắn thậm chí còn không nói được tên mình... hắn chỉ có thể nói vài từ đơn giản. Hắn có đem theo một lá thư bắt đầu bằng ‘Dick thân mến’ và ký tên ‘Leslie’, nhưng không có địa chỉ trên đó và phong bì thì mất rồi. Họ để hắn ở lại... hắn học cách làm vài việc vặt vãnh quanh nhà... và thuyền trưởng Jim đã tìm thấy hắn ở đó. Ông ấy đưa hắn về... ta vẫn luôn nói đây là một việc rất dở, mặc dù ta

đoán ông ấy cũng chả làm thế nào khác được. Ông ấy nghĩ có thể Dick về nhà, thấy lại khung cảnh cũ và những gương mặt quen thuộc trí nhớ của hắn có thể thức dậy. Nhưng chả có tác dụng gì. Vậy là hắn đã ở căn nhà nơi đầu con suối từ đó đến nay. Hắn chỉ như một đứa trẻ, không hơn không kém. Thịnh thoảng cũng có lên con quạu quọ, nhưng bình thường hắn chỉ ngơ ngẩn, dễ bảo và vô hại. Hắn rất dễ chạy đi mất khi không được để mắt. Đây là cái gánh nặng mà Leslie đã phải mang trong mười một năm nay... chỉ có một mình. Ông Abner Moore già đã chết chẳng bao lâu sau khi Dick được mang về nhà và hóa ra ông ta đã gần như phá sản. Khi mọi thứ được giải quyết thì chẳng còn gì cho Leslie và Dick ngoài trang trại West cũ. Leslie cho John Ward thuê, và chỗ tiền thuê là tất cả những gì nó có để sống nhờ vào. Thịnh thoảng vào mùa hè nó nhận khách trọ để giúp thêm. Nhưng hầu hết khách tham quan thích ở bên kia cảng nơi có khách sạn và nhà nghỉ mùa hè hơn. Nhà của Leslie ở xa bãi tắm quá. Nó phải chăm sóc Dick và nó chưa bao giờ rời thằng kia từ mười một năm nay... nó bị buộc với thằng đàn ấy suốt đời! Và sau tất cả những mơ ước và hy vọng mà nó từng có! Cháu có thể tưởng tượng mọi thứ đã như thế nào với nó, Anne cưng ạ... với sắc đẹp và tinh thần và lòng tự hào và sự thông minh của nó. Đúng là sống cũng như chết mà!”

“Cô gái tội nghiệp, tội nghiệp!” Anne lại nói. Hạnh phúc của chính Anne như sủ nhục cô. Cô có quyền gì mà hạnh phúc như vậy khi một linh hồn con người khác phải đau khổ đến dường ấy?

“Cháu nói cho ta biết chính xác những điều Leslie đã nói và cách xử sự của nó cái đêm cháu gặp nó ngoài bờ biển được không?” cô Cornelia hỏi.

Cô lắng nghe chăm chú và gật đầu lộ vẻ hài lòng.

“*Cháu* thì nghĩ nó cứng nhắc và lạnh lùng, Anne cưng ạ, nhưng ta có thể nói cho cháu biết nó đã mềm đi rất nhiều so với chính nó rồi đó. Cháu có thể giúp nó rất nhiều. Ta rất mừng khi nghe tin một cặp vợ chồng trẻ sắp chuyển đến căn nhà này, vì ta hy vọng điều đó sẽ mang lại một vài người bạn cho Leslie; nhất là khi cháu thuộc về lớp người quen của Joseph. Cháu sẽ làm bạn của nó chứ, Anne cưng?”

“Chắc chắn ạ, nếu cô ấy cho phép cháu,” Anne nói, với tất cả sự chân thành ngọt ngào, bông bột của riêng mình.

“Không, cháu phải là bạn của nó, dù nó có cho phép cháu hay là không,”

cô Cornelia kiên quyết nói. “Cháu đừng để bụng việc thỉnh thoảng nó tỏ ra cứng nhắc... đừng để ý. Hãy nhớ cuộc đời nó đã như thế nào... và vẫn như thế nào... và phải luôn luôn như thế nào, ta đoán thế, vì những đứa như Dick Moore cứ sống mãi thôi, ta hiểu vậy. Cháu phải xem thằng đó béo ú lên như thế nào từ hồi nó về nhà. Hồi xưa nó cũng gầy lắm. Cứ *làm* bạn với nó... cháu làm được... cháu là một trong số những người có năng khiếu đó. Chỉ có điều cháu không được nhạy cảm quá. Và đừng ngại nếu nó có vẻ không muốn cháu sang bên kia nhiều. Nó biết một số phụ nữ không thích ở gần Dick... họ phàn nàn là thằng đó làm cho họ nổi da gà. Cứ rủ nó sang đây càng nhiều càng tốt. Nó không bỏ đi được quá nhiều đâu... nó không bỏ Dick ở nhà được lâu, vì có Chúa mới biết thằng đấy sẽ làm gì... chắc là đốt nhà quá. Gần như nó chỉ có khoảng thời gian tự do duy nhất là đêm sau khi thằng kia lên giường ngủ. Thằng đó lúc nào cũng đi ngủ sớm và ngủ như chết cho tới sáng hôm sau. Chắc cháu gặp nó ở bờ biển là vì như thế. Nó hay đi lang thang ngoài đó lắm.”

“Cháu sẽ làm mọi điều có thể cho cô ấy,” Anne nói. Hứng thú của cô với Leslie Moore, lúc nào cũng mạnh mẽ kể từ lúc cô nhìn thấy Leslie lùa đàn ngỗng xuống đồi, giờ được nhân lên gấp ngàn lần sau câu chuyện của cô Cornelia. Vẻ đẹp và nỗi buồn cùng sự cô đơn của cô gái cuốn hút cô bằng một sức hấp dẫn không thể cưỡng nổi. Cô chưa bao giờ quen biết bất cứ ai như thế; bạn bè cô trước nay luôn là những cô gái trọn vẹn, bình thường, vui vẻ như chính cô, chỉ với những lo lắng và sầu muộn thông thường phủ bóng những giấc mơ con gái. Leslie Moore đứng riêng, một bóng dáng bi kịch, cuốn hút của đời người phụ nữ đầy ngang trái. Anne quyết tâm sẽ chiếm được lối vào cái vương quốc tâm hồn cô độc đó và tìm thấy nơi tình bạn mà nó sẽ trao tặng thật dồi dào, nếu không vì những gông xiềng tàn nhẫn cầm giữ trong một nhà tù không tự nó xây lên.

“Và cháu phải nhớ điều này, Anne cưng ạ,” cô Cornelia, vẫn chưa hoàn toàn nói cho hả dạ, nói thêm. “Cháu không được nghĩ Leslie là một kẻ thiếu đức tin vì nó gần như không bao giờ đi nhà thờ... hay thậm chí vì nó là một người Giám lý. Nó không thể đưa Dick đến nhà thờ, dĩ nhiên... cũng chẳng phải thằng đó thèm đến nhà thờ nhiều hồi nó còn khỏe mạnh. Nhưng cháu cứ nhớ rằng nó là một người theo hội Trưởng lão đặc sệt trong tim nó, Anne cưng ạ.”

12. Leslie sang chơi

Leslie ghé thăm căn nhà mơ ước vào một tối tháng Mười mùa sương nọ, khi những cụm sương sáng ánh trăng đang treo trên vịnh cảng và uốn mình như những dải lụa bạc dọc các thung lũng hẹp về phía biển. Khi Gilbert ra mở cửa, trông cô có vẻ hối hận vì đã đến; nhưng Anne phóng qua mặt anh, nhảy bổ vào cô và kéo cô vào.

“Minh rất mừng là cậu đã chọn tối nay để ghé thăm,” cô vui vẻ nói. “Chiều nay mình mới làm thêm rất nhiều kẹo mềm ngon và chúng mình muốn có ai đó ăn giúp - trước lò sưởi - khi chúng ta trò chuyện. Có khi thuyền trưởng Jim cũng sẽ ghé thăm. Đây là đêm của ông ấy.”

“Không. Thuyền trưởng Jim ở bên nhà,” Leslie nói. “Ông ấy... ông ấy bắt tôi tới đây,” cô nói thêm, vẻ hơi thách thức.

“Minh sẽ nói cảm ơn ông ấy khi nào gặp,” Anne nói, đoạn kéo những chiếc ghế thoải mái ra trước lò sưởi.

“Ồ. Ý tôi không phải là tôi không muốn đến,” Leslie chống chế, hơi đỏ mặt. “Tôi... tôi cũng đã nghĩ đến chuyện ghé qua... nhưng không phải lúc nào tôi cũng dễ dàng bỏ đi được.”

“Dĩ nhiên là cậu rất khó rời anh Moore,” Anne nói, bằng một giọng thân thiện. Cô đã quyết định tốt nhất là thỉnh thoảng cứ nhắc tới Dick Moore như một sự thật đã được chấp nhận, và không mang lại thêm vẻ khó chịu không cần thiết cho đề tài này bằng cách lảng tránh nó. Cô đã đúng, vì thái độ miễn cưỡng của Leslie ngay lập tức biến mất. Rõ ràng cô đã tự hỏi Anne biết về tình trạng đời sống của cô nhiều đến mức nào và lấy làm nhẹ nhõm là không cần phải đưa ra một giải thích nào cả. Cô để Anne đỡ lấy mũ và áo choàng cho mình, và ngồi xuống với một vẻ co ro trẻ con trên chiếc ghế bành lớn cạnh Magog. Cô ăn mặc đẹp đẽ và cẩn thận, với sắc đỏ tươi quen thuộc của bông phong lữ đeo nơi cần cổ trắng ngần. Mái tóc đẹp của cô ánh lên như vàng lỏng trong ánh lửa lò sưởi ấm áp. Đôi mắt xanh màu biển đầy những tiếng cười và sự quyến rũ mềm mại. Trong một chốc, dưới ảnh hưởng của căn nhà mơ ước nhỏ, cô lại là một cô gái đã quên đi quá khứ cùng những cay đắng của nó. Cái không khí mà rất nhiều tình yêu đã phù phép cho căn nhà nhỏ ở khắp xung quanh cô; sự bầu bạn của hai con người trẻ trung, khỏe mạnh và hạnh phúc cùng lứa với cô bao bọc lấy cô; cô cảm nhận và buông theo ma lực của khung cảnh - cô Cornelia và thuyền trưởng Jim hẳn sẽ khó lòng mà nhận ra cô; Anne thấy khó mà tin được đây là người đàn bà lạnh lùng, lãnh đạm cô đã gặp ở bờ biển - cô gái vui tươi này nói và nghe với sự

háo hức của một tâm hồn đang chết đói. Và đôi mắt của Leslie nhìn những kệ sách giữa các cửa sổ mới hau háu làm sao!

“Thư viện của chúng mình không được nhiều cho lắm,” Anne nói, “nhưng mỗi quyển sách trong đó là một *người bạn*. Chúng mình đã chọn sách qua nhiều năm, chỗ này chỗ nọ, không bao giờ mua trừ phi đã đọc qua và biết nó thuộc vào lớp người quen của Joseph.”

Leslie cười - tiếng cười đẹp đẽ dường như thân thiết với tất cả những tươi vui từng vang vọng khắp căn nhà nhỏ trong những năm tháng đã qua.

“Mình có một số sách của cha - không nhiều,” cô nói. “Mình đã đọc chúng cho đến khi thuộc gần như nằm lòng. Mình không mua nhiều sách. Có một thư viện lưu động cửa hàng Glen - nhưng mình không nghĩ hội đồng chọn sách cho ông Parker biết cuốn nào thì thuộc lớp người quen của Joseph - hoặc có lẽ là họ không quan tâm. Quá hiếm khi mình kiếm được một cuốn mình thực sự thích đến nỗi mình từ bỏ luôn.”

“Mình hy vọng cậu sẽ xem những kệ sách của chúng mình như của chính cậu,” Anne nói. “Chúng mình hoàn toàn thành tâm hoan nghênh cậu mượn bất cứ cuốn nào.”

“Cậu đang đưa ra một bữa tiệc thịnh soạn toàn những món béo bở trước mắt mình đây,” Leslie vui mừng nói. Rồi, khi đồng hồ điểm mười giờ, cô đứng dậy, vẻ hơi miễn cưỡng.

“Mình phải đi rồi. Mình không nhận ra là đã trễ đến thế. Thuyền trưởng Jim lúc nào cũng nói ở lại một tiếng đâu có lâu la gì. Nhưng mình đã ở lại hai tiếng... và ôi, nhưng mình đã rất thích thú,” cô thẳng thắn nói thêm.

“Đến thường xuyên nhé,” Anne và Gilbert nói. Họ đã đứng dậy và đứng cạnh nhau trong ánh sáng từ lò sưởi. Leslie nhìn họ - trẻ trung, hy vọng, hạnh phúc, tất cả những gì cô đã bỏ lỡ và sẽ mãi bỏ lỡ. Ánh sáng biến mất khỏi gương mặt và ánh mắt của cô - cô gái đã biến mất, giờ thì người đàn bà sần muộn và bị lừa dối đáp lại lời mời một cách lạnh lẽo và bỏ đi với vẻ vội vàng đáng thương.

Anne nhìn theo đến khi cô biến mất trong bóng đêm lạnh giá mù sương. Rồi cô từ từ quay lại với ánh sáng bệ lò sưởi rực rỡ của mình.

“Cô ấy thật đáng yêu, đúng không Gilbert? Mái tóc của cô ấy làm em say mê. Cô Cornelia nói nó dài đến tận gót chân, Ruby Gillis có mái tóc rất đẹp - nhưng tóc của Leslie như *đang sống* - từng sợi từng sợi là vàng sống.”

“Cô ấy rất đẹp,” Gilbert đồng tình, nhiệt tình đến nỗi Anne suýt thì hy vọng anh bớt nhiệt tình đi *một chút*.

“Gilbert, liệu anh có thích tóc em hơn không nếu nó giống như của Leslie?” cô hỏi vẻ bâng khuâng.

“Em sẽ không phải là *Anne* nếu tóc em vàng, hay bất cứ màu nào khác ngoài...”

“Đỏ”, Anne nói, với một vẻ hài lòng u ám.

“Đúng, đỏ - để mang hơi ấm đến cho làn da trắng như sữa và đôi mắt xanh xám rực rỡ kia của em. Tóc vàng sẽ không hợp với em chút nào nữ hoàng Anne ạ - nữ hoàng Anne của anh - nữ hoàng của trái tim và cuộc đời và mái nhà của anh.”

“Thế thì anh có thể ngưỡng mộ tóc của Leslie bao nhiêu tùy thích,” Anne nói vẻ hào hiệp.

13. Một tối ma ám

Một buổi chiều sau đó một tuần, Anne quyết định chạy qua cánh đồng đến căn nhà trên suối để thăm hỏi thân tình. Ấy là một buổi chiều mù mịt sương xám, sương đã bò vào từ vịnh, quán lấy khu cảng, lấp kín những thung lũng nhỏ và lớn, và trĩu nặng lên những đồng cỏ mùa thu. Xuyên qua sương mù, biển khốc và rừng mình. Anne nhìn Bốn Làn Gió trong một khía cạnh mới mẻ, thấy nó lạ lùng, bí ẩn và kỳ thú; nhưng nó cũng cho cô một chút cảm giác cô đơn. Gilbert đi vắng và sẽ đi vắng đến tận hôm sau, dự một hội thảo y tế Charlottetown. Anne tha thiết mong một giờ bầu bạn với một cô bạn gái nào đó. Thuyền trưởng Jim và cô Cornelia mỗi người đều là “những người bạn tốt” theo cách riêng của họ; nhưng tuổi trẻ ngóng tìm tuổi trẻ.

“Giá mà Diana hay Phil hay Pris hay Stella có thể ghé qua trò chuyện một chút nhỉ,” cô tự nhủ, “được thế thì thú vị biết bao! Đây thật là một đêm *ma ám*. Mình tin là tất cả những con tàu xấu số từng dong buồm ra khỏi Bốn Làn Gió đến với ngày tận số của mình đều có thể được nhìn thấy lướt vào

vịnh đêm nay, với thủy thủ đoàn đã chết đắm trên boong, nếu màn sương mù bao phủ kia bỗng nhiên được vén lên. Mình cảm thấy như nó che giấu vô số điều bí ẩn - như thể mình bị bao phủ bởi hồn ma của nhiều thế hệ dân Bốn Làn Gió đang nhìn mình qua màn sương xám đó. Nếu có bao giờ những quý bà thân mến đã mất ở căn nhà nhỏ này trở lại viếng thăm nó thì họ sẽ đến vào một đêm đúng như thế này. Nếu mình ngồi đây thêm một chút nào nữa khéo mình sẽ thấy một trong số họ ở kia đối diện mình trên ghế của Gilbert mất. Chỗ này không thực sự thân thiện trong đêm nay. Ngay cả Gog và Magog cũng có vẻ như đang dỏng tai lên nghe ngóng tiếng chân của những vị khách vô hình. Mình sẽ chạy sang thăm Leslie trước khi tự dọa mình sợ bằng chính những tưởng tượng của mình, như hồi xưa mình đã làm với rừng Ma ám. Mình sẽ để căn nhà mơ ước chào đón những cư dân cũ của nó. Chiếc lò sưởi sẽ đem cho họ hảo ý cùng lời chào của mình... lúc mình quay về thì họ sẽ đi rồi, và căn nhà của mình sẽ lại là của mình một lần nữa. Đêm nay mình tin là nó đang có một cuộc hẹn hò với quá khứ.”

Cười một chút với trí tưởng tượng của chính mình, thế nhưng vẫn với một chút cảm giác lạnh lạnh nơi sống lưng, Anne hôn gió Gog và Magog rồi lần ra ngoài lần vào sương mù, với một vài cuốn tạp chí mới kẹp dưới tay mang cho Leslie.

“Leslie phát cuồng lên vì sách với tạp chí,” cô Cornelia từng nói với Anne, “thế mà nó gần như chẳng bao giờ thấy được cuốn nào. Nó không đủ tiền mua sách hay đặt báo. Nó thực sự nghèo đến mức đáng thương hại, Anne ạ. Ta không biết làm thế nào nó sống được với số tiền ít ỏi cho thuê trang trại. Nó chẳng bao giờ hé răng phàn nàn về mức độ nghèo khổ của mình, nhưng ta biết tình hình phải như thế nào. Nó đã bị cái nghèo bức bách suốt cả đời. Nó không lấy đó làm phiền khi nó còn tự do và tham vọng, nhưng giờ chắc phải khó chịu lắm, tin *ta* đi. Ta mừng là nó có vẻ sáng sủa và tươi vui như thế cái đêm nó đến chơi với hai đứa. Thuyền trưởng Jim bảo ông ấy gần như phải đội mũ khoác áo cho nó và đẩy nó ra khỏi cửa. Cũng đừng để lâu quá mới đến thăm nó nhé. Nếu cháu đến muộn quá nó sẽ nghĩ đó và vì cháu không thích nhìn thấy Dick, và nó sẽ lại chui vào cái vỏ của nó. Dick là một đứa bé to xác vô hại, nhưng cái vẻ nhe nhớn ngu si và điệu cười khùng khục của hắn nhiều lúc làm người ta điên tiết. Cảm ơn Chúa, ta thì không có ‘tiết’ gì để mà điên hết. Ta thích Dick Moore bây giờ hơn nhiều so với cái hồi hắn còn tỉnh táo đầu óc... mặc dù có Chúa biết nói vậy không có nghĩa là ta thích nó nhiều nhận gì cho cam. Có bữa ta xuống dưới đó lau dọn nhà cửa giúp đỡ Leslie một chút, và ta đang rán bánh vòng. Dick lảng

vắng bên cạnh để xin một cái, như thường lệ, và đột nhiên nó cầm lên một cái bánh nóng sôi ta vừa mới vớt ra rồi thả xuống gáy ta lúc ta đang cúi xuống. Rồi nó cứ cười hô hô. Tin *ta* đi Anne, ta phải trung dụng hết toàn bộ sự nhã nhặn Chúa ban cho trong người để không vớt cái chảo dầu sôi đổ lên đầu thẳng đó.”

Vừa băng mình qua bóng tối, Anne vừa phá lên cười khi nhớ lại cơn giận của cô Cornelia. Nhưng tiếng cười kém hòa hợp với đêm đó. Khi đến căn nhà giữa rừng liễu thì cô đã điềm tĩnh lại. Mọi thứ đều yên ắng. Phần trước của căn nhà có vẻ u ám và vắng vẻ, thế nên Anne vòng ra cửa bên, mở tủ ban công vào một phòng khách nhỏ. Ở đó cô dừng lại không tiếng động.

Cửa mở. Bên trong, trong căn phòng thấp đèn tối mờ, Leslie Moore ngồi, với hai cánh tay gieo trên bàn, đầu gục xuống tay. Cô đang khóc thảm thiết... những tiếng nấc nghẹn ngào, trầm và dữ dội, như thể một nỗi thương tâm nào đó trong tâm hồn cô đang cố gắng giằng thoát ra ngoài. Một con chó đen già đang ngồi cạnh, mũi tì vào lòng cô, đôi mắt chó to tròn đầy một nỗi cảm thông và gần bó cam lặng, khẩn cầu. Anne đau lòng lùi lại. Cô cảm thấy như mình không nên can thiệp vào nỗi cay đắng này. Trái tim cô như có một nỗi thông cảm không thể thốt thành lời. Bước vào lúc này là sẽ đóng lại vĩnh viễn cánh cửa mở vào bất cứ sự giúp đỡ hay tình bạn nào. Một thứ bản năng nào đó cảnh báo Anne rằng cô gái cay đắng và kiêu hãnh đó sẽ không bao giờ tha thứ cho ai bắt gặp cô trong tình trạng buông thả vào tuyệt vọng của mình.

Anne nhón chân không một tiếng động khỏi ban công, tìm đường đi ngang qua sân. Đằng trước, cô nghe thấy tiếng người trong bóng tối và thấy ánh sáng le lói của một ngọn đèn. Ở cửa cô gặp hai người đàn ông... thuyền trưởng Jim cầm chiếc đèn lồng, và một người nữa mà cô biết hẳn là Dick Moore... một người đàn ông to lớn, đã đến mức béo ục, khuôn mặt đỏ, tròn, to và đôi mắt vô hồn. Ngay cả trong ánh sáng mờ mờ Anne cũng có ấn tượng rằng có gì đó không bình thường trong đôi mắt anh ta.

“Có phải cháu không, cháu Blythe?” thuyền trưởng Jim nói. “Nào nào, cháu không nên lang thang một mình trong một đêm như thế này chứ. Cháu có thể dễ dàng đi lạc trong đám sương mù này đó. Cứ đợi đây, để ta đưa Dick an toàn vô cửa đã rồi ta sẽ quay lại soi đèn cho cháu băng đồng. Ta không định để bác sĩ Blythe về nhà thấy cháu đã sẩy chân rớt tọt xuống mũi Leforce trong sương mù đâu. Có lần một bà đã bị vậy rồi đó, bốn chục năm

trước.”

“Thế cháu ghé qua thăm Leslie đó à,” ông nói, khi quay lại đi cùng cô.

“Cháu không vào,” Anne nói, và kể những gì cô đã nhìn thấy. Thuyền trưởng Jim thở dài.

“Con bé tội nghiệp! Nó không hay khóc đâu, cháu gái Blythe ạ... nó quá dũng cảm để làm việc đó. Nhưng một khi nó đã khóc thì chắc nó phải cảm thấy kinh khủng lắm. Một đêm như thế này rất nặng nề với những phụ nữ tội nghiệp có nỗi khổ tâm. Có gì đó kiểu như gọi lên tất cả những gì ta đã phải chịu đựng... hay sợ hãi.”

“Đêm đầy ma,” Anne nói, thoáng rùng mình. “Đây là lý do cháu sang đây... cháu muốn nắm chặt một bàn tay con người và nghe một giọng nói con người. Dường như có quá nhiều những hiện hữu *không-phải-con-người* trong đêm nay. Ngay cả căn nhà thân thương của cháu cũng như đầy ma. Họ gần như huých cháu ra ngoài. Thế nên cháu trốn qua bên này để tìm chút hơi ấm đồng loại.”

“Nhưng mà cháu không vô là đúng đó, cháu Blythe ạ. Leslie sẽ không thích đâu. Nó cũng sẽ không thích ta vô với Dick, mà nếu không gặp cháu trước thì có khi ta đã làm thế rồi. Ta đưa Dick xuống chỗ ta cả ngày. Ta trông nó càng lâu càng tốt để giúp Leslie chút chút.”

“Mắt anh ta có gì đó kỳ cục phải không ạ?” Anne hỏi.

“Cháu cũng để ý à? Đúng rồi, một bên xanh và bên kia hạt dẻ... cha nó cũng thế. Đó là một đặc điểm kỳ dị của nhà Moore. Chính điều đó mách ta nó là Dick Moore khi ta gặp nó lần đầu tiên ở Cuba. Nếu không vì mắt nó chắc ta không biết đâu, râu ria rồi mỡ béo như thế. Chắc cháu biết rồi, chính ta đã tìm thấy rồi mang nó về nhà. Cô Cornelia lúc nào cũng nói ta không nên làm vậy, nhưng ta không thể đồng tình với cô được. Đây là việc *đúng* phải làm... và đây cũng là lựa chọn duy nhất. Ta không bao giờ băn khoăn về việc *đó* cả. Nhưng trái tim già cả của ta đau khổ cho Leslie. Nó mới hai tám tuổi đầu mà đã ăn nhiều bánh mì chan nước mắt hơn hết phụ nữ phải ăn trong tám mươi năm.”

Họ đi tiếp một lúc trong im lặng. Thế rồi Anne nói, “Thuyền trưởng Jim, ông có biết không, cháu không bao giờ thích đi bộ với đèn lồng. Cháu lúc

nào cũng có cảm giác rất kỳ lạ là ngay bên ngoài quang sáng, ngay ngoài rìa bên kia trong bóng tối, cháu bị bủa vây giữa một vòng tròn những vụng trộm, góm guốc, đang theo dõi cháu từ trong bóng tối bằng ánh mắt thù địch. Từ nhỏ cháu đã có cảm giác đó. Lý do là gì vậy nhỉ? Cháu không bao giờ cảm thấy như vậy khi cháu thật sự ở trong bóng tối... khi bóng tối khép kín quanh cháu... cháu không có chút gì sợ hãi.”

“Ta cũng có cảm giác gần như vậy,” thuyền trưởng Jim thừa nhận. “Ta nghĩ khi bóng tối ở sát mình thì nó là bạn. Nhưng khi chúng ta kiêu như đẩy nó ra xa... tách mình khỏi nó, kiêu thế, bằng ánh sáng đèn lồng... nó trở thành một kẻ thù. Nhưng sương mù đang tan rồi. Có một ngọn gió Tây đang nổi lên, nếu cháu để ý. Những ngôi sao sẽ lộ ra khi cháu về đến nhà.”

Sao đã lộ; và khi Anne bước trở vào căn nhà mơ ước của mình, đám tro hồng vẫn đang tỏa sáng trong lò, và tất cả những bóng hình ám ảnh đã biến mất.

14. Những ngày Tháng Mười một

Sự huy hoàng của màu sắc vốn rực sáng nhiều tuần dọc những bờ biển của Bốn Làn Gió đã tàn dần thành sắc xám xanh mềm mại của những ngọn đồi thu muộn. Rồi đến những ngày cánh đồng và bờ biển mù trong mưa bụi, hay run rẩy trước hơi thở của một ngọn hải phong sâu thẳm... đêm nữa, của bão và dông, khi Anne thỉnh thoảng thức dậy để cầu cho không con tàu nào bị đánh dạt lên bờ Bắc u ám vì nếu thế thì ngay cả ngọn đèn vĩ đại, trung thành xoay trong đêm tối không sợ hãi, cũng không thể đưa nó vào được bến đậu an toàn.

“Tháng Mười một nhiều lúc em cảm thấy như thể mùa xuân có thể sẽ không bao giờ trở lại,” cô thở dài, than thở cho vẻ xấu xí vô vọng của những chậu hoa phủ kín sương giá và bùn đất của mình. Khu vườn nhỏ vui tươi của cô dâu thầy giáo giờ đã trở thành một chốn hoang vu, những cây dương Lombardy và bu lô như những cây cột trợ trợ như thuyền trưởng Jim nói. Nhưng rừng linh sam phía sau căn nhà nhỏ vẫn mãi xanh tươi và vững chắc; và ngay cả trong tháng Mười một và tháng Mười hai vẫn có những ngày rực nắng và tím hoàng hôn, khi bờ cảng nhảy múa và lấp lánh vô tư như giữa mùa hè, và con vịnh xanh mềm mại và dịu dàng đến nỗi bão và cơn gió hoang dại chỉ như những điều thuộc về một giấc mơ đã qua từ lâu.

Anne và Gilbert trải qua rất nhiều buổi chiều tối mùa thu ở ngọn hải đăng. Đó lúc nào cũng là một chôn vui tươi. Ngay cả khi làn gió đông hát ở cung thứ, ngay cả khi biển chết và xám xịt, những vết tích của mặt trời vẫn như lần khuất khắp quanh đó. Có lẽ đây là vì con Bạ Đầu luôn lượn quanh ngọn đèn trong bộ giáp vàng rực của mình. Nó to lớn và sáng ngời đến nỗi chẳng ai buồn nhìn nhớ mặt trời, và những tiếng gầm gừ vang vang của nó tạo thành một sự đồng hành thật dễ chịu với tiếng cười và tiếng chuyện trò vang lên quanh lò sưởi nhà thuyền trưởng Jim. Thuyền trưởng Jim và Gilbert có rất nhiều cuộc trao đổi và chuyện trò hăng say về những vấn đề vượt ngoài tầm của cả mèo lẫn vua chúa.

“Ta thích nghĩ ngợi đủ mọi vấn đề, mặc dù ta không thể giải quyết được chúng,” thuyền trưởng Jim nói. “Cha ta cho rằng chúng ta không nên nói về những thứ mà chúng ta không hiểu, nhưng bác sĩ à, nếu không thế thì chủ đề nói chuyện sẽ ít ỏi làm sao. Ta đoán là Chúa trời cười rất nhiều khi nghe chúng ta nói chuyện, nhưng cần gì đâu miễn là chúng ta nghĩ chúng ta chỉ là con người và đừng có mơ tưởng mình chính là Chúa, thiệt tình, biết tốt biết xấu. Ta cho là mấy lời vớ vẩn của chúng ta chẳng làm hại chúng ta hay bất cứ ai, thế nên tối nay chúng ta cứ tiếp tục quác quạc về những khi nào, tại sao và đến đâu đi nhé bác sĩ.”

Trong khi họ “quác quạc”, Anne lắng nghe hoặc mơ mộng. Thỉnh thoảng Leslie cũng đến ngọn hải đăng với họ, cô và Anne lang thang dọc bờ biển trong ráng chiều nhập nhoạng, hoặc ngồi trên bờ đá phía dưới căn nhà đến khi bóng tối lừa họ về với sự tươi vui của đám lửa gỗ trôi dạt. Rồi thuyền trưởng Jim sẽ châm trà và kể họ nghe

“Chuyện của đất và biển

Và những điều có thể xảy ra

Với thế giới vĩ đại bị quên lãng ngoài xa.”

Leslie có vẻ như lúc nào cũng thích những chuyện đi đến ngọn hải đăng, trong thoáng chốc cô bừng nở nét hóm hỉnh nhanh trí và tiếng cười giòn xinh, hay sự im lặng mắt sáng ngời. Có một âm điệu và mùi vị nhất định nào đó trong những cuộc trò chuyện có mặt Leslie mà họ thấy thiếu vắng khi cô không có mặt. Ngay cả khi cô không nói, dường như cô vẫn gợi cảm hứng cho người khác đạt đến sự xuất sắc. Thuyền trưởng Jim kể chuyện hay hơn, Gilbert nhanh nhẹn hơn trong lập luận và ứng đáp, Anne cảm thấy những

dòng những giọt tưởng tượng và hình dung tuôn trào lên môi cô dưới sức ảnh hưởng của cá tính Leslie.

“Cô gái đó sinh ra là để làm người dẫn đầu trong những hội nhóm xã giao và trí thức, cách xa Bốn Làn Gió,” cô nói với Gilbert khi họ đi bộ về nhà một tối nọ. “Cô ấy đúng là đang bị bỏ phí ở đây... phí phạm.”

“Tôi hôm trước em không nghe thuyền trưởng Jim và anh tranh luận về chủ đề đó à? Bọn anh đã đi đến một kết luận an ủi rằng đáng Tạo hóa có lẽ biết cách điều hành vũ trụ của Người cũng rõ như chúng ta vậy, và rằng, nói cho cùng thì không có cái gọi là những cuộc đời ‘phí phạm’, trừ phi một cá nhân cố tình buông tay bỏ phí cuộc đời của chính mình... mà rõ ràng Leslie Moore đã không làm vậy. Và một số người cũng có thể nghĩ là một cử nhân trường Redmond, người mà các nhà biên tập đang bắt đầu trân trọng, đang bị ‘phí phạm’ trong vai trò vợ của một bác sĩ nhà quê chật vật trong cộng đồng thôn dã của Bốn Làn Gió.”

“Gilbert!”

“Nếu em mà cưới Roy Gardner, thì giờ,” Gilbert nói tiếp không thương tiếc, “*em* đã có thể ‘làm người dẫn đầu trong những hội nhóm xã giao và trí thức, cách xa Bốn Làn Gió’.”

“Gilbert *Blythe*!”

“Em *biết* là em cũng từng có lúc yêu anh ta mà Anne.”

‘Gilbert, anh thật là ác...’ quá là ác, đúng là đồ đàn ông, như cô Cornelia nói. Em *chưa bao giờ* yêu anh ta. Em chỉ tưởng tượng là em yêu thôi. Anh biết điều đó. Anh *biết* là em thà làm vợ anh trong căn nhà mơ ước và trọn vẹn của chúng ta còn hơn làm nữ hoàng trong cung điện.”

Câu trả lời của Gilbert không nói bằng lời; nhưng tôi e rằng cả hai đã quên bằng Leslie tội nghiệp đang bước trên con đường cô đơn của mình băng qua những cánh đồng đến một căn nhà không phải cung điện cũng không phải là sự lấp đầy một giấc mơ.

Phía sau họ, trăng đang lên trên mặt biển buổi tối và biến đổi nó. Ánh sáng của nàng trăng chưa đến được cảng, hai bên bờ vẫn khuất bóng và đầy khơi gợi, với những vũng u trầm, những hõm tối dồi dào và những khoảng

sáng như mạ châu báu.

“Đêm nay ánh lửa từ những căn nhà tỏa ra xuyên qua bóng tối mới rạng rỡ làm sao!” Anne nói. “Dây ánh sáng kia tỏa lên bờ vịnh trông như một chiếc vòng cổ. Và quầng sáng lấp lánh phía trên làng Glen nữa! Ôi, trông kìa, Gilbert; ngọn lửa nhà ta kia rồi. Em rất mừng vì chúng ta đã để cho nó cháy. Em ghét phải trở về một căn nhà tối. Ánh lửa căn nhà *của chúng ta*, Gilbert ạ. Nhìn thấy nó chẳng phải đáng yêu sao?”

“Chỉ là một trong triệu triệu căn nhà trên trái đất, bé Anne ạ... nhưng là nhà của chúng ta... của chúng ta... quầng sáng của riêng ta trong ‘một thế giới hư đốn’. Khi một người đàn ông có một căn nhà và một cô vợ tóc đỏ nhỏ nhắn thân yêu trong đó, anh ta còn đòi hỏi gì ở cuộc đời được nữa?”

“Ôi, anh ấy có thể đòi thêm *một* thứ thôi,” Anne thì thầm hạnh phúc. “Ôi, Gilbert, có vẻ như em *không tài nào* chờ được đến mùa xuân.”

15. Giáng sinh ở Bốn Làn Gió

Ban đầu Anne và Gilbert tính về Avonlea để đón Giáng Sinh; nhưng cuối cùng họ quyết định ở lại Bốn Làn Gió. “Em muốn trải qua kỳ Giáng sinh đầu tiên của cuộc sống chung chúng ta trong căn nhà của chúng ta,” Anne quyết định.

Vậy là bà Marilla và bà Rachel Lynde cùng cặp song sinh đến Bốn Làn Gió đón Giáng sinh. Bà Marilla có vẻ mặt của một phụ nữ vừa mới đi vòng quanh quả địa cầu. Bà chưa bao giờ đi khỏi nhà quá sáu mươi dặm; và bà chưa bao giờ ăn một bữa tiệc Giáng sinh bất cứ nơi nào khác ngoài Chái Nhà Xanh.

Bà Rachel đã làm và mang theo một chiếc bánh pudding mạn to đùng. Không gì có thể thuyết phục bà Rachel rằng một cử nhân đại học thuộc thế hệ trẻ hơn có thể làm một chiếc bánh pudding mạn tử tế, nhưng bà dành lời ngợi khen căn nhà của Anne.

“Anne là một bà nội trợ tốt,” bà nói với bà Marilla trong căn phòng dành cho khách buổi tối họ đến. “Tôi đã nhìn vào hộp đựng bánh mì và xô rác nhà bếp của nó. Tôi luôn đánh giá một bà nội trợ qua hai cái đó, thế đấy. Không có gì trong xô rác đáng lẽ không nên bị vứt đi, không một mẩu bánh thiêu

trong hộp bánh mì. Dĩ nhiên, nó được bà rền giũa... nhưng mà, sau đó nó lại đi học đại học. Tôi để ý thấy nó đã đặt tấm trải sọc nâu đen của tôi lên giường đây, và tấm thảm bện tròn to của bà trước lò sưởi phòng khách. Làm tôi ngay lập tức thấy như ở nhà.”

Giáng sinh đầu tiên của Anne trong căn nhà của riêng mình vui hết mức cô có thể mong đợi. Ngày thật đẹp trời và sáng sủa; những bông tuyết đầu tiên đã rơi vào đúng đêm Noel và làm cả thế giới trở nên xinh đẹp; vịnh cảng vẫn khoáng đạt và lấp lánh.

Thuyền trưởng Jim và cô Cornelia đến dự tiệc. Leslie và Dick cũng được mời, nhưng Leslie cáo lỗi; họ lúc nào cũng đến nhà chú Isaac West dự Giáng sinh, cô nói.

“Nó thích thế hơn,” cô Cornelia nói với Anne. “Nó không chịu được chuyện đưa Dick đến nơi có người lạ. Giáng sinh lúc nào cũng là một thời điểm khó khăn đối với Leslie. Nó và cha nó từng ăn mừng Giáng sinh rất linh đình.”

Cô Cornelia và bà Rachel không ưa nhau cho lắm. “Hai mặt trời không tỏa sáng trên cùng một bán cầu.” Nhưng họ không hề chạm trán, vì bà Rachel ở trong bếp giúp đỡ Anne và bà Marilla nấu ăn, và nhiệm vụ của Gilbert là giải trí cho thuyền trưởng Jim và cô Cornelia... hay nói đúng hơn là được hai người kia giải trí cho, vì một cuộc đối thoại giữa hai người bạn cũ và kỳ phùng địch thủ đó chắc chắn là không bao giờ nhàm chán.

“Đã nhiều năm rồi mới có một bữa tiệc Giáng sinh ở đây, cháu Blythe ạ,” thuyền trưởng Jim nói. “Russell lúc nào cũng đến nhà bạn bè trong thị trấn để ăn Giáng sinh. Nhưng ta đã có mặt ở đây vào bữa tiệc Giáng sinh đầu tiên từng được tổ chức trong căn nhà này... và cô dâu thầy giáo đã nấu bữa đó. Ngày này sáu mươi năm trước đây, cháu gái Blythe ạ... và một ngày rất giống hôm nay... chỉ vừa đủ tuyết để làm trắng những ngọn đồi, và cảnh biển thì xanh y như tháng Sáu. Ta chỉ là một thằng nhóc, trước đó chưa bao giờ được mời đi ăn tối, và ta nhát đến nỗi không dám ăn no. Dĩ nhiên ta qua được cái đoạn đó rồi.”

“Hầu hết đám đàn ông đều thế,” cô Cornelia nói, vẫn hùng hục khâu vá. Cô Cornelia không định ngồi rảnh tay, ngay cả vào Giáng sinh. Trẻ con vẫn chui ra không màng đến ngày lễ, và có một đũa sắp chào đời trong một nhà nghèo khó ở Glen St. Mary. Cô Cornelia đã gửi nhà đó một bữa ăn thịnh

soạn cho đám trẻ con, và vì thế đã quyết định sẽ ăn bữa tiệc của mình với một lương tâm thoải mái.

“Ừ, cháu biết đó, con đường đến trái tim một người đàn ông là thông qua cái dạ dày mà, Cornelia,” thuyền trưởng Jim giải thích.

“Cháu tin chú... ấy là khi hấn ta có một trái tim,” cô Cornelia bật lại. “Cháu cho rằng đấy là lý do vì sao nhiều phụ nữ chết mệt vì nấu nướng... như Amelia Baxter tội nghiệp đó. Cô ấy chết sáng Giáng sinh năm ngoái, và cô ấy nói đấy là Giáng sinh đầu tiên từ hồi lấy chồng mà cô ấy không phải nấu một bữa ăn to đùng cho hai chục cái tàu há mồm. Chắc phải là một sự đổi gió dễ chịu lắm. Ồ, cô ấy chết một năm rồi, vậy nên chú sẽ sớm nghe Horace Baxter dòm ngó xung quanh thôi.”

“Ta nghe nói hấn đang bắt đầu dòm ngó rồi đó mà,” thuyền trưởng Jim nói, đá lông nheo với Gilbert. “Chẳng phải gần đây hấn mới ghé chỗ cháu hôm Chủ nhật, với bộ đồ tang đen và cổ hồ cứng đó sao?”

“Không, không phải. Mà hấn cũng không cần tới làm gì. Cháu đã có thể có được hấn từ lâu rồi, từ hồi hấn còn tươi ấy chứ. Cháu không cần mấy thứ hàng nước hai, tin *cháu* đi. Còn về phần Horace Baxter, hè năm ngoái hấn đang gặp khó khăn tài chính, và hấn cầu xin Chúa cứu giúp; khi vợ hấn chết và hấn nhận được tiền bảo hiểm nhân thọ của vợ, hấn nói hấn tin đấy là câu trả lời cho lời cầu xin của hấn. Đúng là đồ đàn ông mà!”

“Cháu có thiệt sự có bằng chứng là hấn nói vậy không, Cornelia?”

“Cháu nghe từ mồm ngài mục sư Giáo hội Giám lý... nếu chú có thể gọi *đó* là bằng chứng. Robert Baxter cũng nói với cháu như vậy, nhưng cháu công nhận *đó* không phải là bằng chứng. Robert Baxter không được tiếng là hay nói sự thật.”

“Nào, nào, Cornelia, ta nghĩ hấn thường nói sự thật đó chứ, nhưng hấn thay đổi ý kiến thường xuyên tới độ nhiều lúc có vẻ như hấn không nói thật.”

“Nghe có vẻ như là hơi quá thường xuyên đó, tin *cháu* đi. Nhưng đàn ông thì hay kiếm cớ bênh nhau là đúng rồi. Cháu chẳng coi Robert Baxter ra gì sất. Hấn chuyển qua làm người Giám lý chỉ vì đội đồng ca bên Trưởng lão tình cờ hát bài ‘Hãy xem cô dâu chú rể đến kìa’ trong một hợp tuyển đồng ca khi hấn với Margaret bước giữa hai hàng ghế ngày Chủ nhật sau khi họ cưới

nhau. Đáng đời hấn cái tội tới trễ! Hấn lúc nào cũng khăng khăng là dàn đồng ca làm vậy để sỉ nhục hấn, làm như hấn quan trọng ghê lắm đó. Nhưng cái nhà ấy lúc nào cũng cho là mình to hơn thực tế. Anh trai hấn Eliphalet tưởng ma quỷ lúc nào cũng bám sau lưng mình... nhưng *cháu* không bao giờ nghĩ là ma quỷ thêm tổn tới chừng đó thời gian với hấn.”

“Ta... không... biết,” thuyền trưởng Jim nói về ngẫm ngợi. “Eliphalet Baxter sống một mình quá lâu... không có tới một con chó hay con mèo để giữ cho hấn giống con người. Khi một người đàn ông ở một mình hấn thường sống với ma quỷ... nếu hấn không sống với Chúa. Hấn buộc phải chọn một bên để bầu bạn, ta đoán vậy. Nếu ma quỷ lúc nào cũng ở sau lưng Life Baxter thì chắc là vì Life thích giữ ma quỷ bên cạnh.”

“Đàn ông mà,” cô Cornelia nói, và rút vào im lặng với một đám tua rua xếp nếp phức tạp đến khi thuyền trưởng Jim cố tình chọc tới cô một lần nữa bằng cách nói vu vơ:

“Sáng Chủ nhật tuần trước ta có ghé nhà thờ Giám lý đó.”

“Thà chú ở nhà đọc Kinh Thánh còn hơn,” là câu đáp trả treo của cô Cornelia.

“Thôi nào Cornelia, ta không thấy có hại gì khi đến nhà thờ Giám lý khi bên nhà thờ mình không có giảng đạo. Ta đã theo Trưởng lão bảy mươi sáu năm rồi, tín ngưỡng của ta đâu dễ gì mà thay thuyền đổi bến trễ muộn như vậy đâu”

“Đấy là làm gương xấu,” cô Cornelia nghiêm trang nói.

“Hơn nữa,” thuyền trưởng Jim tinh quái nói tiếp, “ta muốn nghe hát hay. Bên Giám lý có dàn nhạc hay; và Cornelia, cháu không thể chối là việc hát hò trong nhà thờ của chúng ta thật khủng khiếp từ hồi dàn nhạc bị cưa đôi.”

“Hát không hay thì đã sao? Họ đã cố hết sức rồi, và Chúa không thấy có sự khác biệt nào giữa giọng của quạ và giọng của sơn ca.”

“Nào, nào, Cornelia,” thuyền trưởng Jim nhẹ nhàng nói, “ta đánh giá cái tai thâm âm của Chúa cao hơn thế.”

“Điều gì đã dẫn đến rắc rối trong dàn nhạc của chúng ta vậy ạ?” Gilbert, nãy giờ khổ sở vì nén cười, hỏi.

“Chuyện bắt đầu từ hồi có nhà thờ mới, ba năm trước,” thuyền trưởng Jim trả lời. “Chúng ta đã trải qua một khoảng thời gian hãi hùng khi bàn chuyện xây cái nhà thờ đó... chia rẽ từ vấn đề chọn địa điểm mới. Hai địa điểm cách nhau chẳng tày hai trăm thước tây, nhưng nếu nhìn vào sự cay cú của cuộc cãi vã đó thì cứ như là cách nhau cả dặm. Chúng ta bị chia rẽ thành ba phe... một phe muốn địa điểm phía Đông và một phe thích địa điểm phía Nam, và một phe khư khư cái nhà thờ cũ. Vụ này được đem ra đánh khắp các mặt trận, từ giường ngủ đến bàn ăn, từ nhà thờ ra ngoài chợ. Tất cả những vụ xi căng đan cũ của ba thế hệ bị quật từ dưới mồ lên mà bêu riếu. Ba cặp đôi phải tan vỡ vì vụ đó. Và những buổi họp hành mà chúng ta tổ chức để cố giải quyết vấn đề nữa chứ! Cornelia, cháu có bao giờ quên được lúc Luther Burns già đứng dậy làm một bài diễn văn không? Ông ấy nêu luận điểm mới khiếp chứ.”

“Dao ra dao, búa ra búa, thuyền trưởng ạ. Ý chú là ông ấy nổi điên lên và cào bằng cả đám luôn, từ trước ra sau. Đáng đời lắm... một đám bắt tài vô tướng. Nhưng chú hy vọng gì được từ một hội đồng toàn đàn ông? Cái hội đồng xây dựng ấy tổ chức hai mươi bảy cuộc họp, và đến cuối hai bảy cuộc họp đó vẫn chưa tiến đến gần việc có một cái nhà thờ hơn lúc bắt đầu là bao... chả gần đến thế đâu, vì một sự thật là, sau một lần lên cơn muốn đẩy nhanh tiến độ họ đã xắn tay vào kéo sập cái nhà thờ cũ xuống, vậy là chúng ta đực ra đó, không có nhà thờ, và không có nơi nào khác ngoại trừ một cái sân để mà thờ phụng.”

“Bên Giám lý đã ngỏ lời cho chúng ta dùng nhà thờ của họ, Cornelia.”

“Nhà thờ Glen St. Mary đáng lẽ đã không được xây dựng cho tới ngày hôm nay,” cô Cornelia nói tiếp, phớt lờ thuyền trưởng Jim, “nếu cánh phụ nữ chúng tôi không xắn tay vào mà tiếp quản công việc. Chúng tôi nói *chúng tôi* quyết có một cái nhà thờ, nếu cánh đàn ông định cãi nhau đến tận ngày tận thế thì cứ việc, chúng tôi đã chán ngấy chuyện làm trò cười cho đám Giám lý rồi. Chúng tôi tổ chức *một* cuộc họp và chọn một hội đồng và tổ chức quyên góp. Được kha khá tiền ấy chứ. Khi bất cứ gã đàn ông nào định giở giọng hỗn láo với chúng tôi, chúng tôi bảo họ đã mất hai năm trời cố xây một cái nhà thờ rồi và giờ đến lượt chúng tôi. Chúng tôi cho họ câm miệng hén luôn, tin *tôi* đi, và trong sáu tháng cả làng có cái nhà thờ. Dĩ nhiên, khi đám đàn ông thấy chúng tôi đã hạ quyết tâm thì họ cũng thôi cãi cọ mà bắt tay vào việc, đúng là đồ đàn ông, ngay khi họ thấy họ buộc phải làm việc và thôi lên mặt. Ô, phụ nữ thì không giảng đạo hay làm già làng được; nhưng họ có thể

xây nhà thờ và quyên tiền để đóng góp cho các nhà thờ.”

“Hội Giám lý cho phép phụ nữ giảng đạo đây,” thuyền trưởng Jim nói.

Cô Cornelia trừng mắt nhìn ông.

“Cháu chưa bao giờ nói là người Giám lý không có trí khôn, thuyền trưởng ạ. Điều cháu nói là, cháu nghi ngờ mức độ tín ngưỡng của họ.”

“Cháu đoán là cô ủng hộ việc phụ nữ đi bầu cử phải không cô Cornelia,” Gilbert nói.

“Ta không thiết tha gì mấy cái vụ bỏ phiếu, tin *ta* đi,” cô Cornelia nói vẻ khinh miệt. “*Ta* biết thế nào là theo sau dọn dẹp cho đám đàn ông. Nhưng một ngày nào đó, khi đàn ông họ nhận ra họ đã đưa thế giới vào một mớ hỗn độn không sao thoát ra được, họ sẽ vui mừng cho chúng ta đi bầu, và trút mớ rắc rối của họ sang vai chúng ta. Đây là âm mưu của họ đây. Ôi, cũng may là phụ nữ rất chi là kiên nhẫn, tin *ta* đi!”

“Thế còn Job thì sao?” thuyền trưởng Jim gợi ý.

“Job! Thật tình quá hiếm đàn ông kiên nhẫn mà, nên khi phát hiện ra một gã thì họ kiên quyết không bỏ quên ông ta,” cô Cornelia bật lại vẻ đắc thắng. “Dẫu sao thì, phẩm chất đâu có xứng với tên tuổi. Chưa từng thấy một người đàn ông nào thiếu kiên nhẫn như ông già Job Taylor bên kia cảng.”

“Ồ, cháu biết đó, có nhiều điều thử thách ông quá, Cornelia ạ. Ngay cả cháu cũng không thể chống đỡ cho bà vợ của ông được. Ta lúc nào cũng nhớ lời ông già William MacAllister nói về bà ta tại đám tang của bà, ‘Không còn nghi ngờ chi hết bà ta là một phụ nữ Thiên Chúa, nhưng tính khí thì như quỷ dữ.’”

“Cháu đoán là bà ta cũng khó chiều *thật*,” cô Cornelia thừa nhận vẻ miễn cưỡng, “nhưng điều đó không biện hộ được cho lời Job nói lúc bà ta chết. Cái hôm diễn ra đám tang, ông ta đánh xe từ nghĩa địa về nhà cùng với cha cháu. Chẳng nói lời nào mãi đến khi họ về đến gần nhà. Rồi ông ta trút một tiếng thở dài thật dài và nói, ‘Nói chắc anh không tin, chứ đây là ngày hạnh phúc nhất đời tôi!’ Đúng là đồ đàn ông!”

“Ta đoán bà Job già tội nghiệp cũng làm đời ông không mấy dễ dàng,” thuyền trưởng Jim hồi tưởng.

“Ồ nhưng mà có cái gọi là lịch sự chứ, đúng không? Ngay cả nếu có sường ron trong lòng vì bà vợ chết, thì cũng đâu cần tuyên bố với bốn làn gió thiên đường như vậy. Với cả dù có là ngày hạnh phúc hay không, Job Taylor cũng chẳng chờ lâu đã tái giá, chắc chú cũng thấy rồi. Bà vợ hai cảm cương ông ta mới ác chứ. Bà ta bắt ông ta đi đứng cũng bằng tiếng Tây Ban Nha luôn, tin *cháu* đi! Điều đầu tiên bà ta làm là bắt ông chồng xông ra làm một cái bia mộ cho bà vợ đầu... và chừa lại trên đó một chỗ để đề tên bà ta. Bà ta nói không ai có thể khiến Job dựng bia cho *bà kia*.”

“Nhắc nhà Taylor mới nhớ, bà Lewis Taylor trên Glen thế nào rồi, bác sĩ?” thuyền trưởng Jim hỏi.

“Bà ấy đang khỏe dần ạ... nhưng bà ấy phải làm việc vất vả quá,” Gilbert trả lời.

“Chồng bà ta cũng làm việc vất vả lắm... nuôi lợn đi thi đó,” cô Cornelia nói. “Hắn nổi tiếng nuôi lợn đẹp. Hắn tự hào về mấy con lợn của hắn gấp mấy đàn con của hắn. Nhưng mà, nói cho đúng, mấy con lợn của hắn đúng là lợn hạng nhất, còn mấy đứa con thì chẳng bằng ai. Hắn chọn cho chúng một người mẹ ốm yếu, rồi bỏ đói bà ta khi bà ấy sinh và nuôi con. Mấy con lợn thì được phần váng sữa còn mấy đứa con thì chỉ uống sữa tách bơ thôi.”

“Có những lúc, Cornelia ạ, ta buộc phải đồng ý với cháu dù điều đó làm ta đau lòng,” thuyền trưởng Jim nói. “Đấy chính là sự thật về Lewis Taylor. Khi ta nhìn thấy những đứa trẻ đau khổ tội nghiệp con hắn, bị tước hết những gì trẻ con cần có, nó làm ta ăn mất ngon cả mấy ngày sau đó.”

Gilbert ra bếp theo tiếng gọi của Anne. Anne đóng cửa và giảng cho chồng một bài.

“Gilbert, anh và thuyền trưởng Jim phải thôi dứ cô Cornelia đi. Ôi, em nghe hết rồi... em không chịu như vậy đâu.”

“Anne, cô Cornelia đang rất vui. Em biết vậy mà.”

“Ôi, thôi đi. Hai người không cần phải thúc giục cô ấy như thế. Bữa tiệc chuẩn bị xong rồi, và, Gilbert, *dừng* để bà Rachel cắt ngỗng. Em biết bà ấy định ngỏ lời muốn làm thế vì bà ấy nghĩ anh không thể làm được cho tử tế. Cho bà ấy thấy là anh làm được đi.”

“Chắc là anh phải làm được thôi. Suốt cả tháng qua anh đã học A-B-C-D môn cắt gỗ mà,” Gilbert nói. “Chỉ có điều đừng nói chuyện với anh trong khi anh đang làm nhé, Anne, vì như thế anh sẽ quên sạch sách bách và sẽ rơi vào tình trạng còn tồi tệ hơn em hồi học môn hình học khi thầy giáo đổi các đỉnh đa giác cho xem.”

Gilbert cắt gỗ rất đẹp. Ngay cả bà Rachel cũng phải công nhận điều đó. Và mọi người đều ăn và thích. Bữa tiệc Giáng sinh đầu tiên của Anne thành công rực rỡ và cô rạng rỡ niềm tự hào nội trợ. Bữa tiệc vui và dài; và khi xong tiệc mọi người quây quần quanh đống lửa lò sưởi đỏ tươi vui và thuyền trưởng Jim kể chuyện cho họ nghe đến khi mặt trời đỏ treo thấp trên Bốn Làn Gió, và những cái bóng xanh dài của rặng Lombardy vắt ngang qua đám tuyết trên lối đi.

“Ta phải quay lại ngọn đèn đây,” cuối cùng ông nói. “Ta sẽ có thời gian đi bộ về nhà trước lúc mặt trời lặn. Cảm ơn cháu vì một Giáng sinh đẹp, cháu Blythe ạ. Hãy đưa cậu Davy xuống ngọn đèn một tối nào đó trước khi cậu về nhé”

“Cháu muốn nhìn thấy những ông Phật đá,” Davy nói vẻ say mê.

16. Đêm giao thừa ở ngọn đèn biển

Mọi người ở Chái Nhà Xanh quay về nhà sau Giáng Sinh, bà Marilla trang trọng hứa đến mùa xuân sẽ quay lại ở một tháng. Tuyết rơi nhiều thêm trước thêm năm mới, và bến cảng đóng băng, nhưng vịnh biển vẫn tự do đằng sau những cánh đồng trắng bị cầm tù. Ngày cuối cùng của năm cũ là một trong những ngày mùa đông sáng sủa, lạnh buốt và đẹp rực rỡ, oanh tạc chúng ta bằng vẻ rạng ngời của chúng, bắt ta ngưỡng mộ nhưng không bao giờ bắt ta phải yêu. Bầu trời sắc và xanh; những viên kim cương tuyết lấp lánh không ngừng, những cành cây cứng trần trụi và không ngần ngại, một vẻ đẹp gàn như tro khác; những ngọn đồi bắn lên những ngọn giáo đột kích bằng pha lê. Ngay cả những cái bóng cũng sắc, cứng và rõ ràng, không như những cái bóng bình thường cần phải thế. Mọi thứ vốn đã đẹp thì dường như còn đẹp hơn gấp mười lần nhưng ít hấp dẫn hơn dưới sự rực rỡ chói chang; còn những thứ đã xấu thì xấu hơn gấp mười lần, mà mọi thứ đều hoặc đẹp hoặc xấu. Không có những pha trộn mềm mại, hay những khoảng mờ để tính, hay sự mơ hồ lãng tránh trong thứ ánh sáng soi mói đó. Thứ duy nhất vẫn giữ riêng cá tính của mình là những cây linh sam... vì linh sam là loại

cây của bí ẩn và bóng tối, không bao giờ đầu hàng trước sự xâm lấn của chói sáng thô bạo.

Nhưng cuối cùng thì ngày cũng bắt đầu nhận ra mình đang già đi. Rồi một nét trầm tư nhất định rơi phủ lên vẻ đẹp của nó, làm vẻ đẹp ấy mờ đi nhưng đồng thời cũng làm nó mãnh liệt hơn; những góc sắc, những điểm rực tan chảy thành những đường cong và những vầng sáng lung linh mời gọi. Bờ vịnh trắng khoác lên mình những sắc xám và hồng mềm mại; rặng đồi phía xa chuyển sang mờ tím.

“Năm cũ đang qua đi một cách thật đẹp,” Anne nói. Cô và Leslie cùng Gilbert đang trên đường đến mũi đất Bốn Làn Gió, họ đã hẹn cùng thuyền trưởng Jim đón năm mới ở ngọn hải đăng. Mặt trời đã lặn và khoảng trời phía Tây Nam treo cao ngôi sao Hôm, rực rỡ ánh vàng, nó đã tiến lại gần người chị em trái đất hết mức có thể. Lần đầu tiên Anne và Gilbert chứng kiến cái bóng mà ngôi sao ban chiều rực rỡ ấy phủ xuống, thứ bóng nhàn nhạt, bí hiểm, chưa bao giờ được nhìn thấy trừ phi được tuyết trắng hé lộ, và cũng chỉ thấy được khi nhìn xiên, biến mất ngay khi ta nhìn thẳng vào nó.

“Nó như linh hồn của một cái bóng ấy nhỉ?” Anne thì thầm. “Ta có thể thấy nó đang ám ảnh bên sườn ta thật rõ ràng khi ta nhìn thẳng về phía trước; nhưng khi ta quay lại nhìn... nó đã biến mất.”

“Mình nghe nói ta chỉ có thể thấy bóng của sao Hôm một lần trong đời, và trong vòng một năm sau khi nhìn thấy nó món quà tuyệt vời nhất đời sẽ đến với ta,” Leslie nói. Nhưng cô nói một cách hơi cứng nhắc, có lẽ vì cô nghĩ ngay cả cái bóng của sao Hôm cũng không thể mang lại cho cô món quà nào của cuộc sống. Anne mỉm cười trong ánh chiều mềm mại; cô cảm thấy khá chắc chắn điều mà cái bóng bí ẩn đã hứa mang đến cho cô.

Họ thấy Marshall Elliott đã có mặt ngọn đèn biển. Lúc đầu Anne thấy hơi khó chịu với sự can thiệp của con người lập dị râu tóc lê thê này trong nhóm nhỏ quen thuộc của mình. Nhưng Marshall Elliott nhanh chóng chứng tỏ mình đường hoàng thuộc về nhà Joseph. Ông là một người đàn ông sắc sảo, thông minh, đọc rộng, sánh ngang thuyền trưởng Jim về tài kể chuyện. Họ đều rất vui mừng khi ông đồng ý cùng họ ngắm năm cũ đi qua.

Đứa cháu nhỏ Joe của thuyền trưởng Jim cũng xuống để đón năm mới với ông chú, và đã ngủ gật trên sofa với con Bàn Đầu cuộn tròn thành một quả bóng vàng khổng lồ dưới chân.

“Thằng bé có đáng yêu không kia chứ?” thuyền trưởng Jim trìu mến nói. “Ta thật sự thích ngắm một đứa nhỏ đang ngủ, cháu gái Blythe ạ. Đây là cảnh tượng đẹp đẽ nhất thế giới, ta nghĩ vậy. Joe rất thích xuống đây ngủ qua đêm, vì ta cho nó ngủ với ta. Ở nhà nó phải ngủ với hai đứa con trai khác, và nó không thích thế. ‘Sao con không được ngủ với cha, hả ông Jim?’ nó nói. ‘Tất cả mọi người trong Kinh Thánh đều được ngủ với cha họ.’ Còn về những câu mà nó hỏi, đến mục sư cũng không trả lời được. Chúng gần như nhấn chìm ta luôn. ‘Ông Jim nếu cháu không phải là *cháu* thì cháu sẽ là ai?’ và ‘Ông Jim, điều gì sẽ xảy ra nếu Chúa chết?’ Nó bắn hai câu hỏi đó vào ta tối nay, trước khi đi ngủ. Còn về trí tưởng tượng của nó thì, đi xa hơn tất cả mọi thứ. Nó bịa ra những câu chuyện kỳ quặc nhất... và rồi mẹ nó nhốt nó vào tủ vì kể chuyện. Nhưng nó lại ngồi xuống nghĩ ra một chuyện khác và sẵn sàng kể lại chuyện đó lúc mẹ nó thả nó ra. Nó có một chuyện dành cho ta lúc nó xuống đây tối nay. ‘Ông Jim,’ nó nói, nghiêm trang như một tấm bia mộ. ‘Cháu có một chuyến phiêu lưu ở Glen hôm nay.’ ‘Ừ phiêu lưu gì thế?’ ta hỏi, mong chờ một thứ giật mình, nhưng không hề chuẩn bị cho cái mà ta nhận được. ‘Cháu gặp một con sói trên đường,’ nó nói, ‘một con sói to bự với một cái miệng to bự đỏ khè và hàm răng dài *ngoằn*, ông Jim ạ.’ ‘Ta không biết có chó sói trên Glen đấy,’ ta nói. ‘Ồ, nó đến từ xa xa lắm’ Joe nói, ‘và cháu tưởng nó định ăn thịt cháu rồi, ông Jim ạ.’ ‘Cháu có sợ không?’ ta hỏi. ‘Không, vì cháu có một khẩu súng to,’ Joe nói, ‘và cháu bắn chết con sói, ông Jim ạ... chết tươi... và rồi nó lên thiên đường và cắn Chúa,’ nó nói. Đó, ta cứng họng luôn, cháu Blythe ạ.”

Chuyện trò mỗi lúc một nở rộ quanh ngọn lửa nhóm từ gỗ trôi dạt. Thuyền trưởng Jim kể chuyện, và Marshall Elliott hát những bản tình ca Scotland cũ bằng giọng nam trầm thật hay; cuối cùng thuyền trưởng Jim lấy chiếc vĩ cầm nâu cũ của mình từ trên tường xuống và bắt đầu chơi. Ông có năng khiếu chơi đàn kha khá mà tất cả mọi người đều ngưỡng mộ trừ con Bạ Đầu, nó nhảy tốt khỏi sofa như thể vừa bị ai bắn, rít lên phản đối, rồi điên cuồng chạy trốn lên gác.

“Không sao cây được một cái tai thắm âm vào con mèo đó,” thuyền trưởng Jim nói. “Nó không chịu ở lại đủ lâu để học cách thích nhạc. Khi bọn ta mang cây đàn organ lên nhà thờ Glen, lão già Elder Richards giật bản khỏi ghế ngay lúc tay nhạc công bắt đầu chơi và vọt xuống lối đi bay ra khỏi nhà thờ với tốc độ chóng mặt. Làm ta nhớ đến con Bạ Đầu ù té chạy mỗi khi ta bắt đầu kéo đàn đến nỗi ta suýt nữa thì cười phá lên trong nhà thờ, một chuyện chưa từng xảy ra trước đó và cả sau đó.”

Có một cái gì đó thật dễ lây trong những giai điệu réo rắt mà thuyền trưởng Jim chơi đến nỗi chẳng bao lâu sau chân của Marshall Elliott bắt đầu giật giật. Hồi còn trẻ ông vốn là một vũ công có tiếng. Lúc này ông đứng dậy và chìa tay về phía Leslie. Ngay lập tức cô đáp lời. Vòng quanh vòng quanh căn phòng sáng ánh lửa, họ xoay bằng một sự duyên dáng đầy nhịp điệu thật tuyệt vời. Leslie nhảy như một người lên đồng, sự buông thả hoang dại, ngọt ngào của âm nhạc dường như đã nhập vào và chiếm lấy cô. Anne ngắm nhìn cô trong niềm ngưỡng mộ mê đắm. Cô chưa bao giờ thấy Leslie như vậy. Hết thấy những nét giàu có, rục rờ và quyến rũ nội tại nằm trong bản tính của cô như vừa vùng thoát và tuôn tràn lên đôi gò má thắm, ánh mắt sáng rục rục và những chuyển động duyên dáng. Ngay cả dáng vẻ của Marshall Elliott, với bộ râu và mái tóc dài thướt của ông, cũng không thể làm hỏng bức tranh. Trái lại, nó làm bức tranh càng thêm đậm nét. Marshall Elliott trông như một người Viking từ những ngày xưa, đang khiêu vũ với một người con gái mắt xanh, tóc vàng phương Bắc.

“Điệu nhảy đẹp nhất ta từng chứng kiến, mà ta đã chứng kiến kha khá trong đời rồi đấy nhé,” thuyền trưởng Jim tuyên bố, khi cuối cùng cây vĩ cầm cũng hạ xuống từ bàn tay mỗi của ông. Leslie buông mình xuống ghế, cười to, thở chẳng ra hơi.

“Mình thích khiêu vũ,” cô nói riêng với Anne. “Mình đã không nhảy từ hồi mười sáu tuổi đến giờ... nhưng mình yêu khiêu vũ. Âm nhạc chảy trong huyết quản của mình như bạc lỏng và mình quên tất cả mọi thứ... mọi thứ... trừ niềm vui được hòa nhịp với nó. Không có sàn nhà dưới chân mình, hay tường nhà xung quanh mình, hay mái nhà trên đầu mình... mình trôi giữa những vì sao.”

Thuyền trưởng Jim treo chiếc đàn về chỗ cũ, cạnh một cái khung lớn lồng mây tờ tiền.

“Mấy đũa có quen ai đủ tiền để treo giấy bạc lên tường thay tranh chưa?” ông hỏi. “Có hai mươi tờ mười đô ở đây, không đáng giá bằng cái mặt kính phủ trên đó. Chúng là giấy bạc cũ của Ngân hàng Đảo Hoàng Tử Edward. Có sẵn trong người khi ngân hàng phá sản, ta đã cho đóng khung treo lên, một phần để nhắc mình không được đặt niềm tin vào các ngân hàng, và một phần để cho ta một cảm giác xa xỉ, triệu phú thực thụ. Xin chào, Bạn Đầu, đừng sợ. Mà quay về được rồi đấy. Nhạc nhẽo và liên hoan đêm nay thế là xong rồi. Năm cũ chỉ còn một giờ nữa để ở lại cùng chúng ta thôi. Ta đã thấy

sáu mươi bảy cái năm mới bước vào trên con vịnh kia rồi đấy, cháu gái Blythe ạ.”

“Bác sẽ thấy một trăm năm mới,” Marshall Elliott nói.

Thuyền trưởng Jim lắc đầu.

“Không, mà ta cũng chẳng muốn... ít nhất ta nghĩ là ta không muốn. Cái chết trở nên thân thiện hơn khi chúng ta già đi. Không ai trong chúng ta thực sự muốn chết cả, Marshall ạ. Tennyson nói sự thật khi hắn nói điều đó. Rồi bà già Wallace trên Glen. Cả đời bà có hàng đống rắc rối, tội nghiệp cho bà, và bà đã mất gần hết những người bà quan tâm. Bà lúc nào cũng nói bà sẽ vui mừng khi đến lúc ra đi, và bà không muốn chu du thêm chút nào nữa trong cái vũng lầy nước mắt này. Thế mà khi bà bị ốm thì mới om sòm chứ! Các bác sĩ từ thị trấn này, y tá có tay nghề này, và thuốc men đủ giết tươi một con chó. Đời có thể là một bể nước mắt thật đấy, nhưng có một số người lại thích khóc cơ, ta nghĩ thế.”

Họ yên lặng dành giờ cuối cùng của năm cũ bên đồng lửa. Một vài phút trước mười hai giờ thuyền trưởng Jim đứng dậy mở cửa.

“Ta phải cho năm mới vào nhà,” ông nói.

Ở ngoài là một buổi tối thăm xanh yên ả. Một quầng ánh trăng lấp lánh choàng quanh vịnh. Phía trong, cảng biển sáng ngời như một đường diềm ngọc trai. Họ đứng trước cửa chờ đợi thuyền trưởng Jim với trải nghiệm chín mươi, đủ đầy, Marshall Elliott với cuộc đời trung niên tráng kiện nhưng trống rỗng, Gilbert và Anne với những ký ức quý giá và những hy vọng tinh tế, Leslie với chuỗi tháng năm thiếu thốn và một tương lai vô vọng. Chiếc đồng hồ nơi giá sách nhỏ trên nóc lò sưởi điểm mười hai tiếng.

“Chào mừng mày, năm mới,” thuyền trưởng Jim nói, cúi thấp người khi tiếng chuông cuối cùng tan đi. “Ta chúc tất cả một năm tốt đẹp nhất trong cuộc đời, các bạn ta. Ta nghĩ rằng đầu năm mới mang đến cho chúng ta điều gì, song đây cũng sẽ là điều tốt nhất mà Thuyền Trưởng Vĩ Đại có thể dành cho chúng ta... và dù cách này hay cách khác chúng ta đều sẽ thả neo vào một bến bờ tốt đẹp.”

17. Một mùa đông bốn làn gió

Mùa đông dữ dội ủa về ngay sau nắng mới. Những đụn tuyết to, trắng xóa chất đống quanh ngôi nhà nhỏ, và những bàn tay sương giá phủ kín các cửa sổ. Băng trên cảng biển dần cứng và dày lên, cho đến khi dân Bốn Làn Gió bắt đầu những chuyến du hành mùa đông hằng năm của mình trên đó. Những lối đi an toàn được chính phủ hào phóng chằng dây, và suốt đêm suốt ngày tiếng leng keng vui tai của những chiếc xe kéo vang lên trên đó. Vào những đêm trăng sáng Anne nghe tiếng chuông vang lên trong căn nhà mơ ước của cô như tiếng lục lạc tiên. Vịnh cũng đóng băng, và ngọn hải đăng Bốn Làn Gió thôi không lóe sáng nữa. Trong những tháng việc đi lại trên biển khép lại, công việc của thuyền trưởng Jim chỉ là ngồi đó mà hưởng lương.

“Con Bạn Đầu và ta sẽ chẳng có việc gì để làm cho đến mùa xuân trừ giữ ấm và mua vui cho nhau. Người gác đèn tiền nhiệm cứ đến mùa đông là lại chuyển lên sống trên Glen; nhưng ta thích ở lại ngọn đèn hơn. Con Bạn Đầu dám bị đánh bả hoặc bị lũ chó trên Glen nhai xương lăm. Cũng hơi cô đơn một tẹo, chắc chắn rồi, chẳng có đèn mà cũng chẳng có mặt nước làm bầu bạn, nhưng nếu bạn bè vẫn đến thăm ta thì chúng ta sẽ trụ được qua mùa đông.”

Thuyền trưởng Jim có một con tàu đi trên băng, và Gilbert và Anne và Leslie đã có với nhau nhiều thật nhiều những chuyến du ngoạn rồ dại và thống khoái trên mặt vịnh đóng băng trơn láng cùng ông. Anne và Leslie cũng cùng nhau lang thang thật xa bằng giày tuyết, qua những cánh đồng, hay ngang qua mặt cảng sau những cơn bão, hoặc xuyên rừng ra bên ngoài Glen. Họ là những đồng chí rất tốt của nhau trong những chuyến phiêu du và những cuộc quần quây quanh ngọn lửa. Mỗi người đều có điều gì đó để trao tặng cho người kia... mỗi người đều thấy cuộc đời giàu có hơn sau những sẻ chia suy tư thân thiết hay sự im lặng thân ái; mỗi người đều đưa mắt nhìn qua những cánh đồng tuyết trắng giữa hai nhà với ý thức dễ chịu về một người bạn đang có mặt ở bên kia. Nhưng, sau tất cả những điều này, Anne cảm thấy vẫn luôn có một rào cản giữa Leslie và bản thân cô... một sự gượng gạo chẳng bao giờ hoàn toàn biến mất.

“Cháu không hiểu vì sao cháu không thể đến gần cô ấy hơn được,” một tối nọ Anne nói với thuyền trưởng Jim. “Cháu thích cô ấy lắm... cháu ngưỡng mộ cô ấy lắm... cháu *muốn* ôm trọn cô ấy vào tim cháu và chui thẳng vào tim cô ấy. Nhưng cháu chẳng bao giờ vượt qua được rào cản đó.”

“Cả đời cháu đã quá hạnh phúc, cháu Blythe ạ,” thuyền trưởng Jim trầm

ngâm nói. “Ta nghĩ đây là lý do vì sao cháu và Leslie không thể thật sự gần gũi nhau trọng tâm hồn được. Rào cản giữa hai đứa là trải nghiệm đau thương và bất an của con bé đó. Nó không chịu trách nhiệm cho việc đó và cháu cũng thế, nhưng trải nghiệm đó vẫn ở đó và hai đứa không tài nào vượt qua được.”

“Tuổi thơ của cháu cũng đâu mấy vui vẻ trước khi cháu đến Chái Nhà Xanh,” Anne nói, rồi điềm tĩnh nhìn ra ngoài cửa sổ ngắm vẻ đẹp chết u buồn tĩnh lặng của những bóng cây trụi lá trên nền tuyết trắng.

“Có lẽ thế... nhưng đây chỉ là nỗi bất hạnh thông thường của một đứa trẻ không có ai chăm sóc tử tế. Chưa có *bi kịch* nào trong đời cháu, cháu Blythe ạ. Còn đời con bé Leslie tội nghiệp thì *toàn bộ* là bi kịch. Ta nghĩ, nó cảm thấy, mặc dù có thể nó không biết là nó cảm thấy như vậy, rằng có rất nhiều thứ trong đời nó mà cháu không thể bước vô cũng như không thể hiểu... vậy nên nó phải chặn cháu khỏi đời nó... đại để là ngăn cho cháu không làm đau nó. Cháu biết kiểu khi ta có chỗ nào đau là ta bèn rụt lại không cho ai mó vào hay tới gần đó. Tâm hồn cũng vậy mà thể xác cũng thế, ta nghĩ vậy. Tâm hồn của Leslie chắc gần như tan nát rồi... cũng chẳng có chi là lạ khi nó giấu tâm hồn nó đi.”

“Nếu chỉ có thể thôi thì cháu chẳng phiền gì đâu, thuyền trưởng Jim ạ. Cháu sẽ hiểu. Nhưng có những lúc... không phải lúc nào cũng thế, nhưng thỉnh thoảng... cháu gần như phải tin rằng Leslie không... không thích cháu. Nhiều lúc cháu tình cờ bắt gặp một ánh nhìn trong mắt cô ấy dường như biểu lộ sự oán giận và khinh ghét... thoáng qua thật nhanh thôi... nhưng cháu đã thấy, cháu chắc chắn điều đó. Và điều đó làm cháu đau lòng, thuyền trưởng Jim ạ. Cháu không quen bị ghét... mà cháu thì đã cố gắng biết bao nhiêu để chiếm được tình bạn của Leslie.”

“Cháu đã chiếm được tình bạn của nó, cháu Blythe ạ. Đừng có mà lẩn tránh với cái ý nghĩ rằng Leslie không thích cháu. Nếu không thích nó sẽ chẳng bao giờ thêm dính dáng gì đến cháu đâu, chứ đừng nói đến bầu bạn với cháu như bây giờ. Ta biết Leslie Moore quá rõ nên chẳng nghi ngờ gì về điều đó.”

“Lần đầu tiên cháu nhìn thấy cô ấy, đang lùa ngỗng xuống đồi cái ngày cháu đến Bốn Làn Gió, cô ấy cũng nhìn cháu với cái vẻ mặt ấy,” Anne vẫn khẳng khẳng. “Cháu đã cảm thấy điều đó, ngay cả trong cơn ngưỡng mộ vẻ đẹp của cô ấy. Cô ấy nhìn cháu với vẻ oán hận... có mà, thuyền trưởng Jim, đúng thế mà.”

“Sự oán giận có thể là vì một cái gì đó khác, cháu Blythe ạ, và cháu chỉ tình cờ đi ngang qua đúng lúc phải nhận lấy một ít thôi. Leslie *đúng là* có những lúc rất cau có, tội nghiệp con bé. Ta cũng chẳng trách được nó, khi ta biết những gì nó phải chịu đựng. Ta chẳng biết làm sao chuyện đó lại có thể xảy ra. Anh bác sĩ với ta đã nói rất nhiều về nguồn gốc của tội lỗi, nhưng chúng ta chưa hiểu ra hết được. Có vô số điều không thể hiểu được trong cuộc sống, phải không nào, cháu Blythe? Nhiều lúc mọi chuyện dường như kết cục rất đàng hoàng, giống như cháu với anh bác sĩ. Rồi có những lúc mọi thứ cứ lung tung beng hết cả lên. Đây là Leslie, quá thông minh xinh đẹp tưởng phải sinh ra làm nữ hoàng, vậy mà lại bị nhốt vô cái chuồng đàng kia, bị tước mất gần như tất cả mọi thứ mà một người phụ nữ trân trọng, chẳng có chút triển vọng tương lai nào ngoại trừ việc phục dịch Dick Moore suốt đời. Mặc dù, nói cho cháu nhớ nhé cháu Blythe, ta dám nói con bé thà chọn cuộc sống của nó bây giờ, dù tệ như thế đây, còn hơn cuộc sống nó từng có với Dick trước khi thằng đó ra đi. *Đấy* là một chuyện mà cái lưỡi thủy thủ già lồm khồm của ta không nên đá đưa vào. Nhưng cháu đã giúp đỡ Leslie rất nhiều... nó là một con người khác từ khi cháu đến Bốn Làn Gió. Bọn bạn bè cũ chúng ta thấy sự thay đổi ở nó, mà cháu không thấy được. Cô Cornelia và ta mới nói chuyện bữa trước, và đây là một trong số hiếm hoi những điều ta với cô đồng quan điểm với nhau. Vậy nên cháu vút bém mấy cái ý nghĩ là nó không thích cháu đi nhé.”

Anne khó lòng có thể hoàn toàn vứt bỏ được nó, vì không nghi ngờ gì nữa, có những lúc cô cảm thấy, với một bản năng không thể bị lý lẽ khuất phục, rằng Leslie nung nấu một nỗi oán giận kỳ quặc, không thể gọi tên, dành cho cô. Có những lúc, ý thức bí mật về điều này làm lu mờ niềm vui trong tình bạn của hai người; những lúc khác nó gần như bị quên đi; nhưng Anne luôn cảm thấy cái gai bị che giấu vẫn ở đó, và sẽ đâm cô bất cứ giây phút nào. Cô bị đâm một cú cay đắng vào cái ngày cô nói với Leslie về điều mà cô hy vọng mùa xuân sẽ mang về cho căn nhà mơ ước nhỏ. Leslie nhìn cô với đôi mắt khổ sở, cay đắng, thù địch.

“Vậy là cô sắp có được cả *cái đó* nữa,” cô nói bằng một giọng như uất nghẹn. Và không nói thêm một lời nào nữa, cô quay lưng và băng đồng về nhà. Anne bị tổn thương sâu sắc; trong phút chốc cô thấy như mình không bao giờ có thể thích Leslie lại được nữa. Nhưng khi Leslie ghé qua một vài đêm sau đó, cô thật dễ chịu, thật thân thiện, thật thẳng thắn và thông minh, và thật thu phục lòng người, đến độ Anne bị quyến rũ vào lãng quên và tha thứ. Chỉ có điều, cô không bao giờ nhắc lại với Leslie về niềm hy vọng yêu

dầu của mình nữa; mà Leslie cũng không bao giờ nhắc tới. Nhưng một buổi tối, khi đông tàn đang lắng nghe tiếng gọi của mùa xuân, cô ghé qua căn nhà nhỏ để chuyện trò lúc sẩm tối; và khi đi cô để lại một chiếc hộp nhỏ màu trắng trên bàn. Anne tìm thấy nó sau khi Leslie đã đi và ngạc nhiên mở ra. Trong chiếc hộp là một bộ váy màu trắng nhỏ xíu được làm thủ công cực kỳ tinh xảo... những đường thêu tinh tế, diềm xếp tuyệt vời, đáng yêu kinh khủng. Mỗi đường chỉ trong đó đều may bằng tay, và những đường diềm ở cổ và cánh tay là bằng đăng ten Valenciennes thứ thiệt. Nằm trên chiếc váy là một tấm thiệp... “vời tình yêu của Leslie”.

“Cô ấy hẳn đã phải bỏ vào đó bao nhiêu là giờ lao động,” Anne nói. “Và nguyên liệu hẳn đã tốn hơn mức cô ấy thực sự đủ khả năng chi trả. Cô ấy mới ngọt ngào làm sao.”

Nhưng Leslie lại tỏ ra thô lỗ và cộc lốc khi Anne cảm ơn cô, và một lần nữa Anne lại thấy như bị giội gáo nước lạnh.

Món quà của Leslie không đơn độc trong căn nhà nhỏ. Cô Cornelia đã tạm thời từ bỏ việc thêu may cho những đứa bé thứ tám không được mong muốn, không được trông chờ, mà chuyển sang thêu may cho một đứa bé đầu lòng hết sức được trông đợi, một đứa bé mà sự có mặt sẽ khiến mọi mong ước đều đủ đầy. Philippa Blake và Diana Wright mỗi người gửi một món quần áo tuyệt vời; và bà Rachel Lynde gửi tới vài cái, trong đó chất liệu tốt và những đường chỉ thật thà thay thế cho thêu thùa và bèo nhún. Bản thân Anne cũng may thật nhiều, không bị chút máy móc nào làm mất đi tính thiêng liêng, dành vào đó những giờ hạnh phúc nhất của một mùa đông hạnh phúc.

Thuyền trưởng Jim là vị khách thường xuyên nhất của căn nhà nhỏ, và không ai có thể được đón chào hơn thế. Mỗi ngày Anne lại yêu quý người thủy thủ già có tâm hồn giản dị và trái tim chân thành nhiều hơn. Ông tươi mới như cơn gió biển, thú vị như một cuốn biên niên ký cổ xưa. Cô chẳng bao giờ chán nghe những câu chuyện của ông, và những nhận xét bình luận sắc sảo của ông là một niềm vui không bao giờ cạn với cô. Thuyền trưởng Jim là một trong những người hiếm có và thú vị “không bao giờ cất lời mà không nói một điều gì đặc biệt”. Dòng sữa của lòng nhân ái và sự thông tuệ của loài mãng xà hòa trộn trong con người ông theo những tỉ lệ khiến người ta say mê.

Có vẻ như chẳng có điều gì làm thuyền trưởng Jim mất hứng hay khiến

ông u buồn theo bất cứ cách gì.

“Đại để ta đã nhiễm phải một thói quen là phải tận hưởng mọi thứ,” một lần nọ ông nói, khi Anne nhận xét về sự phấn khởi bất biến nơi ông. “Bệnh kinh niên tới mức ta tin là ta thậm chí còn thích thú cả những thứ khó chịu. Thiệt vui khi nghĩ là chúng không thể kéo dài lâu được. ‘Bạn già thấp khớp,’ ta nói, khi lão túm chặt lấy ta, ‘rồi sẽ có lúc lão *phải* hết đau thôi. Đau càng nặng thì hết càng nhanh, chắc thế. Kiểu gì ta cũng vượt mặt lão về lâu về dài, dù ở trong hay ngoài cái thân ta.’”

Một đêm nọ, bên lò sưởi ngọn đèn Anne nhìn thấy “cuốn sách cuộc đời” của thuyền trưởng Jim. Ông chẳng cần ai dụ dỗ để mang nó ra và tự hào đưa nó cho cô đọc.

“Ta viết viết cốt để lại cho thằng nhóc Joe,” ông nói. “Ta không thích chuyện mọi thứ ta làm và thấy bị quên sạch bách sau khi ta dong buồm đi chuyển cuối. Joe, nó sẽ nhớ, và kể chuyện lại cho đám con cái của nó.”

Đây là một cuốn sách bìa da cũ đầy những ghi chép về các hải trình và những cuộc phiêu lưu của ông. Anne nghĩ cuốn sách này với một nhà văn hẳn phải là một kho báu. Mỗi câu là một cục vàng. Bản thân cuốn sách không có chút giá trị văn học gì; sức quyến rũ trong kể chuyện của thuyền trưởng Jim rời bỏ ông khi ông sờ vào giấy mực; ông chỉ có thể ghi chép sơ sài phác thảo những câu chuyện nổi danh của mình, và cả chính tả lẫn ngữ pháp đều lệch lạc một cách đáng buồn. Nhưng Anne cảm thấy rằng nếu một kẻ có tài có thể mang những ghi chép giản dị đó về một cuộc đời dững cảm, đầy phiêu lưu, đọc ra từ những dòng chữ trần trụi đó những câu chuyện về các mối hiểm nguy được vũng vàng đổi mặt và những nhiệm vụ được táo bạo hoàn thành, thì biết đâu một câu chuyện tuyệt vời sẽ được viết nên từ đó. Khiếu hài hước dồi dào và những bi kịch nhói lòng đều nằm ẩn giấu trong “cuốn sách cuộc đời” của thuyền trưởng Jim, chờ được một bàn tay bậc thầy chạm tới để đánh thức tiếng cười, nỗi buồn và lòng hãi sợ của hàng ngàn người.

Anne nói điều này với Gilbert khi họ đi bộ về nhà. “Sao em không thử sức với nó đi, Anne?”

Anne lắc đầu.

“Không. Em chỉ ước giá mà em làm được. Nhưng nó không nằm trong

khả năng của em. Anh biết sở trường của em mà, Gilbert..., chuyện tưởng tượng, chuyện thần tiên, chuyện đẹp đẽ. Để viết cuốn sách cuộc đời của thuyền trưởng Jim như nó đáng được viết thì ta phải là một bậc thầy với phong cách mãnh liệt nhưng tinh tế, một nhà tâm lý học sâu sắc, một nhà trào phúng đồng thời là một nhà bi kịch bẩm sinh. Một sự kết hợp tài năng hiếm gặp. Paul có thể sẽ làm được khi nó lớn hơn. Dù sao thì em cũng sẽ rủ nó xuống đây mùa hè tới và gặp thuyền trưởng Jim.”

“Đến bờ biển này đi,” Anne viết cho Paul. “Cô e rằng em sẽ không gặp ở đây Nora hay Nữ Thần Vàng hay Những Thủy Thủ Song Sinh; nhưng em sẽ tìm thấy một người thủy thủ già có thể kể cho em nghe những câu chuyện tuyệt vời.”

Tuy nhiên, Paul hồi đáp, nói rằng thật tiếc năm nay cậu không thể đến được. Cậu sắp đi ra nước ngoài du học hai năm.

“Khi về em sẽ đến Bốn Làn Gió, cô giáo thân yêu ạ,” cậu viết.

“Nhưng trong lúc này, thuyền trưởng Jim đang già đi,” Anne rầu rĩ nói, “và chẳng có ai để viết cuốn sách cuộc đời của ông.”

18. Những ngày xuân

Băng trên vịnh chuyển màu đen và tan rữa dưới mặt trời tháng Ba; đến tháng Tư đã có những vùng nước xanh và một con vịnh chồm trắng đầy gió; và một lần nữa ngọn nhài đặng Bốn Làn Gió lại dát ngọc những hoàng hôn.

“Em thật vui mừng lại được nhìn thấy nó,” Anne nói, trong buổi tối đầu tiên ngọn đèn tái xuất hiện. “Suốt mùa đông em đã nhớ nó biết bao. Bầu trời Tây Bắc dường như thật trống vắng và cô đơn khi không có nó.”

Mặt đất dịu dàng vời những búp lá tươi mới, xanh non. Một màn sương lúc phủ trên những cánh rừng phía sau Glen. Những thung lũng phía biển ngập tràn lớp sương thần tiên lúc bình minh.

Những ngọn gió sôi nổi đến rồi đi mang bọt muối trong hơi thở. Biển cười vang, lấp lánh, trau chuốt và làm duyên, như một người đàn bà đẹp đẽ đáng. Cá trích tụ bầy và xóm chài lại bùng lên sức sống. Vịnh cảng sôi động với những cánh buồm trắng dong ra kênh nước. Tàu thuyền lại bắt đầu nhổ neo ra khơi vào bến.

“Trong một ngày mùa xuân như thế này,” Anne nói, “em biết đích xác tâm hồn em sẽ cảm thấy như thế nào vào buổi sáng Phục sinh.”

“Có những buổi mùa xuân mà ta thấy như kiểu nếu còn trẻ ta đã thành thi sĩ rồi,” thuyền trưởng Jim nhận xét. “Ta thấy mình lầm nhẫm mấy câu văn và vần thơ cũ ta được nghe thầy giáo đọc từ sáu mươi năm trước. Những lúc khác mấy câu thơ đó chẳng bận trí ta. Giờ ta thấy như thể ta phải trèo lên đá hay ra đồng ra biển mà phun chúng ra.”

Thuyền trưởng Jim vừa ghé đến chiều hôm đó, mang cho Anne một đồng vỏ sò cho khu vườn của cô, và một nhúm cỏ ngọt ông vừa tìm thấy trong một chuyến dạo chơi trên mấy đụn cát.

“Dạo này dọc bờ biển hiếm cỏ ngọt quá,” ông nói. “Hồi ta còn nhỏ thì nhiều lắm. Nhưng giờ chỉ thi thoảng ta mới thấy được một cụm... và chẳng bao giờ thấy lúc chú ý tìm. Cứ phải tình cờ bắt gặp thôi... đang đi thơ thẩn trên mấy đồi cát, chẳng hề nghĩ cỏ ngọt... dùng một cái không gian tràn ngập thứ mùi dịu ngọt... đám cỏ nằm ngay dưới chân. Ta ưa mùi cỏ ngọt. Lúc nào cũng làm ta nghĩ tới mẹ ta.”

“Bà thích cỏ ngọt lắm ạ?” Anne hỏi.

“Ta cũng chả biết. Chẳng biết bà đã bao giờ thấy cỏ ngọt chưa. Không, chỉ là nó có một cái mùi rất gợi tình mẫu tử... không quá trẻ, cháu biết đấy... một cái gì đó kiểu như dày dặn và tròn đầy và đáng tin cậy... đúng như một người mẹ. Cô dâu thầy giáo lúc nào cũng để một ít trong đám khăn mùi soa. Cháu nên để túm cỏ đó trong đám khăn của cháu, cháu Blythe ạ. Ta không thích mấy cái mùi công nghiệp này... nhưng một làn hương cỏ ngọt thì nơi nào có một quý cô là nơi đó nên có.”

Anne vốn không đặc biệt hứng thú với ý tưởng viền những chậu hoa của mình bằng vỏ trai sò; để làm vật trang trí thì ban đầu chúng không hấp dẫn cô. Nhưng cô không thể làm tổn thương thuyền trưởng Jim dù vì lý do gì; thế nên cô cân nhắc đến một công dụng mà ban đầu cô không cảm thấy, và cảm ơn ông nhiệt thành. Và khi thuyền trưởng Jim đã tự hào bao quanh mỗi chậu hoa bằng một đường viền toàn những con sò to màu trắng sữa, Anne ngạc nhiên thấy rằng cô thích hiệu ứng đó. Trên một bãi cỏ thành phố, hay thậm chí ở trên Glen, chúng sẽ không hợp, nhưng ở đây, trong khu vườn kiểu cỏ giáp biển của căn nhà nhỏ mơ ước, chúng lại rất hài hòa.

“Trông đáng yêu *thật* đấy ạ,” cô chân thành nói.

“Cô dâu thầy giáo lúc nào cũng xếp vở sò quanh mấy chậu hoa,” thuyền trưởng Jim nói. “Cổ là tay sùng sỏ về hoa. Cổ chỉ cần *nhìn* mấy chậu hoa, và sờ vào chúng... vậy thôi... là chúng mọc như điên. Vài người có cái tài đó... ta đoán cháu cũng có, cháu Blythe ạ.”

“Ôi cháu không biết đâu... nhưng cháu yêu khu vườn của mình, và cháu thích làm vườn lắm. Tha thân chơi đùa với những thứ xanh mướt nảy nở, ngắm nhìn từng ngày để xem những chiếc mầm mới thân thương nhú lên, điều đó giống như ta được dự phần vào sáng tạo, cháu nghĩ thế. Ngay lúc này khu vườn của cháu như đức tin vậy... chính là hiện thân của những gì mong ước. Nhưng chỉ một chốc thôi.”

“Lúc nào ta cũng kinh ngạc khi nhìn những hạt giống màu nâu nhỏ xíu, nhẵn nheo và nghĩ đến những cầu vồng trong chúng,” thuyền trưởng Jim nói. “Khi nghĩ về đám hạt giống đó, ta chẳng thấy có gì khó khăn để mà tin rằng chúng ta có những tâm hồn sẽ sống trong những thế giới khác. Làm sao ta tin được là có sự sống trong những thứ nhỏ bé đó, nhiều cái chẳng lớn hơn một hạt cát, hương hờ có cả màu sắc và mùi hương, nếu ta chưa được chứng kiến điều kỳ diệu đó chứ hả?”

Anne, đang đếm từng ngày chờ đợi như đếm những hạt bạc trên chuỗi hạt, giờ đã không thể đi bộ cả quãng đường dài đến ngọn hải đăng hay lên Glen được nữa. Nhưng cô Cornelia và thuyền trưởng Jim đến thăm căn nhà nhỏ rất thường xuyên. Cô Cornelia là niềm vui trong sự tồn tại của Anne và Gilbert. Cả hai cười đến tởm cả sườn vì những bài phát biểu của cô sau mỗi chuyến thăm. Khi thuyền trưởng Jim và cô tình cờ đến thăm căn nhà nhỏ cùng một lúc thì có nhiều thứ để nghe lắm. Họ khơi mào những cuộc khẩu chiến, cô tấn công, ông phòng thủ. Anne có lần đã mắng thuyền trưởng vì hay “dữ môi” cô Cornelia.

“Ôi, ta thích khích cho cô ấy nói lắm, cháu gái Blythe ạ” ông già tội lỗi ngoan cố cười khúc khích. “Đấy là trò tiêu khiển lớn nhất đời ta. Cái lưỡi của cô có thể đánh rộp cả đá ấy chứ. Mà cháu và cái thằng bác sĩ trẻ nhà cháu lại chả thích nghe cô ấy nói cũng y như ta ấy à.”

Một tối nọ thuyền trưởng Jim đến chơi, mang cho Anne vài bông hoa tháng Năm. Khu vườn tràn ngập làn khí ẩm ngát hương của một tối mùa xuân bên biển. Có một làn sương mờ màu trắng sữa bàng lảng ở rìa bờ biển,

một vầng trăng non đang hôn lên đó, và một dải hân hoan những vì sao treo trên hạt Glen. Chuông nhà thờ bên kia vịnh đang ngân vang ngọt ngào mơ màng. Tiếng ngân trầm bay qua ánh hoàng hôn hòa vào tiếng rên khe khẽ của mùa xuân miền biển. Những bông hoa tháng Năm của thuyền trưởng Jim điểm thêm nét hoàn thiện cuối cùng vào sự quyến rũ của buổi tối hôm đó.

“Mùa xuân này cháu chưa nhìn thấy hoa tháng Năm, cháu nhớ chúng quá,” Anne nói, vui mặt vào mấy bông hoa.

“Quanh Bốn Làn Gió không tìm thấy đâu, chỉ ngoài đồng hoang ở xa tận ngoài Glen kia mới có. Hôm nay ta làm một chuyến du ngoạn đến Vùng-đất-không-có-việc-gì-làm, và sẵn được mấy bông hoa này cho cháu. Ta nghĩ chúng là những bông hoa cuối cùng cháu được nhìn thấy mùa xuân này, vì chúng gần tàn rồi.”

“Ông mới tốt bụng và quan tâm làm sao, thuyền trưởng Jim ơi. Chẳng ai khác... kể cả Gilbert”... với một cái lắc đầu về phía chồng... “nhớ là cháu lúc nào cũng mong nhìn thấy hoa tháng Năm vào mùa xuân.”

“À, ta có chuyện khác để làm nữa... ta muốn mang cho ông Howard một mẻ cá hồi. Thịnh thoảng ông thích một mẻ cá hồi, và đây là tất cả những gì ta làm được để đáp trả một lần ơn nghĩa ông làm cho ta. Ta ở lại cả buổi chiều trò chuyện với ông. Ông thích nói chuyện với ta lắm, mặc dù ông là người có giáo dục cao còn ta chỉ là tay thủy thủ già ngu dốt, vì ông là một dạng người cứ *phải* nói chuyện không thì đau khổ lắm, mà người chịu lắng nghe ở quanh đây thì hiếm. Dân Glen tránh xa ông vì họ nghĩ ông là dân vô đạo. Ông chưa đi xa đến mức đó... ta nghĩ chắc ít người như vậy... nhưng có thể nói ông là một người dị giáo. Mấy người dị giáo thì quái lắm, nhưng mà quá trời thú vị. Chỉ là kiểu như họ bị lạc khi đi tìm Chúa, bị cái ý nghĩ là Ngài khó kiếm quá... mà đâu có phải vậy. Hầu hết mọi người sau một thời gian là sẽ gặp Ngài, ta đoán thế. Ta nghĩ ngồi nghe mấy cái lý lẽ của ông Howard cũng chả gây hại gì cho ta. Hẳn nhiên, ta vẫn tin những điều mà ta được nuôi dạy phải tin. Làm vậy đỡ mệt nhiều lắm... và chủ yếu là, Chúa là tốt. Vấn đề với ông Howard là ông hơi QUÁ thông minh. Ông nghĩ ông cần phải sống sao cho xứng với cái sự thông minh của ông, và tranh luận cho kỳ ra một cách lên thiên đường mới khôn hơn cái đường cũ mà đám dân thường ngu dốt vẫn đi. Nhưng rồi thì ông cũng tới được đích thôi, và đến lúc đó ông sẽ tự cười mình.”

“Hồi đầu ông Howard là người Giám lý mà,” cô Cornelia nói, như thể cô

nghe từ đó đến dị giáo thì cũng chẳng có bao xa.

“Cháu biết không, Cornelia,” thuyền trưởng Jim nghiêm nghị nói, “ta vẫn thường nghĩ nếu ta không phải người Trưởng lão thì ta sẽ theo Giám lý.”

“Ôi giờ,” cô Cornelia thừa nhận, “nếu chú không theo Trưởng lão thì chú theo ai mà chả được. Nói tới dị giáo mới nhớ, anh bác sĩ ạ... ta đem trả anh cuốn sách anh cho ta mượn đây... cái cuốn *Luật tự nhiên trong thế giới tinh thần* ấy... ta không đọc hết quá một phần ba. Ta đọc được những thứ đàng hoàng, ta cũng đọc được những thứ vớ vẩn nhưng cái cuốn sách đó chả thuộc loại trước cũng chả thuộc loại sau.”

“*Quả* là nó được xem là khá dị giáo ở một số chỗ,” Gilbert thừa nhận, “nhưng cháu đã nói với cô từ trước khi cô mang về kia mà, cô Cornelia.”

“Ồ, ta không phiền chuyện nó dị giáo đâu. Ta chịu được sự sa đọa, nhưng ta không chịu sự ngu xuẩn,” cô Cornelia bình tĩnh nói, và với cái vẻ đã nói xong điều cuối cùng cần phải nói về *Luật tự nhiên*.

“Nói tới sách, *Một tình yêu cuồng dại* cuối cùng đã đi đến hồi kết hai tuần trước,” thuyền trưởng Jim dăm chiêu nói. “Nó chạy tới một trăm linh ba chương. Khi hai đứa nó lấy nhau cuốn sách hết ngay tắp lự, vậy nên ta đoán là mấy rắc rối của chúng vậy là chấm hết. Cái kiểu trong sách lúc nào cũng như vậy thiệt là dễ thương đúng không, mặc dầu đâu có phải vậy ở bất cứ chỗ nào khác?”

“Ta không bao giờ đọc tiểu thuyết,” cô Cornelia nói. “Chú có nghe nói gì về tình hình Geordie Russell hôm nay không, thuyền trưởng Jim?”

“Có, ta có ghé qua thăm hắn trên đường về nhà. Hắn đang khỏe lại dần dần... nhưng vẫn liu riu trong một nôi xúp rắc rối, như thường lệ, thằng cha tội nghiệp. Dĩ nhiên hắn tự đun phần lớn rắc rối lên cho mình, nhưng ta nghĩ điều đó cũng chẳng làm mọi thứ dễ dàng gì hơn cho hắn.”

“Ông ấy là một kẻ bi quan khủng khiếp,” cô Cornelia nói.

“À, không hẳn không hẳn là một kẻ bi quan, Cornelia à. Hắn chỉ là không bao giờ tìm được thứ gì hợp với mình thôi.”

“Vậy mà không phải là bi quan sao?”

“Không, không. Người bi quan là người không bao giờ mong chờ tìm được thứ gì phù hợp với mình. Geordie chưa đến nỗi *đó*.”

“Chú thì lúc nào cũng tìm được điều tốt để nói, dù là nói về quý dữ, chú Jim Boyd ạ.”

“À, cháu đã nghe kể chuyện một bà già nói quý dữ được cái rất chi là kiên trì rồi phỏng. Nhưng không, Cornelia ạ, ta chả có gì hay để nói về quý dữ cả.”

“Chú có tin vào quý dữ không cơ chứ?” cô Cornelia hỏi một cách nghiêm túc.

“Làm sao cháu có thể hỏi ta câu đó khi mà cháu biết ta là một người theo Trưởng lão ngoan đạo cỡ nào, hử Cornelia? Làm sao một Trưởng lão sống được mà không có quý dữ?”

“Chú *có* tin hay là không?” cô Cornelia vẫn khăng khăng.

Thuyền trưởng Jim đột nhiên trở nên nghiêm túc.

“Ta tin cái mà một mục sư có lần đã gọi là ‘một thế lực ác độc, hùng mạnh, hung hiểm và *thông minh* hoành hành trong vũ trụ,’” ông nghiêm trang nói. “Ta tin cái *đó*, Cornelia ạ. Cháu có thể gọi đó là quý dữ, hay ‘nguyên lý cái ác’, hay Cái Nanh Ác Già Lỗi, hay bất cứ tên gì cháu thích. Nó có ở đó, và tất cả những kẻ vô đạo hay dị giáo trên thế giới cũng không thể cãi lại được điều đó, cũng như họ không cãi được rằng Chúa không tồn tại. Nó có ở đó, và nó đang vận động. Nhưng cháu nên nhớ, Cornelia ạ, ta tin là về lâu về dài nó sẽ tự hại chính nó thôi.”

“Chắc chắn cháu cũng hy vọng thế rồi,” cô Cornelia nói, trông không có vẻ gì là quá hy vọng. “Nhưng nói tới quý dữ, cháu tin chắc là Billy Booth đã bị quý ám rồi. Chú đã nghe nói tới màn trình diễn mới nhất của Billy chưa?”

“Chưa, gì thế?”

“Hắn đã ra tay đến trại bộ váy poplin mới tinh của vợ hắn, cái bộ mà cô ấy phải trả hai mươi lăm đô la để may ở Charlottetown, vì hắn tuyên bố là cánh đàn ông nhìn cô ấy quá ngưỡng mộ khi cô ấy mặc nó đến nhà thờ lần đầu tiên. Có phải đúng là đồ đàn ông không kia chứ?”

“Cô vợ Booth *đúng là* rất đẹp, và màu nâu là màu của cô ấy” thuyền trưởng Jim trầm ngâm nói.

“Lẽ nào đó là lý do chính đáng để tống bộ đồ mới của cô ấy vào bếp lò hay sao? Billy Booth là một thằng ngu ghen tuông, hắn làm cho đời vợ hắn khổ. Cô ấy khóc suốt tuần vì bộ đồ. Ôi, Anne, ta ước gì ta cũng viết lách được như cháu, tin *ta* đi. Ta đi bằng chét vài gã đàn ông quanh đây thì thôi!”

“Mấy người nhà Booth toàn là hơi kỳ quái,” thuyền trưởng Jim nói. “Billy có vẻ như tỉnh táo nhất trong đám cho đến khi hắn lấy vợ và rồi cái đười ghen tuông quái đản tòi ra. Anh trai hắn Daniel nữa, lúc nào cũng kỳ.”

“Cứ một đôi ngày lại lên cơn và không chịu ra khỏi giường,” cô Cornelia hăm hờ kể. “Vợ hắn phải làm tất cả việc đồng áng cho đến khi hắn dứt cơn. Khi hắn chết mọi người viết thư chia buồn cho bà vợ, nếu ta mà viết thì sẽ là thư chúc mừng. Cha hắn, ông già Abram Booth, là một con nghiện già gớm ghiếc. Lão say rượu trong đám ma bà vợ, và cứ lượn vè vè xung quanh rồi nắc cụt ‘Ta có u-ô-ô-ô-ng mấy đầu nhờ nhưng mà ta thấy kỳ-ỳ-ỳ quá-á-á.’ Ta lấy cái ô quật vào lưng lão một cú ra trò khi lão đến gần ta, và cú đó làm lão tỉnh ra được một lúc cho đến khi người ta bung quan tài ra khỏi nhà. Thằng nhóc Johnny Booth đáng lẽ đã cưới vợ ngày hôm qua rồi, nhưng mà không cưới được vì nó bị dính quai bị. Đúng là đồ đàn ông!”

“Dính quai bị thì làm sao mà cưỡng được, thằng nhóc tội nghiệp!”

“Cháu sẽ ‘thằng nhóc tội nghiệp’ nó, tin *cháu* đi, nếu cháu là Kate Sterns. Cháu không biết nó cưỡng hay không cưỡng được vụ quai bị nhưng cháu có biết là tiệc cưới buổi tối đã chuẩn bị xong hết và mọi thứ sẽ hỏng hết trước khi nó khỏi lại. Thật là phí phạm! Đáng lẽ thằng đó phải bị quai bị lúc còn nhỏ đi chứ!”

“Thôi thôi Cornelia, cháu không nghĩ cháu hơi vô lý ư?”

Cô Cornelia khinh bỉ không thèm trả lời, thay vào đó cô quay về phía Susan Baker, một bà cô già mặt mũi cau có nhưng tốt bụng ở Glen, vừa được đặt vào vị trí quản-gia-làm-tất-cả-việc-nhà ở căn nhà nhỏ trong vài tuần. Susan lên Glen để thăm người ốm, vừa mới trở về.

“Tôi nay cô Mandy già tội nghiệp thế nào rồi?” cô Cornelia hỏi.

Susan thở dài.

“Rất là tệ... rất là tệ, Cornelia ạ. Tôi e là bà ấy sắp lên thiên đường rồi, tội nghiệp!”

“Ôi, thật tình, không tệ vậy chứ!” cô Cornelia kêu lên, vẻ thông cảm.

Thuyền trưởng Jim và Gilbert nhìn nhau. Rồi cả hai đột ngột đứng dậy, đi ra ngoài.

“Có những lúc, sẽ thật tội lỗi nếu *không* cười.” Thuyền trưởng Jim nói, giữa những cơn cười. “Hai người đàn bà xuất sắc đó!”

19. Hoàng hôn và bình minh

Đầu tháng Sáu, khi những đồi cát là một cảnh huy hoàng rực rỡ phủ đầy hoa hồng dại, và Glen ngập chìm trong hoa táo, bà Marilla đến căn nhà nhỏ, đi cùng là một chiếc hòm lông ngựa màu đen, điểm những chiếc đinh tán bằng đồng, vốn vẫn nằm yên ấm trong gác xép Chái Nhà Xanh nửa thế kỷ nay. Susan Baker, người mà trong vài tuần làm việc tại căn nhà nhỏ đã trở nên thân tượng “cô bác sĩ trẻ”, như bà gọi Anne, với một sự nhiệt tình mù quáng, ban đầu nhìn bà Marilla với vẻ hơi ngờ vực xen lẫn ghen tị. Nhưng khi bà Marilla không cố tình can dự vào việc nhà bếp, và không tỏ ý gì muốn ngắt quãng những chăm sóc của Susan dành cho cô bác sĩ trẻ, bà cô già tốt tính đã chấp nhận sự có mặt của bà, và kể cho các bà bạn của mình ở Glen rằng bà Cuthbert là một quý bà tử tế và biết vị trí của mình.

Một tối nọ, khi vòm trời trong trẻo ngập tràn ánh hoàng hôn đỏ rực, và lũ chim oanh đang quyen rũ ánh chiều vàng bằng những điệu nhạc tươi vui về các vì sao ban tối, trong căn nhà nhỏ mơ ước bỗng xáo động. Tin nhắn điện thoại được gửi lên Glen, bác sĩ Dave và một cô y tá đội mũ trắng khăn trang tìm xuống, bà Marilla bước tới bước lui trên lối đi trong vườn giữa những chiếc vỏ sò, làm bầm những lời cầu nguyện giữa đôi môi mím chặt, và Susan đứng trong bếp với len bông nhét tai, tạp dề trùm đầu.

Leslie, nhìn ra từ căn nhà đầu suối, thấy mọi cửa sổ của ngôi nhà nhỏ đều sáng đèn, và đêm ấy cô không ngủ.

Đêm tháng Sáu thật ngắn; nhưng nó dường như dài cả thiên thu với những người chờ đợi và trông ngóng.

“Ôi, liệu nó có *bao giờ* chấm dứt không?” bà Marilla nói; rồi bà thấy vẻ nghiêm trọng của cô y tá và bác sĩ Dave, thế là bà không dám hỏi thêm câu nào nữa. Giả như Anne... nhưng bà Marilla không nghĩ được thế.

“Đừng nói với tôi,” Susan hung dữ nói, đáp trả vẻ thống khổ trong mắt bà Marilla, “rằng Chúa có thể ác độc tới mức mang con cừu bé bỏng thân yêu đó khỏi chúng ta khi mà chúng ta thấy đều yêu mến cô ấy đến thế.”

“Ngài đã từng mang đi những người cũng được yêu thương như thế,” bà Marilla khàn giọng nói.

Nhưng đến bình minh, khi ánh dương vừa lên phá tan màn sương mù treo trên đụn cát, biến chúng thành muôn vàn ánh cầu vồng, niềm vui đã đến với căn nhà nhỏ. Anne đã an toàn, và một quý cô bé xiu, trắng bệch, mang đôi mắt của mẹ mình, đang nằm cạnh cô. Gilbert, mặt tái xám và hóc hác sau cơn vất vả buổi đêm, xuống báo tin cho bà Marilla và bà Susan.

“Tạ ơn Chúa,” bà Marilla rùng mình.

Bà Susan đứng dậy và lấy bông ra khỏi tai.

“Nào thì bữa sáng,” bà nói nhanh. “Tôi có ý kiến là chúng ta sẽ rất mừng được làm một vài miếng. Cậu nói cô bác sĩ trẻ không phải lo một cái gì hết... có Susan cầm trịch đây rồi. Cậu nói với cô chỉ phải nghĩ đến em bé thôi.”

Gilbert mỉm cười vẻ buồn buồn khi đi khỏi. Anne, gương mặt tái nhợt bệch bạc bởi cơn đau đầu đời, đôi mắt ngời sáng với niềm say mê thần thánh của tình mẫu tử, không cần ai bảo phải nghĩ về con mình. Cô chẳng nghĩ về điều gì khác. Trong một vài giờ cô đã được nếm mùi vị của hạnh phúc quá hiếm hoi và tuyệt diệu đến nỗi cô tự hỏi liệu các thiên thần trên thiên đường có ghen tị với cô chẳng.

“Bé Joyce bé bỏng,” cô thì thầm, khi bà Marilla vào thăm đứa bé. “Chúng cháu định gọi bé như thế nếu nó là một bé gái. Có thật nhiều cái tên chúng cháu thích gọi bé; chúng cháu không thể chọn được, thế nên chúng cháu quyết định lấy tên Joyce... ta có gọi tắt tên bé là Joy... thật là hợp. Ôi, bác Marilla, cháu cứ tưởng lúc trước cháu đã hạnh phúc. Giờ thì cháu biết cháu mới chỉ mơ một giấc mơ êm đềm về hạnh phúc. *Đây* mới là thực tế.”

“Cháu không được nói chuyện, Anne à... phải đợi đến lúc khỏe hơn đã,”

bà Marilla nói về cảnh cáo.

“Bác biết cháu mà *không* nói thì khó thế nào mà,” Anne mỉm cười.

Ban đầu cô quá yếu và quá hạnh phúc để thấy rằng Gilbert và bà y tá trông thật nghiêm trang và bà Marilla thì thật buồn. Rồi, nhẹ nhàng, và lạnh lẽo, và không chút xót thương, như một màn sương mù từ biển lướt vào đất liền, nỗi sợ hãi trườn vào tim cô. Sao Gilbert không vui mừng hơn? Sao anh không nói về đứa bé? Sao họ không cho con bé ở cạnh cô sau cái giờ đầu tiên hạnh phúc thiên đường đó? Có... có chuyện gì không hay sao?

“Gilbert,” Anne thì thầm về van nài, “con bé... nó ổn chứ phải không anh? Nói cho em biết đi... nói em biết đi.”

Gilbert phải mất thật lâu để quay lại; rồi anh cúi xuống cạnh Anne và nhìn vào mắt cô. Bà Marilla, lắng nghe đầy lo sợ ngoài cửa sổ, nghe thấy một tiếng rên đau đớn, xé lòng, và chạy biến vào nhà bếp nơi bà Susan đang khóc.

“Ôi, con cừ nhỏ tội nghiệp... con cừ nhỏ tội nghiệp! “Làm sao cô ấy chịu được, hả chị Cuthbert? Tôi sợ cô ấy chết mất. Cô ấy sẵn sàng biết mấy, hạnh phúc biết mấy, chờ đợi đứa bé đó, rồi chuẩn bị cho nó. Tuyệt không làm được gì thật ư, chị Cuthbert?”

“Tôi e là không, Susan à. Gilbert nói không có hy vọng gì. Nó biết ngay từ đầu là đứa bé không thể sống được.”

“Mà một đứa bé mới ngọt ngào làm sao chứ,” Susan khóc “Tôi chưa bao giờ thấy đứa con nít nào trắng như thế... bọn chúng hầu hết là đỏ và vàng. Và nó mở đôi mắt to như thể nó phải đến hàng tháng tuổi rồi í. Con bé nhỏ xíu, nhỏ xíu! Ôi, cô bác sĩ trẻ tội nghiệp!”

Đến hoàng hôn thì linh hồn nhỏ đến cùng bình minh đã ra đi, để lại những trái tim tan vỡ. Cô Cornelia đón lấy cô bé nhỏ xíu, trắng bệch từ đôi bàn tay ân cần nhưng xa lạ của người y tá, và mặc cho thân thể như sáp nhỏ xíu bộ váy đẹp mà Leslie đã may cho nó. Leslie đã yêu cầu bà làm thế. Rồi bà mang nó trở lại đặt cạnh người mẹ bé nhỏ tội nghiệp, tan nát, đã khóc mờ cả mắt.

“Chúa đã ban cho và Chúa đã lấy đi, cháu à,” cô nói qua làn nước mắt của chính mình. “Tên Người là ơn sáng.”

Rồi cô ra đi, để Anne và Gilbert lại một mình với đứa con đã mất của hai người.

Ngày hôm sau, Joy trắng bệch bé bỏng được đặt nằm trong một chiếc nôi nhung mà Leslie đã viền đầy hoa tảo, và mang đến nghĩa trang nhà thờ bên kia cảng. Cô Cornelia và bà Marilla cất tất cả những món quần áo nhỏ may bằng yêu thương đi, cùng với chiếc giỏ diêm đăng ten đã được trang trí diêm dúa dành cho những bàn tay bàn chân bụi bặm và mái đầu non tơ. Joy bé nhỏ không bao giờ được ngủ trong đó; cô bé đã tìm thấy một chiếc giường lạnh lẽo, chật chội hơn.

“Đây là một nỗi thất vọng khủng khiếp với tôi,” cô Cornelia thở dài. “Tôi đã rất trông chờ đứa bé này... và tôi quả thật còn mong nó là một đứa con gái nữa.”

“Tôi chỉ có thể mừng là mạng sống của Anne đã được cứu,” bà Marilla nói, với một cái rùng mình, nhớ lại những giờ đen tối khi cô gái bà yêu thương đang đi ngang qua thung lũng bóng tối.

“Con cừu nhỏ tội nghiệp! Trái tim con bé tan nát,” bà Susan nói.

“Cháu ghen tị với Anne,” Leslie nói đột ngột và dữ dội, “và cháu sẽ vẫn ghen tị với cô ấy ngay cả nếu cô ấy chết! Cô ấy đã được làm mẹ trọn một ngày đẹp đẽ. Cháu sẽ vui mừng hiến cả đời mình cho *điều đó!*”

“Ta sẽ không nói như vậy đâu, Leslie, cưng,” cô Cornelia nói về khoản nài. Cô đang sợ là bà Cuthbert phẩm hạnh sẽ nghĩ Leslie quá kinh khủng.

Thời gian hồi sức của Anne kéo dài khá lâu, và càng cay đắng vì nhiều lẽ. Sự sinh sôi và ánh nắng của thế giới Bốn Làn Gió cay nghiệt trên người cô; thế nhưng, khi mưa rơi nặng hạt, cô hình dung mưa đang đập xuống chẳng chút xót thương lên ngôi mộ nhỏ bên kia cảng đó; và khi gió thổi quanh mái nhà cô nghe được những tiếng buồn thương mà trước đó chưa bao giờ lọt vào tai cô.

Những kẻ viếng thăm đầy ý tốt cũng làm cô đau lòng, với những lời nhạt nhẽo hảo tâm mà họ dùng để cố gắng che đậy sự trần trụi của tang gia. Một bức thư từ Phil Blake là một cú bồi đau xót. Phil đã nghe nói về sự ra đời của đứa bé, nhưng chưa nghe nói về cái chết của nó, và cô viết cho Anne một lá thư chúc mừng đầy những nô giỡn ngọt ngào làm cô đau lòng ghê gớm.

“Cháu hẳn đã cười thật hạnh phúc với lá thư đó nếu cháu có con,” cô khóc với bà Marilla. “Nhưng khi cháu không có, nó thật giống một trò nghịch ác... mặc dù cháu biết Phil không bao giờ muốn làm cháu đau lòng dù vì bất cứ điều gì. Ôi, bác Marilla, làm sao cháu còn có thể vui lại được nữa đây... *mọi thứ* đều sẽ làm cháu đau lòng cho đến cuối đời.”

“Thời gian sẽ giúp cháu,” bà Marilla nói; bà nhói lòng vì cảm thông nhưng không bao giờ có thể diễn tả được điều đó bằng cách nào khác ngoài những công thức cũ mòn.

“Thật không *công bằng*,” Anne điên cuồng nói. “Trẻ con được sinh ra và sống ở những nơi chúng không được mong muốn... nơi chúng bị sao nhãng... nơi chúng không có một cơ hội nào hết. Cháu sẽ yêu con cháu đến chừng nào... và chăm sóc cho nó dịu dàng đến chừng nào... và cố gắng mang đến cho nó mọi cơ hội tốt đẹp. Thế mà cháu lại không giữ được con mình.”

“Đấy là ý Chúa, Anne à,” bà Marilla nói, bất lực trước bí ẩn của vũ trụ... cái *tại sao* của nỗi đau không đáng phải gánh chịu. “Và vậy là tốt hơn cho Joy bé nhỏ.”

“Cháu không tin *điều đó*,” Anne khóc cay đắng. Rồi, khi thấy bà Marilla có vẻ sốc, cô cuồng nhiệt nói thêm, “Tại sao nó phải được sinh ra... tại sao bất cứ ai phải được sinh ra... nếu chết là tốt hơn cho nó? Cháu không tin là một đứa trẻ chết lúc mới sinh thì tốt hơn là sống trọn cuộc đời yêu và được yêu... vui sướng và đau khổ... và làm việc của mình... và phát triển một tính cách sẽ cho nó một nhân cách trong vĩnh cửu. Mà làm sao bác biết đấy là ý Chúa? Có thể nó chỉ là sự phá ngang ý Ngài bởi Quyền năng Ma quỷ. Chúng ta không cần phải chấp nhận *điều đó*.”

“Ôi Anne, đừng nói như thế,” bà Marilla nói, thật sự sợ rằng Anne đang trôi vào những vùng nước sâu nguy hiểm. “Chúng ta không thể hiểu... nhưng chúng ta phải có niềm tin... chúng ta *phải* tin là tất cả đều hướng tới điều tốt đẹp nhất. Ta biết cháu thấy khó mà nghĩ vậy, ngay bây giờ. Nhưng hãy cố dũng cảm... vì Gilbert. Nó lo lắng cho cháu lắm. Cháu không hồi phục nhanh cho lắm.”

“Ôi, cháu biết cháu đã rất ích kỷ,” Anne thở dài. “Cháu yêu Gilbert hơn bao giờ hết... và cháu muốn sống vì anh ấy. Nhưng dường như một phần trong cháu đã bị chôn ở đằng kia trong ngôi mộ nhỏ đó... và cháu đau đến nỗi cháu sợ sự sống.”

“Không phải lúc nào cũng đau như thế đâu, Anne ạ.”

“Ý nghĩ rằng sẽ có ngày cháu thôi không đau nữa lại làm cháu đau đớn hơn tất cả mọi thứ, bác Marilla ạ.”

“Đúng, ta biết, ta cũng đã cảm thấy như thế, về những điều khác. Nhưng chúng ta đều yêu cháu, Anne ạ. Thuyền trưởng Jim đến đây mỗi ngày để hỏi thăm cháu... và con bé Moore thì đi lại luôn luôn... và cô Bryant cũng dành phần lớn thời gian của cô ấy, nấu các thứ ngon cho cháu ăn, ta nghĩ thế. Susan chẳng thích gì chuyện đó. Bà ấy nghĩ bà ấy nấu cũng ngon như cô Bryant.”

“Susan thân mến! Ôi, mọi thứ đều thân thương và tốt và đáng yêu với cháu, bác Marilla ạ. Cháu không phải vô ơn đâu... và có lẽ... khi cơn đau khủng khiếp này dịu đi một chút... cháu sẽ thấy rằng cháu có thể tiếp tục sống.”

20. Margaret quá cố

Anne thấy mình có thể tiếp tục sống; rồi cũng đến ngày cô thậm chí còn mỉm cười trở lại với một câu nói của cô Cornelia. Nhưng có gì đó trong nụ cười ấy chưa từng có trong nụ cười của Anne trước đó và sẽ không bao giờ vắng mặt khỏi nụ cười của cô nữa.

Vào ngày đầu tiên cô có thể đi xe được, Gilbert đã đưa cô xuống ngọn hải đăng Bốn Làn Gió, và để lại cô ở đó trong khi anh chèo qua bên kia kênh nước để gặp một bệnh nhân ở xóm chài. Một cơn gió nô đùa đang lao nhanh qua cảng và trên những đụn cát, đánh tung nước thành những chòm trắng xóa và gột rửa bờ cát bằng những vệt dài sóng bạc.

“Ta rất tự hào lại được gặp cháu ở đây, cháu Blythe ạ,” thuyền trưởng Jim nói. “Ngồi xuống... ngồi xuống đi nào. Ta sợ là hôm nay trong này hơi bụi bặm... nhưng cần gì nhìn bụi khi mà ta có thể nhìn thấy một cảnh tượng như thế kia, phải không nào?”

“Cháu không phiền bụi bặm đâu,” Anne nói, “nhưng Gilbert bảo cháu phải ở ngoài trời. Cháu nghĩ cháu sẽ ra ngồi trên mấy tảng đá đằng kia.”

“Cháu có thích bầu bạn không hay cháu thích ở một mình hơn?”

“Nếu bầu bạn là ông thì cháu thích hơn nhiều so với ở một mình ạ,” Anne nói, mỉm cười. Rồi cô thở dài. Trước nay cô chưa từng thấy phiền khi ở một mình. Giờ cô sợ điều đó. Khi ở một mình cô thấy lẻ loi đến đáng sợ.

“Đây là một chỗ nhỏ xinh không có gió máy gì cả,” thuyền trưởng Jim nói, khi họ đến chỗ những tảng đá. “Ta hay ngồi đây. Một chỗ lý tưởng chỉ để ngồi mà mơ tưởng.”

“Ôi... những giấc mơ,” Anne thở dài. “Giờ cháu không mơ mộng được nữa, thuyền trưởng Jim ạ... cháu đoạn tuyệt với những giấc mơ rồi.”

“Ôi, không, không đâu, cháu Blythe ạ... không đâu,” thuyền trưởng Jim nói về trầm ngâm. “Ta biết giờ cháu thấy như thế nào... nhưng nếu tiếp tục sống cháu sẽ lại vui mừng, và rồi hoàn toàn bất ngờ cháu sẽ thấy mình lại mơ ước... cảm ơn Chúa nhân từ vì điều đó! Nếu không vì những giấc mơ của ta thì thà người ta chôn ta đi còn hơn. Làm sao ta chịu được cuộc sống nếu không vì giấc mơ bất tử của chúng ta? Và *đấy* là một giấc mơ chắc chắn sẽ phải thành hiện thực, cháu Blythe à. Cháu sẽ gặp lại bé Joyce bé bỏng của cháu một ngày nào đó.”

“Nhưng nó sẽ không còn là con của cháu nữa,” Anne nói, môi run run. “Ôi, nó có thể là, như Longfellow nói, ‘một cô nàng đẹp đẽ khoác vẻ duyên dáng thiên thần,’... nhưng nó sẽ là một người xa lạ với cháu.”

“Chúa sẽ làm tốt hơn *thế*, ta tin như vậy,” thuyền trưởng Jim nói.

Họ cùng im lặng một lúc. Rồi thuyền trưởng Jim nói rất khẽ:

“Cháu Blythe, ta có thể kể cho cháu nghe về Margaret quá cô không?”

“Dĩ nhiên ạ,” Anne nhẹ nhàng nói. Cô không biết “Margaret quá cô” là ai, nhưng cô linh cảm cô sắp được nghe câu chuyện lãng mạn một đời của thuyền trưởng Jim.

“Ta vẫn thường muốn kể cho cháu nghe về nàng,” thuyền trưởng Jim nói tiếp. “Cháu có biết tại sao không, cháu Blythe? Vì ta muốn có ai đó nhớ và đôi lúc nghĩ về nàng sau khi ta mất đi. Ta không thể chịu đựng được chuyện tên nàng sẽ bị quên lãng bởi tất cả những linh hồn đang sống. Và giờ không ai còn nhớ đến Margaret quá cô trừ ta.”

Rồi thuyền trưởng Jim kể chuyện... một câu chuyện xưa, thật xưa đã trôi vào lãng quên, vì đã hơn năm mươi năm rồi từ khi một ngày nọ Margaret ngủ quên trên tàu đánh cá của cha cô và trôi dạt... hay người ta nghĩ thế, vì chẳng ai biết chắc điều gì về số phận của cô... ra ngoài kênh nước, vượt qua cồn cát ngầm, rồi bỏ mình trong cơn dông đen kịt đã xuất hiện thật đột ngột vào buổi chiều mùa hè xa xăm đó. Nhưng với thuyền trưởng Jim năm mươi năm đó như chỉ mới hôm qua.

“Ta đi dọc bờ biển suốt nhiều tháng sau đó,” ông buồn bã nói, “mong tìm thấy thân thể nhỏ bé thân thương của nàng; nhưng biển không bao giờ trả lại nàng cho ta. Nhưng rồi một ngày ta sẽ tìm thấy nàng, cháu Blythe ạ... ta sẽ

tìm thấy nàng một ngày nào đó. Nàng đang đợi ta. Ước gì ta có thể nói cho cháu biết chính xác nàng trông như thế nào, nhưng ta không thể. Ta từng thấy một làn sương bạc mịn màng treo trên cồn cát lúc bình minh trông giống như nàng... rồi ta lại thấy một cây bu lô trắng trong khu rừng đàng xa làm ta nghĩ đến nàng. Nàng có mái tóc màu nâu nhạt, khuôn mặt trắng trẻo ngọt ngào và những ngón tay dài thanh mảnh như của cháu vậy, cháu Blythe à, chỉ có điều nâu hơn, vì nàng là cô gái làng chài mà. Nhiều lúc ta tỉnh dậy giữa đêm và nghe biển gọi ta theo cách cũ, và hình như Margaret quá cố cũng gọi ta trong đó. Rồi khi có bão và sóng khốc lóc thở than ta lại nghe tiếng nàng than khóc cùng sóng. Và khi sóng cười trong một ngày đẹp trời đấy là tiếng cười của nàng... tiếng cười nhỏ tinh nghịch, ngọt ngào của Margaret. Biển lấy nàng đi khỏi ta, nhưng một ngày nào đấy ta sẽ tìm thấy nàng, cháu Blythe ạ. Biển không thể chia rời chúng ta mãi mãi được.”

“Cháu mừng là ông đã kể cho cháu nghe về nàng,” Anne nói. “Cháu vẫn thường tự hỏi vì sao ông sống suốt đời lẻ loi một mình.”

“Ta không sao quan tâm đến ai khác được nữa. Margaret quá cố đã lấy đi trái tim ta cùng nàng... ra ngoài kia,” người tình già, người đã chung thủy suốt năm mươi năm với người yêu chết đuối của mình, nói. “Cháu sẽ không phiền nếu ta nói thật nhiều về nàng với cháu chứ, cháu Blythe? Đây là một niềm vui của ta... vì tất cả những nỗi đau đã biến khỏi ký ức của ta về nàng nhiều năm rồi và giờ chỉ còn lại niềm hạnh phúc. Ta biết cháu sẽ không bao giờ quên nàng, cháu Blythe ạ. Và nếu năm tháng, như ta hy vọng, mang đến ngôi nhà của cháu những cô những cậu nhỏ, ta muốn cháu hứa với ta là cháu sẽ kể *chúng* nghe câu chuyện về Margaret quá cố, để tên nàng không bị quên lãng giữa người đời.”

21. Những rào cản bị cuốn trôi

“Anne này,” Leslie nói, đột ngột phá vỡ một khoảng im lặng ngắn, “cậu không biết lại được ngồi đây với cậu làm việc... và nói chuyện... và im lặng cùng nhau, lại *dễ chịu* đến mức nào đâu.”

Họ đang ngồi giữa đám cỏ mắt xanh bên bờ con suối trong vườn nhà Anne. Nước lấp lánh và ngân nga chảy qua họ; những cây bu lô hắt bóng lốm đốm lên họ; hoa hồng nở dọc các lối đi. Mặt trời đang bắt đầu xuống thấp, và không khí ngập tràn những thanh âm đan quyện. Một tiếng nhạc của gió trong rặng linh sam phía sau nhà, và tiếng nhạc của những ngọn sóng

ngoài còn cát, lại có tiếng chuông nhà thờ xa xa nơi cô gái bé bỏng trắng trẻo đang say ngủ. Anne yêu tiếng chuông ấy, mặc dù giờ nó mang lại những suy nghĩ u sầu.

Anne tò mò nhìn Leslie, giờ đã vút đám đồ khâu xuống và nói bằng một giọng thiếu kìm nén rất khác thường đối với cô.

“Vào cái đêm kinh khủng ấy khi cậu ôm đến thế,” Leslie nói tiếp, “mình cứ nghĩ rằng có lẽ chúng ta sẽ không còn được nói chuyện và đi dạo và *làm việc* cùng nhau nữa. Và mình nhận ra chính xác tình bạn của cậu có ý nghĩa như thế nào đối với mình... rằng *cậu* có ý nghĩa như thế nào... và mình là một con quái vật nhỏ nhen đầy thù ghét đến thế nào.”

“Leslie! Leslie! Mình không bao giờ cho phép bất cứ ai chửi bới bạn bè mình.”

“Đúng là như thế. Chính xác mình là như thế... một con quái vật nhỏ nhen đầy thù ghét. Có một điều mình phải nói với cậu, Anne à. Mình cho là điều đó sẽ làm cậu khinh bỉ mình, nhưng mình *phải* thú nhận. Anne, mùa đông và mùa xuân vừa rồi đã có những lúc mình *căm ghét* cậu.”

“Mình *biết* điều đó,” Anne bình tĩnh nói.

“Cậu *biết* điều đó?”

“Phải, mình nhìn thấy nó trong mắt cậu.”

“Vậy mà cậu vẫn tiếp tục yêu quý mình và làm bạn với mình.”

“À, cậu chỉ thỉnh thoảng mới ghét mình thôi, Leslie ạ. Còn lại cậu vẫn yêu mình, mình nghĩ thế.”

“Chắc chắn thế. Nhưng cái cảm giác kinh khủng kia luôn ở đó, trong góc tim mình, phá hoại tình yêu ấy. Mình dìm nó xuống... nhiều lúc mình quên đi... nhưng thỉnh thoảng nó vẫn trỗi dậy chiếm lấy mình. Mình ghét cậu vì mình *ghen tị* với cậu... ôi, nhiều lúc mình phát bệnh vì ghen tị với cậu. Cậu có một căn nhà nhỏ thân thương... và tình yêu... và hạnh phúc... và những giấc mơ vui... tất cả những gì mình muốn... và chưa bao giờ có... và sẽ không bao giờ có thể có. Ôi, không bao giờ có thể có! *Đấy* là điều đau nhất. Mình sẽ không bao giờ ghen tị với cậu nếu mình có chút *hy vọng* rằng đời rồi sẽ khác với mình. Nhưng mình không có... mình không có... và điều đó

không công bằng. Nó làm mình muốn nổi loạn... và nó làm mình đau đớn... và thế nên thỉnh thoảng mình ghét cậu. Ôi, mình xấu hổ vì điều đó biết mấy... mình đang chết vì xấu hổ đây... nhưng mình không thể chế ngự được nó. Đêm ấy, khi mình sợ rằng cậu không sống được... mình nghĩ mình sắp bị trừng phạt vì sự độc ác của mình... lúc đó mình yêu cậu biết mấy. Anne, Anne, mình chẳng hề có gì để yêu từ khi mẹ mình mất, trừ con chó già của Dick... và thật kinh khủng khi không có gì để yêu... đời thật trống rỗng... và chẳng có gì tồi tệ hơn sự trống rỗng... và mình đã có thể yêu cậu biết bao... và cái điều tồi tệ đó đã phá hỏng mọi thứ...”

Leslie run rẩy và nói năng càng lúc càng lắp bắp vì cảm xúc quá dữ dội trong cô.

“Đừng, Leslie à,” Anne van xin “ôi, xin đừng. Mình hiểu mà... đừng nói về chuyện đó nữa.”

“Mình phải nói... phải nói. Khi biết cậu sẽ sống mình đã thề là sẽ nói với cậu ngay khi cậu khỏe... rằng mình sẽ không tiếp tục nhận tình bạn và sự đồng hành của cậu mà không nói cho cậu biết mình không xứng đáng với nó đến mức nào. Và mình đã sợ hãi biết mấy... rằng nó sẽ khiến cậu quay lưng với mình.”

“Cậu không cần sợ điều đó, Leslie à.”

“Ôi, mình mừng quá... mừng lắm, Anne ạ.” Leslie siết chặt đôi tay nâu, chai sần vì lao động của mình lại với nhau để ngăn chúng thôi run rẩy. “Nhưng mình muốn nói cho cậu biết mọi thứ, vì mình đã bắt đầu rồi. Cậu không nhớ cái lần đầu tiên mình gặp cậu đâu, mình nghĩ thế... không phải là cái buổi tối trên bờ biển đâu...”

“Không, ấy là đêm Gilbert và mình về nhà. Cậu đang lừa đàn ngỗng xuống đồi. Mình nhớ chứ. Mình đã nghĩ cậu thật đẹp... sau đó hàng tuần liền mình cứ mong tìm ra được cậu là ai.”

“Mình thì biết cậu là ai, mặc dù mình chưa gặp cả hai người trước đó. Mình đã nghe tin anh bác sĩ mới và cô dâu của anh ta sẽ đến ở căn nhà nhỏ của bà Russell. Mình... mình đã ghét cậu ngay giây phút đó, Anne à.”

“Mình cảm nhận được sự khinh ghét trong mắt cậu... hồi đó mình còn nghi ngờ... mình nghĩ chắc mình nhầm... vì tại sao lại thế chứ?”

“Đó là vì trông cậu thật hạnh phúc. Ôi, giờ cậu sẽ phải đồng ý với mình rằng mình *đúng* là một con quái vật đầy oán hận... ghét một người đàn bà khác chỉ vì cô ta hạnh phúc... trong khi hạnh phúc của cô ta chẳng lấy đi thứ gì từ mình! Đây là lý do vì sao mình không hề đến gặp cậu. Mình biết rất rõ là mình phải đến... ngay cả những nghi thức đơn giản của Bốn Làn Gió cũng đòi hỏi điều đó. Nhưng mình không thể. Mình thường quan sát cậu từ cửa sổ nhà mình... mình có thể nhìn thấy hai vợ chồng cậu đi dạo quanh vườn vào buổi tối... hay thấy cậu chạy xuống con đường giữa hai hàng dương để đón anh ấy. Và mình đau lòng. Thế nhưng mặt khác mình lại muốn ghé qua. Mình cảm thấy rằng, nếu mình không khốn khổ đến thế, mình đã có thể thích cậu và tìm thấy ở cậu cái mình chưa bao giờ tìm thấy trong đời... một người bạn thân *thực sự*, cùng lứa với mình. Và rồi cậu nhớ buổi tối hôm đó ở bờ biển không? Cậu sợ là mình sẽ nghĩ cậu điên. Cậu chắc đã phải nghĩ chính *mình đây* mới bị điên.”

“Không, nhưng mình đã không hiểu nổi cậu, Leslie à. Lúc thì cậu kéo mình lại gần cậu... ngay sau đó cậu đẩy mình ra.”

“Chiều hôm đó mình rất không vui. Mình đã có một ngày mệt nhọc. Hôm ấy Dick rất rất khó bảo. Thông thường anh ta khá lành tính và dễ dàng quản lý, cậu biết đấy, Anne. Nhưng có những ngày anh ta rất khác. Mình mệt mỏi vô cùng... mình chạy ra bờ biển ngay khi anh ta đi ngủ. Đây là chỗ trú ẩn duy nhất của mình. Mình ngồi đó nghĩ về việc người cha tội nghiệp của mình đã kết liễu đời ông như thế nào, và tự hỏi liệu có ngày nào mình sẽ bị dồn đến mức đấy không. Ôi, tim mình tràn ngập những ý nghĩ đen tối! Và rồi cậu đến nhảy múa dọc bãi đá như một đứa trẻ mừng vui, vô tư lự. Mình... lúc đó mình ghét cậu hơn bao giờ hết. Nhưng đồng thời mình cũng lại thêm khát tình bạn của cậu. Cảm giác này làm mình chao đảo một thoáng; lúc sau lại đến cảm giác kia. Khi về nhà đêm đó mình đã khóc vì xấu hổ với những gì cậu hẳn đã nghĩ về mình. Nhưng lúc nào tình trạng tương tự cũng xảy ra mỗi khi mình sang đây. Có lúc mình sẽ vui mừng tận hưởng chuyến thăm. Lúc khác cái cảm giác kinh tởm ấy lại bời bấn mọi thứ. Có những lúc tất cả mọi thứ về cậu và ngôi nhà của cậu làm mình đau lòng. Cậu có quá nhiều thứ nhỏ xinh thân yêu mà mình không thể có. Cậu có biết không... thật là quái dị... nhưng mình đặc biệt ghét hai con chó sứ nhà cậu. Có những lúc mình muốn tóm lấy Gog và Magog mà đập hai cái mõm đen xác xược của chúng vào với nhau! Ôi, cậu cười kìa, Anne... nhưng với mình chuyện ấy chẳng bao giờ đáng cười cả. Mình đến đây, nhìn thấy cậu và Gilbert với đám sách của cậu và đám hoa của cậu, những đồ dùng gia đình của cậu, những

câu chuyện đùa trong nhà của cậu... và tình yêu của các cậu dành cho nhau hiển hiện trong mọi ánh mắt và từ ngữ, ngay cả khi cậu không biết điều đó... và rồi mình sẽ về nhà với... cậu biết mình về nhà với cái gì rồi đấy! Ôi, Anne, mình không tin là ghen tuông và ghen tị thuộc về bản chất của mình. Khi còn con gái mình thiếu rất nhiều thứ mà các bạn học có, nhưng mình chẳng bao giờ quan tâm... mình không hề ghét họ vì điều đó. Nhưng có vẻ như mình đã trở nên quá đỗi hằn học...”

“Leslie thân mến ơi, đừng đổ lỗi cho bản thân nữa. Cậu *không hề* hằn học hay ghen tuông hay ghen tị. Cuộc đời cậu phải sống đã bẻ cong cậu đi đôi chút, có lẽ thế... nhưng nếu vào trường hợp một bản chất kém tinh tế và cao thượng hơn cậu thì đời đã bị phá hỏng hằn mất rồi. Mình để cậu nói với mình tất cả những điều này vì mình tin rằng nói hết ra và giải thoát cho linh hồn cậu khỏi những điều đó thì sẽ tốt hơn cho cậu. Nhưng đừng tự đổ lỗi cho bản thân nữa.”

“Ừ, mình sẽ không làm thế nữa. Mình chỉ muốn cho cậu biết mình như chính mình. Cái lần cậu nói với mình về hy vọng tha thiết của cậu dành cho mùa xuân là tệ nhất, Anne ạ. Mình sẽ không bao giờ tha thứ cho bản thân về cách hành xử lúc đó của mình. Mình đã sám hối bằng nước mắt. Và mình *đã* trao gửi rất nhiều ý nghĩ dịu dàng và yêu thương vào chiếc váy nhỏ mình may. Nhưng lẽ ra mình phải biết trước rằng bất cứ thứ gì mình làm ra cuối cùng cũng chỉ là vải liệm mà thôi.”

“Nào, Leslie, nói thế thì *thật* cay đắng và không lành mạnh quá đấy... hãy vứt những ý nghĩ đó đi. Mình hết sức vui mừng khi cậu mang chiếc váy nhỏ xinh ấy đến; và vì mình đã phải mất bé Joyce nên mình muốn nghĩ chiếc váy con bé mặc là chiếc váy cậu đã may cho nó khi cậu cho phép bản thân yêu quý mình.”

“Anne, cậu có biết không, mình tin rằng mình sẽ mãi yêu cậu sau chuyện này. Mình không nghĩ mình còn có thể cảm thấy tồi tệ về cậu như thế nữa. Nói ra tất cả có vẻ như đã xua được nó đi, dường như thế. Thật lạ lùng... thế mà mình đã nghĩ nó mới chân thực và mới cay đắng làm sao. Như thể mở một cánh cửa của một căn phòng tối để trưng ra một con quái vật xấu xí ta tin là có mặt ở đó... và khi ánh sáng tràn vào con quái vật của ta hóa ra chỉ là một cái bóng, biến mất khi ánh sáng đến. Nó sẽ không bao giờ xen vào giữa chúng mình được nữa.”

“Không, chúng ta là những người bạn thật sự rồi, Leslie ạ, và mình rất

mừng.”

“Minh hy vọng cậu sẽ không hiểu lầm mình nếu mình nói một điều này nữa. Anne à, mình đau khổ đến tận cùng trái tim khi cậu mất con; và nếu mình có thể cứu được cô bé cho cậu bằng cách cắt đi một cánh tay của mình thì mình cũng sẽ làm. Nhưng nỗi buồn của cậu đã mang chúng ta lại gần nhau hơn. Hạnh phúc hoàn hảo của cậu không còn là một rào cản nữa. Ôi, đừng hiểu lầm mình, bạn thân mến... mình *không* vui mừng vì hạnh phúc của cậu không còn hoàn hảo nữa... mình có thể nói điều đó thật lòng; nhưng chính vì thế mà giờ giữa hai ta không còn cả một hố sâu như trước nữa.”

“Minh hiểu điều đó nữa, Leslie à. Nào, giờ chúng ta sẽ đóng cửa quá khứ và quên hết những gì không vui trong đó. Tất cả giờ sẽ khác. Chúng ta đều thuộc lớp người quen của Joseph rồi. Minh nghĩ cậu đã thật tuyệt vời... tuyệt vời. Và Leslie à, mình không thể không tin rằng cuộc đời còn có những điều tốt đẹp dành riêng cho cậu.”

Leslie lắc đầu.

“Không,” cô nói vẻ ảo não. “Không có hy vọng nào hết. Dick sẽ không bao giờ khỏe lên... và ngay cả nếu trí nhớ của anh ta có quay lại... ôi, Anne, sẽ còn tệ hơn nữa, tệ hơn bây giờ nữa. *Đây* là một điều mà cậu không thể hiểu được đâu, cô dâu hạnh phúc ơi. Anne à, cô Cornelia có bao giờ kể cho cậu nghe làm thế nào mình lại cưới Dick chưa?”

“Có.”

“Hay quá... mình đã muốn cậu biết... nhưng mình không tài nào đủ can đảm tự nói về điều đó nếu cậu chưa biết. Anne à, có vẻ như với mình từ lúc mười hai tuổi cuộc đời đã luôn cay đắng. Trước đó mình có một tuổi thơ hạnh phúc. Gia đình mình rất nghèo... nhưng chúng mình không bận tâm. Cha thật tuyệt vời... quá thông minh và yêu thương và thấu hiểu. Trong trí nhớ của mình lúc nào chúng mình cũng là bầu bạn. Còn mẹ thì thật hiền. Mẹ rất rất đẹp. Minh trông giống mẹ, nhưng mình không đẹp bằng mẹ đâu.”

“Cô Cornelia nói cậu đẹp hơn rất nhiều.”

“Cô ấy làm... hoặc thiên vị. Minh nghĩ đáng mình *đúng là* đẹp hơn... mẹ thanh mảnh và cồng lưng vì vất vả... nhưng bà có khuôn mặt của một thiên thần. Minh thường cứ ngược nhìn bà mà tôn thờ. Chúng mình đều tôn thờ

mẹ... cha và Kenneth và mình.”

Anne nhớ cô Cornelia đã kể cho cô nghe một phiên bản rất khác về mẹ Leslie. Nhưng tình yêu chẳng phải luôn có một cái nhìn chân xác hơn ư? Tuy vậy, Rose West vẫn rất ích kỷ khi bắt con bà cưới Dick Moore.

“Kenneth là em trai mình,” Leslie nói tiếp, “Ôi, mình không thể nói hết mình yêu thằng bé đến mức nào. Và nó bị chết một cách thảm thiết. Cậu có biết như thế nào không?”

“Có.”

“Anne, mình nhìn thấy gương mặt nhỏ bé của nó khi cái bánh xe nghiền qua người nó. Nó ngã ngửa. Anne ơi... Anne ơi... giờ mình vẫn thấy. Mình sẽ luôn thấy. Anne, tất cả những gì mình cầu xin trời đất là cái ký ức đó sẽ bị xóa khỏi trí nhớ của mình. Ôi lạy Chúa tôi!”

“Leslie, đừng nói về nó nữa. Mình biết chuyện rồi... đừng đi vào những chi tiết chỉ khiến linh hồn cậu đau đớn vô vọng nữa. Rồi nó sẽ được xóa mờ.”

Sau một phút vật lộn, Leslie tìm lại được chút trấn tĩnh.

“Rồi sức khỏe của cha yếu dần và ông trở nên chán nản... đầu óc ông dần mất cân bằng... cậu cũng nghe kể cả rồi phải không?”

“Ừ.”

“Sau đó mình chỉ còn sống vì mẹ. Nhưng mình rất tham vọng. Mình định đi dạy và kiếm tiền học đại học. Mình muốn trèo lên tận đỉnh... ôi, mình cũng sẽ không nói chuyện đó nữa. Không ích gì cả. Cậu biết chuyện gì đã xảy ra rồi đây. Mình không thể nhìn thấy người mẹ bé nhỏ thân thương đã tan nát cõi lòng của mình, người đã vất vả lao碌 suốt cả cuộc đời, bị đuổi khỏi nhà. Dĩ nhiên mình đã có thể kiếm tiền đủ cho hai mẹ con sống tiếp. Nhưng mẹ *không thể* rời nhà của mình được. Bà đã đến đây như một cô dâu... và bà đã yêu cha mình biết bao... và tất cả ký ức của bà là ở đó. Ngay cả bây giờ, Anne à, khi nghĩ rằng mình đã làm năm cuối cuộc đời bà hạnh phúc, mình không tiếc những gì mình đã làm. Còn về Dick... mình không ghét anh ta khi mình cưới anh ta... với anh ta mình chỉ có một cảm giác thờ ơ, thân thiện mà mình có với hầu hết các bạn học khác. Mình biết anh ta có

rượu chè chút ít nhưng mình chưa bao giờ nghe câu chuyện về cô gái dưới xóm chài. Nếu mà nghe được thì mình đã *không bao giờ* có thể cưới anh ta dù là vì mẹ. Sau đó, mình có ghét anh ta, nhưng mẹ không bao giờ biết. Bà mất... và rồi mình còn lại một mình. Mình chỉ mới mười bảy tuổi và mình chỉ có một mình. Dick đã ra đi trên con tàu *Bốn chị em*. Mình đã hy vọng anh ta sẽ không về nhà nhiều nữa. Biển lúc nào cũng trong máu anh ta. Mình không có hy vọng nào khác. Ừ, rồi thuyền trưởng Jim mang anh ta về nhà, như cậu đã biết... và thế là chẳng còn nói thêm gì được nữa. Giờ thì cậu biết mình rồi đấy, Anne à... phần tồi tệ nhất của mình... tất cả mọi rào chắn đã hạ xuống rồi. Và cậu vẫn muốn làm bạn mình?”

Anne nhìn qua rặng bu lô, lên chiếc lồng đèn giấy trắng là một vầng bán nguyệt đang trôi về với vịnh hoàng hôn. Gương mặt cô rất đổi ngọt ngào.

“Mình là bạn cậu và cậu là bạn mình, mãi mãi,” cô nói. “Một người bạn mình chưa bao giờ có. Mình đã có rất nhiều người bạn thân và đáng yêu... nhưng có một cái gì đó ở cậu, Leslie à, mà mình chưa từng thấy ở bất cứ ai khác. Cậu có nhiều điều để ban tặng cho mình trong bản tính dồi dào của cậu, và mình có nhiều điều để cho cậu hơn những gì mình có thời con gái vô lo của mình. Chúng ta đều là những người đàn bà... và mãi mãi là bạn.”

Họ nắm chặt tay và mỉm cười với nhau qua những giọt nước mắt đã dâng đầy trong đôi mắt xám và đôi mắt xanh.

22. Cô Cornelia sắp xếp mọi việc

Gilbert khăng khăng đòi giữ bà Susan lại coi sóc căn nhà nhỏ cho đến hết mùa hè. Ban đầu Anne phản đối.

“Cuộc sống ở đây chỉ có hai chúng ta mới thật là ngọt ngào, Gilbert à. Có bất cứ ai khác ở đây sẽ làm hỏng điều đó đi một ít. Susan rất đáng mến, nhưng cô ấy là người ngoài. Em làm việc nhà đâu có hại gì.”

“Em phải nghe bác sĩ của em khuyên chứ,” Gilbert nói. “Có câu ngạn ngữ cổ, đại để là vợ anh đánh giày thì đi chân đất mà vợ bác sĩ thì chết trẻ. Anh không định để chuyện đó xảy ra trong nhà mình đâu. Em sẽ giữ Susan lại đến khi mùa xuân trở về trong bước chân em và mấy cái hóc má kia đầy đặn trở lại.”

“Cô cứ thư thả, cô bác sĩ cung ạ,” bà Susan nói, đột ngột bước vào. “Cứ vui vẻ và đừng có lo về chuyện bếp núc nữa. Đã có Susan lo liệu rồi. Đã nuôi chó thì không việc gì phải tự đi sữa. Tôi sẽ mang bữa điểm tâm lên cho cô mỗi sáng.”

“Chắc chắn là không được rồi ạ,” Anne cười. “Cháu đồng ý với cô Cornelia rằng một phụ nữ không bị ốm mà ăn sáng tại giường thật đúng là xì căng đan, gần như có thể sánh ngang được với ‘lũ đàn ông’ về khía cạnh khủng khiếp.”

“Ôi, Cornelia!” bà Susan nói, với vẻ khinh bỉ khó tả. “Ta nghĩ cô phải biết nghĩ hơn chứ, cô bác sĩ, cung, đừng có mà nghe Cornelia Bryant nói. Ta chẳng hiểu tại sao mà cô ta cứ phải chà đạp đàn ông, ngay cả khi cô ta là một gái già. *Ta* đây là một gái già, nhưng có ai nghe *ta* la làng. Ta thích họ. Đáng lẽ nếu có thể ta cũng lấy chồng rồi nếu có thể. Chẳng tức cười sao khi chả có ai từng hỏi cưới ta, hả cô bác sĩ thân mến? Ta chẳng đẹp đẽ gì, nhưng mà ta cũng dễ nhìn như hầu hết các bà đã có chồng khác mà cô thấy. Nhưng ta chẳng bao giờ có tay bồ nào. Cô nghĩ là tại làm sao?”

“Chắc tại duyên số ạ,” Anne gợi ý, vẻ trang nghiêm hiếm có.

Bà Susan gật đầu.

“Ta cũng hay nghĩ vậy, cô bác sĩ thân mến à, và cũng may là như vậy. Ta không phiền khi không có ai muốn có ta nếu đấng Tối thượng đã quyết như vậy vì những mục đích riêng thông thái của Ngài. Nhưng nhiều lúc nổi nghi ngờ cũng trời dậy, cô bác sĩ ạ, và ta tự hỏi không biết có phải Quý già lại nhúng tay vào chuyện này không. Lúc đó ta lại chẳng thể nào thấy yên phận được. Nhưng có lẽ,” bà Susan nói thêm, mặt tươi lên, “ta vẫn còn cơ hội kết hôn. Ta vẫn nghĩ, nghĩ mãi về cái câu thơ cổ mà bà cô ta vẫn hay đọc đi đọc lại:

Làm gì có con ngỗng nào xám xịt đến nổi chẳng có lúc nào

Sớm hay muộn một ngỗng đực thật thà sẽ đến kết đôi với nó!

Một phụ nữ không bao giờ có thể chắc chắn sẽ không lấy chồng cho đến khi bà ta được đem chôn, cô bác sĩ ạ, và trong khi đó ta sẽ làm một mẻ bánh anh đào. Ta để ý thấy anh bác sĩ thích chúng, và ta *thật sự* thích nấu nướng cho một người biết thưởng thức món ngon.”

Chiều hôm ấy cô Cornelia ghé qua, thở hắt hà hắt hên.

“Ta chẳng ngại thiên hạ hay quý dữ mấy, nhưng cái khối thịt này *đúng là* hơi làm phiền ta,” bà thừa nhận. “Cháu lúc nào trông cũng tươi tỉnh như một quả dưa chuột, Anne cưng nhỉ. Ta nghĩ thấy mùi bánh anh đào phải không? Nếu đúng, mời ta ở lại uống trà đi. Hè này chưa được miếng bánh anh đào nào hết. Mấy quả anh đào của ta bị bọn nhãi ranh nhà Gilman từ Glen vặt trộm hết rồi.”

“Nào nào, Cornelia,” thuyền trưởng Jim, đang ngồi đọc một cuốn tiểu thuyết về biển ở góc phòng khách, phản đối, “cháu không nên nói vậy về hai đứa nhóc tội nghiệp không mẹ nhà Gilman chứ, trừ phi cháu có bằng chứng rõ ràng. Chỉ vì cha chúng nó không được thật thà đâu có lý gì gọi chúng là ăn trộm được. Chắc đám chim oanh ăn trộm quả của cháu thôi. Năm nay bọn chúng bay dày lắm.”

“Chim oanh!” cô Cornelia nói vẻ khinh bỉ. “Hứ! Có mà chim oanh hai chân!”

“À, thì hầu hết chim oanh Bốn Làn Gió này được thiết kế dựa trên nguyên lý đó mà,” thuyền trưởng Jim nghiêm trang nói.

Cô Cornelia trợn mắt nhìn ông một lúc. Rồi cô dựa lưng vào ghế bập bênh mà cười thật lâu và sáng khoái.

“Ồ, cuối cùng chú cũng ngáng được chân cháu một lần rồi đó, Jim Boyd ạ, cháu thừa nhận. Nhìn ông già hơn hở không kia, Anne cưng, nhe nhớn cười như một con mèo Ba Tư. Còn về chân của đám chim oanh thì nếu chim oanh có chân to bự, để trần và cháy nắng, quần rách treo ở chân, như cháu đã nhìn thấy trên cây anh đào của cháu lúc sớm tinh mơ tuần trước, thì cháu sẽ xin lỗi mấy thằng nhóc nhà Gilman. Lúc cháu xuống đến nơi thì chúng nó đã chuồn rồi. Hôm đó cháu không hiểu làm sao chúng nó biến nhanh vậy, giờ thì thuyền trưởng Jim đã khai sáng cho cháu. Dĩ nhiên là chúng nó bay đi mất!”

Thuyền trưởng Jim cười và bỏ đi, rất tiếc phải từ chối lời mời ở lại dùng bữa tối và dự phần cái bánh anh đào.

“Ta đang trên đường đến gặp Leslie để hỏi xem con bé có muốn nhận người ở trọ không,” cô Cornelia nói tiếp. “Hôm qua ta nhận được lá thư từ

một bà Daly ở Toronto mà hai năm trước có đi chung một chuyến nghỉ hè cùng ta. Bà ấy muốn ta nhận cho một người bạn của mình đến nghỉ hè. Tên hấn là Owen Ford, và hấn là một gã làm báo, và có vẻ như hấn là cháu ngoại của ông giáo xây nên căn nhà này. Con gái cả của John Selwyn cưới một người Ontario tên là Ford, và đây là con trai họ. Hấn muốn thăm lại chốn cũ nơi ông bà hấn sống. Hấn bị một trận sốt thương hàn nặng hồi mùa xuân và chưa hoàn toàn bình phục, nên bác sĩ của hấn lệnh cho hấn ra vùng biển. Hấn không muốn đến ở khách sạn... chỉ muốn một nơi ấm cúng yên tĩnh. Ta không nhận hấn được, vì ta phải đi xa vào tháng Tám. Ta đã được cử làm đại biểu dự một hội thảo ở Kingsport và ta sẽ đi. Chẳng biết Leslie có muốn vương với hấn không nữa, nhưng chẳng còn ai khác. Nếu con bé không nhận thì hấn sẽ phải đi qua bên kia cảng.”

“Gặp cô ấy xong cô nhớ quay về giúp chúng cháu ăn bánh anh đào nhé,” Anne nói. “Rủ cả Leslie và Dick nữa, nếu họ đến được. À thế là cô sắp đến Kingsport ạ? Chắc cô sẽ vui lắm. Cháu phải đưa cô một bức thư gửi một người bạn của cháu ở đó... bà Jonas Blake.”

“Ta đã rủ được bà Thomas Holt đi cùng,” cô Cornelia nói về mãi nguyện. “Đã đến lúc bà ấy được đi nghỉ ngơi một tí, tin *ta* đi. Bà ấy làm việc gần chết rồi. Tom Holt đan móc thì đẹp lắm, nhưng mà không nuôi sống nổi gia đình mình. Vẻ như hấn chẳng khi nào dậy đủ sớm để làm bất cứ việc gì, nhưng ta để ý thấy hấn lúc nào cũng dậy sớm được để đi câu cá. Đúng là đồ đàn ông!”

Anne mỉm cười. Cô đã học được cách bỏ qua phần lớn những ý kiến của cô Cornelia về cánh đàn ông ở Bốn Làn Gió. Bằng không chắc cô phải tin họ là một đám vô lại vô dụng vô vọng nhất trên thế giới, với những bà vợ toàn là nô lệ và những kẻ tử vì đạo thực sự. Ông Tom Holt này chẳng hạn, cô biết ông là người chồng tốt, người cha rất được kính yêu, người hàng xóm tuyệt vời. Nếu ông có hơi lười biếng, thích việc câu cá mà ông được sinh ra để làm hơn là việc đồng áng mà ông không được sinh ra để làm, và nếu ông có một cái tính lập dị vô hại là ưa làm những thứ màu mè, thì không một ai trừ cô Cornelia có thể lấy đó để chống lại ông. Vợ ông là một “tắt bật viên”, tự hào vì được làm việc tắt bật, cả nhà sống thoải mái nhờ vào cái nông trại; và những đứa con trai con gái to cao lực lưỡng của họ, thừa hưởng năng lượng của người mẹ, đều làm ăn khá khả. Chẳng có nhà nào ở Glen hạnh phúc hơn nhà Holt.

Cô Cornelia quay lại từ căn nhà trên suối với vẻ hài lòng.

“Leslie sẽ nhận,” bà tuyên bố. “Con bé vô lấy cơ hội đó. Nó muốn kiếm một ít tiền để lợp lại mái nhà vào mùa thu này, và nó đang không biết kiếm đâu ra. Ta nghĩ thuyền trưởng Jim sẽ hết sức thích thú khi biết một người cháu của nhà Selwyn sắp xuống đây. Leslie nói với cháu rằng con bé thềm bánh anh đào kinh khiếp, nhưng không đến dùng bữa trà được vì còn phải đi lụng đám gà tây. Bọn chúng đi lạc. Nhưng nó nói, nếu còn thừa, thì cháu nhớ để vào trong chạn cho nó và nó sẽ chạy qua lúc chạng vạng để xin một miếng. Cháu không biết đâu, Anne cũng ạ, tim ta vui mừng biết chừng nào khi nghe Leslie gửi cho cháu một tin nhắn như thế, vừa nói vừa cười như nó vẫn thường làm từ lâu lắm rồi. Có một thay đổi lớn đã đến với con bé gần đây. Nó cười đùa như đứa con nít, và từ những gì nó nói ta đoán nó qua đây rất thường xuyên.”

“Ngày nào cũng qua ạ... hoặc cháu sẽ qua bên đó,” Anne nói. “Cháu không biết cháu sẽ làm gì nếu không có Leslie, nhất là bây giờ khi Gilbert bận quá. Anh ấy gần như không về nhà trừ vài tiếng đồng hồ lúc nửa đêm. Thật sự anh ấy đang làm việc đến chết. Giờ rất nhiều người bên kia cảng cũng gọi đến anh ấy.”

“Họ nên hài lòng với bác sĩ riêng của họ mới phải,” cô Cornelia nói. “Mặc dù chắc chắn ta chẳng trách được họ, vì ông ta là một tay Giám lý. Từ hồi bác sĩ Blythe cứu sống được bà Allonby dân làng ai cũng định ninh nó có thể dựng được cả người chết dậy. Ta tin là bác sĩ Dave đang hơi ghen tị... đúng là đàn ông. Ông ấy nghĩ bác sĩ Blythe có quá nhiều ý niệm mới lạ! ‘À,’ ta nói với ông ấy, ‘chính một ý niệm mới lạ đã cứu được Rhoda Allonby đây. Nếu chú mà chăm cô ta thì cô ta đã chết rồi, và đã có một cái bia mộ nói Chúa hài lòng được đưa cô ta đi.’ Ôi, ta thích nói thẳng toẹt với ông bác sĩ Dave lắm! Ông ấy đã làm vương làm tướng ở Glen bao nhiêu năm, và ông ấy nghĩ chưa từng có ai bị lãng quên nhiều như mình. Nói tới bác sĩ, ta hy vọng bác sĩ Blythe sẽ chạy qua để xem cái mụn bọc trên cổ Dick Moore. Leslie đã bó tay rồi. Ta thật tình không biết cái thằng Dick Moore đó muốn bắt đầu giờ trò có mụn bọc làm gì nữa...như kiểu hấn chưa đủ rắc rối hay sao!”

“Cô có biết không, Dick dạo này bắt đầu thích cháu ra phết,” Anne nói. “Anh ta đi theo cháu như một con chó, và mỉm cười như một đứa trẻ vừa lòng khi cháu để ý tới anh ta.”

“Điều đó có làm cháu thấy rờn rợn không?”

“Không hề ạ. Cháu khá thích Dick Moore tội nghiệp. Anh ấy có vẻ thật đáng thương và dễ làm người ta tủi lòng sao đó.”

“Cháu sẽ không thấy tủi lòng lắm đâu nếu cháu gặp hắn vào mấy cái ngày trái tính, tin ta *đi*. Nhưng ta mừng là cháu không ngại hắn... vậy tốt hơn nhiều cho Leslie. Nó sẽ có nhiều việc phải làm hơn khi khách ở trọ tới. Ta hy vọng thằng cha kia sẽ là một đứa tử tế. Cháu chắc sẽ thích hắn... hắn là nhà văn.”

“Cháu tự hỏi tại sao mọi người lại hay cho rằng nếu hai cá nhân đều là nhà văn thì sẽ vì thế mà hết sức thân thiện với nhau,” Anne nói, vẻ hơi khinh khỉnh. “Chẳng ai trông chờ hai ông thợ rèn thấy nhau hấp dẫn gớm ghê chỉ vì họ đều là thợ rèn cả.”

Tuy nhiên, cô vẫn trông chờ sự xuất hiện của Owen Ford với một cảm giác hồi hộp dễ chịu. Nếu anh ta trẻ và đáng mến thì đây sẽ là một sự bổ sung rất dễ chịu vào xã hội ở Bốn Làn Gió. Cánh cửa của căn nhà nhỏ lúc nào cũng rộng mở cho lớp người quen của Joseph.

23. Owen Ford tới

Một tối nọ cô Cornelia gọi điện thoại xuống cho Anne.

“Gã nhà văn vừa mới tới đây. Ta sẽ đánh xe đưa hắn xuống chỗ cháu, và cháu có thể chỉ đường cho hắn tới chỗ Leslie. Như vậy nhanh hơn đánh xe vòng qua đường kia, mà ta thì đang vội phát chết. Đứa con nhà Reese bên Glen vừa té vào một xô nước nóng, đang bị bỏng suýt chết và họ cần ta tới liền... chắc để thay cho nó một bộ da mới hay sao đó. Cái nhà chị Reese lúc nào cũng bất cẩn quá chừng, rồi trông chờ người khác sửa chữa sai lầm cho mình. Cháu không phiền chứ cưng? Đồ đạc của hắn có thể xuống ngày mai.”

“Tốt thôi ạ,” Anne nói. “Anh ta ra sao, hả cô Cornelia?”

“Cháu sẽ thấy bề ngoài hắn ra sao khi ta đưa hắn xuống. Còn hắn ra sao ở bên trong thì chỉ có Chúa tạo ra hắn mới biết. Ta không nói thêm từ nào nữa đâu, các đường dây ở Glen đều hỏng hết rồi.”

“Cô Cornelia rõ ràng không tìm được nhiều lỗi lắm với vẻ ngoài của ông Ford, nếu không cô ấy sẽ tìm ra mặc kệ mấy cái đường dây,” Anne nói. “Do đó cháu kết luận, Susan à, rằng ngài Ford hẳn là đẹp trai.”

“A, cô bác sĩ cung à, ta rất thích nhìn thấy một người đàn ông bánh trai,” bà Susan nói vẻ thật thà. “Liệu ta có nên chuẩn bị ít đồ ăn nhanh cho anh chàng không nhỉ? Như một cái bánh dâu sẽ tan ngay trong miệng ấy.”

“Không, Leslie đang đợi anh ta và đã chuẩn bị sẵn sàng bữa tối cho anh ta rồi. Thêm nữa, cháu muốn để dành cái bánh dâu đấy cho chàng trai tội nghiệp của riêng cháu. Anh ấy sẽ về khuya, thế nên hãy để cái bánh và một cốc sữa ở ngoài cho anh ấy nhé Susan.”

“Chắc chắn tôi sẽ làm rồi, cô bác sĩ cung à. Có Susan đây rồi. Suy cho cùng, tốt hơn nên đem bánh cho những người đàn ông của ta hơn là đem cho người lạ, những kẻ chắc chỉ kiếm cách ngôn lẩy được, mà anh bác sĩ cũng là một anh chàng đẹp trai như mọi người vẫn nói đấy thôi.”

Khi Owen Ford đến, Anne thăm thera nhận, lúc cô Cornelia kéo anh vào, rằng anh quả thật rất bánh trai. Anh cao, vai rộng, mái tóc nâu dày, mũi và cằm gọn đẹp, một đôi mắt to sáng màu xám sẫm.

“Mà cô có để ý tai và răng của anh chàng không, cô bác sĩ?” bà Susan hỏi sau đó. “Anh chàng có đôi tai đẹp nhất ta từng thấy gắn trên đầu một người đàn ông. Ta rất là kén chọn về tai nhé. Khi còn trẻ ta cứ sợ rằng sau này sẽ lấy phải một thằng cha có đôi tai vấy như tai lừa. Nhưng giờ thì ta không phải lo nữa rồi, vì ta chẳng có cơ hội với bất cứ loại tai nào hết.”

Anne không để ý tai của Owen Ford, nhưng cô có nhìn thấy hàm răng anh, khi môi anh hé ra trong một nụ cười thẳng thắn và thân thiện. Không cười, mặt anh có vẻ hơi buồn và lơ đãng, hơi giống với mẫu nhân vật “nam chính” u hoài, khó dò trong những giấc mơ đầu đời của chính Anne; nhưng sự vui tươi, óc hài hước và sự quynh rũ làm sáng bừng khuôn mặt đó lên khi anh cười. Dĩ nhiên, bề ngoài mà nói, như cô Cornelia đã nói, Owen Ford là một anh chàng trông rất được.

“Chị không thể nhận ra tôi vui sướng như thế nào được có mặt ở đây đâu, chị Blythe,” anh nói, nhìn quanh với đôi mắt hứng khởi, thích thú. “Tôi có một cảm giác kỳ lạ là mình đang trở về nhà. Mẹ tôi sinh ra và trải qua thời thơ ấu ở đây, chị biết đấy. Bà thường kể với tôi rất nhiều về căn nhà cũ của bà. Tôi biết rõ đường lối trong nhà cũng như căn nhà tôi đang sống vậy, và dĩ nhiên, bà cũng kể cho tôi về việc xây căn nhà, và về cuộc trông ngóng khổ sở của ông ngoại tôi với con tàu *Royal William*. Tôi đã nghĩ một căn nhà cổ

như vậy chắc phải biến mất nhiều năm rồi, nếu không tôi đã đến thăm nó từ trước.”

“Những căn nhà cổ không biến mất dễ dàng trên bờ biển diệu kỳ này đâu,” Anne mỉm cười. “Đây là một ‘vùng đất mà mọi thứ dường như lúc nào cũng như cũ’... ít nhất là gần như lúc nào cũng thế. Căn nhà của John Selwyn chưa bị thay đổi nhiều, và ngoài kia những bụi hoa hồng ông ngoại anh đã trồng cho cô dâu của mình ngay phút này đang nở.”

“Ý nghĩ đó làm tôi gắn bó với chúng biết bao! Với sự cho phép của chị tôi phải khám phá nơi này thật sớm.”

“Cửa nhà chúng tôi lúc nào cũng rộng mở với anh,” Anne hứa. “Và anh có biết vị thuyền trưởng già giữ ngọn đèn biển Bốn Làn Gió đã từng quen biết John Selwyn và cô dâu của thầy giáo từ hồi thiếu niên không? Ông ấy đã kể cho tôi nghe câu chuyện về họ vào cái đêm tôi đến đây... cô dâu thứ ba trong căn nhà này.”

“Thật thế ư? Đây *đúng* là một phát hiện. Tôi phải lòng cho ra ông ấy.”

“Sẽ không khó đâu; chúng tôi đều là bạn của thuyền trưởng Jim. Ông cũng sẽ hào hứng được gặp anh như anh mong gặp ông. Bà anh tỏa sáng như một ngôi sao trong ký ức của ông. Nhưng tôi nghĩ chị Moore đang đợi anh. Tôi sẽ chỉ cho anh con đường ‘xuyên vườn’ của chúng tôi.”

Anne đi bộ cùng anh đến căn nhà trên suối, qua một cánh đồng trắng như tuyết toàn hoa cúc. Một chiếc thuyền chở đầy người đang ca hát bên kia vịnh. Tiếng hát trôi trên sóng như tiếng nhạc dịu nhẹ, mơ hồ được gió chở qua một vùng biển đầy sao. Ngọn đèn lớn lấp lóe soi rọi. Owen Ford nhìn quanh với vẻ mãn nguyện.

“Vậy ra đây là Bốn Làn Gió,” anh nói. “Tôi không ngờ nó lại đẹp đến thế, dù đã nghe tất cả những lời ca tụng của mẹ tôi. Màu sắc... cảnh vật... sự duyên dáng! Tôi sẽ khỏe lên ngay lập tức. Và nếu cảm hứng đến từ vẻ đẹp, tôi chắc chắn sẽ có thể bắt tay vào viết cuốn tiểu thuyết vĩ đại về Canada của mình ở đây.”

“Anh chưa bắt đầu ư?” Anne hỏi.

“Ôi, chưa. Tôi chưa tìm được ý tưởng trung tâm cho nó. Nó lẩn tránh

ngoài tầm với của tôi... nó quỳn rũ... gọi mời... rồi lúi lại... tôi gần như tóm được nó thì nó biến mất. Có lẽ giữa nơi yên bình đáng yêu này, tôi sẽ chớp được nó. Cô Bryant kể với tôi là chị cũng viết.”

“Ôi, tôi viết mấy thứ nhỏ nhỏ cho bọn trẻ con ấy mà. Từ hồi lấy chồng đến giờ tôi cũng không viết được nhiều. Mà... tôi không có kế hoạch gì cho một cuốn tiểu thuyết Canada vĩ đại đâu,” Anne cười. “Chuyện đó nằm ngoài sức tôi.”

Owen Ford cũng cười.

“Tôi dám nói là nó cũng nằm ngoài tầm của tôi. Tuy vậy tôi vẫn định một ngày nào đó thử sức xem, nếu có thể sắp xếp được thời gian. Một nhà báo không có mấy cơ hội làm loại công việc đó. Tôi đã viết rất nhiều truyện ngắn cho tạp chí, nhưng tôi chưa bao giờ có cái nhàn nhã có vẻ là cần thiết để viết một cuốn sách. Nhưng giờ được ba tháng tự do thì tôi phải bắt tay vào thôi... giá mà tôi có thể tìm được mô típ cần thiết cho cuốn sách... *linh hồn* của cuốn sách.”

Một ý nghĩ lướt qua óc Anne hết sức đột ngột khiến cô giật mình. Nhưng cô không hé răng, vì họ đã đến nhà Moore. Khi họ bước vào sân, Leslie bước ra ban công từ cửa hông, nheo mắt nhìn xuyên qua ánh nhấp nhোang để tìm vị khách đang đến. Cô đứng đúng chỗ ngọn đèn vàng ấm từ cánh cửa mở rộng tỏa ngập lên người cô. Cô mặc tấm váy giản dị làm bằng loại sợi voan rẻ tiền màu ánh kem, với cái thắt lưng đỏ thắm quen thuộc. Leslie không bao giờ quên mang điem nhân đỏ thắm của mình. Cô đã nói với Anne là cô không bao giờ thấy hài lòng khi không có một sắc đỏ đâu đó quanh mình, dù chỉ là một bông hoa. Với Anne, dường như điều này luôn tượng trưng cho cá tính bùng sáng, bị dồn nén của Leslie, bị chối bỏ mọi cách thức biểu cảm trừ cái màu đỏ rực rỡ đó. Chiếc váy của Leslie được cắt hờ một chút cổ và có tay ngắn. Cánh tay cô tỏa sáng như một bức tượng cẩm thạch màu ngà. Mọi đường cong quỳn rũ của thân hình cô được viền trong thứ bóng tối mềm mại hần lên trong ánh sáng. Tóc cô tỏa sáng như lửa. Sau lưng cô là một bầu trời tím rìm, điểm xuyết những ngôi sao trên cầng.

Anne nghe thấy người bạn đồng hành của mình phát ra một tiếng thở dốc. Ngay cả trong bóng chiều chập choạng cô cũng thấy vẻ kinh ngạc và ngưỡng mộ trên mặt anh.

“Sinh vật tuyệt đẹp đó là ai vậy?” anh hỏi.

“Đây là chị Moore,” Anne nói. “Cô ấy rất đáng yêu, phải không nào?”

“Tôi... tôi chưa bao giờ thấy cái gì như thế,” anh trả lời, hơi ngây ra. “Tôi không được chuẩn bị... tôi không nghĩ... lạy Chúa, *không ai* trông chờ bà chủ nhà của mình lại là một nữ thần! Chao ôi, nếu cô ấy mà mặc một tấm áo màu biển biếc, với một vòng thạch anh tím trên tóc, cô ấy sẽ là một nữ thần biển chính hiệu! Thế mà cô ấy lại nhận người ở trọ!”

“Ngay cả các nữ thần cũng phải sống,” Anne nói. “Huống hồ Leslie không phải là nữ thần. Cô ấy chỉ là một phụ nữ rất đẹp, cũng người như tất cả chúng ta. Cô Bryant có nói với anh về anh Moore chưa?”

“Có... anh ấy có vấn đề về thần kinh, hay đại loại như thế đúng không? Nhưng cô ấy chẳng nói gì về chị Moore, và tôi hình dung chị ấy cũng là một bà nội trợ nông thôn bận bịu thông thường nhận khách trọ để kiếm một ít tiền lương thiện thôi.”

“À, đây chính là việc Leslie đang làm,” Anne nói gọn. “Và việc này cũng chẳng dễ dàng gì với cô ấy. Tôi hy vọng anh không phiền vì Dick. Nếu có, làm ơn đừng để Leslie thấy điều đó. Nó sẽ làm cô ấy đau lòng ghê gớm. Anh ấy chỉ là một đứa trẻ lớn xác, và thỉnh thoảng cũng là một đứa trẻ khá khó chịu.”

“Ôi, tôi không phiền đâu. Dù sao tôi cũng không nghĩ mình sẽ ở nhà nhiều cho lắm, trừ lúc ăn cơm. Nhưng thật đáng tiếc! Cuộc sống của cô ấy hẳn rất khó khăn.”

“Đúng thế. Nhưng cô ấy không thích bị thương hại.”

Leslie đã quay trở vào nhà và giờ ra gặp họ ở cửa chính. Cô chào đón Owen với vẻ lịch sự lạnh lùng, và nói với anh bằng giọng bàn bạc công việc là phòng và bữa tối đã sẵn sàng chờ anh. Dick, với một nụ cười hài lòng, lóng ngóng đi lên cầu thang với chiếc túi đi đường, và Owen Ford được sắp đặt vào làm một thành viên trong căn nhà cũ giữa rặng liễu.

24. Quyển sách cuộc đời của thuyền trưởng Jim

“Em có một chú nhộng nâu ý tưởng bé xíu có thể nảy nở thành một chú

bướm rực rỡ hoàn thiện,” Anne nói với Gilbert khi cô về đến nhà. Anh trở về sớm hơn cô mong đợi, và đang thưởng thức cái bánh anh đào của bà Susan. Bản thân bà Susan thì lượn lờ ở hậu cảnh, như một linh hồn hộ mệnh khá nghiêm nghị nhưng quảng đại, và nhìn Gilbert ăn bánh bằng vẻ vui sướng ngang với nỗi hân hoan của anh khi được ăn cái bánh vậy.

“Ý tưởng của em là gì vậy?” anh hỏi.

“Em chưa nói cho anh biết vội đâu... phải xem liệu em có làm được không đã.”

“Ford là người như thế nào?”

“Ồ, dễ thương lắm, và rất đẹp trai.”

“Tai đẹp lắm, bác sĩ thân mến ạ,” bà Susan chen ngang với vẻ thích thú.

“Anh ấy khoảng ba mươi hay ba lăm, em nghĩ thế, và anh ấy ấp ủ ý định viết một cuốn tiểu thuyết. Giọng nói của anh ấy dễ chịu và nụ cười bừng sáng, và anh ấy biết cách ăn mặc. Nhưng không hiểu sao trông có vẻ như cuộc đời cũng không đối xử dễ chịu gì lắm đối với anh ấy.”

Chiều hôm sau Owen Ford ghé sang mang theo bức thư ngắn từ Leslie gửi Anne; họ cùng ngắm hoàng hôn trong vườn rồi chèo một chuyến thuyền trăng trên vịnh, trong con thuyền nhỏ Gilbert đã sửa soạn cho những buổi dã ngoại mùa hè. Họ thích Owen ghê gớm và có cảm giác đã biết anh nhiều năm rồi, điều tạo nên sự cảm thông riêng biệt giữa những người nhà Joseph. “Cậu ấy cũng dễ thương như đôi tai của mình vậy, cô bác sĩ cung ạ,” bà Susan nói, khi anh đã ra về. Anh đã bảo với bà Susan rằng anh chưa bao giờ nếm món nào như món bánh bơ đậu của bà và trái tim dễ dụ của bà Susan đã thuộc về anh mãi mãi.

“Cậu ấy có một kiểu riêng,” bà hỏi tưởng, khi đang dọn những thứ còn thừa từ bữa tối. “Thật kỳ cục là cậu ấy không có vợ, vì một anh chàng như thế thì hỏi ai cũng được ấy chứ. À, có thể cậu ấy giống tôi, vẫn chưa gặp được đúng người.”

Bà Susan thật sự đã chìm trong những suy nghĩ khá là lãng mạn khi rửa bát đĩa.

Hai tối sau đó Anne đưa Owen Ford xuống mũi đất Bốn Làn Gió để giới

thiệt anh với thuyền trưởng Jim. Những cánh đồng cỏ ba lá dọc bờ vịnh đang trắng lên trong gió Tây, và thuyền trưởng Jim có được một buổi hoàng hôn vào loại đẹp nhất để đem trưng bày. Bản thân ông vừa trở về từ một chuyến đi qua bên kia cảng.

“Ta phải qua nói với Henry Pollack là lão sắp chết. Ai nấy đều sợ không dám nói với lão. Họ đoán là lão sẽ làm dữ lắm, vì lão lúc nào cũng quyết tâm sống đến phát khiếp, và vẫn liên tục lên các loại kế hoạch cho mùa thu. Vợ lão nghĩ lão cần được thông báo và ta là người tốt nhất có thể khiến cho lão vỡ ra là lão không khỏe lên được. Henry và ta là bạn bè cũ... bọn ta cùng làm thủy thủ trên con tàu *Mòng biển xám* nhiều năm trời. Ồ, ta qua và ngồi xuống cạnh giường Henry rồi ta nói với lão, ta nói thẳng ra luôn, đơn giản gọn gàng, vì nếu có chuyện gì cần phải nói thì thà nói quách luôn từ đầu cho rồi, ta nói, ‘Bạn già ơi tôi nghĩ lần này ông sắp nhận lệnh đi chuyến cuối rồi đó,’ ta thì hơi run trong người, vì thật kinh khủng khi phải nói với một người rằng anh ta sắp chết khi mà anh ta không hề biết tí gì cả. Nhưng mà trời đất ơi, cháu gái Blythe, Henry ngược nhìn ta, với đôi mắt đen già sáng rực trên khuôn mặt khô héo, lão nói, ‘Nói cho tôi cái gì tôi chưa biết đi, Jim Boyd, nếu ông định cho tôi ít thông tin. Tôi đã biết chuyện *đó* một tuần nay rồi.’ Ta choáng quá có nói được gì đâu, và Henry, lão cười khùng khục. ‘Nhìn ông bước vào đây, mặt mày nghiêm trọng như một cái bia mộ và ngồi xuống đó tay chắp lên bụng, rồi đưa cho tôi cái mẫu tin cũ mốc đó kìa! Thật là đến con mèo cũng phải phá lên cười, Jim Boyd ạ,’ lão nói. ‘Ai bảo cho ông biết?’ ta nói, ngu ngu vậy đó. ‘Chả ai bảo cả,’ lão nói. ‘Tôi thứ Ba tuần trước tôi đang nằm thao thức ở đây... và tự nhiên tôi biết. Trước đó tôi đã nghi rồi, nhưng lúc đó thì tôi *biết*. Tôi giấu không nói ra vì bà vợ tôi thôi. Và lại tôi *muốn* xây cái nhà kho đó, vì Eben chẳng bao giờ làm cho ra hồn được. Nhưng mà dù sao thì, giờ ông đã nhẹ đầu rồi, Jim ạ, hãy cười lên và kể cho tôi nghe chuyện gì hay hay đi nào,’ Đó, chuyện là vậy đó. Mọi người ai cũng sợ không dám nói với lão còn lão thì đã biết từ hồi nào rồi. Kỳ lạ thay cái cách mẹ thiên nhiên chăm sóc chúng ta, có phải không nào, và cho ta biết cái gì cần biết khi đến lúc? Ta đã bao giờ kể cho cháu nghe chuyện Henry bị dính cái lưỡi câu vô mũi chưa, cháu gái Blythe?”

“Chưa ạ.”

“Ồ, hôm nay ta với lão nhắc lại chuyện đấy mà cười no. Chuyện xảy ra cũng gần ba chục năm trước rồi. Bữa nọ lão với ta và mấy gã nữa ra vịnh câu cá thu. Một ngày tuyệt vời... chưa bao giờ thấy một đàn cá thu như thế ở

trong vịnh... và trong không khí hưng phấn chung Henry trở nên khá là điên rồ và xoay xở thế nào đó cắm được một cái lưỡi câu xuyên thẳng qua một bên mũi. Ồ, vậy đó; một bên là cái ngạnh còn bên kia là một mẩu chì bự chẳng, thế nên không thể lôi ra được. Chúng ta muốn đưa lão lên bờ ngay tấp lự, nhưng Henry chịu chơi lắm; lão nói lão thà chết còn hơn bỏ lại một mẻ cá như thế, trừ phi bị uốn ván; rồi lão cứ thế tiếp tục câu, tay nắm tay mười giạt cá còn mồm thì vẫn không ngừng rên rầm. Cuối cùng đàn cá cũng đi qua và bọn ta vào bờ với một mẻ khâm khá; ta có một cái giữa và bắt đầu cố giữa xuyên qua cái móc câu. Ta đã cố nhẹ nhàng hết mức, nhưng mà mấy đứa phải nghe Henry kia... không, không nên nghe đâu. Cũng may không có cô nào quanh đó. Henry không phải là người hay chửi thề, nhưng mà lão đã nghe vài lời kiểu đó dọc bờ biển hồi ấy, và lão lôi hết ra khỏi trí nhớ mà ném vào ta. Cuối cùng lão tuyên bố lão không chịu nổi nữa và ta không có tí cảm thông nào hết. Thế là bọn ta ngừng lại và ta đánh xe đưa lão đến một ông bác sĩ ở Charlottetown, ba mươi lăm dặm... hồi đó chẳng có ma nào ở gần hơn... với cái móc câu quý hóa thò lò từ mũi lão. Khi bọn ta đến đây bác sĩ Crabb già cứ thế lấy cái giữa và giữa qua cái móc y hệt như ta đã cố làm, chỉ có điều ông ấy không để ý tí teo gì đến việc phải nhẹ tay nhẹ chân hết!”

Chuyến thăm người bạn cũ của thuyền trưởng Jim đã gợi lại rất nhiều kỷ niệm và ông giờ đang ở đỉnh điểm của sự hồi cố.

“Hôm nay Henry hỏi liệu ta có nhớ cái lần cha cố già Chiniquy làm phép phù hộ cho cái thuyền của Alexander MacAllister không. Một chuyện cũ nữa... và thật như kinh Phúc Âm luôn. Chính ta có mặt trên thuyền mà. Một sáng bình minh nọ, bọn ta ra khơi, ông và ta, trên chiếc thuyền của Alexander MacAllister. Ngoài ra còn có một thằng bé người Pháp trên thuyền nữa... dĩ nhiên là người Cơ Đốc. Mấy đứa biết là cha cố già Chiniquy đã cải đạo qua Tin Lành, thế nên mấy người Cơ Đốc chẳng thấy ông được cái việc gì mấy nữa. Ồ, bọn ta ngồi ngoài vịnh dưới ánh nắng như thiêu đến tận trưa, và chẳng được một miếng nào. Khi chúng ta lên bờ cha cố già Chiniquy phải đi, thế là ông nói bằng cái giọng lịch sự đặc trưng của ông, ‘Rất tiếc ta không thể ra khơi với cậu chiều nay, cậu MacAllister ạ, nhưng ta để lại cho cậu lời chúc phúc của ta. Cậu sẽ bắt được một nghìn con cá chiều nay.’ Ồ, bọn ta không bắt được một nghìn, nhưng bọn ta bắt được chính xác chín trăm chín mươi chín con... mẻ cá lớn nhất đối với một cái thuyền nhỏ trên khắp cả bờ biển Bắc mùa hè năm đó. Kỳ lạ, phải không nào? Alexander MacAllister mới nói với Andrew Peters, ‘Nào, giờ thì cậu nghĩ gì về cha Chiniquy hở?’ ‘Ồ,’ Andrew gầm gừ, ‘Tôi nghĩ lão quý già vẫn còn sót lại

chút phép.’ Trời ơi, hôm nay Henry cười vụ đó mới ghê chứ!”

“Ông có biết anh Ford đây là ai không, hử thuyền trưởng Jim?” Anne hỏi, khi thấy mạch suy tưởng của thuyền trưởng Jim tạm thời đã cạn. “Cháu muốn ông thử đoán.”

Thuyền trưởng Jim lắc đầu.

“Ta chưa bao giờ giỏi cái món đoán mò cả, cháu gái Blythe ạ, nhưng mà không hiểu sao ta đã nhìn thấy đôi mắt kia ở đâu rồi nhỉ?... vì đúng là ta *đã từng* nhìn thấy mà.”

“Ông hãy nghĩ về một buổi sáng tháng Chín cách đây nhiều năm rồi,” Anne nói, nhỏ nhẹ. “Hãy nghĩ về một con tàu dong buồm vào vịnh... một con tàu từ lâu đã được trông ngóng và đã không còn hy vọng. Hãy nghĩ đến cái ngày con tàu *Royal William* cập bờ và cái nhìn đầu tiên ông đặt lên cô dâu thầy giáo.”

Thuyền trưởng Jim đứng bật dậy.

“Đấy là đôi mắt của Persis Selwym” ông gằn như hét lên. “Cậu không thể là con trai của bà được... cậu hẳn là...”

“Cháu ngoại bà; vâng, cháu là con trai của Alice Selwym đây ạ.”

Thuyền trưởng Jim nhảy bổ vào Owen Ford và bắt tay anh lại từ đầu.

“Con trai của Alice Selwym! Chúa ơi, chào mừng cậu! Rất nhiều lần ta đã tự hỏi con cháu của thầy giáo giờ sống ở đâu. Ta biết không có ai trên đảo. Alice... Alice... đứa bé đầu tiên từng được sinh ra trong căn nhà nhỏ đó. Chưa có đứa trẻ nào mang lại niềm vui hơn! Ta đã bế nựng con bé hàng trăm lần. Chính từ đầu gối ta mà nó đã tự mình bước những bước đầu tiên. Ta như đang thấy khuôn mặt mẹ nó ngắm nhìn nó... thế mà đã sáu mươi năm rồi. Cô ấy có còn sống không?”

“Không ạ, bà mất từ khi cháu còn bé.”

“Ôi, thật không phải khi ta lại sống mà nghe cái tin đó,” thuyền trưởng Jim thở dài. “Nhưng ta thật tâm vui mừng khôn xiết khi gặp cháu. Mang ta về với tuổi trẻ một chút xíu. Mấy đứa chưa biết được *chuyện đó* đáng giá thế nào đâu. Cháu gái Blythe đây có cái biệt tài đó... nó thường xuyên làm ta

cảm thấy thế.”

Thuyền trưởng Jim còn hào hứng hơn khi ông phát hiện ra Owen Ford là cái mà ông gọi là một “tay viết thực thụ”. Ông ngược nhìn anh như một thực thể siêu phàm. Thuyền trưởng Jim biết Anne có viết lách, nhưng ông chưa bao giờ đặt nặng chuyện đó quá. Thuyền trưởng Jim nghĩ phụ nữ là những sinh vật tuyệt vời, cần được đi bầu, và tất cả những thứ khác họ muốn, Chúa phù hộ cho trái tim của họ; nhưng ông không tin rằng họ có thể viết.

“Cứ xem *Một tình yêu cuồng dại* thì biết,” ông phản đối. “Một phụ nữ viết cái đó và cứ nhìn nó mà xem... một trăm ba chục chương trong khi có thể kể hết trong mười chương. Một phụ nữ viết văn không bao giờ biết đến đâu thì dừng; vấn đề là chỗ đó. Căn cốt của văn hay là phải biết đến đâu thì dừng.”

“Anh Ford đây muốn nghe vài câu chuyện của ông đây thuyền trưởng Jim ạ,” Anne nói. “Ông kể cho anh ấy nghe chuyện ông thuyền trưởng phát điên và tưởng mình là Gã Hà Lan Biết Bay đi.”

Đây là chuyện hay nhất của thuyền trưởng Jim. Nó là một hỗn hợp của hãi hùng và hài hước, và mặc dù Anne đã nghe vài lần cô vẫn cười sảng khoái và run rẩy dữ dội y hệt Ford. Chuyện này lại nối tiếp chuyện khác, vì thuyền trưởng Jim đã có một khán giả thỏa lòng mình. Ông kể tàu của ông bị một con tàu thủy đắm chìm ra sao; bọn cướp biển Mã Lai đã lên tàu ông như thế nào; tàu ông đã bắt lửa ra sao; ông đã giúp một tù nhân Chính trị trốn khỏi một nước cộng hòa Nam Phi như thế nào; ông đã bị đắm tàu một mùa thu nọ ở eo Magdalens và kẹt ở đó một mùa đông; một con hổ bị sống trên boong thủy thủ của ông đã nổi loạn và bỏ lại ông trên một hòn đảo hoang... chuyện này và rất nhiều chuyện khác nữa, bi đát hay hài hước hay kinh dị, thuyền trưởng Jim đều kể lại. Sự bí hiểm của biển cả, sự mê hoặc của những vùng đất xa xôi, sự mời gọi của phiêu lưu, tiếng cười của thế giới... những người nghe của ông trải nghiệm và cảm nhận được tất cả. Owen Ford lắng nghe, tay chống đầu, và con Bạ Đầu gầm gừ bên gối, đôi mắt rực sáng dán chặt vào khuôn mặt nhăn nheo hùng hồn của thuyền trưởng Jim.

“Ông cho anh Ford xem cuốn sách cuộc đời của ông đi, thuyền trưởng Jim!” Anne nói, khi ông cuối cùng cũng tuyên bố tiết mục kể chuyện hôm nay đến đây phải tạm kết thúc.

“Ồ, cậu ấy không muốn bận đầu với *cái thứ đó* đâu mà,” thuyền trưởng

Jim phản đối, dù đang ngấm ngấm muốn khoe ra phát chết.

“Cháu không mong gì hơn được xem nó đâu, thuyền trưởng Boyd ạ,” Owen nói. “Nếu nó chỉ tuyệt vời bằng một nửa những câu chuyện của ông thôi thì cũng đã đáng xem rồi.”

Với một sự miễn cưỡng giả tạo thuyền trưởng Jim lôi cuốn sách cuộc đời của mình từ trong tủ ngăn kéo cũ ra đưa cho Owen.

“Ta nghĩ chắc cậu không thêm vật lộn lâu với đám chữ viết tay của ta đâu mà. Ta chưa bao giờ được học hành tử tế cả,” ông nhận xét về vô tư lự. “Chỉ viết ra đó để giải trí cho thằng cháu Joe của ta. Nó lúc nào cũng muốn nghe chuyện. Mới hôm qua tới đây mà nói với ta, về quả phạt, khi ta đang lôi một con cá tuyệt nặng hai chục cân ra khỏi thuyền, ‘Ông Jim, cá tuyệt chẳng phải là một con vật khờ khạo ư?’ Các cháu thấy đấy ta vẫn nói với nó, rằng nó phải đối xử thật tốt với những con vật khờ khạo, và không được làm chúng đau bằng bất cứ cách nào. Ta thoát hiểm bằng cách nói rằng cá tuyệt thì cũng khờ đấy nhưng nó không phải một con vật, nhưng mà Joe không có vẻ gì là hài lòng, và bản thân ta cũng không thỏa mãn. Ta phải hết sức cẩn thận những gì nói với đám nhỏ. *Tụi nó nhìn thấu qua người ta ấy.*”

Trong khi nói, thuyền trưởng Jim quan sát Owen Ford từ khước mắt khi anh nghiên cứu cuốn sách cuộc đời, và một lúc sau, khi thấy vị khách của mình đang đắm chìm trong những trang sách, ông mỉm cười quay về phía tủ chạn mà bắt tay châm một ấm trà. Owen Ford tách mình ra khỏi cuốn sách, cũng miễn cưỡng y như một gã keo kiệt rút khỏi đồng vàng của hắn, đủ lâu để uống tách trà, rồi thì lại háo hức quay lại ngay với đồng vàng.

“Ồ, cậu có thể mang cái thứ đó về nhà nếu muốn,” thuyền trưởng Jim nói, như thể cái “thứ đó” không phải là vật sở hữu quý giá nhất của ông. “Ta phải đi xuống lôi cái thuyền của ta lên dốc một ít. Gió đang vào. Mấy đứa có nhận thấy bầu trời đêm nay không?”

Trời cá thu và đuôi ngựa cái

Làm tàu cao dong cánh buồm lùn.”

Owen Ford vui sướng đón nhận cuốn sách. Trên đường về Anne kể anh nghe câu chuyện về Margaret quá cổ.

“Vị thuyền trưởng già ấy là một con người tuyệt vời,” anh nói. “Ông ấy đã sống một cuộc đời như thế! Chao ôi, trong một tuần của đời mình ông ấy phiêu lưu còn nhiều hơn phần lớn chúng ta sống cả đời. Chị có thực sự nghĩ chuyện của ông toàn là chuyện thật không?”

“Đương nhiên rồi. Tôi chắc chắn là thuyền trưởng Jim không thể nói dối; và hơn nữa, tất cả những người ở quanh đây đều nói mọi thứ đã xảy ra đúng như ông kể. Đã từng có rất nhiều bạn tàu của ông ấy còn sống để làm chứng cho ông. Ông là một trong những thuyền trưởng viễn dương kiểu cũ cuối cùng của đảo Hoàng Tử Edward. Giờ họ gần như tuyệt chủng rồi.”

25. Viết sách

Sáng hôm sau Owen Ford ghé qua căn nhà nhỏ trong trạng thái cực kỳ phấn khích. “Chị Blythe, đây là một quyển sách tuyệt diệu... vô cùng tuyệt diệu. Tôi mà được lấy nó làm chất liệu viết sách thì chắc chắn tôi có thể viết được cuốn tiểu thuyết hay nhất năm. Chị nghĩ liệu thuyền trưởng Jim có cho phép tôi làm vậy không?”

“Cho phép anh ư! Tôi tin chắc ông sẽ thích vô cùng,” Anne reo lên. “Tôi thừa nhận rằng đây là ý tưởng trong đầu tôi khi tôi đưa anh xuống đó tối qua. Thuyền trưởng Jim lúc nào cũng mơ ước tìm được một người để viết tử tế quyển sách cuộc đời mình cho ông.”

“Chị sẽ đi cùng tôi xuống mũi đất tối nay chứ, chị Blythe? Tôi sẽ tự mình hỏi ông về cuốn sách, nhưng tôi muốn chị nói với ông rằng chị đã kể cho tôi nghe câu chuyện về Margaret quá cố và hỏi ông liệu ông có thể cho tôi sử dụng nó làm sợi chỉ lãng mạn để dệt những câu chuyện của cuốn sách cuộc đời vào thành một tổng thể hài hòa không.”

Thuyền trưởng Jim hào hứng hơn bao giờ hết khi Owen Ford nói với ông về kế hoạch của mình. Cuối cùng giấc mơ mà ông vẫn nâng niu sẽ được hiện thực hóa và “cuốn sách cuộc đời” của ông sẽ được mang tặng cho thế giới. Ông cũng hài lòng là câu chuyện về Margaret quá cố sẽ được bện vào trong đó.

“Điều đó sẽ giữ cho tên cô ấy không bị lãng quên,” ông đảm chiêu nói. “Đây là lý do vì sao ta muốn đưa nó vào.”

“Chúng ta sẽ đồng sáng tác,” Owen reo lên vui sướng. “Ông sẽ mang linh hồn còn cháu mang thể xác. Ôi, chúng ta sẽ viết nên một quyển sách nổi tiếng giữa hai ta, thuyền trưởng Jim ạ. Và chúng ta sẽ bắt tay ngay vào việc.”

“Cứ nghĩ cuốn sách của ta sẽ được viết bởi tay cháu ngoại của thầy giáo mà xem!” thuyền trưởng Jim thốt lên. “Cháu ơi, ông ngoại cháu là người bạn thân mến nhất của ta. Ta nghĩ không có ai như ông ấy. Giờ ta hiểu vì sao ta phải đợi lâu đến thế. Sách không thể viết cho tới khi tìm được đúng người. Cháu *thuộc về* nơi này... cháu xem linh hồn của vùng biển Bắc xưa cũ này trong mình... cháu là người duy nhất *có thể* viết nó.”

Mọi người nhất trí rằng căn phòng nhỏ xíu cạnh phòng khách ở ngọn đèn sẽ được chuyển cho Owen làm chỗ làm việc. Thuyền trưởng Jim nhất thiết phải ở gần anh lúc anh viết, để tư vấn trong rất nhiều vấn đề về đi biển và chuyện biển cả mà Owen khá là ngờ nghệch.

Ngay sáng hôm sau anh bắt tay vào việc và ném mình vào công việc bằng cả trái tim và tâm hồn. Còn về thuyền trưởng Jim, mùa hè đó ông là một con người hạnh phúc. Ông xem căn phòng nhỏ nơi Owen làm việc như một thánh đường linh thiêng. Owen bàn bạc tất cả mọi thứ với thuyền trưởng Jim, nhưng anh không cho ông xem bản thảo.

“Ông phải đợi đến khi nó được xuất bản,” anh nói. “Lúc đó ông sẽ được xem cả quyển sách trong dạng thức đẹp đẽ nhất của nó.”

Anh đào sâu vào những kho báu trong cuốn sách cuộc đời và tùy nghi sử dụng chúng. Anh mơ màng và suy tư về Margaret quá cố cho đến khi cô trở thành một hiện thực sống động trong anh và sống trong những trang sách của anh. Quyển sách tiến triển cũng là lúc nó chiếm lấy anh và anh làm việc với một sự hăm hở cuồng nhiệt. Anh để Anne và Leslie đọc bản thảo và bình luận về nó; và chương kết của cuốn sách, mà sau này các nhà phê bình hài lòng khen là thơ mộng, đã thành hình theo một gợi ý của Leslie.

Vui sướng vì ý tưởng của cô đã thành công, Anne tự khen mình một cách đích đáng.

“Nhìn Owen Ford là em biết ngay anh ấy chính là người ta cần cho cuốn sách,” cô nói với Gilbert. “Cả sự hài hước và niềm đam mê đều hiện lên trên mặt anh ấy, và điều đó cộng với nghệ thuật thể hiện, chính là thứ cần thiết để viết một cuốn sách như thế. Như bà Rachel sẽ nói, anh ấy được trời định cho

vai trò ấy.”

Owen Ford viết vào các buổi sáng. Buổi chiều thường được dành cho các buổi gặp gỡ vui vẻ với nhà Blythe. Leslie cũng thường đến nữa, vì thuyền trưởng Jim thường xuyên đảm nhận Dick, để cho cô được tự do. Họ đi thuyền trên cảng và ngược lên thượng nguồn ba con sông xinh đẹp chảy vào đó; họ nướng ngao trên bãi cát và nướng chêm chếp trên bãi đá; họ hái dâu trên những đụn cát; họ đi câu cá tuyệt vời với thuyền trưởng Jim; họ bắn chim chơi chơi trên những cánh đồng dọc bờ biển và bắn vịt trời trong vũng... ít nhất thì cũng là cánh đàn ông bắn. Đến chiều tối họ lại lang thang trên những cánh đồng thấp mọc đầy hoa cúc dưới ánh trăng vàng, hay ngồi trong phòng khách ở căn nhà nhỏ nơi thường thường khí lạnh của ngọn gió biển gọi mời một ngọn lửa đốt bằng gỗ trôi dạt, và nói ngàn lẻ một chuyện mà những con người trẻ tuổi hạnh phúc, hăm hở và thông minh có thể tìm ra mà nói.

Từ cái ngày thú nhận với Anne, Leslie đã là một con người khác. Không còn chút dấu vết nào của sự lạnh lùng và khép kín cũ, không chút bóng dáng của sự cay đắng ngày xưa. Cái thời con gái mà cô đã bị lừa lấy đi đường như đã trở lại với cô cùng với độ chín của người phụ nữ, cô nở bung như một bông hoa lửa sắc hương; không tiếng cười nào mau hơn, không sự hóm hỉnh nào lạ hơn của cô, trong những cuộc tụ tập vòng tròn buổi hoàng hôn mùa hè màu nhiệm ấy. Khi cô không thể đến cùng họ tất cả cảm thấy một phong vị ý nhị nào đó như thiếu vắng trong những cuộc chuyện trò. Vẻ đẹp của cô được thấp sáng bởi tâm hồn đã được đánh thức từ bên trong, như một ngọn đèn hồng hào tỏa sáng qua một chiếc bình thạch cao tuyết hoa không tí vết. Có những giờ mà mắt Anne như nhức nhối vì vẻ rạng rỡ của cô. Về phần Owen Ford, “Margaret” trong cuốn sách của anh, dù có mái tóc nâu mềm mại và vẻ mặt xương dài của cô gái có thật đã biến mất từ quá lâu, “gối đầu nơi lục địa Atlantis mất tích say ngủ”, có cá tính của Leslie Moore, cái cá tính đã được hé lộ cho anh xem vào những ngày thanh bình ấy ở cảng Bốn Làn Gió.

Tất cả gộp lại thành một mùa hè không thể nào quên... một trong số những mùa hè hiếm khi đến trong đời người, nhưng để lại một di sản giàu có những ký ức tuyệt đẹp khi nó ra đi... một mùa hè mà, kết hợp may mắn với thời tiết đẹp, bạn bè tốt và những hoạt động vui tươi, đã tiến gần đến sự hoàn hảo hết mức có thể trong thế giới này.

“Quá đẹp nên không thể kéo dài,” Anne vừa tự nhủ vừa thở dài khe khẽ, vào cái ngày tháng Chín khi một thoáng giá buốt luân trong gió và một sắc

thâm xanh trong nước vịnh tiết lộ rằng mùa thu đã đến gần rồi.

Chiều tối hôm đó Owen Ford nói với họ rằng anh đã hoàn thành cuốn sách và kỳ nghỉ của anh phải đến hồi kết thúc.

“Tôi còn nhiều thứ phải làm với nó... chỉnh sửa tía tót vân vân” anh nói, “nhưng cơ bản thì nó đã xong. Sáng nay tôi đã đặt bút viết câu cuối. Nếu tôi tìm được nhà xuất bản thì có lẽ sách sẽ ra vào mùa hè hoặc mùa thu tới.”

Owen không mấy nghi ngờ việc anh sẽ tìm được một nhà xuất bản. Anh biết mình đã viết được một quyển sách lớn... một quyển sách sẽ đạt đến độ thành công vang dội... một quyển sách sẽ còn *sống mãi*. Anh biết nó sẽ mang đến cho anh cả danh vọng lẫn tiền tài; nhưng khi viết cái dòng cuối cùng đó anh đã cúi đầu trên bản thảo và ngồi như thế một lúc lâu. Và suy nghĩ của anh không dành cho công việc tốt đẹp mà anh vừa hoàn thành.

26. Lời thú nhận của Owen Ford

“Thật tiếc là Gilbert không có nhà,” Anne nói. “Anh ấy buộc phải đi... Allan Lyons ở Glen vừa gặp phải một tai nạn nghiêm trọng. Chắc phải muộn lắm anh ấy mới về. Nhưng anh ấy bảo tôi nói với anh rằng anh ấy sẽ dậy sớm và ghé qua gặp anh trước khi anh đi. Thật bực mình quá đi mất. Susan và tôi đã chuẩn bị một buổi liên hoan nho nhỏ thật đáng yêu cho buổi tối cuối cùng của anh ở đây.”

Cô đang ngồi cạnh con suối trong vườn trên chiếc ghế thô nho nhỏ Gilbert đóng. Owen Ford đứng trước mặt cô, dựa vào thân màu đồng của một cây bu lô vàng. Trông anh hết sức nhợt nhạt và khuôn mặt anh hằn dấu tích những đêm không ngủ trước đó. Anne, ngược lên nhìn anh, tự hỏi liệu sau cùng thì mùa hè có mang đến cho anh sức khỏe mà đáng lẽ nó phải mang đến hay không. Phải chăng anh đã làm việc quá sức với cuốn sách? Cô nhớ từ một tuần nay trông anh đã không được khỏe.

“Tôi mừng là anh bác sĩ đi vắng,” Owen chậm chậm nói. “Tôi muốn gặp riêng chị, chị Blythe ạ. Có một điều này tôi phải nói với ai đó, nếu không thì e nó sẽ làm tôi phát điên mất. Cả tuần nay tôi đã cố gắng nhìn thẳng vào sự thật... nhưng không thể. Tôi biết tôi có thể tin tưởng chị... và, hơn nữa, chị sẽ hiểu. Một người phụ nữ với mắt nhìn như chị sẽ luôn hiểu. Chị là một trong những người mà người khác kể cho nghe mọi thứ một cách bản năng.

Chị Blythe, tôi yêu Leslie. *Yêu cô ấy!* Cái từ *ấy* nghe mới yếu ớt làm sao!”

Giọng anh đột ngột vỡ ra vì đam mê bị kìm nén trong lời nói. Anh quay đầu đi, vùi mặt vào cánh tay. Cả người anh rung lên. Anne ngồi nhìn anh, tái nhợt và kinh hãi. Cô chưa bao giờ nghĩ đến chuyện này! Thế nhưng... làm thế nào mà cô lại chưa bao giờ nghĩ đến nó cơ chứ? Giờ đây nó có vẻ như một việc hiển nhiên, không thể tránh khỏi. Cô ngỡ ngàng vì sự mù quáng của chính mình. Nhưng... nhưng... những chuyện như thế này không xảy ra ở Bốn Làn Gió. Nơi nào khác trên thế giới những đam mê của con người có thể chiến thắng lẽ thói và luật lệ... nhưng không phải ở *đây*, chắc chắn. Leslie vẫn lai rai nhận khách trọ mùa hè từ mười năm nay rồi, và chẳng có chuyện gì như thế này xảy ra hết. Nhưng có lẽ họ không giống như Owen Ford; và Leslie rục rĩ, *sống động* mùa hè này không phải cô gái lạnh lùng, cáu bẳn của những năm trước. Ôi, đáng lẽ phải có *ai đó* nghĩ đến chuyện này rồi chứ! Tại sao cô Cornelia không nghĩ đến chuyện này? Cô Cornelia lúc nào cũng đủ hăm hờ để giật chuông báo động khi đàn ông dính vào cơ mà. Anne cảm thấy một sự hờn giận vô lý đối với cô Cornelia. Rồi cô rên một tiếng khe khẽ trong đầu. Dẫu ai là người có lỗi đi nữa thì chuyện cũng đã rồi. Và Leslie... Leslie thì sao? Chính Leslie là người Anne lo lắng nhất.

“Leslie có biết chuyện này không, anh Ford?” cô hỏi khẽ.

“Không... không... trừ phi cô ấy đoán được. Hẳn chị không nghĩ tôi hèn nhát và tòi tệ đến mức nói cho cô ấy chứ, chị Blythe. Tôi không thể không yêu cô ấy... thế thôi... và nỗi thống khổ của tôi lớn quá mức tôi có thể chịu đựng được.”

“*Cô ấy* có quan tâm đến anh không?” Anne hỏi. Ngay giây phút câu hỏi ấy bật khỏi môi, cô đã thấy lẽ ra mình không nên hỏi. Owen Ford trả lời với sự phản kháng quá hăm hờ.

“Không... không, dĩ nhiên là không. Nhưng tôi có thể khiến cô ấy quan tâm nếu cô ấy tự do... tôi biết tôi có thể.”

“*Cô ấy* có quan tâm... và anh ấy biết điều đó,” Anne nghĩ. Nhưng ngoài miệng, cô nói, cảm thông nhưng dứt khoát.

“Nhưng cô ấy không tự do, anh Ford ạ. Và điều duy nhất anh có thể làm là ra đi trong im lặng và để cô ấy lại với cuộc đời riêng của cô ấy.”

“Tôi biết... tôi biết,” Owen rên lên. Anh ngồi xuống bờ suối đầy cỏ mọc và nhìn xa xăm đầy tâm trạng vào vũng nước màu hổ phách phía dưới. “Tôi biết chẳng làm gì được... chẳng thể làm gì ngoài việc nói một cách khách sáo, ‘Chào tạm biệt, chị Moore. Cảm ơn chị về lòng tốt chị dành cho tôi mùa hè này,’ đúng như tôi sẽ nói với bà nội trợ vui tính, ồn ào, hay soi mói tôi đã nghĩ mình sẽ gặp khi tôi đến. Rồi tôi sẽ trả tiền trọ như bất cứ một khách trọ thật thà nào khác và ra đi! Ôi, thật đơn giản. Không nghi ngờ... không phức tạp... một con đường thẳng tắp dẫn đến tận thế! Và tôi sẽ bước đi trên con đường ấy... chị không phải sợ tôi không bước đi đâu, chị Blythe. Nhưng bước lên những lối cày nóng đỏ còn dễ dàng hơn!”

Anne xôn lòng nghe nỗi đau trong giọng anh. Nhưng cô thật chẳng biết nói gì nhiều cho xứng với hoàn cảnh này. Đồ lỗi là vô ích... khuyên nhủ là không cần thiết... cả sự cảm thông cũng bị nỗi khổ sở khắc nghiệt của người đàn ông này nhạt bóng. Cô chỉ có thể chia sẻ cùng anh trong một mê cung trầm ảm và tiếc nuối. Trái tim cô đau nhói vì Leslie! Không có điều này thì cô gái tội nghiệp đó chịu đựng còn chưa đủ hay sao?

“Ra đi và để cô ấy lại sẽ không quá khó, giá như cô ấy được hạnh phúc,” Owen nói tiếp đầy nhiệt huyết. “Nhưng cứ nghĩ về cuộc sống địa ngục của cô ấy... nhận ra điều mà tôi để cô ấy lại cùng! Đó mới chính là điều tồi tệ nhất. Tôi sẵn sàng hiến cả đời mình để làm cô ấy hạnh phúc... ấy vậy mà tôi không thể làm gì dù chỉ để giúp cô ấy... chẳng gì hết. Cô ấy bị buộc vĩnh viễn với con người khốn khổ tội nghiệp kia... chẳng có gì để mong chờ ngoài việc già đi trong một chuỗi những năm tháng trống rỗng, vô nghĩa, cằn cỗi. Tôi phát điên khi nghĩ đến điều đó. Nhưng tôi phải đi qua cuộc đời mình, không bao giờ được gặp cô ấy, mà luôn phải biết cô ấy đang chịu đựng những gì. Thật kinh khủng... kinh khủng!”

“Đúng là rất khó khăn,” Anne buồn bã nói. “Chúng tôi... bạn bè của cô ấy ở đây... đều biết điều đó khó khăn với cô ấy như thế nào.”

“Mà cô ấy thì mới xứng đáng với một cuộc sống dồi dào làm sao chứ,” Owen nói vẻ nổi loạn. “Vẻ đẹp chỉ là món quà thiên phú kém cỏi nhất của cô ấy... dù cô ấy đã là người phụ nữ đẹp nhất tôi từng được biết. Điều cười ấy! Tôi đã cố gắng suốt cả mùa hè để kêu lên tiếng cười ấy, chỉ vì niềm vui thích được nghe nó. Và đôi mắt... chúng sâu và xanh như vịnh biển ngoài kia. Tôi chưa bao giờ thấy một màu xanh như thế... và vàng! Chị đã bao giờ thấy cô ấy thả tóc xuống chưa, chị Blythe?”

“Chưa.”

“Tôi đã thấy... một lần. Tôi đã xuống mũi đất để đi câu cá với thuyền trưởng Jim nhưng biển động quá thuyền không ra được, thế là tôi quay về. Cô ấy tưởng được ở nhà một mình buổi chiều nên nhân cơ hội đó gọi đầu, và cô ấy đang đứng ngoài ban công trong ánh nắng để hong tóc. Nó xõa xuống khắp xung quanh chân cô ấy như một suối vàng ròng. Khi nhìn thấy tôi cô ấy vội vã đi vào, gió lùa vào tóc thổi nó tung bay khắp xung quanh... nữ thần Danae ở trên mây. Không hiểu sao, đúng lúc đó sự thật rằng tôi yêu cô ấy chợt ùa về với tôi... và tôi nhận ra tôi đã yêu cô ấy từ phút giây tôi lần đầu nhìn thấy cô ấy đứng tựa vào bóng tối trong vầng ánh sáng ấy. Vậy mà cô ấy phải sống ở đây... chăm chút và xoa dịu Dick, nhin ăn nhin mặc để sống qua ngày, còn tôi thì vui đời mình khát khao cô ấy trong tuyệt vọng, và bị ngăn cấm, cũng chính vì lẽ đó, không được giúp đỡ cô ấy dù chỉ là một chút với tư cách một người bạn. Tôi đi dọc bờ biển đêm hôm đó, gần đến sáng, lật đi lật lại chuyện đó với chính mình. Thế nhưng, sau tất cả mọi thứ, tôi không sao thấy tim mình tiếc nuối vì đã đến Bốn Làn Gió. Có vẻ như với tôi, dù mọi thứ tồi tệ đến thế rồi song nếu không bao giờ được quen biết Leslie thì sẽ còn tệ hơn. Yêu và rời xa cô ấy đã là một niềm đau khổ cháy bỏng, thiêu đốt... nhưng không yêu cô ấy là điều không thể nghĩ bàn. Tất cả những điều này chắc nghe thật điên rồ... những xúc cảm kinh khủng này lúc nào cũng nghe thật ngu ngốc khi ta đặt chúng vào những lời nói không được thỏa đáng của mình. Chúng sinh ra không phải để được nói ra... mà chỉ để cảm nhận và chịu đựng. Đáng lẽ tôi không nên nói... nhưng dù sao nói ra cũng đỡ được... phần nào. Ít nhất, nó cho tôi sức mạnh để ra đi một cách đàng hoàng vào sáng mai, không làm rộn lên. Chị hứa thỉnh thoảng viết thư cho tôi chứ, chị Blythe, cho tôi biết tin tức của cô ấy chứ?”

“Tôi sẽ viết,” Anne nói. “Ôi, tôi rất tiếc là anh sắp đi... chúng tôi sẽ rất nhớ anh... chúng ta đã là những người bạn tốt biết bao! Nếu không vì chuyện này anh đã có thể quay lại đây vào những mùa hè tới. Có lẽ, ngay cả như thế này... dần dần... khi anh đã quên, có thể nào...”

“Tôi sẽ không bao giờ quên... và tôi sẽ không bao giờ quay lại Bốn Làn Gió,” Owen nói ngắn gọn.

Yên lặng và hoang hôn trùm xuống khu vườn. Xa xa biển vẫn nhẹ nhẹ và đều đều vỗ vào bờ cát. Ngọn gió đêm giữa những hàng dương nghe như một vết tích buồn bã, lạ lùng, cũ kỹ nào đó... một giấc mơ vỡ vụn của những ký

ức xa xưa. Một cây dương lá rung non nớt mảnh mai đẹp đẽ vươn lên trước mặt họ trên cái nền vàng nhạt, xanh ngọc và hồng mờ dịu dàng của bầu trời phía Tây, làm nổi bật từng cánh từng cánh trong vẻ đáng yêu u uẩn, run rẩy và thoát tục.

“Trông đẹp không kia?” Owen nói, chỉ vào cái cây với dáng vẻ của một người đã để một cuộc trò chuyện lại sau lưng.

“Đẹp đến nỗi khiến tôi đau lòng,” Anne nhẹ nhàng nói. “Những thứ hoàn hảo như thế luôn làm tôi đau lòng... tôi nhớ hồi còn bé tôi từng gọi đó là ‘con đau lạ lùng’. Tại sao những nỗi đau như thế dường như không thể tách rời khỏi sự hoàn hảo? Phải chăng đây là nỗi đau của sự chia ly... khi ta nhận ra không còn gì nữa ngoài lụi tàn?”

“Có lẽ,” Owen mơ màng nói, “chính sự vô hạn bị cầm tù trong ta đang vẫy gọi niềm vô hạn anh em với nó được thể hiện trong sự hoàn hảo nhìn thấy được ấy.”

“Có vẻ như anh bị lạnh ở trong đầu rồi đấy. Tốt hơn là nên bôi ít thuốc mỡ vào mũi trước khi đi ngủ nhé,” cô Cornelia nói, vừa bước qua chiếc cổng nhỏ giữa hai cây linh sam đúng lúc nghe được lời nhận xét sau cùng của Owen. Cô Cornelia thích Owen; nhưng với cô chính đốn mọi loại ngôn từ “khoa trương” từ phía một người đàn ông là vấn đề nguyên tắc.

Cô Cornelia là hiện thân của sự hài hước lúc nào cũng chờ ở một góc trong mọi bi kịch cuộc đời. Anne, này giờ thần kinh đã hơi căng thẳng, cười nghiêng ngả, và cả Owen cũng cười. Rõ ràng, ủy mị và đam mê cứ thấy cô Cornelia là phải kiếm cách chuồn cho khuất mắt. Và với Anne chưa bao giờ có thứ gì tuyệt vọng và tối tăm và đau khổ như vài giây trước đó. Nhưng giấc ngủ còn xa mới đến được với mắt cô đêm đó.

27. Trên cồn cát

Sáng hôm sau Owen Ford rời Bốn Làn Gió. Tối hôm đó Anne sang tìm gặp Leslie, nhưng không thấy ai. Nhà khóa cửa và không có chút ánh sáng nào trong các cửa sổ. Trông như một căn nhà bị bỏ hoang không hồn. Cả ngày hôm sau Leslie cũng không ghé qua... Anne nghĩ đây là một dấu hiệu xấu.

Gilbert có dịp ra xóm chài vào buổi tối, Anne đi cùng anh đến mũi đất, định ở lại một lúc với thuyền trưởng Jim. Nhưng ngọn đèn vĩ đại, cắt những chùm sáng vào sương mù đêm mùa thu, đang được Alec Boyd trông coi và thuyền trưởng Jim đi vắng.

“Em định làm gì?” Gilbert hỏi. “Đi với anh không?”

“Em không muốn đi ra xóm chài... nhưng em sẽ đi sang bên kia kênh nước với anh, và lang thang trên bãi cát cho tới khi anh quay về. Bãi đá đêm nay trơn trượt và ẩm đậm quá.”

Một mình trên cồn cát, Anne thả mình theo sự quyến rũ mê hoặc của màn đêm. Tháng Chín mà trời thế này là vẫn còn ấm, và buổi chiều muộn thì mù sương; nhưng một vầng trăng tròn vành vạnh đã phân nào xua bớt sương mù và biển cảng, vịnh và những bãi biển xung quanh trở thành một thế giới lạ lùng, tuyệt diệu, phi thực làm bằng sương bạc nhạt nhòa, qua đó mọi thứ ẩn hiện như những bóng ma. Con thuyền buồm đen của thuyền trưởng Josiah Crawford dong xuống kênh nước, chở đầy khoai tây cho các hải cảng ở Bluenose, đó là một chiếc tàu ma hướng về một vùng đất xa xôi chưa có trên bản đồ, mãi mãi lùi dần, không bao giờ với tới được. Tiếng gọi của đàn hải âu không nhìn thấy trên đầu là tiếng kêu linh hồn của những thủy thủ đã đắm mình. Những cuộn nhỏ bọt sóng thổi dọc cồn cát là những món đồ ma quái lẩn lộn từ những hang động ven biển. Những cồn cát lớn, tròn vai là những người khổng lồ say ngủ trong câu chuyện cổ phương Bắc nọ. Ánh sáng lấp lóe bên kia cảng là những ngọn đèn tiêu lừa mị trên một bến bờ đảo nguyên nào đó. Anne tự hài lòng với hàng trăm điều tưởng tượng trong khi lang thang qua màn sương. Thật vui sướng... thật lãng mạn... mà cũng thật huyền bí khi được lang thang một mình ở đây trên bờ biển thần tiên này.

Nhưng cô có thực sự một mình không? Có gì đó ẩn hiện trong màn sương trước mặt cô... thành hình... đột ngột di chuyển về phía cô qua bãi cát gọn sóng.

“Leslie!” Anne kêu lên kinh ngạc. “Cậu đang làm cái gì thế... ở đây... đêm nay...?”

“Còn cậu, *cậu* đang làm gì ở đây?” Leslie nói, cố cất tiếng cười. Nỗ lực thất bại. Trông cô tái nhợt và mệt mỏi; nhưng những lọn tóc thè dưới chiếc mũ đỏ rực của cô đang uốn lượn quanh mặt và mắt cô như những chiếc vòng vàng lấp lánh.

“Mình đang đợi Gilbert... anh ấy sang bên xóm chài. Mình định ở lại chỗ ngọn đèn, nhưng thuyền trưởng Jim đi vắng.”

“À, *mình* thì đến đây vì mình muốn đi bộ... và đi... và *đi*,” Leslie nói về kích động. “Mình không đi được trên bãi đá... thủy triều cao quá và những phiến đá như cầm tù mình. Mình phải đến đây... nếu không mình sẽ phát điên mất, mình nghĩ thế. Mình đã tự chèo thuyền qua kênh nước trong chiếc thuyền thúng của thuyền trưởng Jim. Mình ở đây được một tiếng rồi. Nào... lại đây... cùng đi nào. Mình không thể đứng yên được. Ôi, Anne!”

“Leslie, bạn thân mến nhất đời, có chuyện gì thế?” Anne hỏi, mặc dù cô đã biết quá rõ.

“Mình không nói cho cậu được đâu... đừng hỏi mình. Mình không ngại cho cậu biết... mình ước gì cậu biết... nhưng mình không nói được... mình không kể được cho ai hết. Mình quả là một con ngốc, Anne ơi... và ôi, làm một con ngốc mới đau đớn khủng khiếp làm sao. Chẳng có gì đau khổ hơn thế trên đời này.”

Cô phá lên cười cay đắng. Anne luồn tay quanh người cô.

“Leslie, có phải cậu đã dần quan tâm đến anh Ford?”

Leslie quay ngoắt lại.

“Làm sao cậu biết?” cô kêu lên. “Anne, làm sao cậu biết? Ôi, có phải điều đó hiện rõ trên mặt mình để tất cả mọi người cùng thấy không? Có rõ đến mức đó không?”

“Không, không. Mình... mình không nói cho cậu biết được vì sao mình biết. Thế nào đó nó cứ hiện lên trong đầu mình thôi. Leslie, đừng nhìn mình như thế!”

“Cậu có khinh bỉ mình không?” Leslie hỏi xẵng bằng một giọng trầm, dữ dội. “Cậu có nghĩ mình độc địa... không còn nữ tính không? Hay cậu nghĩ mình chỉ là một con ngốc?”

“Mình không nghĩ cậu là bất cứ thứ gì trong số đó. Nào, bạn thân mến, hãy nói về chuyện đó một cách lý trí, như chúng ta có thể nói về mọi cuộc khủng hoảng lớn khác trong cuộc đời. Cậu đã nghĩ quẩn và để mình trôi vào một cái nhìn tồi tệ về nó. Cậu biết cậu thường có xu hướng làm vậy khi có

chuyện không hay xảy ra, và cậu đã hứa với mình sẽ cố gắng chống lại việc đó mà.”

“Nhưng... ôi, thật... thật quá xấu hổ,” Leslie lầm rầm. “Yêu anh ấy... không được đoái hoài... trong khi mình không được tự do để yêu bất kỳ ai hết.”

“Không có gì đáng xấu hổ về chuyện đó cả. Nhưng mình rất tiếc là cậu đã dần quan tâm tới Owen, vì, chuyện đã thế rồi, nó chỉ càng làm cho cậu khổ đau hơn thôi.”

“Mình không *dần* quan tâm,” Leslie nói, vẫn bước đi và nói về đầy đam mê. “Giá mà như thế mình đã có thể ngăn chặn được. Mình chưa bao giờ mơ tới một chuyện như vậy cho tới cái ngày hôm đó, một tuần trước, khi anh ấy nói với mình anh ấy đã viết xong cuốn sách và sẽ sớm phải ra đi. Lúc đó... lúc đó mình biết. Mình thấy như ai đó vừa giáng cho mình một cú thật khủng khiếp. Mình không nói gì... mình không thể nói gì... nhưng mình không biết trông mình như thế nào nữa. Mình sợ rằng khuôn mặt mình đã phản bội mình. Ôi, mình sẽ chết vì hổ thẹn nếu mình nghĩ anh ấy biết... hay thậm chí nghi ngờ.”

Anne im lặng khỏ sở, bị những hiểu biết từ cuộc nói chuyện với Owen trói buộc. Leslie vẫn tiếp tục nói như lên cơn sốt, như thể cô tìm thấy sự nhẹ nhõm bằng lời nói.

“Suốt cả mùa hè này mình đã quá hạnh phúc, Anne à... hạnh phúc hơn bao giờ hết trong suốt cuộc đời mình. Mình cứ tưởng đó là vì mọi thứ giữa mình và cậu đã được làm sáng tỏ, và chính tình bạn của chúng ta đã làm cuộc đời trở nên thật đẹp đẽ và lại một lần nữa tròn vẹn. Và *đúng* là như thế, một phần... nhưng không phải tất cả... ôi, không hề là tất cả. Giờ mình biết tại sao mọi thứ lại khác thế. Và giờ thì tất cả đã qua rồi... anh ấy đã đi rồi. Làm sao mình sống được đây Anne? Khi mình trở lại căn nhà sáng nay sau khi anh ấy đi, sự cô độc tấp vào mình như một cú đánh giữa mặt.”

“Rồi mọi thứ sẽ không quá khó khăn như thế nữa đâu, cưng ạ,” Anne nói; cô lúc nào cũng cảm nhận nỗi đau của bạn bè mình thấm thía đến mức cô không thể nói được dễ dàng, rành mạch những lời an ủi. Hơn nữa, cô biết những lời nói với ý tốt đã làm cô tổn thương như thế nào những lúc cô buồn khổ và lo sợ.

“Ôi, với mình hình như càng lúc sẽ càng tệ đi,” Leslie đau khổ nói. “Mình chẳng có gì để trông chờ. Buổi sáng này sẽ nối tiếp buổi sáng kia... và anh ấy sẽ không quay lại... anh ấy sẽ không bao giờ quay lại. Ôi, cứ nghĩ đến chuyện sẽ không bao giờ được gặp lại anh ấy nữa, mình cảm thấy như một bàn tay to lớn độc địa vừa vặn vẹo giữa những thớ tim mình, và đang vặn xoắn chúng. Có lần, đã lâu lắm rồi, mình đã mơ về tình yêu... và mình nghĩ tình yêu phải đẹp lắm... thế mà *giờ thì...* nó là *như thế này đây*. Sáng qua khi ra đi anh ấy mới lạnh lùng và thờ ơ làm sao. Anh ấy nói, ‘Tạm biệt, chị Moore’ bằng một giọng lạnh lùng nhất trên đời... như thể chúng mình chưa từng là bạn... như thể mình chẳng có ý nghĩa gì với anh ấy. Mình biết mình chẳng có ý nghĩa gì... mình không muốn anh ấy quan tâm... nhưng *lẽ ra* anh ấy có thể ân cần hơn một chút chứ.”

“Ôi, ước gì Gilbert đến,” Anne nghĩ. Cô bị giằng xé giữa mỗi cảm thông dành cho Leslie và sự cần thiết phải né tránh bất cứ thứ gì có thể để lộ tâm tình của Owen. Cô biết tại sao cuộc chia tay đó lại lạnh lùng đến thế... tại sao nó không có được sự thân ái mà tình bạn tốt đẹp giữa hai người đòi hỏi... nhưng cô không thể nói với Leslie.

“Mình không tìm được, Anne ạ... mình không tìm được,” Leslie tội nghiệp nói.

“Mình hiểu.”

“Cậu có trách mình nhiều lắm không?”

“Mình không hề trách gì cậu cả.”

“Và cậu sẽ không... cậu sẽ không kể với Gilbert chứ?”

“Leslie! Cậu nghĩ mình sẽ làm một việc như vậy ư?”

“Ôi, mình không biết... cậu và Gilbert *thân thiết* biết bao. Mình không biết làm sao cậu có thể không nói với anh ấy mọi việc được.”

“Mọi thứ về những mối quan tâm của riêng mình... đúng. Nhưng không phải là những bí mật của bạn bè mình.”

“Mình không thể để *anh ấy* biết được. Nhưng mình mừng là cậu biết. Mình sẽ thấy rất tội lỗi nếu có điều gì mình xấu hổ không dám nói với cậu. Mong là cô Cornelia sẽ không biết. Nhiều lúc mình cảm thấy như đôi mắt

nâu hiền lành, khuôn khiếp đó của cô ấy có thể đọc thấu linh hồn mình. Ôi ước gì màn sương này sẽ không bao giờ tan... ước gì mình có thể ở trong này mãi mãi, được che giấu khỏi mọi linh hồn đang sống. Không biết mình sống tiếp thế nào được nữa đây. Mùa hè này thật đã quá trọn vẹn. Mình chẳng bao giờ cô đơn dù chỉ một phút giây. Trước khi Owen đến có những lúc thật kinh khủng... khi mình ở cùng với cậu và Gilbert... và rồi phải rời hai cậu. Hai cậu sẽ cùng nhau đi khỏi còn mình sẽ đi khỏi *một mình*. Sau khi Owen đến anh ấy luôn có ở đây để đi về cùng mình... chúng mình cười đùa và trò chuyện như cậu và Gilbert làm vậy... mình không còn những phút cô đơn, ghen tị nữa. Vậy mà *giờ đây!* Ôi, đúng, mình đã là một con ngốc. Thôi chúng ta đừng nói về sự ngu ngốc của mình nữa. Mình sẽ không bao giờ làm phiền cậu vì nó nữa.”

“Gilbert đây rồi, và cậu sẽ đi về cùng bọn mình,” Anne nói, cô không định để Leslie lại lang thang một mình trên đụn cát trong một đêm như thế này. “Thuyền của bọn mình rộng chỗ cho cả ba người, và chúng ta sẽ buộc chiếc thuyền thúng kia ở đằng sau.”

“Ôi, mình nghĩ mình phải làm quen lại với việc lại là người thừa rồi,” Leslie tội nghiệp nói với một tiếng cười cay đắng. “Tha thứ cho mình, Anne... mình thật đáng ghét. Mình phải biết ơn mới đúng... và mình rất biết ơn... rằng mình có hai người bạn tốt vui vẻ tính mình vào thành người thứ ba. Đừng để tâm đến mấy lời ghen ghét của mình. Chỉ là mình thấy mình lại là một nỗi đau lớn và mọi thứ đều làm mình tổn thương.”

“Tôi nay Leslie có vẻ ít nói quá nhỉ?” Gilbert nói, khi anh và Anne về đến nhà. “Cô ấy làm cái quái quỷ gì bên kia một mình trên đụn cát thế?”

“Ồ, cô ấy mệt thôi mà... mà anh biết cô ấy thích đi ra bờ biển sau những ngày vất vả vì Dick rồi đấy.”

“Thật đáng tiếc là cô ấy đã không gặp và cười một người như anh Ford từ trước nhỉ,” Gilbert trầm ngâm. “Họ hẳn đã là một cặp lý tưởng, em nhỉ?”

“Lạy Chúa, Gilbert, đừng có biến thành ông mai đây chứ. Đây là một nghề rất tệ đối với một người đàn ông đây,” Anne kêu lên hơi sắc giọng, sợ rằng Gilbert sẽ tình cờ vấp phải sự thật nếu cứ đi theo hướng này.

“Chúa lòng lành, Anne cưng, anh có gán ghép gì đâu,” Gilbert phản đối, hơi ngạc nhiên vì giọng điệu của vợ mình. “Anh chỉ nghĩ về một trong

những điều đã có thể xảy ra thôi mà.”

“Thế thì đừng nghĩ nữa. Chỉ phí thời gian,” Anne nói. Rồi đột nhiên cô nói thêm, “Ôi, Gilbert, em ước gì tất cả mọi người đều hạnh phúc như hai ta.”

28. Những chuyện vặt

“Đạo gôn đây ta hay đọc mấy cái tin cáo phó,” cô Cornelia nói, bỏ tờ *Daily Enterprise* xuống và cầm đồ khâu lên.

Bờ cảng đang nằm u ám và ảm đạm dưới bầu trời tháng Mười một khắc khổ; những chiếc lá đã lìa cành bám sũng nước vào bệ cửa sổ; nhưng căn nhà nhỏ vẫn vui tươi vì lửa lò sưởi và đầy sức xuân vì đám phong lữ và dương xỉ của Anne.

“Lúc nào ở đây cũng là mùa hè, Anne ạ,” một ngày nọ Leslie đã nói như thế; và tất cả những người là khách của căn nhà mơ ước đều cảm thấy như vậy.

“Tờ *Enterprise* đạo này có vẻ chạy nhờ cáo phó,” cô Cornelia nói. “Lúc nào cũng có vài cột, và ta đọc từng dòng một. Đây là một trong những trò tiêu khiển của ta, đặc biệt là khi có một vài dòng thơ ca mới sáng tác đính kèm. Đây có một mẫu chọn lọc cho cháu đây:

Nàng đã đi về với Chúa,

Không còn bay nhảy nữa.

Nàng từng chơi đùa vui hát.

Bài ca về Ngôi nhà yêu dấu.

Ai nói đảo ta không có tài năng thi ca nào! Cháu đã bao giờ để ý thấy hàng núi người tốt cứ thế qua đời không, Anne cưng? Thật là đáng tiếc. Ở đây có mười cái cáo phó, và ai cũng là thần thánh với gương sáng cả, ngay cả đám đàn ông. Đây là lão già Peter Stimson, người đã ‘để lại một vòng tay lớn những người bạn khóc thương cái chết yếu mệnh của ông.’ Chúa ơi, Anne à, lão già ấy tám mươi tuổi, và tất cả những người biết lão đều thầm mong lão chết từ ba mươi năm nay rồi. Khi nào buồn hãy đọc cáo phó, cưng

a... đặc biệt là mấy cái về những người cháu biết. Nếu cháu có dù chỉ một tí óc hài hước chúng sẽ làm cháu vui lên ngay, tin *ta* đi. Ta chỉ ước *ta* được viết cáo phó cho một số người. Mà ‘cáo phó’ chẳng phải là một từ xấu xí kinh khiếp hay sao? Thằng cha Peter mà ta vừa nói chuyện này có một cái mặt hết như thế. Ta chưa bao giờ thấy mặt lão mà không nghĩ ngay tắp lự tới cái từ *cáo phó*. Chỉ có một từ xấu hơn mà ta biết, đấy là từ *quả phụ*. Chúa ơi, ta có thể là một bà cô già, nhưng có cái này làm an ủi... ta sẽ không bao giờ là ‘quả phụ’ của thằng đàn ông nào hết.”

“Đấy *đúng* là một từ xấu xí,” Anne cười nói. “Nghĩa địa Avonlea đầy những bia mộ cũ ‘thiên liêng trong trí nhớ của người này người kia, *cô nhi quả phụ* của người kia người nọ quá cố.’ Chúng luôn làm cháu nghĩ đến một cái gì đó mục rữa và mối gặm. Tại sao có quá nhiều từ gắn với cái chết lại quá khó ưa đến thế nhỉ? Cháu thật sự hy vọng cái tục gọi xác chết là ‘di hài’ sẽ bị xóa bỏ. Thực tình cháu rùng mình mỗi khi nghe ông nhà đôn nói tại một đám tang, ‘Ai muốn xem di hài làm ơn đi lối này.’ Lúc nào nó cũng cho cháu cái ấn tượng kinh khủng là cháu sắp phải chứng kiến cảnh tượng một bữa tiệc ăn thịt người.”

“Ồ, ta chỉ hy vọng rằng khi ta chết sẽ không ai gọi ta là ‘người chị em đã ra đi của chúng ta’.” Cô Cornelia bình tĩnh nói, “Ta bắt đầu ghét cay ghét đắng cái sự vụ anh-chị-em này năm năm trước khi có một tay truyền giáo du mục tổ chức hội họp ở Glen. Ngay từ đầu ta đã chả ưa một tí nào rồi. Ta cảm thấy tận trong xương tủy là có cái gì đó không ổn với thằng cha đấy. Và đúng thế. Nói cho cháu biết, hấn giả vờ là người Trưởng lão... Giáo hội *Chưởng nào*, hấn gọi thế... mà hóa ra từ đầu đến đuôi hấn là một gã Giám lý. Hấn kết anh chị em với tất cả mọi người. Hấn có một đại gia đình các anh chị em, thằng cha đó. Một đêm nọ hấn nắm chặt tay ta, nói về khăn cầu, ‘Chị Bryant *thân mến* của em, chị có phải là một người Cơ Đốc không?’ Ta chỉ nhìn hấn một cái, rồi ta bình thản nói, ‘Người em trai duy nhất tôi từng có, thừa *cậu* Fiske, đã được chôn cách đây mười lăm năm rồi, và từ đó tới giờ tôi chưa nhận thêm đứa em nuôi nào. Còn về làm người Cơ Đốc, tôi có, tôi hy vọng và tin thế, từ hồi *cậu* còn mặc váy bò lỏm ngòm dưới sàn kia.’ Thằng cha bẹp gí luôn, tin *ta* đi. Cháu nên nhớ, Anne cưng ạ, không phải là ta ghét tất cả những người truyền giáo. Chúng ta đã có những người thật sự tốt, thật thà, làm được rất nhiều việc tốt và khiến những tên tội đồ cũ phải co vòi. Nhưng tên Fiske này không nằm trong số đó. Một tối nọ ta được một trận cười đau ruột. Fiske yêu cầu tất cả những ai là người Cơ Đốc đứng dậy. *Ta* không thèm đứng, tin *ta* đi! Ta chẳng bao giờ làm mấy cái chuyện đó.

Nhưng hầu hết mọi người đều đứng dậy, và rồi hẳn yêu cầu tất cả những người muốn làm người Cơ Đốc đứng dậy. Chẳng ai thèm nhúc nhích lấy một li, thế là Fiske xướng lên một bài thánh ca bằng một giọng chót vót. Ngay trước mặt ta thằng nhóc Ikey Baker tội nghiệp đang ngồi trên ghế của Millison. Nó là một thằng bé phụ việc, mười tuổi, và Millison bắt nó làm việc gần chết. Thằng nhóc bé bỏng tội nghiệp lúc nào cũng mệt đến nỗi nó quay ra ngủ bất cứ khi nào đến nhà thờ hay bất cứ nơi đâu nó có thể ngồi yên được vài phút. Suốt buổi họp nó đã ngủ, và ta rất mừng thấy nó nghỉ ngơi được một tí, tin *ta* đi. Thế là, khi giọng của Fiske cao vút lên trời cao và đám còn lại hòa vào, thằng nhóc Ikey tội nghiệp giật mình thức dậy. Nó tưởng đây chỉ là một bài hát thông thường và tất cả mọi người phải đứng dậy, thế là nó lồm cồm đứng dậy thật nhanh, biết là sẽ bị Maris Millison mắng vì dám ngủ trong buổi lễ. Fiske thấy nó, ngừng lại và gào lên, ‘Thêm một linh hồn nữa được cứu rồi! Ôn Chúa sáng ngời!’ Và kia là thằng nhóc Ikey sợ hãi, tội nghiệp, mắt nhắm mắt mở và đang ngáp, không hề nghĩ gì về linh hồn của mình hết. Tội nghiệp thằng bé, nó chẳng có thời gian nghĩ tới bất cứ thứ gì ngoài cái thân xác bé nhỏ mệt nhọc của nó.

“Một tội nọ Leslie cũng đi và cái tên Fiske đây xông ngay vào con bé... ôi, hẳn đặc biệt quan tâm đến linh hồn của những cô gái xinh đẹp, tin *ta* đi!... và hẳn làm con bé đau lòng thế nên nó không bao giờ đi nữa. Và thế là mỗi tội sau đó hẳn đều cầu nguyện, ngay giữa đám đông, rằng Chúa sẽ làm dịu đi trái tim chai cứng của con bé. Cuối cùng ta đến gặp ông Leavitt, hỏi đó là mục sư của chúng ta, và bảo nếu ông ấy không bắt Fiske thôi ngay đi thì tội hôm sau ta sẽ đứng dậy ném quyển sách thánh ca của ta vào hẳn khi hẳn nói đến ‘người phụ nữ trẻ đẹp nhưng ngoan cố’ đó. Ta nói là ta làm đây, tin *ta* đi. Ông Leavitt có bắt hẳn ngừng nói thế thật, nhưng Fiske vẫn tiếp tục các buổi họp cho tới khi Charley Douglas đặt dấu chấm hết sự nghiệp của hẳn ở Glen. Vợ Charley đi California suốt mùa đông. Bà ấy đã ảo não suốt mùa hè... ảo não kiểu tôn giáo... nhà đó có gien. Cha bà ấy lo lắng quá nhiều vì tin rằng mình đã phạm phải tội không thể tha thứ đến nỗi ông ta chết trong nhà thương điên. Thế là khi Rose Douglas thành ra như vậy Charley gói ghém bà vợ gửi đi chị gái ở Los Angeles. Bà ấy khỏe ra hoàn toàn và trở về nhà đúng lúc quá trình thực thi tôn giáo của Fiske đang lên đến cao trào. Bà ấy bước xuống tàu ở Glen, vui tươi hoạt bát hết sức, và điều đầu tiên bà ấy thấy trợn mắt nhìn vào mặt mình ở phía chái đen ngòm của kho hàng, là câu hỏi, in chữ trắng to tướng, cao hơn nửa mét, ‘Con đi đâu... thiên đường hay địa ngục?’ Đây là một trong những ý tưởng của Fiske, và hẳn đã bắt Henry Hammond sơn lên đó. Rose chỉ rít lên một tiếng rồi ngất xỉu, và khi họ đưa

bà ấy về nhà thì tình trạng của bà ấy tồi tệ hơn bao giờ hết. Charley Douglas đến gặp ông Leavitt nói rằng cả nhà Douglas đến gặp ông sẽ bỏ nhà thờ nếu Fiske được giữ lại đó thêm tí nào nữa. Ông Leavitt phải nhượng bộ, vì nhà Douglas trả nửa lương của ông ấy, thế là Fiske ra đi, và chúng ta lại phải dựa vào Kinh Thánh của mình để tìm chỉ dẫn lên thiên đường. Sau khi hấn đi ông Leavitt phát hiện ra hấn chỉ là một tay Giám lý giả danh, và ông ấy thấy phát bệnh, tin *ta* đi. Ông Leavitt kém một số mặt, nhưng ông ấy là một người Trưởng lão đảng hoàng, tử tế.”

“Nhân tiện, cháu nhận được thư của anh Ford hôm qua,” Anne nói. “Anh ấy nhờ chuyên lời hỏi thăm chân thành đến cô.”

“Ta không cần hấn hỏi thăm,” cô Cornelia nói xẵng.

“Sao vậy ạ?” Anne nói, vẻ kinh ngạc. “Cháu tưởng cô thích anh ấy.”

“Ồ, thì ta có thích, đại loại thế. Nhưng ta sẽ không bao giờ tha thứ cho hấn vì những gì hấn đã làm với Leslie. Con bé thì đang gặm nát tim ra vì hấn... như thể nó chưa đủ rắc rối... còn hấn thì lượn lờ quanh Toronto, không nghi ngờ gì nữa, vui vẻ tận hưởng cuộc đời như thường. Đúng là đồ đàn ông.”

“Ôi, cô Cornelia, làm sao cô biết?”

“Lạy Chúa, Anne cưng, ta có mắt mà? Và ta đã biết Leslie từ hồi nó còn bé tí. Suốt mùa thu có một nỗi đau mới trong mắt nó, và ta biết tên nhà văn ấy đứng đằng sau. Ta sẽ không bao giờ tha thứ cho mình vì đã là phương tiện dẫn thằng cha ấy đến đây. Nhưng ta không hề nghĩ hấn lại như thế. Ta nghĩ hấn cũng sẽ như mấy thằng cha khác mà Leslie nhận trợ... mấy thằng trẻ ranh ám ớ tự phụ, thằng nào cũng thế, mà con bé chẳng thèm để ý đến. Một tên trong số đó cũng thử tán tỉnh con bé một lần và nó đóng đá thằng đó... tệ đến mức ta dám chắc từ đó đến giờ hấn chưa rã đông. Thế nên ta đâu có nghĩ đến hiểm họa gì đâu.”

“Đừng để Leslie nghi ngờ là cô biết bí mật của cô ấy nhé,” Anne vội vàng nói. “Cháu nghĩ nó sẽ làm cô ấy đau lòng.”

“Tin *ta* đi, Anne cưng. *Ta* có phải mới sinh hôm qua đâu. Ôi, chết dịch hết lũ đàn ông đi! Một đứa thì phá hoại đời Leslie từ đầu, rồi giờ một đứa khác trong đám ấy đến và làm nó càng thêm khôn khổ. Anne, thế giới này là

một nơi chốn khủng khiếp, tin ta đi.”

“Có gì đó sai trật trong thế giới

Sẽ dần dần được gỡ rối đi,”

Anne mơ màng đọc.

“Nếu có, thì sẽ là trong một thế giới không có đàn ông,” cô Cornelia u ám nói.

“Đám đàn ông lại làm gì rồi ạ?” Gilbert bước vào hỏi.

“Toàn những trò quý! Trò quý! Đám ấy thì có làm gì khác đâu?”

“Chính Eva đã ăn quả táo mà, cô Cornelia.”

“Nhưng một tên đàn ông đã dụ dỗ cô ấy,” cô Cornelia đắc thắng bật lại.

Leslie, sau khi cơn khổ đau đầu tiên qua đi, đã thấy mình có thể tiếp tục sống với đời, cũng như hầu hết chúng ta, dù nỗi giày vò của chúng ta có ở dạng nào. Cô thậm chí còn có thể tận hưởng một vài phút giây, khi cô ở trong hội nhóm vui tươi nơi căn nhà nhỏ của mơ ước. Nhưng nếu Anne có bao giờ hy vọng rằng cô đang quên Owen Ford thì cô sẽ tỉnh ngộ ngay bởi vẻ khao khát quan hoài trong mắt Leslie bất cứ khi nào tên anh được anh được nhắc đến. Xót thương cho niềm khao khát ấy, Anne luôn cố nói với thuyên trưởng Jim hay Gilbert những mẩu tin tức từ các lá thư của Owen khi Leslie có mặt ở đó. Vẻ hồng hào hay tái nhợt trên mặt cô những lúc ấy thể hiện quá hùng hồn cái cảm xúc tràn ngập trong cô. Nhưng cô không bao giờ nói về anh với Anne, hay nhắc đến cái đêm hôm ấy trên đụn cát.

Một ngày nọ con chó già của cô chết khiến cô than khóc thảm thương.

“Nó là bạn của mình đã bao lâu nay,” cô buồn bã nói với Anne. “Nó là con chó già của Dick, cậu biết đấy... Dick đã nuôi nó được một năm gì đấy trước khi cưới mình. Anh ta bỏ nó cho mình khi ra khơi trên con tàu *Bốn chị em*. Carlo trở nên rất quấn quýt với mình... và tình yêu của nó giúp mình vượt qua cái năm đầu tiên khủng khiếp sau khi mẹ mất, khi mình chỉ có một mình. Lúc nghe tin Dick sắp trở về, mình sợ Carlo sẽ không còn là của mình như trước nữa. Nhưng nó có vẻ chẳng bao giờ quan tâm đến Dick, mặc dù nó đã từng rất thích anh ta. Nó cứ sủa và gầm gừ với anh ta như thể anh ta là

một người lạ. Mình lấy làm mừng. Thật tốt khi sở hữu một thứ mà toàn bộ tình yêu của nó là dành cho cậu. Con chó già đó đã là một nguồn an ủi rất lớn với mình, Anne à. Mùa thu vừa rồi nó yếu đến nỗi mình sợ nó không sống được lâu... nhưng mình hy vọng có thể chăm nó qua được mùa đông. Sáng nay nó có vẻ khỏe lắm. Nó đang nằm trên thảm trước lò sưởi; rồi, đột nhiên, nó đứng dậy bò sang chỗ mình; nó đặt đầu lên lòng mình và nhìn mình đầy vẻ yêu thương từ đôi mắt chó to, hiền lành của nó... rồi nó rùng mình một cái và chết. Mình sẽ nhớ nó lắm.”

“Để mình tặng cậu một con chó khác nhé, Leslie,” Anne nói. “Mình sắp lấy một con chó săn lông xù Gordon rất dễ thương làm quà Giáng sinh cho Gilbert. Để mình tặng cậu một con nữa nhé.”

Leslie lắc đầu.

“Ngay bây giờ thì không, cảm ơn cậu, Anne. Mình không thấy thích có một con chó khác. Dường như mình không còn chút tình cảm nào còn lại cho một con chó khác nữa. Có lẽ... qua thời gian... mình sẽ để cậu tặng mình một con. Mình thật sự cần một con chó để bảo vệ, cậu biết đấy. Nhưng có cái gì đó gần như rất người ở Carlo... thực sự sẽ không *tử tế* nếu tìm cách lấp ngay chỗ của nó, con chó già thân thương.”

Anne về Avonlea một tuần trước Giáng sinh và ở lại đến sau kỳ nghỉ. Gilbert cũng về cùng, và ở Chái Nhà Xanh có một cuộc đón mừng năm mới vui vẻ, khi nhà Barry và Blythe và Wright cùng tụ tập để nghiên ngấu một bữa tối đã tốn của bà Rachel và Marilla nhiều công phu suy nghĩ và chuẩn bị. Khi họ trở về Bốn Làn Gió, căn nhà nhỏ gần như đã bị tuyết phủ kín, vì cơn bão thứ ba của mùa đông vô cùng dữ dội đã quét qua cảng và chất những núi tuyết khổng lồ lên tất cả mọi thứ nó gặp trên đường. Nhưng thuyền trưởng Jim đã quét tuyết ở cửa và lối đi, và cô Cornelia đã xuống khơi lại lửa lò sưởi.

“Thấy cháu trở lại thật là mừng, Anne cưng ạ! Mà cháu đã bao giờ thấy tuyết chất đống như vậy chưa? Không thể nhìn được nhà Moore nếu không lên tầng trên. Leslie sẽ rất mừng là cháu đã trở lại. Nó suýt thì bị chôn sống ở bên kia. May mà Dick biết dọn tuyết, và khoái trò đó. Susan dặn ta nhắc cháu cô ấy sẵn sàng làm việc từ ngày mai. Chú đi đâu bây giờ đấy, thuyền trưởng Jim?”

“Ta định mò lên Glen ngồi chơi một tí với ông già Martin Strong. Ông

chẳng còn sống được bao lâu và cô độc lắm. Ông không có nhiều bạn... cả đời bạn quá chẳng có thời gian kết bạn. Nhưng mà kiếm được một đồng tiền.”

“Ồ, ông ta nghĩ vì ông ta không phục vụ được cả Chúa và Mammon^[1] nên thôi thà đeo theo Mammon,” cô Cornelia đánh thép nói. “Thế nên ông ta chẳng nên phàn nàn nếu giờ thấy Mammon không phải là bằng hữu quá tốt nữa.”

[1] Theo kinh Tân Ước, Mammon là vị thần của tiền tài và sự giàu có, đồng thời cũng được xem là vị thần của lừa dối.

Thuyền trưởng Jim bước ra, nhưng nhớ ra cái gì đó ở ngoài sân nên lại quay lại giây lát.

“Ta nhận được thư của cậu Ford, cháu Blythe ạ, và cậu ấy nói là cuốn sách cuộc đời đã được nhận và sẽ được xuất bản mùa thu tới. Ta thấy vui ghê gớm khi nhận được tin. Cứ nghĩ đi, cuối cùng ta sẽ được đọc nó trên giấy in vàng hoàng.”

“Ông già đó thật tình phát rồ về cái đề tài cuốn sách cuộc đời của ông ấy,” cô Cornelia nói về động lòng trắc ẩn. “Về phần ta, ta nghĩ trên đời này đã có quá nhiều sách rồi.”

29. Gilbert và Anne bất đồng

Gilbert đặt bộ sách y khoa nặng trĩch xuống, anh đã nghiên ngẫm nó mãi cho tới khi ánh nhập nhòa của một tối tháng Ba làm anh phải ngừng đọc. Anh ngả người ra lưng ghế và trầm ngâm nhìn ra ngoài cửa sổ. Mới chớm xuân... có lẽ là lúc xấu trời nhất trong năm. Ngay cả hoàng hôn cũng không thể cứu vãn được phong cảnh ảm nã, sũng ướt và đám tuyết đen ủ nát mà anh đặt mắt lên. Không chút dấu hiệu sự sống nào hiện hữu, trừ một con quạ đen to tướng sải cánh cô độc qua một cánh đồng xám chì. Gilbert lơ đãng nghĩ ngợi về con quạ kia. Nó có phải là một con quạ đã lập gia đình với một con quạ vợ đen nhưng dễ thương đang đợi nó trong khu rừng đằng sau Glen? Hay nó là một con quạ trẻ tuổi hào nhoáng lắm le toàn những ý nghĩ tán tỉnh? Hay nó là một con quạ độc thân mai mỉa, tin rằng bay một mình là nhanh nhất? Dù là gì đi nữa, nó cũng nhanh chóng biến mất trong vẻ ảm đạm tương đồng và Gilbert quay về với khung cảnh vui tươi hơn bên trong căn nhà.

Ngọn lửa lò sưởi nhảy nhót, tỏa sáng lên lớp áo trắng xanh của Gog và Magog, lên mái đầu màu nâu bóng mượt của con chó săn lông xù nằm sưởi trên thảm, lên những khung tranh trên tường, lên bình đầy hoa thủy tiên vàng từ khu vườn cửa sổ, lên chính Anne, ngồi bên chiếc bàn nhỏ của cô, với đồ khâu đặt cạnh và đôi tay đan trên đầu gối trong khi cô tìm kiếm những ảnh hình trong ngọn lửa... những tòa lâu đài ở Tây Ban Nha với những tòa tháp cao vút xuyên mây được mặt trăng soi sáng, những con tàu hoàng hôn dong buồm từ bến Hảo Vọng thẳng đến cảng Bốn Làn Gió chất đầy những món hàng quý hiếm. Vì Anne đã lại một lần nữa trở thành kẻ mộng mơ, dấu một bóng hình dữ tợn của nỗi sợ hãi vẫn ám theo cô ngày đêm, phủ bóng và che mờ những tưởng tượng của cô.

Gilbert đã quen tự gọi mình là “một anh già có vợ”. Nhưng anh vẫn nhìn Anne bằng đôi mắt hoài nghi của một kẻ si tình. Anh vẫn chưa thể hoàn toàn tin rằng cô thực sự đã là của anh. Xét cho cùng điều này *có thể* chỉ là một giấc mơ, là một phần đi kèm của căn nhà mơ ước thần kỳ này. Tâm hồn anh vẫn rón rén đi trước mặt cô, sợ bùa chú vỡ tan và giấc mơ bị xua đi mất.

“Anne,” anh từ tốn nói, “lắng nghe anh vài phút. Anh muốn nói với em một chuyện này.”

Anne nhìn anh qua bóng tối được ngọn lửa thấp sáng.

“Có chuyện gì thế anh?” cô vui vẻ hỏi. “Trông anh nghiêm trang phát sợ đi được ấy, Gilbert ạ. Hôm nay em thực sự không làm gì hư đâu mà. Cứ hỏi cô Susan mà xem.”

“Không phải về em... hay chúng ta... anh muốn nói. Đây là về Dick Moore.”

“Dick Moore?” Anne hỏi lại, linh lợi ngồi thẳng dậy. “Sao, anh có chuyện gì để nói về Dick Moore kia chứ?”

“Đạo gàn đây anh đã nghĩ về anh ta rất nhiều. Em có nhớ cái lần mùa hè năm ngoái anh chữa cho anh ta mấy cái nốt trên cổ không?”

“Có... có.”

“Anh nhân cơ hội đó khám kỹ mấy cái sẹo trên đầu anh ta. Anh luôn nghĩ Dick là một trường hợp rất thú vị xét về mặt y khoa. Gần đây anh đã nghiên

cứu lịch sử khoan trepan và các trường hợp áp dụng nó. Anne à, anh đã đi đến kết luận là nếu Dick Moore được đưa đến một bệnh viện tốt và được phẫu thuật khoan trepan ở một số chỗ trên sọ, thì ký ức và các năng lực của anh ta có thể sẽ được phục hồi.”

“Gilbert!” Giọng Anne đầy vẻ phản đối. “Hắn anh không có ý đó chứ!”

“Anh có ý đó thực mà Anne. Và anh đã quyết định bổn phận của anh là phải nêu vấn đề này với Leslie.”

“Gilbert Blythe, anh sẽ *không* làm một việc như vậy,” Anne nhiệt thành la lên. “Ôi, Gilbert, anh sẽ không làm vậy... không đâu mà. Anh không thể tàn nhẫn như thế được. Hứa với em là anh không làm đi.”

“Tại sao, hử Anne, anh không nghĩ em lại đón nhận chuyện này như thế. Hãy hợp lý nào...”

“Em sẽ không hợp lý... em không thể có lý... em *đang* có lý đây. Chính anh mới là người vô lý. Gilbert, anh đã bao giờ nghĩ dù chỉ một lần nếu Dick Moore bị trả về trạng thái bình thường của anh ta thì điều đó sẽ có nghĩa gì với Leslie không? Cứ dừng lại mà nghĩ đi! Giờ cô ấy đã đủ khổ rồi; nhưng một đời làm bảo mẫu và phục dịch cho Dick còn dễ dàng hơn gấp ngàn lần đời làm vợ anh ta. Em biết... *em biết!* Không thể nghĩ được nổi. Anh đừng có mà đi chọc vào chuyện đó. Hãy để yên mọi thứ như thế.”

“Anh *đã* nghĩ thấu đáo về khía cạnh đó, Anne à. Nhưng anh tin rằng một bác sĩ phải đặt sự bất khả xâm phạm của trí tuệ và cơ thể bệnh nhân lên tất cả mọi suy tính khác, dù hậu quả có ra sao. Anh tin rằng bổn phận của bác sĩ là phải cố gắng khôi phục sức khỏe và sự minh mẫn tinh thần, nếu có bất kỳ hy vọng gì.”

“Nhưng về khía cạnh đó thì Dick đâu phải bệnh nhân của anh,” Anne lại kêu lên, tấn công hướng khác. “Nếu Leslie hỏi anh xem có làm được gì cho anh ta không, *lúc đó* có thể bổn phận của anh là phải nói cho cô ấy biết anh thực sự nghĩ gì. Nhưng anh không có quyền can thiệp.”

“Anh không gọi đây là can thiệp. Chú Dave từng nói với Leslie mười hai năm trước rằng không thể làm được gì cho Dick cả. Chắc chắn cô ấy tin điều đó.”

“Và tại sao chú Dave lại nói với cô ấy như vậy, nếu đó không phải là sự thật?” Anne đắc thắng nói. “Chẳng lẽ chú ấy không hiểu biết bằng anh?”

“Anh nghĩ là không... mặc dù nói điều này thì nghe có vẻ tự phụ và kiêu ngạo. Và em biết cũng rõ như anh rằng ông hơi thành kiến với những thứ mà ông gọi là ‘mấy cái ý niệm quái dị về cắt với xẻ này’. Ông thậm chí còn phản đối việc mổ ruột thừa.”

“Ông nói đúng,” Anne la lên, thay đổi hoàn toàn mặt trận. “Chính em cũng tin rằng đám bác sĩ hiện đại các anh quá thích làm các thí nghiệm với máu thịt con người.”

“Rhoda Allonby đã không sống đến hôm nay nếu anh sợ không dám làm một thí nghiệm,” Gilbert cãi lại. “Anh đã chấp nhận rủi ro... và cứu được mạng bà ấy.”

“Em phát ngáy phải nghe về Rhoda Allonby rồi,” Anne kêu lên... rất phi lý, vì Gilbert chưa bao giờ nhắc đến tên bà Allonby từ cái ngày anh kể cho Anne về thành công của mình liên quan đến bà. Và không thể đổ lỗi cho anh vì những bàn tán của người khác về chuyện đó.

Gilbert cảm thấy hơi bị tổn thương.

“Anh không nghĩ em lại nhìn nhận vấn đề như thế, Anne à,” anh nói vẻ hơi cứng nhắc, đứng dậy và bước về phía cửa văn phòng. Đây là lần đầu tiên họ tiến đến gần một cuộc cãi vã.

Nhưng Anne chạy theo lời anh lại.

“Nào, Gilbert, anh không được giận dỗi bỏ đi như thế. Ngồi xuống đây và em sẽ xin lỗi thậttttt là ngoan, đáng lẽ em không nên nói thế. Nhưng... ôi, giá như anh biết...”

Anne kịp thời ngăn mình lại. Suýt chút nữa cô đã tiết lộ bí mật của Leslie.

“Biết phụ nữ nghĩ về việc này như thế nào,” cô kết câu một cách bồi bác.

“Anh nghĩ là anh biết. Anh đã nhìn vấn đề từ mọi khía cạnh... và anh đã đi đến kết luận bốn phần của anh là phải nói với Leslie rằng anh tin Dick có thể được chữa trị về như bình thường; trách nhiệm của anh kết thúc ở đó. Cô ấy là người quyết định mình sẽ làm gì.”

“Em không nghĩ anh có quyền đặt lên cô ấy một trách nhiệm như thế. Cô ấy đã phải chịu đựng đủ rồi. Cô ấy nghèo... cô ấy chi trả cho một cuộc phẫu thuật như thế làm sao?”

“Đây là chuyện cô ấy phải quyết định,” Gilbert vẫn kiên quyết nói.

“Anh nói anh nghĩ Dick có thể được chữa trị. Nhưng anh có *chắc* không?”

“Chắc chắn là không. Không ai có thể chắc được một việc như vậy. Có thể có những tổn thương vào chính não, hậu quả việc đó thì không thể đỡ bỏ được. Nhưng nếu mà, như anh tin, sự mất trí nhớ và các chức năng của anh ấy chỉ vì áp lực lên các trung tâm đầu não của một vài bộ phận bị xương chèn ép, thì anh ấy có thể được chữa khỏi.”

“Nhưng đây chỉ là một khả năng!” Anne khẳng định. “Nào, giả sử anh nói với Leslie và cô ấy quyết định phẫu thuật. Sẽ tốn rất nhiều tiền. Cô ấy sẽ phải vay mượn, hoặc bán phần tài sản ít ỏi của mình. Và giả sử cuộc phẫu thuật thất bại và Dick vẫn như thế. Làm thế nào cô ấy trả được phần tiền đã mượn, hay kiếm sống nuôi mình và cái con người vô dụng to xác ấy khi phải bán nông trại đi?”

“Ôi, anh biết... anh biết. Nhưng bốn phận của anh là phải nói với cô ấy. Anh không thể thoát khỏi cái án đấy được.”

“Ôi, tôi biết cái sự bướng bỉnh của nhà Blythe mà,” Anne rên lên. “Nhưng đừng làm việc này chỉ vì trách nhiệm của riêng anh. Hãy tham vấn bác sĩ Dave.”

“Anh *đã* làm thế,” Gilbert miễn cưỡng nói.

“Và ông ấy nói sao?”

“Ngắn gọn thì... như em nói... hãy để yên mọi thứ như thế. Ngoài định kiến của mình về các loại phẫu thuật non trẻ, anh e rằng ông nhìn sự việc đúng theo cách nghĩ của em... đừng làm, vì Leslie.”

“Đây thấy chưa,” Anne đắc thắng kêu lên. “Em thật sự nghĩ, Gilbert à, rằng anh nên nghe theo phán quyết của một người đã gần tám mươi tuổi, đã chứng kiến rất nhiều điều và bản thân đã cứu được rất nhiều người... chắc chắn ý kiến của ông phải có trọng lượng hơn của một cậu nhãi ranh.”

“Cảm ơn em.”

“Đừng cười mà. Chuyện này quá nghiêm trọng.”

“Đấy chính là quan điểm của anh. Đây là một chuyện nghiêm trọng. Đây là một người đàn ông đang phải làm một gánh nặng vô dụng. Anh ta có thể được trả lại lý trí và sự hữu dụng...”

“Trước kia anh ta mới hữu dụng làm sao chứ,” Anne ngắt lời vẻ khinh miệt.

“Có thể anh ta nên được cho một cơ hội để làm điều tốt và cứu chuộc quá khứ. Vợ anh ta không biết việc này. Vì thế bổn phận của anh là phải nói với cô ấy rằng có một khả năng như thế. Đấy, tóm lại, là quyết định của anh.”

“Đừng nói ‘quyết định’ vội, Gilbert. Tham vấn một người khác xem. Hỏi thuyền trưởng Jim xem ông nghĩ gì về việc này.”

“Được thôi. Nhưng anh không hứa sẽ nghe theo ý kiến của ông đâu, Anne à. Đây là một việc mà một người đàn ông phải tự mình quyết định. Lương tâm của anh sẽ không bao giờ được thanh thản nếu anh giữ im lặng chuyện này.”

“Ôi, lương tâm của anh!” Anne rên rỉ. “Em nghĩ chú Dave cũng có lương tâm chứ, không phải hả?”

“Đúng. Nhưng anh không phải là người giữ gìn lương tâm của chú ấy. Thôi nào, Anne, nếu chuyện này không liên quan đến Leslie... nếu nó chỉ thuần túy là một trường hợp trù tượng nào đó, em sẽ đồng ý với anh... em biết là thế mà.”

“Em sẽ không đồng ý,” Anne thề, cố tự tin vào lời mình nói. “Ôi, anh có thể tranh cãi với em cả đêm, Gilbert à, nhưng anh không thuyết phục được em đâu. Anh cứ hỏi cô Cornelia xem cô ấy nghĩ gì về chuyện này.”

“Em đã bị dồn đến đường cùng rồi, Anne à, khi mà em mang cô Cornelia ra làm cứu viện. Cô ấy sẽ nói ‘Đúng là đồ đàn ông,’ và giận điên lên. Không vấn đề gì. Đây không phải là chuyện cô Cornelia phải nhúng tay vào. Chỉ mình Leslie phải quyết định chuyện này.”

“Anh thừa biết là cô ấy sẽ quyết như thế nào,” Anne nói, sắp trào nước

mắt. “Cô ấy cũng có ý tưởng về trách nhiệm. Em không thấy làm thế nào anh có thể gánh một trách nhiệm như thế lên vai mình. Em thì không thể nào.”

“Bởi đúng là đúng phải làm cho đúng

Dù khôn ngoan bị hậu quả khinh thường,”

Gilbert trích đọc.

“Ôi, anh lấy thơ ra làm lập luận thuyết phục cơ đấy!” Anne khịt mũi. “Đúng là đồ đàn ông mà.”

Và rồi cô bật cười dù không muốn. Nghe quá giống một tiếng vọng của cô Cornelia.

“À, nếu em không chấp nhận Tennyson có thẩm quyền, có lẽ em nên tin lời của một đấng Vĩ đại hơn ông ấy,” Gilbert nghiêm trang nói. “ ‘Người sẽ biết sự thật và sự thật sẽ giải phóng cho người.’ Anh tin điều đó, Anne à, bằng cả trái tim anh. Đây là câu nói tuyệt diệu nhất và vĩ đại nhất trong Kinh Thánh... hay trong bất cứ sách vở nào... và *đúng nhất*, nếu có thang so sánh mức độ đúng sai. Và trách nhiệm đầu tiên của con người là phải nói sự thật, đúng như anh ta nhìn thấy và tin.”

“Trong trường hợp này sự thật sẽ không giải phóng Leslie tội nghiệp,” Anne thở dài. “Nó có thể sẽ mang thêm xích xiềng cay đắng cho cô ấy. Ôi, Gilbert, em *không thể* nghĩ là anh đúng được đâu.”

30. Leslie quyết định

Một đợt bùng phát cúm virus ở làng Glen và dưới xóm chài khiến Gilbert quá bận rộn trong suốt hai tuần tiếp theo, đến nỗi anh không có thời gian đến thăm thuyền trưởng Jim như đã hứa. Anne cứ mong mỏi trong vô vọng rằng anh đã từ bỏ cái ý tưởng về Dick Moore, và quyết tâm không khuấy động những rắc rối đang ngủ yên lên, cô không nói thêm gì về vấn đề đó nữa. Nhưng cô liên tục nghĩ về nó.

“Mình tự hỏi liệu nói với anh ấy rằng Leslie quan tâm đến Owen có đúng đắn không,” cô nghĩ. “Anh ấy sẽ không bao giờ để cô ấy nghi ngờ rằng mình biết, vậy nên lòng tự trọng của cô ấy sẽ không bị tổn thương, và điều đó *có*

thể thuyết phục anh rằng anh nên để Dick Moore yên. Có nên không... có nên không? Không, nói cho cùng thì mình không thể. Lời hứa là thiêng liêng, và mình không có quyền tiết lộ bí mật của Leslie. Nhưng ôi, trong đời mình chưa bao giờ lo lắng về chuyện gì như chuyện này. Nó làm hỏng cả mùa xuân... làm hỏng mọi thứ.”

Một buổi chiều tối Gilbert đột ngột đề nghị cả hai đi xuống thăm thuyền trưởng Jim. Anne nôn nao đồng ý, và họ lên đường. Hai tuần nắng đẹp đã trút một phép màu xuống vùng đất ẩm đạm mà con qua của Gilbert đã bay qua. Những ngọn đồi và cánh đồng đã khô ráo và trở nên ẩm áp, sẵn sàng đâm chồi nảy lộc; con đường dài dẫn xuống cảng như một dải lụa lấp lánh đỏ; dưới đụn cát một đám con trai ra ngoài câu cá ốt me, đang đốt những đám cỏ đồi cát khô dài của mùa hè trước. Những đám lửa hồng hào lướt qua đồi cát, tung những lưỡi lửa như lá cờ đỏ rực của mình trên nền con vịnh tối thẫm phía sau, chiếu sáng kênh nước và xóm chài. Đây là một cảnh tượng nên thơ hẳn đã gọi bao hứng thú trong mắt Anne vào lúc khác; nhưng cô không tận hưởng được chuyến đi này. Gilbert cũng thế. Tình đồng chí thân thiết vốn có và sự tương hợp kiểu Joseph về sở thích cũng như quan điểm của cả hai đều thiếu vắng một cách đáng buồn. Sự phản đối của Anne đối với toàn bộ sự việc hiển hiện trong cái ngẩng cao đầu kiêu kỳ và vẻ lịch sự cẩn trọng trong những nhận xét của mình. Khuôn miệng Gilbert nghiêm lại với tất cả sự bướng bỉnh nhà Blythe, nhưng mắt anh đầy những băn khoăn. Anh quyết làm điều mà anh tin là bổn phận của mình; nhưng phải ở thế đối đầu với Anne là một cái giá đắt phải trả. Nói chung cả hai đều mừng khi đến được ngọn đèn... và đều buồn vì mình lại thấy mừng.

Thuyền trưởng Jim đặt tấm lưới cá ông đang làm dở qua một bên, và chào đón hai người đầy hoan hỉ. Trong ánh sáng dò dẫm của buổi chiều tối mùa xuân trông ông già hơn bất cứ lúc nào Anne thấy. Mái tóc ông đã bạc đi nhiều đôi tay già mạnh khỏe hơi run. Nhưng đôi mắt vẫn rõ và vững vàng, và tâm hồn vững chãi nhìn ra qua đôi mắt ấy vẫn đẹp đẽ và không chút lo sợ.

Thuyền trưởng Jim lắng nghe trong im lặng kinh ngạc khi Gilbert nói những gì mình đến để nói. Anne, biết rõ ông thần tượng Leslie, cảm thấy khá chắc chắn rằng ông sẽ về phe cô, mặc dù cô không mấy hy vọng rằng điều đó sẽ ảnh hưởng đến Gilbert. Thế nên cô ngạc nhiên không sao tả xiết khi thuyền trưởng Jim, từ tốn và buồn bã, nhưng không do dự, đưa ra ý kiến của mình rằng nên nói với Leslie.

“Ôi, thuyền trưởng Jim, cháu không nghĩ ông sẽ nói thế đâu,” cô kêu lên về hờn trách. “Cháu cứ tưởng ông sẽ không muốn gây thêm rắc rối cho cô ấy chứ.”

Thuyền trưởng Jim lắc đầu.

“Ta không hề muốn. Ta biết cháu thấy ra sao về chuyện này, cháu Blythe ạ... cũng như ta cảm thấy vậy thôi. Nhưng cảm xúc của chúng ta không phải là thứ ta dùng để chèo lái qua cuộc đời... không, không, nếu làm thế thì đắm tàu suốt mà thôi. Chỉ có một kim chỉ nam duy nhất an toàn và chúng ta phải nhắm hướng đó mà đi... làm điều đúng. Ta đồng ý với anh bác sĩ. Nếu có cơ hội dành cho Dick, Leslie cần được biết. Không có phe này phe kia gì ở đây cả, theo ý ta.”

“Thôi,” Anne nói, đầu hàng trong tuyệt vọng, “cứ đợi đến khi cô Cornelia quở mắng hai người đàn ông các ông đi.”

“Cornelia sẽ cày nát chúng ta, không còn nghi ngờ gì nữa,” thuyền trưởng Jim đồng ý. “Phụ nữ các cháu là những giống loài đáng yêu, cháu Blythe ạ, nhưng các người chỉ hơi phi lý một tý. Cháu là một quý cô có học vấn cao và Cornelia thì không, nhưng cả hai giống nhau như hai hạt đậu ấy. Ta chẳng biết như thế có phải dở hay không nữa. Logic hẳn là một thứ cứng nhắc, nhẫn tâm lắm, ta đoán vậy. Nào, giờ ta sẽ pha một ấm trà và chúng ta sẽ uống trà và nói những chuyện vui vẻ, chỉ để tĩnh trí lại đôi chút.”

Ít nhất thì món trà và cuộc trò chuyện của thuyền trưởng Jim cũng trấn tĩnh được đầu óc của Anne đến một mức độ khiến cô không bắt Gilbert phải chịu đựng quá nhiều trên đường về như cô đã chủ định từ đầu. Cô không đã động gì đến vấn đề đang cháy bỏng kia, mà trò chuyện vui vẻ về các vấn đề khác, và Gilbert hiểu rằng mình đã được tha thứ một cách miễn cưỡng.

“Mùa xuân này thuyền trưởng Jim có vẻ rất già yếu anh ạ. Mùa đông đã làm ông ấy già đi rất nhiều,” Anne buồn bã nói. “Em sợ rằng ông sẽ sớm đi gặp Margaret. Em không chịu nổi khi nghĩ đến điều đó.”

“Bốn Làn Gió sẽ không còn như xưa nữa khi thuyền trưởng Jim ‘nhỏ neo ra biển’,” Gilbert đồng tình.

Chiều tối hôm sau anh đi lên căn nhà nhỏ đầu suối. Anne lang thang trong u sầu cho đến khi anh trở về.

“Thế nào, Leslie nói gì?” cô hỏi khi anh bước vào.

“Rất ít. Anh nghĩ cô ấy cảm thấy hơi choáng.”

“Và cô ấy có định cho làm phẫu thuật không?”

“Cô ấy sẽ suy nghĩ và quyết định sớm thôi.”

Gilbert mệt mỏi quăng mình vào chiếc ghế dựa trước lò sưởi. Trông anh thật mệt mỏi. Chẳng dễ dàng gì với anh khi phải nói với Leslie. Và nỗi kinh hoàng bùng lên trong đôi mắt cô khi ý nghĩa của những gì anh nói vỡ ra trong cô không phải là một điều dễ chịu để mà nhớ lại. Giờ đây, khi sức sắc đã gieo xuống rồi, anh bị những nghi ngờ về suy xét của chính mình bủa vây.

Anne nhìn chồng buồn bã; rồi cô trườn xuống tầm tầm cạnh anh và đặt mái đầu đỏ bóng mượt lên cánh tay anh.

“Gilbert, em đã xử sự rất đáng ghét trong việc này. Em sẽ không thế nữa. Làm ơn cứ gọi em là đồ tóc đỏ và tha lỗi cho em đi.”

Qua đó Gilbert hiểu rằng, dù có chuyện gì xảy ra, sẽ không có câu em-đã-bảo-mà nào cả. Nhưng anh không hoàn toàn được an ủi. Bốn phận trên lý thuyết là một chuyện; bốn phận trên thực tế là một chuyện khác, nhất là khi người tiến hành phải đối mặt với đôi mắt tuyệt vọng của một người đàn bà.

Một thứ bản năng khiến Anne tránh gặp Leslie trong ba ngày sau đó. Vào buổi tối thứ ba Leslie xuống căn nhà nhỏ nói với Gilbert rằng cô đã ra quyết định; cô sẽ đưa Dick đến Montreal làm phẫu thuật.

Trông cô rất nhợt nhạt và có vẻ như đã phủ lên mình tấm áo xa cách cũ. Nhưng mắt cô đã mất đi cái nhìn đã ám ảnh Gilbert; chúng lạnh và sáng, và cô tiếp tục thảo luận các chi tiết với anh một cách ngắn gọn, thực tế. Có rất nhiều kế hoạch phải lên và nhiều việc phải nghĩ thấu đáo. Khi Leslie đã có được thông tin mình cần, cô trở về nhà. Anne muốn đi một đoạn đường với cô.

“Tốt hơn là thôi,” Leslie nói cộc lốc. “Cơn mưa hôm nay đã làm mặt đất rất ẩm ướt. Chúc ngủ ngon.”

“Em đã mất bạn rồi sao?” Anne nói với một tiếng thở dài. “Nếu cuộc

phẫu thuật thành công và Dick Moore tìm lại được chính mình, Leslie sẽ rút lui vào một pháo đài xa xôi nào đó trong tâm hồn, nơi không ai trong chúng ta có thể tìm được cô ấy.”

“Có thể cô ấy sẽ bỏ anh ta,” Gilbert nói.

“Leslie sẽ không bao giờ làm vậy, Gilbert à. Ý thức bổn phận của cô ấy rất mạnh mẽ. Cô ấy từng nói với em rằng bà nội West của cô ấy luôn nhấn mạnh lên cô sự thật rằng khi ta đã lãnh lấy bất cứ một trách nhiệm nào thì ta không bao giờ được từ bỏ, dù hậu quả có ra sao. Đây là một trong những nguyên tắc cốt yếu của cô ấy. Em cho rằng nó rất lỗi thời.”

“Đừng cay đắng như vậy, Anne cưng. Em biết em không nghĩ như thế là lỗi thời mà... em biết em cũng có cùng ý tưởng về sự thiêng liêng của những bổn phận đã nhận lãnh. Và em nghĩ đúng. Từ bỏ trách nhiệm là lời nguyền của cuộc sống hiện đại... bí mật đằng sau mọi bất ổn và bất bình đang sôi sục trên thế giới.”

“Nhà thuyết giáo vừa lên tiếng kia,” Anne trêu. Nhưng bên dưới sự mỉa mai cô cảm thấy anh nói đúng; và trong thâm tâm cô đau khổ đến phát bệnh vì Leslie.

Một tuần sau cô Cornelia giáng xuống như một cơn bão tuyết lên ngôi nhà nhỏ. Gilbert đi vắng và Anne buộc phải một mình hứng chịu cú sốc va chạm.

Cô Cornelia thậm chí không đợi bỏ mũ ra để bắt đầu.

“Anne, cháu có định nói với ta là chuyện ta vừa nghe nói là sự thật không... rằng bác sĩ Blythe đã nói với Leslie là Dick có thể được chữa khỏi, và rằng nó sắp đưa thằng kia lên Montreal để cho người ta làm phẫu thuật?”

“Vâng, đúng thế cô Cornelia ạ,” Anne dững cảm nói.

“À, thế thì thật là tàn bạo phi nhân tính, là như thế đấy,” cô Cornelia nói, bực tức điên cuồng. “Ta thật sự đã từng nghĩ bác sĩ Blythe là một người đàn ông tử tế. Ta không nghĩ anh ta có thể phạm cái tội này.”

“Bác sĩ Blythe nghĩ bốn phận của anh ấy là phải nói với Leslie rằng có một cơ hội dành cho Dick,” Anne nồng nhiệt nói, “và,” cô nói thêm, lòng trung thành với Gilbert đã chiến thắng, “cháu cũng đồng ý với anh ấy.”

“Ôi không, cháu không làm thế chứ, cưng ơi,” cô Cornelia nói. “Nếu có dù chỉ một chút lòng trắc ẩn thì không ai có thể làm như vậy.”

“Thuyền trưởng Jim cũng thế.”

“Đừng có nhắc lại lời cái thằng cha già đại dột đó với ta,” cô Cornelia kêu lên. “Và ta không quan tâm ai đồng ý với lão. Nghĩ đi... *hãy nghĩ* điều này có nghĩa gì với cô gái tội nghiệp bị săn đuổi, bị bóc lột ấy đi.”

“Chúng cháu có nghĩ đến việc ấy. Nhưng Gilbert tin rằng một người bác sĩ cần phải đặt sự khỏe mạnh về tâm trí cũng như cơ thể của người bệnh lên trước mọi lo nghĩ khác.”

“Đúng là đồ đàn ông! Nhưng mà ta đã hy vọng những điều khá khảm hơn ở cháu, Anne à,” cô Cornelia nói, buồn bã nhiều hơn là giận dữ; rồi cô tiếp tục dội bom Anne bằng chính những luận điệu mà cô đã dùng để tấn công Gilbert; và Anne quả cảm bảo vệ chồng mình bằng những vũ khí mà anh đã dùng để tự bảo vệ mình. Cuộc tranh cãi hết sức dài, nhưng cô Cornelia cuối cùng cũng kết thúc.

“Thật là một nỗi xấu hổ vô đạo đức,” cô tuyên bố, gần như phát khóc. “Đúng là như thế đấy, một nỗi xấu hổ vô đạo đức. Tội nghiệp, tội nghiệp Leslie!”

“Cô không nghĩ Dick cũng nên được cân nhắc một chút ư?” Anne nài nỉ.

“Dick! Dick Moore! Nó vẫn vui vẻ mà. Hiện tại nó là một thành viên cư xử đàng hoàng và đáng kính trong xã hội hơn bao giờ hết. Trời ạ, nó từng là một thằng nghiện rượu và có thể còn tệ hơn. Cháu định cho nó sống ra một lần nữa để gào thét và cắn xé hay sao?”

“Anh ấy có thể sẽ cải tạo,” Anne tội nghiệp nói, bị cả kẻ thù bên ngoài và kẻ phản bội bên trong bủa vây.

“Cải tạo bà nội cô ấy!” cô Cornelia bật lại. “Dick Moore bị thương như thế trong một cuộc ẩu đả say khướt. Nó *đáng* phải chịu số phận ấy. Cái định mệnh ấy giáng xuống nó để trừng phạt nó. Ta không tin anh bác sĩ có bất cứ việc gì mà phải táy máy với những can thiệp của Chúa.”

“Không ai biết vì sao Dick bị thương, cô Cornelia ạ. Có thể không phải trong một cuộc ẩu đả rượu chè gì hết cả. Có thể anh ấy bị mai phục và bị cướp.”

“Mấy con lợn *có thể* huýt sáo, nhưng mà mồm mép như thế thì huýt sáo dở ẹt mà thôi,” cô Cornelia nói. “Nào, tóm gọn lại chuyện cháu nói với ta là mọi thứ đã an bài rồi và nói năng cũng chẳng có ích gì nữa. Nếu đúng là như thế ta sẽ ngậm miệng. Ta không định lấy răng mà gặm giữa. Khi mọi chuyện phải như thế thì ta sẽ chịu như thế. Nhưng trước hết ta muốn đảm bảo hết sức mình rằng chuyện *phải* là như thế. Giờ thì ta sẽ hiến sức lực *của ta* vào việc an ủi và chống đỡ cho Leslie. Và xét cho cùng thì,” cô Cornelia nói thêm, bưng lên hy vọng, “có thể sẽ chẳng làm được quái gì cho thằng Dick hết.”

31. Sự thật mang tự do

Leslie, một khi đã quyết làm gì, liền tiến hành làm việc đó với một sự cương quyết và tốc độ đặc trưng. Dọn dẹp nhà cửa phải được hoàn thành đầu tiên, dù có vấn đề sống chết gì đang chờ đợi đằng sau. Căn nhà màu xám phía trên bờ suối được đưa vào một trật tự và ngăn nắp không tì vết, với sự trợ giúp hăm hở từ phía cô Cornelia. Cô Cornelia, đã nói xong những gì cần nói với Anne, và sau đó là với Gilbert và thuyền trưởng Jim... không chừa một người nào, chắc chắn là như thế... không bao giờ nhắc đến chuyện đó với Leslie. Cô chấp nhận sự thật về cuộc phẫu thuật của Dick, chỉ nhắc đến khi cần thiết theo kiểu việc làm, và phớt lờ đi khi không cần thiết. Leslie không bao giờ cố đem việc đó ra bàn thảo. Cô rất lạnh lùng và im ắng trong

những ngày mùa xuân đẹp đẽ đó. Cô hiếm khi đến thăm Anne, và tuy trước sau cô vẫn lịch sự và thân thiện, song chính cái lịch sự đó là một rào cản giá băng giữa cô và những người trong căn nhà nhỏ. Những câu đùa cũ cùng tiếng cười và sự thân mật của những điều chung chung không còn có thể với được tới cô nữa. Anne kiên quyết không để mình cảm thấy bị tổn thương. Cô biết Leslie đang trong vòng kim kẹp của một cơn sợ hãi xấu xí... một nỗi sợ che kín cô khỏi những tia hạnh phúc và những giờ lạc thú nho nhỏ. Khi một xúc cảm lớn chiếm lấy tâm hồn, tất cả các cảm xúc khác bị đẩy sang một bên. Chưa bao giờ trong đời mình Leslie Moore lại né tránh tương lai với nỗi kinh hoàng ngoa ngoắt hơn. Nhưng cô vẫn đi về phía trước không nao núng trên con đường mà cô đã chọn như những vị thánh tử vì đạo thưở xưa, dấu biết kết cục là nỗi khổ đau cuồng nộ của cây nọc hỏa thiêu.

Vấn đề tài chính được thu xếp dễ dàng hơn Anne lo sợ. Leslie mượn số tiền cần thiết từ thuyền trưởng Jim, và trước sự khăng khăng của cô, ông nhận thế chấp là nông trại nhỏ.

“Thế là bớt được một vấn đề khỏi đầu óc con bé tội nghiệp,” cô Cornelia nói với Anne, “và khỏi đầu óc của ta nữa. Nào, nếu Dick hồi phục đủ để làm việc lại, nó sẽ có thể kiếm đủ tiền để trả lãi; còn nếu nó không khỏi ta biết thuyền trưởng Jim sẽ xoay xở làm sao cho Leslie không phải trả. Ông ấy nói với ta chừng đó. ‘Ta già rồi, Cornelia ạ,’ ông ấy nói, ‘và ta không có con cháu gì cả. Leslie không chịu nhận quà từ một người sống, nhưng có thể nó sẽ nhận từ một người chết.’ Vậy là mọi chuyện ổn cả xét về khía cạnh đó. Ta hy vọng các thứ khác cũng sẽ được dàn xếp thỏa đáng như thế. Còn về cái thằng Dick chết giẫm kia, mấy ngày gần đây nó thật là kinh khủng. Có con quỷ ở trong người nó, tin *ta* đi! Leslie và ta không sao làm việc được với những cái trò mèo của nó. Hôm nọ nó đuổi đám vịt chạy quanh sân đến khi bọn vịt chết gần hết. Và nó không chịu làm cho bọn ta một cái gì. Nhiều lúc, cháu biết không, nó cũng giúp một tay một chân, xách nước bữa củi. Nhưng tuần này nếu bọn ta mà sai nó ra giếng thì nó sẽ cố trèo xuống đó. Có lần ta nghĩ, ‘Giá mà cứ đâm tuột đầu xuống đó có phải mọi thứ đã dàn xếp ổn thỏa rồi không.’”

“Ôi, cô Cornelia!”

“Này cô không cần phải nói cô Cornelia như thế, cô Anne ạ, bất kỳ ai cũng sẽ nghĩ vậy thôi. Nếu mấy ông bác sĩ Montreal mà hô biến ra được một thằng người tử tế từ Dick Moore thì các ông ấy quả là thần kỳ đấy.”

Leslie đưa Dick đi Montreal vào đầu tháng Năm. Gilbert đi cùng cô, để giúp cô, và sắp xếp những việc cần thiết cho cô. Anh trở về với báo rằng vị bác sĩ phẫu thuật ở Montreal mà bọn họ tham vấn đồng ý với anh rằng có nhiều cơ hội phục hồi cho Dick.

“An ủi quá đi mất,” là nhận xét móm mĩa từ cô Cornelia.

Anne chỉ thở dài. Lúc chia tay Leslie tỏ ra vô cùng xa cách.

Nhưng cô đã hứa sẽ viết thư. Mười ngày sau khi Gilbert trở về thư đến. Leslie viết rằng cuộc phẫu thuật đã được tiến hành thành công và rằng Dick đang hồi phục tốt.

“Cô ấy nói ‘thành công’ là có ý gì?” Anne hỏi. “Có phải ý cô ấy là trí nhớ của Dick đã được phục hồi không?”

“Không chắc... vì cô ấy không nói gì về chuyện đấy,” Gilbert nói. “Cô ấy dùng từ ‘thành công’ từ quan điểm của người làm phẫu thuật. Cuộc phẫu thuật đã được thực hiện và theo sau đó là các kết quả thông thường. Nhưng vẫn còn quá sớm để biết liệu các chức năng của Dick cuối cùng có được hồi phục hay không, toàn bộ hay từng phần. Ký ức của anh ta chắc sẽ không trở lại với anh ta ngay một lúc được. Quá trình sẽ phải từ từ, nếu có xảy ra. Cô ấy chỉ nói thế thôi à?”

“Vâng... thư của cô ấy đây. Ngắn lắm. Tội nghiệp, chắc cô ấy đang phải chịu căng thẳng kinh khủng lắm. Gilbert Blythe, có một đồng thứ em muốn nói với anh, có điều thế thì ác độc lắm.”

“Cô Cornelia nói hộ em rồi,” Gilbert nói với một nụ cười thảm thiết. “Mỗi lần gặp anh là cô ấy cày anh ra bã. Cô ấy nói rõ với anh rằng cô ấy xem anh không nhỉnh hơn một tên giết người là bao nhiêu, và cô ấy nghĩ thật đáng tiếc là bác sĩ Dave đã để anh thế chỗ ông ấy. Cô ấy thậm chí còn bảo anh rằng ông bác sĩ Giám lý bên kia vịnh còn khá khảm hơn anh. Với cô Cornelia sức mạnh của phán quyết không còn có thể đi xa hơn được nữa.”

“Nếu Cornelia Bryant mà bị ốm, cô ta sẽ chẳng gọi bác sĩ Dave hay ông bác sĩ Giám lý đâu,” bà Susan khịt mũi. “Cô ta sẽ lòi cậ dậy khỏi cái giường khổ công mới có được của cậ giữa đêm khuya, cậ bác sĩ thân mến ạ, nếu cô ta bị một phen thống khổ, cô ta sẽ làm thế đấy. Và rồi chắc chắn cô ta sẽ nói hóa đơn của cậ vô lý hết mức nói. Nhưng cậ đừng để ý cô ta, cậ

bác sĩ thân mến. Trên đời có đủ loại người vậy đó mà.”

Không một tin gì từ Leslie trong một thời gian. Những ngày tháng Năm lừ đừ trôi trong một nối tiếp ngọt ngào và những bãi bờ của cảng Bốn Làn Gió cứ xanh tươi và nở rộ rồi thắm dần. Một ngày cuối tháng Năm họ Gilbert trở về nhà thì gặp phải bà Susan trong sân chuồng ngựa.

“Tôi e rằng có chuyện gì đó đã làm cô bác sĩ bất an, cậu bác sĩ thân mến ạ,” cô nói về bí hiểm. “Chiều nay cô ấy nhận được một lá thư và từ đó đến giờ cô ấy cứ đi đi lại lại quanh vườn lảm nhảm một mình. Cậu biết cô mà đi lại nhiều vậy là không tốt mà cậu. Cô ấy không tiện nói cho tôi biết có tin tức gì, mà tôi không phải là người thóc mách, chưa bao giờ, nhưng rõ ràng có chuyện gì đó đang làm cô nhà bất an. Mà bất an thì không tốt cho cô nhà.”

Gilbert bước nhanh ra vườn về hơi hồi hộp. Có chuyện gì xảy ra ở Chái Nhà Xanh chẳng? Nhưng Anne, ngồi trên chiếc ghế mây bên con suối, không có vẻ lo lắng, mặc dù chắc chắn là cô vô cùng phấn khích. Đôi mắt xám sáng rực, và những đốm đỏ rực cháy trên đôi má.

“Chuyện gì xảy ra vậy Anne?”

Anne cười về hơi kỳ lạ.

“Em nghĩ anh sẽ không tin đâu khi em kể với anh, Gilbert ạ. Chính *em* còn chưa tin được nữa là. Như Susan nói hôm nọ, ‘Tôi thấy một con ruồi mới đến sống trên mặt trời... choáng váng.’ Thật không thể tin nổi. Em đã đọc bức thư này mấy lần rồi và lần nào cũng thế... em không thể tin được vào chính mắt mình. Ôi, Gilbert, anh đã đúng... quá đúng. Giờ thì em thấy rõ rồi... và em xấu hổ biết bao... anh có bao giờ tha thứ cho em được không?”

“Anne, anh sẽ lắt em ra trò nếu em không ăn nói mạch lạc lên. Trường Redmond sẽ xấu hổ vì em đấy. Chuyện gì đã xảy ra?”

“Anh sẽ không tin đâu... anh sẽ không tin đâu...”

“Anh đi gọi ông Dave đây,” Gilbert nói, giả vờ đi về phía căn nhà.

“Ngồi xuống đi, Gilbert. Em sẽ cố kể cho anh. Em vừa nhận được một bức thư, và ôi, Gilbert ơi, thật quá kinh ngạc... kinh ngạc không sao tả xiết... chúng ta chưa bao giờ nghĩ tới... không một ai trong chúng ta dám

mơ...”

“Anh cho rằng,” Gilbert nói, ngồi xuống với vẻ xuôi xị, “điều duy nhất phải làm trong trường hợp như thế này là kiên nhẫn và đi vào vấn đề một cách có tổ chức. Lá thư của em đến từ ai?”

“Leslie... và, ôi, Gilbert...”

“Leslie! Phù! Cô ấy nói những gì? Có tin tức gì về Dick?”

Anne nâng lá thư lên và chìa ra, kịch tính một cách bình tĩnh trong một giây.

“*Không có Dick nào hết!* Người mà chúng ta nghĩ là Dick Moore... người mà tất cả mọi người ở Bốn Làn Gió đã tin trong suốt mười hai năm nay là Dick Moore... là anh họ của anh ta, George Moore, ở Nova Scotia, người mà có vẻ như luôn giống anh ta một cách rất đặc biệt. Dick Moore đã chết vì bệnh sốt vàng da ở Cuba từ mười ba năm trước.”

32. Cô Cornelia bàn chuyện

“Và cháu định nói với ta, Anne cưng, rằng Dick Moore hóa ra không hề là Dick Moore mà là một người khác? *Đấy* có phải là cái cháu gọi điện báo cho ta hôm nay không?”

“Vâng, cô Cornelia ạ. Kinh ngạc, phải không cô?”

“Đúng... đúng... là đồ đàn ông,” cô Cornelia bất lực nói. Cô cời mũ bằng những ngón tay run rẩy. Duy nhất một lần trong đời, cô Cornelia đã đờ hệt cả người ra một cách không thể chối cãi.

“Ta không thể nuốt nổi, Anne à,” cô nói. “Ta đã nghe cháu nói... và ta tin cháu... nhưng ta không thể thẩm thấu nổi chuyện này. Dick Moore đã chết... chết bao năm nay rồi... và Leslie được tự do?”

“Vâng. Sự thật đã giải phóng cho cô ấy. Gilbert đã đúng khi bảo câu nói ấy là câu nói vĩ đại nhất trong Kinh Thánh.”

“Kể hết cho ta đi, Anne cưng. Từ khi nhận điện thoại của cháu ta rồi tung hệt cả lên, tin *ta* đi. Cả đời Cornelia Bryant chưa bao giờ ngây dại đến mức

như thế này.”

“Không có nhiều chuyện để kể đâu ạ. Thư của Leslie ngắn lắm. Cô ấy không đi vào chi tiết. Người đàn ông này... George Moore... đã khôi phục được trí nhớ và biết mình là ai. Anh ta nói Dick mắc bệnh sốt vàng da ở Cuba, và con tàu *Bốn chị em* buộc phải nhổ neo mà không có anh ta. George ở lại để chăm sóc anh ta. Nhưng chẳng bao lâu sau thì anh ta qua đời. George không viết thư cho Leslie vì anh ta định về nhà ngay lập tức để tự mình nói với cô ấy.”

“Và tại sao hẳn ta lại không làm thế?”

“Cháu đoán là vụ tai nạn đã xen vào. Gilbert nói rất có thể George Moore không nhớ gì về vụ tai nạn, hay điều gì dẫn đến nó, và sẽ không bao giờ nhớ được. Có lẽ nó xảy ra gần như ngay sau cái chết của Dick. Chúng ta sẽ biết được thêm chi tiết khi Leslie viết tiếp thư.”

“Nó có nói nó định làm gì không? Khi nào nó về nhà?”

“Cô ấy nói cô ấy sẽ ở lại với George Moore cho đến khi nào anh ta có thể ra viện. Cô ấy đã viết thư cho bà con của anh ta ở Nova Scotia. Có vẻ như họ hàng gần duy nhất của George là một người chị đã lập gia đình lớn tuổi hơn anh ta nhiều. Bà ấy vẫn còn sống lúc con tàu *Bốn chị em* rời bến, nhưng hiển nhiên là chúng ta không biết được chuyện gì đã xảy ra từ đó đến nay. Cô đã bao giờ gặp George Moore chưa, cô Cornelia?”

“Ta có. Giờ thì ta nhớ lại cả rồi. Nó từng đến đây thăm ông chú Abner của nó từ mười tám năm trước, khi nó và Dick khoảng mười bảy tuổi. Chúng nó là anh em họ đôi, cháu biết đấy. Cha chúng nó là anh em ruột còn mẹ chúng nó là chị em sinh đôi, và chúng nó giống nhau khủng khiếp. Dĩ nhiên,” cô Cornelia nói thêm về khinh miệt, “đấy không phải loại giống nhau kỳ dị cháu đọc trong tiểu thuyết khi hai người giống nhau đến nỗi họ có thể đổi chỗ cho nhau mà những người thân cận nhất không biết ai với ai. Hồi đó ta có thể phân biệt khá dễ dàng ai là George ai là Dick, nếu ta thấy hai đứa cùng nhau và nhìn gần. Tách rời ra, hoặc ở khoảng cách xa xa, không dễ vậy. Chúng nó bày vô số trò trêu mọi người và nghĩ thế là vui lắm, hai thằng mất dạy. George Moore thì hơi cao hơn và béo hơn Dick rất nhiều... mặc dù hai đứa không đứa nào có thể gọi là béo... chúng đều thuộc dạng người dầy. Dick da ngăm hơn George, và tóc nó nhạt màu hơn một tẹo. Nhưng mặt mũi thì giống hệt nhau, và chúng nó đều có cái đôi mắt kỳ dị đó... một xanh lơ

một hạt dẻ. Nhưng ngoài ra thì chúng không giống nhau quá nhiều. George là một thằng nhóc khá tử tế, mặc dù cực kỳ thích gây chuyện, và có người nói từ hồi đó nó đã khoái uống rượu rồi. Nhưng tất cả mọi người đều thích nó hơn Dick. Nó ở đây khoảng một tháng, Leslie chưa bao giờ gặp nó; con bé hồi đó chỉ mới tám chín tuổi, và giờ ta nhớ là nó ở cả mùa đông bên kia vịnh với bà nội West của nó. Thuyền trưởng Jim cũng đi vắng nữa... đây là cái mùa đông ông ấy bị đắm tàu ở Magdalens. Ta nghĩ cả ông ấy cả Leslie đều chưa ai nghe nói đến thằng anh họ ở Nova Scotia giống Dick đến thế. Chẳng ai nghĩ đến thằng kia khi thuyền trưởng Jim mang Dick... phải nói là George mới đúng chứ... về nhà. Dĩ nhiên, chúng ta đều nghĩ Dick đã thay đổi rất nhiều... nó đã trở nên trì độn và béo ú. Nhưng chúng ta cho đó là tại những chuyện đã xảy ra với nó, và không còn nghi ngờ gì nữa đây đúng là lý do, vì, như ta đã nói, George từ đầu cũng không béo. Và không có cách nào chúng ta đoán được, vì trí khôn của thằng đó mất sạch sẽ rồi. Ta không thấy có gì kỳ lạ khi tất cả chúng ta đều đã bị lừa. Nhưng đây đúng là một việc đáng kinh ngạc. Và Leslie đã hy sinh những năm tháng đẹp đẽ nhất đời để chăm bẵm một thằng đàn ông không có quyền gì đòi hỏi nó điều đó! Ôi, tiên sư bọn đàn ông! Dù cho chúng làm cái gì đi nữa thì lúc nào cũng là người mà chúng không nên là. Bọn đàn ông thật sự làm ta điên đầu.”

“Gilbert và thuyền trưởng Jim là đàn ông, và chính nhờ họ mà sự thật cuối cùng đã được phát hiện ra mà,” Anne nói.

“Ồ, chuyện đó ta công nhận,” cô Cornelia miễn cưỡng thừa nhận. “Ta xin lỗi vì đã la rầy anh bác sĩ cỡ đó. Đây là lần đầu tiên trong đời mình ta thấy xấu hổ về bất cứ lời nào ta nói với một người đàn ông. Ta không biết liệu ta có nói với anh bác sĩ được thế không nữa. Anh chàng sẽ phải tự hiểu vậy. Nay, Anne cung, thật may là Chúa không đáp ứng tất cả những lời cầu nguyện của chúng ta nhỉ. Ta đã cầu nguyện suốt rằng cuộc phẫu thuật sẽ không chữa khỏi cho Dick. Dĩ nhiên ta không nói trắng ra như thế. Nhưng đây là điều ở sâu trong đầu ta, và ta không nghi ngờ gì là Ngài biết điều đó.”

“À, Ngài đã đáp ứng tinh thần lời cầu nguyện của cô rồi đây. Cô thực sự đã cầu mong mọi thứ sẽ không bị làm cho khó khăn hơn đối với Leslie mà. Cháu e rằng sâu kín trong thâm tâm cháu cũng đã hy vọng cuộc phẫu thuật sẽ không thành công, và thực bụng cháu thấy xấu hổ về việc đó.”

“Leslie đón nhận việc này ra sao?”

“Cô ấy viết thư như kiểu một người đang bị choáng áy. Cháu nghĩ là,

cũng như chúng ta, cô ấy chưa nhận ra được. Cô ấy nói, ‘Tất cả với mình như một giấc mơ kỳ lạ, Anne ạ.’ Đây là điều duy nhất cô ấy đã động đến bản thân mình.”

“Con bé tội nghiệp! Ta cho rằng khi xiềng xích được phá bỏ khỏi một người tù thì trong một thời gian anh ta sẽ thấy kỳ cục và mất phương hướng bởi không có chúng. Anne cũng, ta có ý này, nó cứ hiện đến trong đầu ta. Owen Ford thì sao nhỉ? Chúng ta đều biết Leslie thích anh chàng. Cháu đã bao giờ nghĩ chàng ta cũng thích con bé chưa?”

“Cháu... có... một lần,” Anne thừa nhận, cảm thấy rằng có lẽ mình đã nói quá nhiều.

“Ừ, ta chẳng có lý do gì để nghĩ là nó có thích, nhưng tự nhiên ta cứ thấy là *chắc chắn* nó phải thích. Nào, Anne cũng à, có Chúa biết ta không phải bà mai, và ta khinh ghét những việc làm như vậy. Nhưng nếu ta là cháu và đang viết thư cho anh chàng Ford kia ta sẽ đá qua, làm ra vẻ ngẫu nhiên thôi, chuyện đã xảy ra. Đây là việc *ta* sẽ làm.”

“Dĩ nhiên cháu sẽ đã động đến việc này khi cháu viết thư cho anh ấy,” Anne nói, vẻ hơi xa cách. Thế nào đó, đây là một điều cô không thể bàn với cô Cornelia. Thế nhưng, cô phải thừa nhận rằng cùng một ý đó đã ẩn hiện trong tâm trí cô kể từ khi cô nghe nói về sự tự do của Leslie. Nhưng cô không chấp nhận làm ý nghĩ đó mất thiêng bằng cách nói ra thành lời.

“Dĩ nhiên không có gì phải vội cho lắm, cũng à. Nhưng Dick Moore chết đã mười ba năm nay rồi và Leslie đã phí đời cho nó đủ rồi. Chúng ta sẽ chỉ xem chuyện này dẫn đến đâu thôi. Còn về thằng George Moore này, đã đi rồi lại quay lại với cuộc đời khi tất cả mọi người đều nghĩ hắn đã chết và xong xuôi hết, đúng như một thằng đàn ông, ta thật sự lấy làm tiếc cho nó. Có vẻ như nó chẳng lắp khít vào đâu cả.”

“Anh ấy vẫn còn trẻ, nếu anh ấy hồi phục hoàn toàn, mà có vẻ như chắc chắn là thế, thì anh ấy sẽ có thể tạo được một chỗ đứng cho riêng mình. Chắc chắn sẽ rất lạ lùng với anh ấy, anh chàng tội nghiệp. Cháu đoán là tất cả những năm tháng kể từ vụ tai nạn sẽ không tồn tại đối với anh ấy.”

33. Leslie trở lại

Một tuần sau, Leslie Moore trở về một mình với căn nhà cũ nơi cô đã trải qua bao năm tháng đắng cay. Trong ánh chạng vạng tháng Sáu cô băng qua cánh đồng đến nhà Anne, và xuất hiện đột ngột như bóng ma trong khu vườn thom.

“Leslie!” Anne kêu lên kinh ngạc. “Cậu mọc lên từ đâu vậy? Chúng mình không hề biết cậu sắp về. Sao cậu không viết thư? Nếu biết thì chúng mình đã đi đón cậu.”

“Không hiểu sao mình không viết được, Anne à. Cảm giác thật bất lực khi cố nói cái gì đó bằng bút mực. Và mình muốn trở về nhanh chóng không bị ai để ý.”

Anne vòng tay ôm quanh người Leslie và hôn cô. Leslie nòng ảm đáp lại cái hôn. Trông cô nhọt nhạt và mỏi mệt, và cô cất một tiếng thở dài khi ngồi phịch xuống trên cỏ bên cạnh một chậu hoa thủy tiên lớn đang bùng nở qua làn khói hoàng hôn mờ bạc như những vì sao vàng rục.

“Vậy là cậu trở về một mình ư, Leslie?”

“Ừ. Chị của George Moore đã đến Montreal đưa anh ấy về nhà. Anh chàng tội nghiệp, anh ấy rất buồn khi phải chia tay mình... mặc dù với anh ấy mình chỉ là một người xa lạ khi ký ức mới hồi phục. Anh ấy bám lấy mình trong suốt những ngày đầu tiên khó khăn ấy khi đang cố nhận ra rằng cái chết của Dick không phải là chuyện chỉ mới xảy ra hôm qua như anh ấy cảm giác. Mọi thứ thật sự rất khó khăn đối với anh ấy. Mình giúp anh ấy hết mức có thể. Khi người chị đến nơi mọi thứ cũng dễ dàng hơn, vì có vẻ như với George thì anh ấy chỉ vừa gặp bà ấy vài hôm trước. May mắn là bà ấy cũng không thay đổi nhiều, và điều đó cũng giúp ích cho George.”

“Tất cả thật lạ lùng và tuyệt vời, Leslie ạ. Mình nghĩ chúng ta chưa ai thật sự nhận ra điều đó.”

“Mình không sao nhận ra được. Khi bước vào căn nhà đằng kia một giờ trước, mình cảm thấy như đây *nhất định* là một giấc mơ... rằng Dick *nhất định* phải có mặt ở đây, với nụ cười ngây ngô của anh ta, như bao lâu nay vẫn thế. Anne ơi, mình vẫn còn bị choáng. Mình không vui mừng hay tiếc nuối... *không gì hết cả*. Mình thấy như cái gì đó vừa đột ngột bị rút bỏ khỏi cuộc đời mình và để lại một lỗ hổng khủng khiếp. Mình thấy như mình không thể là *mình*... như thể chắc chắn mình đã thay đổi thành một người

nào khác và không sao quen được với việc đây. Nó tạo cho mình một cảm giác cô đơn, choáng váng, vô vọng khủng khiếp. Gặp lại cậu thật là tốt... có vẻ như cậu là một dạng mỏ neo cho tâm hồn trôi dạt của mình. Ôi, Anne, mình sợ tất cả... những lời bàn tán và kinh ngạc và hỏi han. Khi nghĩ về chuyện đó, mình cứ ước mình không phải về nhà gì sát. Bác sĩ Dave có mặt ở ga lúc mình xuống tàu... ông ấy đưa mình về. Ông già tội nghiệp, ông ấy cảm thấy rất hối hận vì đã nói với mình nhiều năm trước đây rằng chẳng thể làm được gì cho Dick. ‘Ta thật sự nghĩ vậy, Leslie à,’ hôm nay ông ấy nói với mình. ‘Nhưng lý ra ta phải nói với cháu đừng dựa vào ý kiến của ta... đáng lẽ ta phải bảo cháu đi gặp một chuyên gia. Giá mà như thế, cháu đã đỡ được nhiều năm cay đắng, và đỡ cho George Moore tội nghiệp nhiều năm phí hoài. Ta tự trách mình nhiều lắm, Leslie.’ Mình bảo ông ấy đừng làm thế... ông ấy đã làm điều mà ông ấy cho là đúng. Ông ấy lúc nào cũng rất tốt với mình... mình không thể chịu được việc ông ấy phải lo lắng về chuyện đó.”

“Còn Dick... ý mình là George? Ký ức của anh ấy đã hồi phục hoàn toàn chưa?”

“Gần như thế. Dĩ nhiên, có rất nhiều chi tiết anh ấy chưa thể nhớ lại hết được... nhưng mỗi ngày anh ấy lại nhớ được thêm. Anh ấy ra ngoài đi dạo vào buổi tối sau khi Dick được chôn cất. Anh ấy cầm tiền và đồng hồ của Dick theo; anh ấy định mang chúng về cho mình, cùng với lá thư của mình. Anh ấy thừa nhận anh ấy có đi đến một nơi các thủy thủ tụ tập... và anh ấy nhớ có uống rượu... rồi không gì nữa. Anne à, mình sẽ không bao giờ quên được giây phút anh ấy nhớ được tên của chính mình. Mình thấy anh ấy nhìn mình với một vẻ mặt rất ‘biết’ nhưng bối rối. Mình nói, ‘Anh có biết em không, Dick?’ Anh ấy trả lời, ‘Tôi chưa bao giờ gặp chị. Chị là ai? Và tên tôi không phải là Dick. Tôi là George Moore, còn Dick đã mất vì bệnh sốt vàng da từ hôm qua rồi! Tôi đang ở đâu đây? Chuyện gì đã xảy ra với tôi?’ Mình... mình đã ngất đi, Anne ạ. Và từ đó đến nay mình cứ thấy như thể mình đang trong một giấc mơ.”

“Cậu sẽ sớm tự thích ứng với trạng thái mới này thôi, Leslie ạ. Và cậu còn trẻ... đời còn ở phía trước... cậu sẽ còn có nhiều năm đẹp đẽ.”

“Có lẽ rồi sau một thời gian mình sẽ có thể nhìn được mọi thứ như thế, Anne à. Ngay bây giờ mình thấy mệt mỏi và thờ ơ lắm khi nghĩ về tương lai. Mình... mình... Anne ơi, mình cô đơn lắm. Mình nhớ Dick. Thế có kỳ quái

không? Cậu biết đấy, mình thật sự thích Dick tội nghiệp... George chứ, mình nghĩ nên nói thế... cũng như mình thích một đứa trẻ bất lực phải dựa vào mình về mọi thứ. Mình sẽ không bao giờ thừa nhận chuyện này... mình thật sự xấu hổ về nó... vì, cậu thấy đấy, mình đã ghét và khinh Dick biết bao nhiêu trước khi anh ta bỏ đi. Khi mình nghe nói thuyên trưởng Jim đang đưa anh ta về nhà mình nghĩ mình cũng sẽ cảm thấy đúng hết như vậy với anh ta. Nhưng không hề... mặc dù mình vẫn tiếp tục căm ghét anh ta như mình nhớ về anh ta trước kia. Từ lúc anh ta trở về mình chỉ thấy thương hại... một sự thương hại làm mình tổn thương và đau lòng. Lúc đó mình nghĩ chắc chỉ vì vụ tai nạn đã làm anh ta trở nên bất lực và thay đổi đến thế. Nhưng giờ mình tin rằng ấy là vì thật sự có một con người khác ở đấy. Carlo biết, Anne à... giờ thì mình biết là Carlo biết. Mình luôn nghĩ thật lạ là Carlo lại không nhận ra Dick. Loài chó thường trung thành lắm. Nhưng nó biết không phải chủ nó đã về, mặc dù không ai trong chúng ta nhận ra. Mình chưa bao giờ gặp George Moore, cậu biết đấy. Giờ thì mình nhớ có lần Dick đã tình cờ đề cập tới việc anh ta có một người anh họ ở Nova Scotia trông giống anh ta như anh em sinh đôi; nhưng chuyện đó đã biến khỏi trí nhớ của mình, và dù gì thì mình sẽ nghĩ chuyện đó có gì quan trọng. Cậu thấy đấy, chẳng bao giờ mình lại nghĩ tới chuyện nghi ngờ danh tính của Dick. Có thay đổi gì ở anh ta đối với mình đều chỉ là hậu quả của vụ tai nạn.

“Ôi, Anne, cái đêm tháng Tư khi Gilbert nói với mình anh ấy nghĩ Dick có thể chữa được! Mình không bao giờ quên được nó. Với mình có vẻ như mình đã từng là một người tù trong một cái lồng tra tấn ghê sợ, và rồi cửa được mở và mình có thể ra ngoài. Mình vẫn bị trói vào cái lồng nhưng mình không phải ở trong lồng. Và cái đêm đó mình cảm thấy như một bàn tay tàn nhẫn đang kéo mình trở vào lồng... trở về với một sự tra tấn thậm chí còn khủng khiếp hơn trước. Mình không trách Gilbert. Mình cảm thấy anh ấy đúng. Và anh ấy đã rất tốt... anh ấy nói rằng nếu cân nhắc chi phí và tính không chắc chắn của cuộc phẫu thuật, mình quyết định không liều, anh ấy sẽ không trách mình dù chỉ là một chút. Nhưng mình biết mình phải quyết định như thế nào... và mình không đổi mặt nổi. Suốt đêm mình đi lại trong nhà như người điên, cố ép mình phải đối diện với chuyện đó. Mình không thể, Anne à... mình nghĩ là mình không thể... và khi trời sáng mình nghiêng rằng kiên quyết là mình sẽ không làm. Mình sẽ để nguyên mọi thứ như thế. Thật là độc địa, mình biết. Nếu mình có bị bỏ mặc phải tiếp tục chịu đựng vì cái quyết định đó thì cũng là hình phạt thích đáng cho sự độc địa ấy mà thôi. Mình cứ kiên quyết như vậy cả ngày. Chiều hôm đó mình phải lên Glen mua sắm. Đấy là một trong những ngày yên tĩnh, gà gặt của Dick, thế nên mình

để anh ta lại một mình. Mình đi lâu hơn dự định, và anh ta nhớ mình. Anh ta thấy cô đơn. Và khi mình về nhà, anh ta chạy ra đón mình đúng như một đứa trẻ, với một nụ cười thật hài lòng trên mặt. Không hiểu sao, Anne à, đúng lúc đó mình nhượng bộ. Nụ cười trên khuôn mặt ngơ ngác tội nghiệp của anh ta quá mức chịu đựng của mình. Mình cảm thấy như mình đang chối bỏ cơ hội được trưởng thành và phát triển của một đứa trẻ. Mình biết rằng mình phải cho anh ta cơ hội của mình, dù hậu quả có ra sao. Thế là mình sang nói với Gilbert. Ôi, Anne, chắc cậu đã nghĩ mình hần học lắm trong những tuần trước khi mình đi. Mình không cố ý đâu... nhưng mình không thể nghĩ được gì khác ngoài trừ mình phải làm gì, và mọi thứ và mọi người xung quanh mình chỉ như những cái bóng.”

“Mình biết... mình hiểu mà, Leslie. Và giờ thì mọi thứ đã qua hết rồi... gông xiềng của cậu đã vỡ... không còn chuồng cũ nữa.”

“Không còn chuồng cũ nữa,” Leslie lơ đãng lặp lại, đôi tay nâu mảnh khảnh ngắt những cọng cỏ viền quanh. “Nhưng... dường như không còn gì khác nữa Anne ạ. Cậu... cậu có nhớ điều mình nói với cậu về sự ngu xuẩn của mình cái đêm hôm đó trên đồi cát không? Mình nhận ra người ta không vượt qua được việc làm một con ngốc nhanh chóng cho lắm. Nhiều lúc mình nghĩ có những người suốt đời làm kẻ ngốc. Và làm một kẻ ngốc... loại đó... cũng tệ gần như là... một con chó bị xích.”

“Cậu sẽ thấy rất khác sau khi cậu qua được cơn mệt mỏi và kinh ngạc,” Anne nói, cô biết một việc mà Leslie không biết nên không thấy mình buộc phải phí hoài quá nhiều thương cảm.

Leslie đặt mái đầu vàng óng rực rỡ của mình dựa vào đầu gối Anne.

“Dẫu sao thì, mình đã có *cậu*,” cô nói. “Đời không thể quá trống trải với một người bạn như thế. Anne, vớ đầu mình đi... như thể mình là một cô bé... *dỗ dành* mình một chút đi... và hãy để mình kể cho cậu nghe trong khi cái lưỡi bướng bỉnh của mình đang lơ lửng đi một chút, rằng cậu và tình bạn của cậu đã có ý nghĩa gì với mình từ cái đêm mình gặp cậu trên bãi đá.”

34. Con tàu mơ ước cập bến

Một sáng nọ, khi một bình minh rực vàng lộng gió đang dâng lên trên vịnh trong từng đợt sóng ánh sáng, một con cò mồi cánh nọ bay qua dải đất

Bốn Làn Gió trên đường từ Xứ Sở Những Vì Sao Ban Tối. Dưới cánh nó giấu một sinh vật bé nhỏ đang say ngủ, mắt mơ màng. Con cò đã mỏi, và nó đăm đăm nhìn ra quanh mình. Nó biết nó đã ở đâu đó gần đích đến, nhưng nó chưa nhìn thấy được. Ngọn hải đăng trắng to lớn trên vách đá sa thạch đỏ có những điểm hay của nó; nhưng chẳng con cò nào sở hữu dù chỉ một chút tài tháo vát dám để một em bé mới tinh, mềm mại lại đó. Một căn nhà cũ màu xám, có rặng liễu bao quanh, trong một thung suối bùng nở, trông có vẻ hứa hẹn hơn, nhưng cũng không có vẻ là đích đến. Chỗ trú màu xanh lá lộ lộ phía xa kia càng hiển nhiên không phải. Rồi con cò rặng rờ hẫng lên. Nó đã tia thấy đúng địa điểm... một căn nhà màu trắng nho nhỏ nép cạnh một khu rừng linh sam lớn thâm thì... với một cuộn khói xanh lơ lững bay lên từ ống khói nhà bếp... một căn nhà trông đúng như thể sinh ra là dành cho những đứa trẻ. Con cò thở dài một tiếng thỏa mãn, và nhẹ nhàng hạ cánh xuống mái nhà.

Nửa tiếng sau Gilbert chạy xuống sảnh gỗ lên cánh cửa căn phòng dự phòng. Một giọng ngái ngủ đáp lại anh và một giây sau khuôn mặt nhợt nhạt, sợ hãi của bà Marilla lộ ra từ đằng sau cánh cửa.

“Bác Marilla, Anne đã phái cháu đến báo với bác là một quý ông trẻ tuổi vừa đến đây. Anh ta không mang theo nhiều hành lý, nhưng anh ta nhất định có ý ở lại lâu dài.”

“Vì Chúa!” bà Marilla thần người ra nói. “Cháu không định báo với ta, Gilbert, rằng đã xong hết rồi đấy chứ. Sao ta không được gọi?”

“Anne không để chúng cháu quấy bác khi không cần thiết. Chẳng ai được gọi cả cho mãi đến hai giờ trước đây. Không có ‘lời hiểm nguy’ nào lần này cả.”

“Và... và... Gilbert... đứa bé này sẽ sống chứ?”

“Chắc chắn. Nó nặng bốn cân rưỡi và... sao chứ, bác thử nghe mà xem. Phổi nó chẳng có gì không ổn, phải không nào? Cô ý tá nói tóc nó sẽ màu đỏ. Anne đang giận phát điên lên với cô ấy, còn cháu thì buồn cười gần chết.”

Đấy là một ngày tuyệt diệu trong căn nhà nhỏ mơ ước.

“Ước mơ tuyệt vời nhất trong tất cả đã trở thành hiện thực,” Anne nói,

nhọt nhạt và sung sướng vô ngần. “Ôi, bà Marilla, cháu gần như không dám tin, sau cái ngày khủng khiếp mùa hè năm ngoái ấy. Từ đó đến nay lúc nào cháu cũng bị đau tim... nhưng giờ cơn đau ấy biến mất rồi.”

“Đứa bé này sẽ thế chỗ của Joy,” Marilla nói.

“Ôi, không, không, *không đâu*, bác Marilla ạ. Nó không thể... không gì có thể làm được thế. Nó có chỗ riêng của nó, người đàn ông bé xíu thân thương của cháu. Nhưng Joy bé bỏng có chỗ của mình, và lúc nào cũng sẽ có. Nếu con bé sống nó đã được hơn một tuổi rồi. Nó sẽ đang chập chững đi quanh trên đôi chân bé xíu và lấp bắp một vài từ. Cháu thấy nó rõ lắm, bác Marilla ạ. Ôi, giờ thì cháu biết thuyền trưởng Jim nói đúng khi ông nói Chúa sẽ xoay xử sao cho con cháu sẽ không giống như một người xa lạ khi cháu tìm thấy nó ở Cõi trên. Cháu đã học được *điều đó* trong năm qua. Cháu đã dõi theo sự phát triển của nó từng ngày và từng tuần... lúc nào cũng sẽ như thế. Cháu sẽ biết đích xác nó lớn như thế nào từ năm này sang năm khác... và khi gặp lại nó cháu sẽ nhận ra... nó sẽ không phải là một người xa lạ. Ôi, bác Marilla, *nhìn* những ngón chân xinh xắn, đáng yêu của thằng bé kia! Chẳng kỳ lạ sao khi chúng lại hoàn hảo đến vậy?”

“Sẽ còn lạ hơn nếu chúng không hoàn hảo,” bà Marilla nói gọn lỏn. Giờ khi mọi thứ đã an toàn xong xuôi, bà Marilla lại là mình.

“Ôi, cháu biết... nhưng có vẻ như chúng không thể *hoàn chỉnh* như thế được, bác biết đấy... ấy vậy mà chúng thật hoàn chỉnh, đến tận những cái móng bé xíu. Và bàn tay thằng bé... *chỉ* nhìn đôi bàn tay nó mà xem, bác Marilla!”

“Trông rất là giống tay,” bà Marilla nhượng bộ.

“Bác xem nó bám lấy ngón tay cháu này. Cháu tin là nó đã nhận ra cháu rồi. Nó khóc khi cô y tá đưa nó đi. Ôi Marilla, bác có nghĩ... bác không nghĩ thế chứ... rằng tóc nó sẽ màu đỏ?”

“Ta chả thấy mấy tóc màu gì hết,” bà Marilla nói. “Ta sẽ không lo lắng về việc đó đâu, nếu ta là cháu, cho đến khi nhìn rõ.”

“Bác Marilla, nó *có* tóc mà... nhìn đám lông nhỏ xíu mềm mại khắp đầu nó mà xem. Dù sao thì, y tá nói mắt nó sẽ có màu hạt dẻ và trán nó sẽ hệt như trán Gilbert.”

“Và thằng bé có đôi mắt nhỏ đáng yêu nhất đời, cô bác sĩ thân mến ạ,” bà Susan nói. “Điều đầu tiên tôi làm là nhìn tai nó. Tóc hay lừa dối còn mũi với mắt thì thay đổi, và ta chẳng thể nói trước được chúng sẽ ra làm sao, nhưng tai là tai từ đầu đến cuối, và ta luôn luôn biết mình đang ở đâu với chúng. Nhìn hình dạng của chúng mà xem... và chúng nằm ngay sát mái đầu quý giá của thằng bé chứ. Cô sẽ không bao giờ phải xấu hổ về đôi tai của nó, cô bác sĩ thân mến ạ.”

Anne hồi phục nhanh chóng và hạnh phúc. Mọi người đến và tôn thờ thằng bé, cũng như con người đã cúi đầu trước ngai vàng của những đứa bé mới sinh từ rất lâu trước khi những Nhà Thông thái từ phương Đông quỳ xuống thần phục Chúa Hài Đồng trong máng cỏ Bethlehem. Leslie, từ từ tìm được mình giữa hoàn cảnh sống mới, cứ lượn lờ bên thằng bé, như một đức Mẹ xinh đẹp đội mũ miện vàng. Cô Cornelia chăm bẵm nó rất khéo léo như bất cứ người mẹ nào ở Israel. Thuyền trưởng Jim bế sinh linh bé nhỏ trong đôi tay nâu to bè và dịu dàng nhìn nó, với đôi mắt nhìn thấy những đứa con không bao giờ được sinh ra dành cho ông.

“Các cháu sẽ gọi nó là gì?” cô Cornelia hỏi.

“Anne đã chọn được tên rồi ạ,” Gilbert trả lời.

“James Matthew... theo tên của hai người đàn ông tốt nhất cháu từng được biết... kể luôn cả anh nữa đấy,” Anne nói với một cái nhìn hoạt bát về phía Gilbert.

Gilbert mỉm cười.

“Anh chưa bao giờ biết rõ về bác Matthew; hồi đấy bác ấy rụt rè đến nỗi bọn con trai bọn anh không thể làm quen với bác ấy được... nhưng anh rất đồng ý với em rằng thuyền trưởng Jim là một trong những linh hồn quý hiếm nhất và tốt đẹp nhất mà Chúa từng bao bọc bằng đất sét. Ông vui mừng vô kể vì chúng ta đặt tên ông cho con của mình. Có vẻ như ông không có ai khác cùng tên.”

“Ừ, James Matthew là một cái tên ăn chắc mặc bền và sẽ không phai khi giặt,” cô Cornelia nói. “Ta lấy làm mừng là cháu không đề nó xuống bằng một cái tên lãng mạn khoa trương nào đó mà nó sẽ lấy làm xấu hổ khi đến lượt nó lên chức ông. Bà William Drew ở Glen đặt tên con mình là Bertie Shakespeare. Kết hợp hay hóm ghê chứ nhỉ? Mà ta cũng mừng vì các cháu

không gặp quá nhiều rắc rối khi chọn một cái tên. Vài người gặp những phen kinh khủng. Khi đứa con trai đầu lòng nhà Stanley Flagg ra đời có quá nhiều vụ giành giật xem thằng bé nên được đặt theo tên ai đến nỗi thằng bé tội nghiệp phải mất hai năm không có tên. Rồi một đứa con trai nữa nối tiếp và thế là xong... ‘Thằng Lớn’ và ‘Thằng Nhỏ’. Cuối cùng họ gọi chúng là Thằng Lớn Peter và Thằng Nhỏ Isaac, theo tên hai ông, và làm lễ rửa tội cho cả hai đứa cùng nhau. Và đứa nào cũng cố xem mình có hét át được thằng kia không. Mấy đứa biết nhà MacNab gốc Cao nguyên Scotland ở đằng sau Glen không? Họ có mười hai đứa con trai, thằng cả và thằng út cùng được gọi là Neil... Neil Lớn và Neil Bé trong cùng một gia đình. Ồ, ta đoán là họ hét tên để đặt.”

“Cháu đã đọc được ở đâu đó,” Anne cười lớn, “rằng đứa bé đầu lòng là một bài thơ còn đứa thứ mười là một bài văn xuôi chán ngắt. Có lẽ bà MacNab nghĩ đứa thứ mười hai chỉ là một câu chuyện cũ kể lại.”

“À, nhà đông con thì nói thế,” cô Cornelia nói, với một tiếng thở dài. “Ta là con độc nhất trong suốt tám năm và ta thực tình mong có anh chị em. Mẹ bảo ta hãy cầu xin một đứa... và ta cầu nguyện mới ác chứ, tin *ta* đi. Ồ, một ngày nọ dì Nellie đến nói với ta, ‘Này Cornelia, có một em trai dành cho con trên lầu trong phòng má con đó. Con có thể đi lên mà gặp em.’ Ta háo hức và vui sướng đến nỗi ta cứ gọi là bay lên gác. Và bà Flagg già giờ đưa bé lên cho ta nhìn. Chúa ơi, Anne thân mến ạ, ta chưa bao giờ thất vọng như thế trong đời. Cháu thấy đấy, ta xin *một người anh hơn mình hai tuổi cơ*.”

“Phải mất bao lâu cô mới vượt qua được nỗi thất vọng của mình?” Anne hỏi, giữa tràng cười.

“À, ta cảm Ông Trời một thời gian khá khá đấy, suốt mấy tuần liền ta thậm chí còn không thèm nhìn đứa bé. Chẳng ai biết vì sao, vì ta không hề nói. Rồi thằng bé bắt đầu dễ thương thật là dễ thương, và giờ đôi bàn tay nhỏ xíu ra với ta và ta bắt đầu thích nó. Nhưng ta không thật sự chấp nhận thằng bé cho tới ngày một đứa bạn cùng trường đến xem nó và nói nó nghĩ thằng bé thật quá sức nhỏ con so với tuổi. Ta cứ gọi là nổi giận đùng đùng, và ta lao vào con bé kia, nói với nó rằng nó nhìn một đứa trẻ mà cũng không biết, rằng thằng bé nhà ta là đứa bé đáng yêu nhất thế giới. Và sau đó ta cứ là thần tượng thằng bé. Mẹ mất trước khi nó tròn ba tuổi và ta là chị kiêm mẹ của nó. Thằng nhỏ tội nghiệp, nó không bao giờ khỏe mạnh, và nó mất khi mới hơn hai mươi tuổi. Có vẻ như ta sẵn sàng từ bỏ mọi thứ trên đời, Anne

ạ, chỉ để nó được sống.”

Cô Cornelia thở dài. Gilbert đã đi xuống và Leslie, nãy giờ làm bầm hát ru thằng bé James Matthew bên cửa sổ áp mái, đã đặt nó nằm ngửa trong nôi và đi ra. Ngay khi cô an toàn ra khỏi tầm nghe, cô Cornelia cúi xuống nói bằng giọng thì thầm đầy vẻ âm mưu:

“Anne cưng, ta vừa nhận được một lá thư từ Owen Ford hôm qua. Ngay lúc này hắn đang ở Vancouver, nhưng hắn muốn biết liệu ta có thể cho hắn ở trọ sau đây một tháng không. *Cháu* biết như thế nghĩa là gì rồi đây. Ồ, ta hy vọng chúng ta đang làm đúng.”

“Chúng ta chẳng có liên quan gì đến chuyện đó hết... chúng ta đâu thể cản được anh ấy xuống Bốn Làn Gió nếu anh ấy thích chứ,” Anne nhanh chóng nói. Cô không thích cảm giác “làm mai” mà những lời thì thầm của cô Cornelia mang lại; và rồi cô yếu đuối đầu hàng.

“Đừng để Leslie biết anh ấy sắp đến cho đến khi anh ấy có mặt ở đây,” cô nói. “Nếu cô ấy biết cháu cảm giác chặc chấn cô ấy sẽ bỏ đi ngay lập tức. Cô ấy định dù gì thì mùa thu cũng sẽ đi... hôm nọ cô ấy bảo cháu thế. Cô ấy sắp đến Montreal để học nghề y tá và xem làm được gì thì làm với cuộc đời mình.”

“Ôi Anne thân mến ạ,” cô Cornelia nói, gạt đầu vẻ thông thái, “Chuyện thế nào thì sẽ ra thế ấy thôi. Cô cháu ta đã làm phần của mình và ta phải để phần còn lại vào tay những đấng ở cao hơn.”

35. Chính trị ở bốn làn gió

Khi Anne lại xuống được nhà dưới, hòn đảo, cũng như toàn cõi Canada, đang vật lộn với một chiến dịch tiền tổng tuyển cử. Gilbert, vốn là một người theo đảng Bảo thủ nhiệt thành, thấy mình bị cuốn vào cơn lốc, hết sức được mời gọi đến phát biểu ý kiến trong các cuộc hội họp khác nhau cấp hạt. Cô Cornelia không tán thành việc anh dính dáng vào chính trị và nói với Anne như vậy.

“Bác sĩ Dave không bao giờ làm chuyện đó. Bác sĩ Blythe sẽ thấy mình đang phạm sai lầm, tin *ta* đi. Chính trị là một thứ mà không người đàn ông đàng hoàng nào nên xen vào.”

“Vậy phải chăng việc cầm quyền một quốc gia chỉ nên để lại hoàn toàn cho bọn cặn bã thôi ư?” Anne hỏi.

“Đúng... miễn đây là một đám cặn bã Bảo thủ,” cô Cornelia nói, bước đi với bộ huân chương chiến trận của mình. “Đàn ông với chính trị gia đều bị dính hắc ín từ cùng một chổi. Đám Cấp tiến dính dày hơn đám Bảo thủ, thế thôi... dày hơn kha khá. Nhưng mà dù là Cấp tiến hay Bảo thủ, lời khuyên của ta đối với bác sĩ Blythe là tránh xa chính trị. Chẳng mấy chốc, anh chàng lại tự mình ra tranh cử cho mà xem, rồi bỏ đi Ottawa suốt nửa năm và để nghề bác sĩ của mình cho chó gặm.”

“À, thôi, chúng ta đừng vay mượn rắc rối làm gì,” Anne nói. “Lãi suất cao quá. Thay vào đó, cứ nhìn bé Jem mà xem. Đáng lẽ phải ghi thành Gem^[1] mới đúng. Thằng bé chẳng đáng yêu một cách hoàn hảo sao? Nhìn những cái lúm trên khuỷu tay nó kia. Chúng ta sẽ nuôi dạy nó trở thành một thành viên Bảo thủ tốt, cháu và cô, cô Cornelia ạ.”

[1] Viên ngọc.

“Hãy nuôi nó thành một người đàn ông tốt ấy,” cô Cornelia nói. “Loại đó hiếm và quý lắm; mặc dù, cháu nên nhớ, ta không muốn thấy nó thành một đứa Cấp tiến đâu. Còn về cuộc bầu cử, cô cháu ta nên lấy làm mừng là mình không sống bên kia cảng. Không khí bên đó mấy bữa nay sặc sụa màu xanh. Mỗi tên Elliott và Crawford và MacAllister đều đang trên đường chinh chiến, nai nịt sẵn sàng. Phía này yên tĩnh và thanh bình, vì có quá ít đàn ông. Thuyền trưởng Jim theo Cấp tiến, nhưng theo ý ta thì ông ấy xấu hổ về chuyện đó, vì ông ấy chẳng bao giờ nói chuyện chính trị. Không có một chút nghi ngờ nào trên đời này rằng đảng Bảo thủ sẽ được đưa lên lại với đại đa số phiếu.”

Cô Cornelia đã làm. Vào cái ngày sau cuộc bầu cử thuyền trưởng Jim ghé qua thăm căn nhà nhỏ để báo tin. Con vi trùng chính trị đảng phái quá độc địa, ngay cả bên trong một ông già hiền hòa, đến nỗi má thuyền trưởng Jim ửng đỏ và mắt ông rực sáng vì toàn bộ nhiệt huyết thời xưa cũ của mình.

“Cháu Blythe ạ, đảng Tự do đã lên với đại đa số phiếu. Sau mười tám năm trời bị cầm quyền lệch lạc của Đảng Bảo thủ, cái đất nước bị chà đạp này cuối cùng cũng sắp có một cơ hội.”

“Cháu chưa bao giờ nghe ông thốt ra một câu nói mang đậm tính bè phái

cay đắng đến thế, thuyền trưởng Jim ạ. Cháu không nghĩ ông có nhiều ‘nọc’ chính trị đến thế trong người đâu,” Anne cười lớn, nhưng chẳng mấy hào hứng về những tin tức kiểu đó. Bé Jem sáng hôm đó vừa nói “Au ga”. Nguyên tắc và quyền lực là gì, sự trỗi dậy và suy tàn của những đế chế là gì, sự sụp đổ của Bảo thủ hay Cấp tiến là gì, so với sự xuất hiện diệu kỳ đó kia chứ?

“Mọi thứ đã tích tụ từ lâu rồi,” thuyền trưởng Jim nói, với một nụ cười phản kháng. “Ta nghĩ ta chỉ là một thành viên Cấp tiến trung bình thôi, nhưng khi nghe tin chúng ta đã lên cầm quyền ta mới nhận ra ta thực sự Cấp tiến đến cỡ nào.”

“Ông biết anh bác sĩ và cháu theo Bảo thủ mà.”

“À, ừ, đây là điều dở duy nhất ta biết về hai đứa cháu, cháu Blythe ạ. Cornelia cũng Bảo thủ. Ta có ghé qua trên đường từ Glen xuống để báo tin cho cô ấy.”

“Ông có biết ông làm thế là tay không vào hang cọp không?”

“Có, nhưng ta không cưỡng được.”

“Cô ấy đón nhận chuyện đó ra sao ạ?”

“Tương đối bình tĩnh, cháu Blythe ạ, tương đối bình tĩnh. Cô ấy nói, cô ấy nói là, ‘À, Chúa gửi những mùa ô nhục xuống một đất nước, cũng như với từng con người vậy. Đám Cấp tiến các chú đã đói lạnh nhiều năm rồi. Liệu liệu mà ăn no mặc ấm đi, vì các người không ngồi đấy được lâu đâu.’ ‘Nào Cornelia,’ ta nói, ‘có khi Chúa nghĩ Canada cần một đợt ô nhục dài dài đấy.’ A, Susan, cô đã nghe tin chưa? Đảng Tự do lên rồi đấy.”

Bà Susan vừa từ bếp vào, đi kèm mùi thức ăn thơm lừng dường như lúc nào cũng lẩn quất quanh bà.

“À, vậy hả?” bà nói, với vẻ vô tâm đẹp đẽ. “À, cháu chẳng bao giờ thấy gì ngoài chuyện bánh mì cháu nướng vẫn nở dù đảng Tự do lên hay xuống. Và nếu có cái đảng nào, cô bác sĩ thân mến, làm trời mưa trước khi hết tuần, và cứu mảnh vườn bếp của chúng ta khỏi mất trắng, Susan sẽ bầu cho đảng ấy. Trong khi ấy, cô làm ơn bước ra cho tôi ý kiến về món thịt cho bữa tối được không? Tôi đang sợ rằng nó dai quá, và tôi nghĩ chúng ta nên thay cả

ông bán thịt lần chính quyền.”

Một buổi chiều một tuần sau đó, Anne đi bộ xuống mũi đất, để xem liệu có xin được ít cá tươi từ thuyền trưởng Jim không, đây là lần đầu tiên cô rời bé Jem. Thật là một bi kịch. Lỡ thằng bé khóc thì sao? Lỡ bà Susan không biết chính xác phải làm gì với nó thì sao? Bà Susan thì bình tĩnh và nghiêm trang.

“Tôi cũng có nhiều kinh nghiệm với thằng bé như cô vậy, có đúng không nào cô bác sĩ thân mến?”

“Vâng, với nó... nhưng không phải với những đứa bé khác. Chao ôi, cháu đã chăm sóc ba cặp song sinh hồi cháu còn nhỏ, cô Susan à. Khi chúng khóc, cháu cho chúng ngậm bạc hà với dầu thầu dầu rất tinh bơ. Thật lạ lùng khi nhớ lại cách cháu đối xử thật thoải mái với mấy đứa nhỏ đó và những trò mè nheo của bọn nó.”

“Ôi, nếu bé Jem mà khóc, tôi chỉ cần đắp khăn nước nóng lên cái bụng nhỏ xíu của nó là xong,” bà Susan nói.

“Đừng quá nóng nhé, cô biết đấy,” Anne hồi hộp nói. Ôi, có thực sự khôn ngoan khi bỏ đi không đây?

“Cô đừng có lo, cô bác sĩ ơi. Susan không phải loại đàn bà làm bóng một đứa trẻ con đâu mà. Chúa phù hộ thằng bé, nó chả biết khóc là gì.”

Cuối cùng Anne cũng bứt mình ra đi và vẫn tận hưởng được chuyến đi bộ của mình đến mũi đất, qua những chiếc bóng dài của hoàng hôn. Thuyền trưởng Jim không có trong phòng khách của ngọn hải đăng, nhưng có một người đàn ông khác ở đó... một người đàn ông trung niên, đẹp trai, khuôn cằm nhọn, mạnh khỏe, một người Anne không biết mặt. Tuy nhiên, khi cô ngồi xuống, ông ta bắt đầu nói chuyện với cô với tất cả sự thoải mái của một người quen lâu ngày. Chẳng có gì sai trái trong những điều ông nói hay cách nói của ông, nhưng Anne hơi ghét kiểu tự nhiên như ruồi ấy ở một người hoàn toàn xa lạ. Những câu đáp của cô lạnh lùng, và ít ỏi ở mức lịch sự tối thiểu. Chẳng chút ngại ngùng, người bạn đồng hành của cô tiếp tục nói trong vài phút, rồi cáo từ và bỏ đi. Anne dám thề là có một chút tinh nghịch trong mắt ông và điều đó làm cô bực mình. Ông này là ai cơ chứ? Có cái gì đó quen quen nơi ông nhưng cô chắc chắn mình chưa từng gặp ông trước đây.

“Thuyền trưởng Jim, cái ông vừa đi khỏi là ai vậy?” cô hỏi, khi thuyền trưởng Jim đi vào.

“Marshall Elliott,” thuyền trưởng trả lời.

“Marshall Elliott!” Anne kêu lên. “Ôi, thuyền trưởng Jim... không phải chứ... ôi, *đúng là* giọng chú ấy rồi... ôi, thuyền trưởng Jim, cháu không biết là chú ấy... cháu đối xử với chú ấy khá là thất lễ! *Tại sao* chú ấy không nói với cháu? Chắc chắn chú ấy phải thấy là cháu không nhận ra chú ấy chứ.”

“Hắn ta không nói lời nào về chuyện đó đâu... hắn chỉ tận hưởng trò đùa thôi. Đừng lo lắng vì đã hất hủi hắn... hắn sẽ thấy chuyện đó rất tức cười. Đúng, Marshall cuối cùng đã cạo râu cắt tóc. Phe của hắn lên rồi, cháu biết đấy. Lúc mới gặp hắn ta cũng có nhận ra đâu. Hắn ở tiệm của Carter Flagg trên Glen cái đêm sau ngày bầu cử, cùng một đám những người khác, chờ tin tức. Khoảng mười hai giờ thì có điện thoại... đảng Cấp tiến lên. Marshall cứ thế đứng dậy bước ra ngoài... hắn không ăn mừng cũng không hủ hêt... hắn để những người khác làm việc đó, và đám kia gần như dỡ cả mái tiệm Carter lên ấy chứ. Dĩ nhiên, cả đám Bảo thủ ở bên tiệm nhà Raymond Russell. *Bên đó* không hủ hêt gì mấy. Marshall đi thẳng xuống phố đến cửa hông tiệm cắt tóc của Augustus Palmer. Augustus đang ngủ trên giường, nhưng Marshall đập cửa cho tới khi thằng cha phải dậy đi xuống xem cái gì mà âm ỉ thế.

“ ‘Đi vào tiệm mà trở hết tài của cậu ra đi, Gus,’ Marshall nói. ‘Đảng Tự do lên rồi và cậu sẽ phải cắt tóc cho một thành viên Tự do chân chính trước khi mặt trời mọc.’”

“Gus tức phát rồ... phẫn vì hắn bị lôi khỏi giường, nhưng tức hơn vì hắn theo Bảo thủ. Hắn thề hắn không có cắt tóc cạo mặt cho ai lúc mười hai giờ đêm hết.

“ ‘Cậu sẽ làm cái tôi muốn cậu làm, con trai ạ,’ Marshall nói, ‘nếu không tôi sẽ vắn cậu lên đùi rồi cho mấy cái đét đít mà mẹ cậu quên cho.’”

“Hắn đã nói là làm, và Gus biết điều đó, vì Marshall khỏe như một con bò mộng còn Gus thì chỉ là một tên lùn. Thế là hắn đầu hàng và lôi Marshall vào trong tiệm bắt tay vào việc. ‘Nào,’ hắn nói, ‘tôi sẽ cạo cho ông, nhưng nếu ông nói với tôi dù chỉ một lời về vụ đảng Tự do lên nắm quyền trong khi tôi đang làm việc thì tôi sẽ cắt họng ông bằng con dao cạo này,’ hắn nói. Không thể tưởng tượng nổi cậu Gus nhỏ bé hiền lành có thể khát máu đến

vậy đâu, phải không nào? Chúng tôi chính trị đảng phái có thể làm gì với một người. Marshall giữ im lặng và được cắt tóc cạo râu cho rôi về nhà. Khi bà quản gia già của hắn nghe tiếng hắn đi lên cầu thang, bà dòm ra khỏi phòng ngủ để xem là hắn hay thằng nhóc thuê phụ việc. Và khi thấy một người đàn ông lạ mặt tay cầm nến sai bước dọc hành lang thì bà rú lên rùng rợn rồi lăn đùng ra ngất xỉu. Họ phải gọi bác sĩ thì mới vực được bà tỉnh dậy, và phải mấy ngày sau bà mới nhìn được Marshall mà không run bắn lên như cây sậy.”

Thuyền trưởng Jim không có cá. Mùa hè đó ông ít khi ra biển bằng thuyền, và những chuyến đi bộ kéo dài của ông đã qua. Ông dành phần lớn thời gian ngồi bên cửa sổ hướng biển, nhìn ra bờ vịnh, mái đầu đang bạc đi nhanh chóng tựa lên cánh tay. Tối nay ông ngồi đó trong rất nhiều phút lặng yên, giữ một cuộc hẹn hò nào đó với quá khứ mà Anne không dám khuấy động. Một lúc sau ông chỉ tay về cầu vồng phía Tây.

“Đẹp, phải không cháu Blythe? Nhưng ta ước gì cháu được nhìn thấy buổi bình minh sáng nay. Một điều tuyệt vời... tuyệt vời. Ta đã chứng kiến đủ loại bình minh trên cái vịnh kia. Ta đã đi khắp thế giới, cháu Blythe à, nhưng gộp tất cả lại, ta chưa bao giờ thấy một cảnh tượng nào đẹp hơn cảnh bình minh mùa hè trên vịnh. Con người không thể chọn giờ để chết được, cháu Blythe ạ... cứ phải ra đi khi Thuyền trưởng Vĩ đại ra lệnh nhổ neo thôi. Nhưng nếu có thể ta sẽ ra đi khi bình minh đến trên mặt nước kia. Ta đã rất nhiều lần nhìn ngắm nó mà nghĩ thật tuyệt vời biết mấy nếu được ra đi qua cái huy hoàng trắng rực vĩ đại đó đến bất cứ điều gì chờ đợi phía sau, trên một mặt biển chưa từng được vẽ trên bất cứ loại bản đồ nào trên cõi đời này. Ta nghĩ, cháu Blythe à, rằng ta sẽ tìm thấy Margaret ở đó.”

Thuyền trưởng Jim vẫn thường nói với Anne về Margaret quá cố từ khi ông kể cho cô nghe câu chuyện cũ. Tình yêu của ông dành cho cô gái run rẩy trong từng ngữ điệu... tình yêu đó chưa bao giờ phai nhạt hay bị lãng quên.

“Dẫu sao thì, ta hy vọng đến lúc ấy ta sẽ ra đi nhanh chóng và thanh thản. Ta không nghĩ ta là kẻ hèn, Anne ạ... ta đã nhìn thẳng vào mặt những cái chết xấu xí không chỉ một lần mà chẳng thém nháy mắt. Nhưng ý nghĩ về một cái chết lê thê thật sự mang cho ta một cảm giác sợ hãi kỳ lạ, rùng mình.”

“Đừng nói về chuyện rời xa chúng ta mà, thuyền trưởng Jim vô vàn thương mến,” Anne nài nỉ, bằng một giọng nấc nghẹn, vỗ vỗ bàn tay nâu già

cồi, một thời từng vô cùng mạnh mẽ, nhưng giờ đã trở nên rất yếu. “Chúng cháu biết làm gì khi không có ông?”

Thuyền trưởng Jim mỉm cười tươi tắn.

“Ôi, các cháu sẽ sống tiếp tốt thôi... tốt thôi mà... nhưng cháu sẽ không quên hẳn ông già này, cháu Blythe ạ... không, ta không nghĩ cháu sẽ có bao giờ thực sự quên ông ấy đâu. Dòng dõi Joseph lúc nào cũng nhớ đến nhau. Nhưng đây sẽ là một ký ức không gây đau thương... ta thích nghĩ rằng ký ức về ta sẽ không làm tổn thương bạn bè ta... nó sẽ khá là dễ chịu đối với họ, ta hy vọng và ta tin vậy. Ta sẽ luôn sẵn sàng đáp lời. Ta chỉ nói về chuyện này vì có một ơn huệ nho nhỏ ta muốn xin cháu. Đây là con Bạ Đầu già tội nghiệp của ta”... thuyền trưởng Jim giơ một tay ra và chọc vào trái banh lớn, âm áp, mượt mà, vàng óng trên sofa. Con Bạ Đầu duỗi mình như một dòng suối phát ra một thanh âm dễ thương, thoải mái từ cổ họng, nửa gầm gừ, nửa meo meo, duỗi tứ chi trong không khí, quay sang và lại co mình vào. “Nó sẽ nhớ ta khi ta lên đường. Ta không thể chịu đựng ý nghĩ để lại con vật tội nghiệp phải chết đói, như nó từng bị bỏ lại trước kia. Nếu có chuyện gì xảy ra với ta cháu sẽ cho nó miếng ăn và một góc ở chừ, cháu Blythe?”

“Chắc chắn ạ.”

“Thế thì ta không còn phải lo lắng gì nữa. Bé Jem của cháu sẽ sở hữu một vài thứ là lạ ta nhất nhận được... ta đã lo liệu chuyện đó. Nào, ta không thích nhìn thấy nước mắt trong đôi mắt đẹp đó đâu, Anne. Có lẽ ta sẽ còn sống một thời gian kha khá nữa. Ta đã nghe cháu đọc một mẫu thơ một ngày mùa đông năm ngoái... một đoạn thơ của Tennyson. Ta hơi thích nghe lại, nếu cháu có thể đọc lại cho ta nghe.”

Nhẹ nhàng và rõ ràng, khi gió biển thổi lên người họ, Anne ngâm lại những dòng đẹp đẽ trong bài ca thiên nga tuyệt diệu của Tennyson... “Vượt còn cát.” Vị thuyền trưởng già nhẹ nhàng giữ nhịp bằng bàn tay gân guốc của mình.

“Đúng rồi, đúng rồi, Anne à,” ông nói khi cô đọc xong, “chính thế, chính thế đấy. Ông ấy không phải là thủy thủ, cháu nói với ta thế... ta không biết làm thế nào ông ấy có thể biến xúc cảm của một người thủy thủ già thành lời như thế, nếu ông ấy không phải thủy thủ. Ông ấy không muốn có bất cứ ‘nỗi buồn chia biệt’ nào và ta cũng thế, cháu Blythe ạ... vì tất cả sẽ ổn thỏa với ta và những gì là của ta, bên kia còn cát.”

36. Sắc đẹp thay tro tàn

“Có tin tức gì từ Chái Nhà Xanh không Anne?”

“Không có gì quá đặc biệt,” Anne trả lời, gấp lá thư của bà Marilla lại. “Jake Donnell đang ở đó lợp mái ngói. Giờ cậu ấy là thợ mộc chính thức rồi, có vẻ như cậu ấy đã được tự quyết định trong vấn đề lựa chọn nghề nghiệp cuộc đời cho mình. Anh có nhớ mẹ Jake muốn cậu ấy trở thành giảng viên đại học không? Em sẽ không bao giờ quên cái ngày bà ta đến trường mắng em một trận vì không gọi Jake là St. Clair.”

“Giờ còn ai gọi cậu ta như thế nữa không nhỉ?”

“Rõ ràng là không. Có vẻ như cậu ấy đã hoàn toàn sống ngược lại với điều đó. Ngay cả mẹ cậu ấy cũng đã đầu hàng. Em luôn nghĩ một cậu con trai với cái cằm và cái miệng như của Jake kiểu gì cũng sẽ làm được theo ý mình thôi. Diana viết thư cho em bảo Dora đã có bạn trai. Cứ nghĩ mà xem... con bé đó!”

“Dora mười bảy tuổi rồi,” Gilbert nói. “Charlie Sloan và anh đều phát điên vì em khi em mười bảy tuổi, Anne ạ.”

“Thật sự, Gilbert à, chắc chắn chúng ta đang già đi rồi,” Anne nói, với một nụ cười hơi buồn bã, “khi mà những đứa trẻ con mới có sáu tuổi hồi chúng ta nghĩ mình là người lớn giờ đã đủ lớn để có người yêu. Người yêu Dora là Ralph Andrews... em trai của Jane. Em nhớ nó là một thằng bé thấp, mập tròn, tóc bạch kim, lúc nào cũng ngồi cuối lớp. Nhưng theo em hiểu thì giờ nó đã là một chàng thanh niên khá xinh trai rồi.”

“Dora có lẽ sẽ lấy chồng sớm. Con bé cũng thuộc dạng như Charlotta Đệ Tứ... nó sẽ không bao giờ bỏ lỡ cơ hội đầu tiên vì sợ mình sẽ không có thêm cơ hội nào nữa.”

“À, nếu nó cưới Ralph thì em hy vọng thằng kia sẽ năng nổ hơn ông anh trai Billy của nó,” Anne trầm ngâm.

“Ví dụ như,” Gilbert cười lớn, “hãy hy vọng rằng thằng bé có thể tự mình cầu hôn. Anne, liệu em có lấy Billy không nếu anh ta tự mình hỏi em, thay vì nhờ Jane làm hộ?”

“Cũng có thể,” Anne bật cười lớn khi nhớ lại lời cầu hôn đầu tiên của mình. “Cứ sốc từ sự việc có thể đã thôi miên em khiến em làm một hành động vội vã và ngu xuẩn nào đó. Chúng ta hãy cảm ơn trời là anh ấy làm việc đó qua ủy thác.”

“Hôm qua mình nhận được một bức thư từ George Moore,” Leslie nói, từ góc nhà nơi cô đang đọc sách.

“Ồ, anh ấy thế nào rồi?” Anne hỏi về hứng thú, nhưng với một cảm giác phi thực rằng mình đang hỏi thăm về một người không quen biết.

“Anh ấy ổn, nhưng anh ấy thấy rất khó hòa nhập với tất cả những thay đổi trong căn nhà cũ và bạn bè của mình. Anh ấy sẽ đi biển trở lại vào mùa xuân. Nó ở trong máu anh ấy rồi, anh ấy nói vậy, và anh ấy mong ngóng điều đó. Nhưng anh ấy có nói với mình một điều làm mình mừng cho anh ấy. Trước khi ra khơi trên con tàu *Bốn chị em* anh ấy đã đính hôn với một cô gái ở nhà. Anh ấy không nói gì với mình về cô ấy lúc ở Montreal, vì George nghĩ chắc cô ấy đã quên mình và cưới người khác từ lâu rồi, còn với anh ấy, các cậu thấy đấy, cuộc đính hôn và tình yêu vẫn chỉ là một điều trong hiện tại. Rất khó cho anh ấy, nhưng khi trở về nhà anh ấy phát hiện ra cô ấy vẫn chưa lấy chồng và vẫn quan tâm đến anh ấy. Họ sẽ cưới nhau vào mùa thu này. Mình sẽ bảo anh ấy đưa cô ấy sang đây chơi một chuyến; anh ấy nói anh ấy muốn đến xem nơi mình đã sống bao nhiêu năm mà không biết.”

“Thật là một chuyện tình nhỏ lãng mạn đáng yêu,” Anne thốt lên, lòng yêu thích của cô dành cho sự lãng mạn là bất tử. “Và thử nghĩ mà xem,” cô nói với một tiếng thở dài tự trách, “nếu mình được theo ý mình thì George Moore sẽ không bao giờ được vực dậy từ nắm mồ chôn vùi danh tính. Mình cãi lại gợi ý của Gilbert mới ác chứ! Ừ, mình đã bị trừng phạt rồi: mình sẽ không bao giờ được có một ý kiến nào khác với ý kiến của Gilbert nữa! Nếu mình cố, anh ấy sẽ đè bẹp mình bằng cách đưa trường hợp của George Moore ra!”

“Làm như ngay cả việc đó có thể đè bẹp một người đàn bà không bằng!” Gilbert nói móc. “Ít nhất em cũng đừng trở thành tiếng vọng của anh, Anne à. Một chút đối kháng thêm gia vị cho đời. Anh không muốn có một người vợ như vợ của John MacAllister bên kia cảng đâu. Dù ông ấy có nói gì, bà ấy sẽ ngay lập tức nhận xét bằng cái giọng nhỏ nhẹ đều đều, vô hồn của mình, ‘Đúng là như thế đấy, anh John thân mến ạ!’”

Anne và Leslie bật cười. Tiếng cười của Anne là bạc và tiếng cười của Leslie là vàng, và sự kết hợp của cả hai nghe êm ái như một hợp âm hoàn hảo trong âm nhạc vậy.

Bà Susan, bước vào theo gót tiếng cười, đáp vọng bằng một tiếng thở dài âm vang.

“Sao thế cô Susan, có chuyện gì thế?” Gilbert hỏi.

“Không có vấn đề gì với bé Jem chứ, cô Susan?” Anne kêu lên, đứng bật dậy hoảng hốt.

“Không, không, cô cứ bình tĩnh đi cô bác sĩ thân mến. Nhưng mà có một chuyện vừa xảy ra. Chúa tôi, tuần này mọi thứ với tôi cứ là hỏng bét. Tôi làm hỏng mẻ bánh mì, như mọi người đã biết quá rõ... rồi tôi là cháy ngực cái áo sơ mi đẹp nhất của anh bác sĩ... và tôi làm vỡ cái đĩa phẳng to của cô. Và bây giờ, trên tất cả mọi thứ, thì có tin đến là bà chị Matilda của tôi vừa mới bị gãy chân và muốn tôi đến ở cùng bà ấy một thời gian.”

“Ôi, cháu rất tiếc... rất tiếc là chị cô gặp một tai nạn như thế, ý cháu là vậy,” Anne kêu lên.

“À ừ, con người mà, sinh ra là để đau khổ, cô bác sĩ ạ. Nghe có vẻ như trong Kinh Thánh ấy nhỉ, nhưng họ bảo tôi một ông tên Burns viết ra câu đó. Và không còn nghi ngờ gì nữa, chúng ta sinh ra là để gặp rắc rối, cũng như lửa bốc lên trời vậy. Còn về Matilda, tôi không biết phải nghĩ gì về bà ấy nữa. Chưa ai trong gia đình tôi bị gãy chân bao giờ. Nhưng dù bà ấy có làm gì thì bà ấy vẫn là chị tôi, và tôi cảm thấy bổn phận của mình là phải đến chăm sóc bà ấy, nếu cô có thể cho tôi vắng mặt đôi tuần, cô bác sĩ thân mến ạ.”

“Dĩ nhiên rồi, Susan, dĩ nhiên rồi. Cháu có thể nhờ một ai đó giúp đỡ khi cô đi vắng mà.”

“Nếu cô không nhờ được tôi sẽ không đi đâu, cô bác sĩ, chân Matilda như thế nào thì cũng vậy. Tôi sẽ không chịu để cho cô phải lo lắng, và thằng bé đáng quý ấy phải gặp khó, dù vì bao nhiêu chân cẳng đi nữa.”

“Ôi, cô phải đi ngay đến chỗ chị cô đi, cô Susan. Cháu có thể nhờ một cô bé ở xóm chài mà, nó sẽ làm một thời gian.”

“Anne, cậu để cho mình đến ở với cậu khi Susan đi vắng nhé?” Leslie kêu lên. “Làm ơn đi! Mình thích lắm... và đây là một hành vi từ thiện về phía cậu đấy. Mình cô đơn khủng khiếp ở bên kia trong căn nhà to tướng đó. Có quá ít việc phải làm... và vào ban đêm mình còn tệ hơn là cô đơn nữa... mình sợ và hồi hộp dù cửa đã khóa. Có một gã lang thang luẩn quẩn quanh đây hai hôm trước.”

Anne vui vẻ đồng ý, và ngày hôm sau Leslie được sắp xếp chuyển vào làm một thành viên trong căn nhà nhỏ mơ ước. Cô Cornelia nồng nhiệt tán thành sự sắp xếp này.

“Cứ như trời định vậy,” cô bí mật nói với Anne. “Ta rất tiếc về Matilda Clow, nhưng nếu bà ta phải gãy chân thì điều đó không thể xảy ra ở một thời điểm thích hợp hơn. Leslie sẽ ở đây trong khi Owen Ford có mặt ở Bốn Làn Gió, và đám mèo già trên Glen sẽ không có cơ hội để meo meo, như họ sẽ làm nếu con bé sống ở bên kia một mình và Owen đến gặp nó. Mà cái đám đó đang ngồi lê đôi mách cũng khá đủ rồi, vì con bé không để tang. Ta nói với một người trong đám, ‘Nếu ý bà là nó nên để tang George Moore thì theo tôi thấy đây là một vụ hồi sinh hơn là lễ tang; còn nếu ý bà là Dick, tôi thừa nhận là *tôi* không thấy có cái lý gì phải đi để tang một thằng đã chết cách đây mười ba năm, và chết thật là khuất mắt!’ Và khi mẹ Louisa Baldwin nhận xét với ta là mẹ nghĩ thật kỳ cục tại sao Leslie lại không bao giờ mảy may nghi ngờ đây không phải là chồng nó thì *ta* nói, ‘Bà cũng không nghi ngờ đây không phải Dick Moore còn gì, mà bà là hàng xóm sát cạnh nhà nó từ hồi nào giờ, và về bản chất thì bà đã nghi gáp mười lần Leslie.’ Nhưng ta không ngăn được miệng lưỡi thiên hạ, Anne cưng ạ, và ta thực sự mừng là Leslie sẽ ở dưới mái nhà của cháu trong khi Owen tán tỉnh con bé.”

Owen Ford đến căn nhà nhỏ một tối tháng Tám khi Leslie và Anne đang mê mẩn tôn thờ đứa bé. Anh dừng lại ở cửa phòng khách đang để mở, không bị hai người bên trong nhìn thấy, say mê ngắm bức tranh đẹp đẽ bằng đôi mắt tha thiết. Leslie ngồi trên sàn nhà với đứa bé trong lòng, ngây ngất vò vào đôi bàn tay nhỏ xíu mập mạp của thằng bé khi nó hươ chúng trong không khí.

“Ôi, em thân thương, xinh đẹp, đáng yêu ơi,” cô rì rầm, bắt được một bàn tay nhỏ và phủ lên đây những cái hôn.

“Sàng bé dễ sương tóa đi phải hông nào?” Anne ngâm nga, cúi xuống từ

tay vịn ghế đầy vẻ ngưỡng mộ. “Mấy bàn say nhỏ xíu kia là đừng bàn say ngọt ngào nhứt trên sế giới này, phải hông nào, pé con sương yêu của mẹ.”

Anne, trong những tháng trước khi bé Jem ra đời, đã chăm chỉ đọc vài pho sách thông thái, và đặc biệt găm niềm tin vào một cuốn, “Ngài Oracle bàn về vấn đề chăm sóc và nuôi dạy trẻ em.” Ngài Oracle khấn cầu các bậc phụ huynh bằng tất cả những gì thiêng liêng nhất hãy đừng bao giờ nói kiêu bi bô với trẻ con. Trẻ con nhất nhất phải được trò chuyện bằng ngôn ngữ tiêu chuẩn từ thưở mới lọt lòng. Để chúng học được cách nói tiếng Anh không chút tí vết từ những lời đầu tiên. “Làm thế nào,” ngài Oracle cao giọng, “mà một người mẹ có thể trông chờ con mình học cách nói năng đúng đắn, khi bản thân cô ta liên tục khiến cho não bộ non nớt dễ bị ảnh hưởng của nó làm quen với những cách nói kỳ cục và những sự bóp méo ngôn ngữ cao quý của chúng ta theo cách những người mẹ vô tâm khác vẫn tác động mỗi ngày lên những đứa trẻ bất lực chịu sự chăm sóc của họ? Liệu một đứa trẻ liên tục bị gọi là ‘pé con đáng yêu pé xíu xiu xiu’ có bao giờ có thể đạt đến một ý niệm tử tế về bản chất và khả năng và số phận của riêng mình?”

Anne hết sức ấn tượng với điều này, và thông báo cho Gilbert biết cô quyết định đặt ra một luật lệ không khoan nhượng rằng không bao giờ, dưới bất kỳ tình huống nào, được nói bi bô với một đứa trẻ. Gilbert đồng ý với vợ, và họ thỏa ước nghiêm chỉnh về đề tài trên... một thỏa ước mà Anne đã vi phạm không chút xấu hổ ngay giây phút đầu tiên bé Jem được đặt vào tay cô. “Ôi, pé con pé xíu xiu xiu đáng yêu của mẹ!” cô đã kêu lên. Và cô đã tiếp tục vi phạm từ đó đến giờ. Khi Gilbert trêu cô, cô chỉ cười nhạo ngài Oracle.

“Ông ấy chưa bao giờ có những đứa con của riêng mình, Gilbert ạ... em chắc chắn ông ấy không có, nếu không ông ấy sẽ không bao giờ viết ra những thứ rác rưởi như vậy. Ta không thể nào không nói bi bô với một đứa trẻ con. Nó đến tự nhiên... và nó *đúng*. Sẽ thật phản tự nhiên khi nói với những sinh linh bé nhỏ mềm mại, mượt mà, tí xíu kia như ta nói với những đứa con trai con gái lớn. Trẻ con cần được yêu và ôm ấp và tất cả những lời nói nựng chúng có thể có, và bé Jem sẽ có, Chúa phù hộ trái tim pé xíu xiu thân yêu của nó.”

“Nhưng em là ca tộ nhất anh từng được nghe, Anne ạ,” Gilbert phản đối, vốn không phải là một người mẹ mà chỉ là một người cha, anh không hoàn toàn bị thuyết phục rằng ngài Oracle đã sai. “Anh chưa bao giờ nghe thấy ai nói cái kiêu em nói với thằng bé.”

“Rất có thể là anh chưa nghe. Đi đi nào... anh đi chỗ khác đi. Em đã chẳng chăm ba cặp sinh đôi nhà Hammond khi còn chưa được mười một tuổi đó sao? Anh và ngài Oracle chỉ là những tay lý thuyết suông máu lạnh. Gilbert, *nhìn* thằng bé mà xem! Nó đang cười với em kìa... nó biết mình đang nói gì đấy. Và em đồng ý mới mọi nhờ mẹ nói, đúng không, thiên thần của mẹ?”

Gilbert vòng tay ôm cả hai mẹ con. “Ôi các bà mẹ!” anh nói. “Các bà mẹ! Có Chúa mới biết Ngài nghĩ gì khi Ngài sinh ra các cô.”

Thế là bé Jem được nói chuyện và yêu thương và ôm ấp; và nó lớn như thổi như một đứa con của căn nhà mơ ước phải thế. Leslie cũng đờ đẫn vì yêu thằng bé gần như Anne vậy. Khi cả hai đã xong việc và Gilbert tránh đi chỗ khác, họ để mặc mình trôi theo những cơn cuồng yêu thương và ngưỡng mộ không chút xấu hổ, như lúc Owen Ford bất ngờ bắt gặp họ.

Leslie là người đầu tiên nhận ra anh. Ngay trong ánh chạng vạng Anne cũng thấy vẻ trắng bệch đột ngột quét qua khuôn mặt xinh đẹp của cô, xóa mờ nét hồng tươi của môi và má.

Owen bước tới, hăm hở, trong một lúc không nhìn thấy cả Anne.

“Leslie!” anh nói, giơ tay ra. Đây là lần đầu tiên anh gọi cô bằng tên; nhưng bàn tay Leslie chìa cho anh lạnh giá; và cô rất im lặng suốt buổi tối, trong khi Anne và Gilbert và Owen cười đùa nói chuyện với nhau. Trước khi chuyển thăm của anh kết thúc cô cáo lỗi và đi lên gác. Tinh thần phấn chấn của Owen xiù hẳn đi và anh ra đi ngay sau đó với một vẻ chán nản.

Gilbert nhìn Anne.

“Anne, em đang âm mưu chuyện gì đấy? Có chuyện gì đó đang xảy ra mà anh không hiểu. Không khí ở đây tối nay cứ như tích điện ấy. Leslie thì ngồi như nữ thần bị kịch; Owen Ford thì cười đùa bề mặt, và nhìn Leslie bằng ánh mắt của tâm hồn. Em thì suốt buổi cứ như sắp nổ tung vì sự hào hứng bị kìm nén. Nói ra xem nào. Em đang giấu giếm người chồng bị lừa dối của em bí mật gì đấy?”

“Đừng có mà hăm, Gilbert,” là câu đáp của cô vợ. “Còn về phần Leslie, cô ấy thật kỳ quặc và em sẽ đi lên gác để bảo cho cô ấy biết là như thế.”

Anne thấy Leslie đang ở cạnh cửa sổ áp mái trong phòng mình. Căn phòng nhỏ tràn ngập tiếng âm vang nhịp nhàng của biển. Leslie đứng khóa tay trong ánh trắng sương khói... một sự hiện diện đẹp đẽ, đầy trách móc.

“Anne,” cô nói bằng giọng trầm, trách cứ, “cậu có biết trước là Owen Ford sắp đến Bốn Làn Gió không?”

“Minh có,” Anne bạo dạn trả lời.

“Ôi, đáng lẽ cậu phải nói với mình, Anne!” Leslie kêu lên vẻ cuồng nhiệt. “Nếu biết thì mình đã đi rồi... mình sẽ không ở lại đây để gặp mặt anh ấy. Đáng lẽ cậu phải nói với mình. Cậu làm thế là không công bằng, Anne... Ôi, thật không công bằng!”

Môi Leslie đang run lên và cả thân người cô căng tràn xúc cảm. Nhưng Anne chỉ phá lên cười hết sức vô tư. Cô cúi xuống hôn lên khuôn mặt trách móc đang ngược lên của Leslie.

“Leslie, cậu đúng là một cô bé ngốc nghếch đáng yêu. Owen Ford không vội vàng từ Thái Bình Dương mò sang Đại Tây Dương với một khát khao cháy bỏng được gặp *mình*. Minh cũng không tin rằng anh ấy bị thúc đẩy bởi một niềm say mê hoang dã và cuồng nhiệt nào dành cho cô Cornelia. Hãy rũ bỏ bộ dạng bi thảm của cậu đi, bạn thân mến, rồi gấp chúng lại mà cất vào tủ ướp hoa oải hương. Cậu sẽ không bao giờ phải cần đến chúng nữa đâu. Có một số người có thể nhìn xuyên qua hòn đá mài khi có một lỗ trên đó, ngay cả nếu cậu không nhìn thấy. Minh không phải một nhà tiên tri, nhưng mình sẽ đánh liều đưa ra một lời phán đoán. Cay đắng cuộc đời với cậu đã qua rồi. Sau chuyện này cậu sẽ có được niềm vui và niềm hy vọng... và mình dám nói là cả nỗi buồn nữa... của một người đàn bà hạnh phúc. Điềm báo của cái bóng sao Hôm thật sự đã thành hiện thực với cậu, Leslie ạ. Cái năm cậu nhìn thấy nó đã mang đến cho cuộc đời cậu món quà tuyệt vời nhất của nó... tình yêu cậu dành cho Owen Ford. Giờ hãy nằm ngay xuống giường mà ngủ một giấc thật ngon đi.”

Leslie nghe lời lên giường: nhưng chẳng biết cô có ngủ hay không. Tôi không nghĩ cô dám nằm mơ giữa ban ngày; đời đã quá nghiệt ngã với cô gái Leslie tội nghiệp này, con đường mà cô vừa phải bước qua đã quá chông gai, đến mức cô không thể thì thầm với trái tim của chính mình những hy vọng có thể đợi chờ trong tương lai. Nhưng cô đã ngắm những ngọn đèn xoay vĩ đại thấp sáng những giờ ngắn ngủi của đêm hè, và đôi mắt cô dần trở nên

mềm mại, sáng tỏ, trẻ trung một lần nữa. Và, khi Owen Ford đến vào hôm sau, để rủ cô đi cùng ra bãi biển, cô cũng không nói với anh lời chối từ.

37. Cô Cornelia đưa ra một thông cáo gây kinh ngạc

Cô Cornelia dong buồm xuống căn nhà nhỏ một buổi chiều uể oải nọ, khi vịnh xanh một màu xanh mờ mờ, nhàn nhạt của biển tháng Tám, và loa kèn màu cam ở cổng vườn nhà Anne vươn những đài hoa lộng lẫy lên để được rót ngập thứ vàng rờng của ánh mặt trời tháng Tám. Có điều cô Cornelia chẳng bận tâm gì đến những đại dương sơn màu hay những bông huệ tây khát nắng. Cô ngồi trên chiếc ghế bập bênh ưa thích của mình với một vẻ biếng nhác bất thường. Thật chẳng may, cô cũng không kéo sợi. Cô cũng chẳng nói lấy một lời xúc phạm về giống đàn ông. Tóm lại, cuộc hội thoại của cô Cornelia đặc biệt thiếu gia vị ngày hôm ấy, và Gilbert, vốn nán lại nhà để lắng nghe cô nói, thay vì đi câu cá như dự định, thấy mình hết sức buồn phiền. Có chuyện gì đã xảy đến với cô Cornelia? Trông cô không buồn rầu hay lo lắng. Trái lại, có một vẻ hờ hờ hồi hộp ở nơi cô.

“Leslie đâu rồi?” cô hỏi... nhưng mà chuyện đó cũng không lấy gì làm liên quan.

“Owen với cô ấy đi hái dâu trong khu rừng đằng sau trang trại nhà cô ấy rồi,” Anne trở lại. “Họ sẽ không về trước giờ ăn khuya... nếu mà có về.”

“Hai người ấy hình như không có ý niệm về một thứ gọi là đồng hồ hay sao ấy,” Gilbert nói. “Cháu không tài nào hiểu tường tận được cái vụ đấy. Cháu tin chắc là đám phụ nữ các cô giật dây. Nhưng Anne, người vợ không biết vâng lời, không chịu nói với cháu. Cô có nói cho cháu biết không, cô Cornelia?”

“Không, ta sẽ không nói. Nhưng mà,” cô Cornelia nói, với dáng vẻ của một người đã quyết định nhắm mắt làm liều cho xong, “ta sẽ nói cho các cháu biết một chuyện khác. Ta đến hôm nay với mục đích để báo tin này. Ta sắp lấy chồng.”

Anne và Gilbert im lặng. Nếu cô Cornelia tuyên bố dự định đi ra kênh nước trầm mình thì chuyện có còn có thể tin được. Chuyện này thì không.

Thế là họ chờ. Dĩ nhiên cô Cornelia đã nhầm.

“Ồ, hai đứa trông ngẩn quá đi,” cô Cornelia nói, đôi mắt hấp háy. Giờ khi phút giây hé lộ kỳ cục đã qua, cô Cornelia lại trở lại với chính mình. “Chúng mày nghĩ cô quá trẻ và thiếu kinh nghiệm để kết hôn chẳng?”

“Cô biết đấy... việc này *thực sự* choáng váng,” Gilbert nói, cố trấn tĩnh lại. “Cháu đã nghe cô nói một đôi lần rằng cô sẽ không thèm lấy người đàn ông tốt nhất thế giới.”

“Ta đâu có ý định lấy người đàn ông tốt nhất thế giới,” cô Cornelia bật lại. “Marshall Elliott còn khuya mới là tốt nhất.”

“Cô sắp lấy Marshall Elliott á?” Anne kêu lên, hồi phục khả năng ngôn ngữ dưới cú sốc thứ hai này.

“Đúng. Chỉ cần nhắc một ngón tay là ta đã có thể có được hẳn bất cứ lúc nào trong vòng hai mươi năm nay. Nhưng chẳng lẽ các cháu nghĩ ta chịu bước vào nhà thờ bên cạnh một đồng cỏ khô di động như thế chắc?”

“Chắc chắn là chúng cháu rất mừng... và chúng cháu cầu mong cho cô mọi điều toại nguyện,” Anne nói, rất ngơ ngẩn và rất không thỏa đáng, đúng như cảm giác của cô. Cô không sẵn sàng cho một dịp như thế này. Cô chưa bao giờ hình dung việc mình đưa ra những lời chúc tụng về hôn sự với cô Cornelia.

“Cảm ơn, ta biết là cháu sẽ mừng,” cô Cornelia nói. “Hai đứa là những người bạn đầu tiên được biết tin.”

“Nhưng mà chúng cháu sẽ rất buồn khi mất cô, cô Cornelia yêu quý ạ,” Anne nói, bắt đầu cảm thấy hơi buồn và ủy mị.

“Ồ, mấy đứa không mất ta đâu,” cô Cornelia nói không chút xúc động. “Mấy đứa không nghĩ ta sẽ sống bên kia vịnh với cả cái đám MacAllister và Elliott và Crawford đó chứ hả? ‘Từ sự tự phụ của nhà Elliott, sự tự hào của nhà MacAllister và sự tự kiêu của nhà Crawford, Chúa tạo ra chúng ta.’ Marshall sẽ đến sống ở chỗ ta. Ta phát ốm và mệt mỏi với đám đàn ông làm thuê rồi. Cái thằng Jim Hastings thuê mùa hè vừa rồi chắc chắn là đứa tệ nhất trong cả bày. Nó sẽ lừa bất cứ người nào đến bước phải lập gia đình. Cháu nghĩ sao chứ? Nó đá phải cái máy quay hôm qua và đánh đổ cả một mẻ

kem lớn ra vườn. Và không một mảy may lo nghĩ về chuyện đó! Chỉ cười một cái ngu ngu và nói kem tốt cho đất lắm. Đúng là đồ đàn ông! Ta nói ta không có thói quen bón vườn sau bằng kem.”

“Vâng, cháu cũng mong cho cô mọi điều hạnh phúc, cô Cornelia ạ,” Gilbert nói, vẻ nghiêm trang; “nhưng,” anh nói thêm, không thể cưỡng được cảm dỗ muốn trêu cô Cornelia, bắt chập đôi mắt khấn nài của Anne, “cháu e rằng những ngày tự do của cô đã qua. Như cô biết đấy, chú Marshall Elliott là một người đàn ông hết sức kiên định.”

“Ta thích một người đàn ông dám nghĩ dám làm,” cô Cornelia bật lại. “Amos Grant, cái thằng cha hồi xưa từng mê ta, không làm được điều đó. Chưa từng thấy một thằng cha nào ba phải như vậy. Hắn nhảy xuống ao định tự tử một lần nhưng rồi lại đổi ý mà bơi lên bờ. Có đúng là đàn ông không chứ? Phải tay Marshall thì hắn đã giữ vững lập trường mà chết đuối luôn rồi.”

“Và cháu nghe nói chú ấy cũng nóng tính ra phết đấy,” Gilbert trêu già.

“Nếu không thì đã chẳng phải mang họ Elliott. Ta cũng mừng là thế. Sẽ rất vui khi chọc cho hắn phát khùng. Mà thường với một thằng cha nóng tính thì khi nào nổi hứng là có thể làm một cái gì đó. Nhưng mà chả làm được gì với một thằng cha lúc nào cũng cứ bình thản làm mình phát rồ lên.”

“Cô biết đấy chú ấy là thành viên Cấp tiến mà, cô Cornelia.”

“Đúng, đúng là thế,” cô Cornelia thừa nhận vẻ hơi buồn. “Và dĩ nhiên không có hy vọng gì biến hắn thành thành viên Bảo thủ được. Nhưng ít nhất hắn cũng theo Trưởng lão. Thế nên ta cho rằng ta sẽ phải tự hài lòng với điều đó.”

“Thế nếu chú ấy theo Giám lý thì cô có cưới chú ấy không, cô Cornelia?”

“Không, ta sẽ không cưới. Chính trị là dành cho thế giới này, nhưng tôn giáo là dành cho cả hai thế giới.”

“Và rốt cuộc có khi cô sẽ trở thành một bà ‘quả phụ’ đấy, cô Cornelia ạ.”

“Không phải ta đâu. Marshall sẽ sống lâu hơn ta. Nhà Elliott sống dai lắm, còn nhà Bryant thì không.”

“Khi nào cô cưới ạ?” Anne hỏi.

“Khoảng một tháng nữa. Áo cưới của ta sẽ là váy lụa màu xanh hải quân. Và ta muốn hỏi cháu, Anne cưng ạ, liệu cháu nghĩ mặc váy xanh hải quân mà đeo mạng thì có được không. Lúc nào ta cũng nghĩ ta thích đeo mạng nếu có bao giờ lấy chồng. Marshall nói nếu thích thì cứ đeo. Đúng là đồ đàn ông!”

“Sao cô lại không đeo nếu cô thích?” Anne hỏi.

“À, người ta không muốn khác người quá,” cô Cornelia, người không hề giống dù chỉ sơ sơ bất cứ một ai khác trên mặt đất này, nói. “Như ta nói, đúng là ta có thích một cái mạng. Nhưng có lẽ không nên đeo mạng với bất cứ loại áo váy nào khác ngoài áo trắng. Làm ơn nói cho ta biết đi Anne, cháu thật sự nghĩ gì. Ta sẽ nghe theo lời khuyên của cháu.”

“Cháu không nghĩ mạng hay được đeo cùng với bất cứ thứ gì ngoài áo trắng,” Anne thừa nhận, “nhưng đó chỉ là một tục lệ mà thôi; và cháu thì giống chú Elliott, cô Cornelia ạ. Cháu không thấy có lý do gì mà cô lại không nên đeo mạng nếu cô thích.”

Nhưng cô Cornelia, người đang ghé thăm nhà trong một chiếc áo choàng rộng thính bằng vải trúc bâu, lắc đầu.

“Nếu không đúng thì ta sẽ không đeo,” cô nói, với một cái thở dài tiếc nuối cho một giấc mơ đã mất.

“Vì cô đã quyết tâm lập gia đình, cô Cornelia ạ,” Gilbert nghiêm trang nói, “cháu sẽ cho cô những quy tắc tuyệt vời về quản lý một ông chồng mà bà ngoại cháu đã cho mẹ cháu khi mẹ cháu cưới cha cháu.”

“Ồ, ta nghĩ ta có thể quản lý được Marshall Elliott,” cô Cornelia bình thản nói. “Nhưng cứ nghe quy tắc của cháu xem nào.”

“Quy tắc đầu tiên là, tóm lấy chú ấy.”

“Đã tóm. Nói tiếp đi.”

“Quy tắc thứ hai là, cho chú ấy ăn uống tử tế.”

“Với đầy đủ bánh nướng. Tiếp?”

“Quy tắc thứ ba và thứ tư là... để mắt tới chú ấy.”

“Ta tin cháu,” cô Cornelia nói dứt khoát.

38. Hoa hồng đỏ

Khu vườn của căn nhà nhỏ là một chôn được lũ ong yêu thích và được tô thắm bởi những đóa hồng muôn vào tháng Tám năm đó. Mọi người ở trong nhà rất nhiều, và thường tổ chức những buổi picnic ban chiều ở góc vườn đầy cỏ đằng sau con suối và ngồi trong nhà qua những buổi chiều tà khi những con đom đóm đêm không lồ bay xéo lên bóng tối mượt như nhung. Một tối nọ Owen Ford tìm thấy Leslie một mình trong nhà. Anne và Gilbert đi vắng, và bà Susan, vốn dự định sẽ trở về đêm đó, chưa thấy về.

Bầu trời phương Bắc mang màu hổ phách và xanh nhạt trên rặng linh sam. Không khí mát lạnh, vì tháng Tám đã tiến gần tháng Chín, và Leslie đeo một chiếc khăn quàng cổ đỏ rực trên chiếc váy trắng. Cùng nhau họ lang thang qua những lối đi nhỏ nhỏ, thân mật, ngập hoa trong im lặng. Owen sẽ sớm phải ra đi. Kỳ nghỉ của anh sắp hết. Leslie thấy tim mình đập loạn. Cô biết khu vườn đáng yêu này sắp chứng kiến những lời hẹn ước sẽ ghi dấu mỗi cảm thông chưa được nói thành lời của họ.

“Có những buổi tối một mùi hương kỳ lạ thổi xuống không khí khu vườn này, như một mùi hương ảo,” Owen nói. “Anh chưa bao giờ phát hiện được đích xác nó thoát ra từ loài hoa nào. Nó lẫn quất và ám ảnh và ngọt ngào tuyệt diệu. Anh thích tưởng tượng nó là linh hồn của bà ngoại Selwyn đi qua trong một chuyến viếng thăm nhỏ nhỏ đến nơi mà thời xưa bà đã từng yêu tha thiết. Chắc hẳn có rất nhiều hồn ma thân thiện quanh căn nhà nhỏ cũ kỹ này.”

“Em mới sống dưới mái nhà này được có một tháng,” Leslie nói, “nhưng em đã yêu nó như chưa bao giờ em yêu căn nhà đằng kia nơi em đã sống trọn cả cuộc đời.”

“Căn nhà này được xây cất và được gột rửa bởi tình yêu,” Owen nói. “Những căn nhà như thế, *chắc chắn* phải tạo ảnh hưởng lên những người sống trong đó. Và khu vườn này... nó đã trên sáu mươi năm tuổi và là lịch sử của một ngàn điều hy vọng và niềm vui được viết trên những cánh hoa. Một vài trong số những bông hoa này thực sự đã được chính tay cô dâu thầy

giáo trồng nên, và bà đã mất hơn ba mươi năm rồi. Thế nhưng chúng vẫn bùng nở mỗi mùa xuân. Em hãy nhìn những bông hồng đỏ kia xem, Leslie... xem cách chúng ngự trị như một nữ hoàng trên tất cả mọi loài hoa khác!”

“Em yêu những bông hồng đỏ,” Leslie nói. “Anne thích những bông màu hồng nhất, và Gilbert thích hoa hồng trắng. Nhưng em muốn những bông đỏ rực. Chúng thỏa mãn một khao khát nào đó trong em mà không một loài hoa nào khác làm được.”

“Những bông hoa kia nở rất muộn... chúng nở sau khi tất cả những bông khác đã tàn... và chúng gìn giữ tất cả hơi ấm và linh hồn của mùa hè đã đơm hoa kết trái,” Owen nói, ngắt một vài nụ hoa sáng bùng, đang hé nở.

“Hoa hồng là loài hoa của tình yêu... cả thế giới đã tôn vinh nó như vậy hàng thế kỷ nay. Loài hoa màu hồng là tình yêu hy vọng và mong chờ... loài hoa trắng là tình yêu đã chết hay đã lãng quên... nhưng những bông hồng nhung... a, Leslie, những bông hồng nhung là gì hả em?”

“Là tình yêu chiến thắng,” Leslie nói bằng một giọng trầm nhỏ.

“Đúng... tình yêu chiến thắng và hoàn hảo. Leslie, em biết... em hiểu. Anh đã yêu em từ đầu. Và *anh biết* rằng em yêu anh... anh không cần phải hỏi em. Nhưng anh muốn nghe em nói... em yêu... em thân yêu!”

Leslie nói gì đó bằng một giọng rất nhỏ và run rẩy. Tay và môi họ gặp nhau; đây là giây phút thăng hoa cuộc đời dành cho họ và khi họ đứng đó trong khu vườn cũ, với bao nhiêu năm tháng yêu thương và hạnh phúc và buồn đau và huy hoàng của nó, anh cài lên mái tóc rực sáng của cô loài hoa hồng đỏ rực màu tình yêu chiến thắng.

Anne và Gilbert một lát sau trở về, đi cùng là thuyền trưởng Jim. Anne thấp một vài que củi gỗ trôi dạt trong lò sưởi, vì tình yêu dành cho những ngọn lửa tiên, và họ ngồi quanh đó trong một giờ đồng hồ bằng hữu thân ái.

“Khi ngồi nhìn một đám lửa củi trôi dạt, thật dễ để ta tin mình trẻ lại,” thuyền trưởng Jim nói.

“Ông có đọc được tương lai trong ngọn lửa không, thuyền trưởng Jim?” Owen hỏi.

Thuyền trưởng Jim trùi mền nhìn tất cả mọi người rồi lại nhìn gương mặt

sống động và đôi mắt rực sáng của Leslie.

“Ta không cần ngọn lửa để đọc tương lai của các con,” ông nói. “Ta nhìn thấy hạnh phúc cho tất cả các con... tất cả... cho Leslie và anh Ford... và anh bác sĩ đây và cháu gái Blythe... và bé Jem và những đứa trẻ còn chưa được sinh ra nhưng sẽ được sinh ra. Hạnh phúc cho tất cả các con... mặc dù, các con hãy nhớ, ta tin rằng các con sẽ có những rắc rối và lo lắng và đau buồn của riêng mình nữa. Chúng hẳn sẽ đến... và không căn nhà nào, dù là cung điện hay một căn nhà nhỏ của ước mơ, có thể ngăn không cho chúng vào. Nhưng chúng sẽ không chiếm được các con nếu các con *cùng nhau* đối diện với chúng bằng tình yêu và sự tin tưởng. Các con có thể vượt qua mọi bão dông với hai thứ đó làm la bàn và hoa tiêu.”

Đột ngột ông già đứng lên rồi đặt một tay lên đầu Leslie và một lên đầu Anne.

“Hai người phụ nữ tốt đẹp, ngọt ngào,” ông nói. “Chân thực và trung thành và đáng tin. Chồng của các con sẽ được tự hào vì các con... trong những năm sắp đến con cháu các con sẽ lớn lên và gọi các con là những người mẹ được ban phước lành.”

Có một sự trang nghiêm kỳ lạ trong cảnh tượng nho nhỏ này. Anne và Leslie cúi đầu như những người đang nhận phước lành. Gilbert đột nhiên dụi tay qua mắt, Owen Ford ngậy ra như một người vừa nhìn thấy ảo ảnh. Tất cả im lặng trong một lúc. Căn nhà nhỏ mơ ước đưa thêm một ký ức sâu sắc và không thể nào quên nữa vào kho ký ức của mình.

“Giờ ta phải đi đây,” cuối cùng thuyền trưởng Jim chậm rãi nói. Ông cầm mũ và đưa mắt lưu luyến nhìn quanh căn phòng.

“Chúc ngủ ngon, tất cả các con,” ông nói, rồi đi ra khỏi cửa.

Anne, xúc động bởi vẻ quan hoài bất thường trong lời từ biệt của ông, chạy theo ông ra cửa.

“Trở lại sớm nhé, thuyền trưởng Jim,” cô gọi với theo, lúc ông bước qua cánh cửa nhỏ giữa hai cây linh sam.

“Ừ, ừ,” ông vui vẻ nói vọng lại. Nhưng đây là lần cuối cùng thuyền trưởng Jim ngồi bên chiếc lò sưởi cũ của căn nhà ước mơ.

Anne từ từ quay lại với những người khác.

“Thật rất... rất đáng thương khi nghĩ ông phải đi một mình suốt dọc đường về mũi đất cô độc ấy,” cô nói. “Và chẳng có ai đón chờ ông ở đấy.”

“Thuyền trưởng Jim là một người bạn đồng hành quá tốt của người khác đến nỗi ta không thể hình dung ông không phải là một người bạn đồng hành tốt với bản thân mình,” Owen nói. “Nhưng hẳn ông thường bị cô đơn. Tối nay ông có chút dáng vẻ của một nhà tiên tri... ông nói như một người đã được Chúa ban lời cho nói. À, tôi cũng phải đi rồi.”

Anne và Gilbert kín đáo lần đi, nhưng khi Owen về thì Anne trở lại, thấy Leslie đứng cạnh lò sưởi.

“Ôi, Leslie... mình biết rồi... và mình rất mừng, bạn thân mến ạ,” cô nói, vòng tay quanh người bạn.

“Anne, hạnh phúc của mình làm mình sợ,” Leslie thì thầm. “Nó có vẻ quá lớn khó có thể là sự thực... mình sợ phải nói về nó... sợ nghĩ về nó. Với mình dường như đây chắc hẳn là một giấc mơ nữa trong căn nhà mơ ước này và nó sẽ biến mất khi mình rời khỏi đây.”

“À, cậu sẽ không rời khỏi đây đâu... cho đến khi Owen mang cậu đi. Cậu sẽ ở cùng mình cho đến lúc đó. Cậu nghĩ mình sẽ để cậu đi qua cái chôn quanh quẽ, buồn thảm đó sao?”

“Cảm ơn cậu. Mình đã định hỏi xin cậu ở lại. Mình không muốn trở về nơi đó... sẽ như trở về với cái giá lạnh và rã rời của cuộc đời cũ. Anne, Anne ơi, cậu đã là một người bạn tốt với mình biết bao... ‘một người phụ nữ tốt bụng, ngọt ngào... chân thực và trung thành và đáng tin cậy’... thuyền trưởng Jim đã tóm tắt được về cậu.”

“Ông đã nói ‘hai người phụ nữ’, chứ không phải ‘một người phụ nữ’,” Anne mỉm cười. “Có lẽ thuyền trưởng Jim đã nhìn cả hai đứa chúng mình qua lăng kính màu hồng của tình yêu ông dành cho chúng mình. Nhưng chúng ta có thể cố sống hướng tới niềm tin ông đặt vào chúng ta, ít nhất là thế.”

“Cậu có nhớ không, Anne,” Leslie chậm rãi nói, “rằng mình từng nói... cái đêm chúng ta gặp nhau trên bờ biển... rằng mình ghét vẻ đẹp của mình?”

Lúc ấy mình thực sự ghét. Dường như lúc nào với mình, nếu như mình xấu xí Dick đã không bao giờ nghĩ tới mình. Mình ghét vẻ đẹp của mình vì nó đã hấp dẫn anh ta, nhưng giờ... ôi, mình mừng là mình có nó. Đây là tất cả những gì mình có thể dâng cho Owen... linh hồn nghệ sĩ của anh ấy vui sướng vì nó. Mình thấy như mình đã không tay không mà đến với anh ấy.”

“Owen yêu vẻ đẹp của cậu, Leslie ạ. Ai mà chẳng yêu? Nhưng cậu thật ngốc khi nói hay nghĩ rằng đây là tất cả những gì cậu mang lại cho anh ấy. *Anh ấy* sẽ nói với cậu điều đó... mình không cần phải nói. Giờ mình phải khóa cửa đây. Mình tưởng Susan sẽ về tối nay, nhưng cô ấy lại không về.”

“Ồ, có, chứ tôi đây, cô bác sĩ thân mến ơi,” bà Susan nói, đột ngột bước vào từ bếp, “và thở hồn hển như một con gà mái đây này! Đi bộ từ Glen xuống đây mệt quá.”

“Cháu mừng khi thấy cô về, Susan ạ. Chị gái cô thế nào rồi?”

“Bà ấy ngồi dậy được rồi, nhưng dĩ nhiên chưa đi được. Tuy nhiên, giờ bà ấy đã có thể lo liệu tiếp ổn thỏa mà không có tôi được rồi, vì con gái bà ấy đã về nhà nghỉ lễ. Và tôi rất mừng được trở về, cô bác sĩ ạ. Chân của Matilda thì gãy thật không nhằm nhột gì cả, nhưng cái lưỡi của bà ấy thì không. Bà ấy nói đến đá cũng phải điếc tai, cô bác sĩ ạ, mặc dù tôi rất buồn phải nói như vậy về chị gái của mình. Bà ấy lúc nào cũng nói lắm thế mà lại là người đầu tiên trong nhà lấy được chồng. Bà ấy thực sự chẳng quan tâm mấy việc cưới James Clow... điếm xấu duy nhất tôi tìm thấy ở ông ấy là ông ấy luôn mở miệng cầu nguyện trước bữa ăn bằng một tiếng rên thật là kỳ dị, cô bác sĩ ạ. Nó lúc nào cũng dọa sự ngon miệng của tôi chạy mất biển. À nhân nói chuyện cưới xin, có thật là Cornelia Bryant sắp lấy Marshall Elliott không cô?”

“Vâng, đúng đấy, cô Susan ạ.”

“Ôi, cô bác sĩ ạ, với tôi thật *không* công bằng tí nào cả. Tôi đây này, chưa bao giờ nói một lời nào động chạm đến đàn ông, mà không kiêu gì lấy được chồng. Còn Cornelia Bryant, chưa bao giờ thôi mạt sát đàn ông, thế mà tất cả những gì cô ta làm phải làm là với tay ra tóm lấy một ông chồng, thế đấy. Đây là một thế giới rất kỳ cục, cô bác sĩ ạ.”

“Có một thế giới khác nữa, cô biết đấy, cô Susan ạ.”

“Đúng,” bà Susan nói với một tiếng thở dài thườn thượt, “nhưng cô bác sĩ thân mến ạ, trong thế giới ấy thì chẳng có cưới xin cũng chẳng có ở giá gì hết cả.”

39. Thuyền trưởng Jim ra khơi

Một ngày cuối tháng Chín, quyển sách của Owen Ford cuối cùng đã đến. Suốt một tháng trời thuyền trưởng Jim đã đều đặn ra bưu điện Glen mỗi ngày, mong chờ nó. Hôm nay ông không đi, và Leslie mang cuốn sách của ông về nhà cùng với quyển của cô và của Anne.

“Chiều nay chúng ta sẽ mang nó xuống cho ông,” Anne nói, hào hứng như một cô học trò.

Chuyến đi dài đến mũi đất vào buổi chiều tối quang đãng, đẹp đẽ dọc con đường đất đỏ ven cảng thật vô cùng dễ chịu. Rồi mặt trời rơi xuống dưới những ngọn đèn phía Tây vào một thung lũng nào đó hắt đầy áp những hoàng hôn quá vãng, và cùng lúc đó ngọn đèn vĩ đại lóe sáng trên đỉnh tháp trắng của ngọn hải đăng.

“Thuyền trưởng Jim không bao giờ trễ dù chỉ một tích tắc,” Leslie nói.

Anne và Leslie không bao giờ quên được khuôn mặt của thuyền trưởng Jim khi họ đưa cho ông cuốn sách... cuốn sách *của ông*, được chuyển thể và được vinh danh. Đôi gò má gầy đây đã nhợt nhạt bùng sáng ngọn lửa thời trai trẻ; đôi mắt ông rục lên lửa nhiệt huyết thời tuổi trẻ; nhưng đôi tay ông run run khi mở nó ra.

Nó được đặt tên đơn giản là *Cuốn sách cuộc đời của thuyền trưởng Jim*, và ở trang bìa, tên của Owen Ford và James Boyd được in như đồng tác giả. Trang đầu là một bức hình chụp chính thuyền trưởng Jim, đứng ở cửa ngọn hải đăng, đang nhìn về phía vịnh. Owen Ford đã “chộp” được ông một ngày nọ khi quyển sách đang được viết. Thuyền trưởng Jim biết chuyện này, nhưng ông không biết bức hình sẽ nằm trong sách.

“Cứ nghĩ mà xem,” ông nói, “gã phù thủy già ở ngay đây trong một quyển sách in thực thụ. Đây là ngày tự hào nhất đời ta. Ta sắp nổ tung ra đây, hai đứa ạ. Đêm nay sẽ không có ngủ nghê gì hết. Ta sẽ đọc quyển sách của ta từ đầu chí cuối trước khi mặt trời mọc.”

“Chúng cháu sẽ đi ngay cho ông rảnh rang để bắt đầu đọc nó,” Anne nói.

Thuyền trưởng Jim nãy giờ vẫn nâng niu quyển sách trong một trạng thái sung sướng sùng kính. Giờ ông kiên quyết đóng nó lại đặt sang một bên.

“Không, không, hai đứa không đi đâu cả trước khi uống một tách trà với ông già này,” ông phản đối. “Ta không chấp nhận chuyện đó... đúng không hả Bạn Đầu? Cuốn sách cuộc đời vẫn sẽ ở đây, đúng không nào. Ta đã đợi nó nhiều năm nay rồi. Ta có thể đợi thêm một chút trong khi ta vui vẻ với bạn bè ta.”

Thuyền trưởng Jim đứng dậy lấy ấm đun nước, rồi dọn bánh mì và bơ ra. Dù hơi hộp, ông không di chuyển với vẻ hoạt bát thường ngày. Cử động của ông chậm chạp và ngắc ngứ. Nhưng các cô gái không yêu cầu được trợ giúp. Họ biết điều đó sẽ làm ông tổn thương.

“Mấy đứa chọn đúng lúc để đến thăm ta đó,” ông nói, lấy từ chạn ra một chiếc bánh ngọt. “Hôm nay mẹ thằng nhóc Joe vừa gửi cho ta một túi to đầy ắp bánh ngọt và bánh nướng. Chúa phù hộ cho tất cả những đầu bếp giỏi, ta nói thế. Nhìn cái bánh ngọt đẹp đẽ này mà xem, nào là kem phủ nào là hạt nọ hạt kia. Chẳng mấy khi ta có thể tiếp đãi khách theo lối vương giả thế này đâu. Nhào vô đi mấy đứa, nhào vô! Chúng ta sẽ ‘lại cạn một cốc tốt lành cho những tháng ngày tốt đẹp xưa cũ’.”

Hai cô gái “nhào vô” hết sức vui vẻ. Món trà đạt đến độ ngon nhất dưới tài pha chế của thuyền trưởng Jim. Món bánh của mẹ nhóc Joe ngon hết mức bánh có thể ngon; thuyền trưởng Jim là một hoàng tử trong số những vị chủ nhà lịch thiệp, không bao giờ thậm chí cho phép mắt mình lang thang đến cái góc nơi cuốn sách cuộc đời của ông đang nằm, trong tất cả vẻ huy hoàng vàng xanh của nó. Nhưng khi cánh cửa của ông cuối cùng cũng đóng lại đằng sau Anne và Leslie, họ biết ông đi ngay đến chỗ nó, và khi đi về nhà họ hình dung sự vui sướng của ông già mê mải trên những trang sách in nơi cuộc đời của chính ông được khắc họa với tất cả vẻ quyến rũ và sắc màu thực tế.

“Mình tự hỏi không biết ông có thích cái kết không... cái kết mình đã gợi ý,” Leslie nói.

Cô sẽ không bao giờ biết được. Sáng sớm hôm sau Anne tỉnh dậy thấy Gilbert đang cúi xuống bên mình, quần áo đã gọn gàng, vẻ mặt lo lắng.

“Anh bị gọi đi ra ngoài à?” cô gái ngủ hỏi.

“Không. Anne à, anh e rằng có chuyện không ổn ở mũi đất. Đã một tiếng sau khi mặt trời mọc rồi mà ngọn đèn vẫn sáng. Em biết thuyền trưởng Jim coi việc bật đèn đúng lúc mặt trời lặn và tắt đèn đúng lúc mặt trời mọc là vấn đề danh dự mà.”

Anne ngồi dậy trong sợ hãi. Qua cửa sổ cô thấy ngọn đèn lóe sáng nhạt nhòa trên nền ban mai xanh.

“Có lẽ ông đã ngủ quên trên cuốn sách cuộc đời của mình,” cô hỏi hộp nói, “hay quá say mê đọc nó đến độ quên tắt ngọn đèn.”

Gilbert lắc đầu.

“Như thế không giống thuyền trưởng Jim. Dẫu sao thì, anh đi xuống đây để xem bây giờ đây.”

“Đợi một phút, em sẽ đi với anh,” Anne kêu lên. “Ôi, đúng rồi, em phải đi... nhóc Jem sẽ còn ngủ thêm một tiếng nữa, và em sẽ gọi Susan. Anh có thể sẽ cần bàn tay phụ nữ nếu thuyền trưởng Jim bị ốm.”

Đây là một buổi sáng tuyệt diệu; đầy hương sắc và thanh âm vừa chín rộ vừa tinh tế. Bờ cảng lấp lánh và lúng liếng như một cô gái; những cánh hải âu trắng vút bay trên đụn cát; ngoài cồn cát là một vùng biển rực rỡ, tuyệt vời. Những cánh đồng trải dài cạnh bờ biển trĩu sương và tươi mát trong ánh sáng đầu tiên trong trẻo, mịn màng ấy. Gió đến nhảy múa hát ca trên kênh nước để thế chỗ cho sự im lặng đẹp đẽ bằng một nhạc điệu còn đẹp đẽ hơn. Nếu không vì ngôi sao mang điềm gờ trên ngọn tháp trắng thì cuộc đi bộ sớm hôm đó hẳn đã là một niềm vui thích với Gilbert và Anne. Nhưng họ rảo bước thật nhẹ nhàng trong sợ hãi.

Gõ cửa không có ai trả lời. Gilbert mở cửa và họ bước vào.

Căn phòng cũ hết sức yên ắng. Trên bàn là những gì còn sót lại của buổi tiệc tối nho nhỏ. Ngọn đèn vẫn cháy trên giá đỡ ở góc nhà. Con Bạ Đầu đang ngủ trong một góc nắng hình chữ nhật cạnh sofa.

Thuyền trưởng Jim nằm trên sofa, tay chắp bên trên cuốn sách cuộc đời, mở ở trang cuối, đặt trên ngực ông. Mắt ông nhắm và trên mặt ông là một vẻ yên bình và hạnh phúc hoàn hảo nhất... vẻ mặt của một người đã thật lâu tìm

kiếm và cuối cùng đã tìm thấy.

“Ông ngủ à?” Anne run run thì thầm.

Gilbert đến bên sofa và cúi xuống một vài giây. Rồi anh đứng thẳng dậy.

“Đúng, ông ngủ... ừ,” anh nhỏ nhẹ nói thêm. “Anne à, thuyền trưởng Jim đã ra khơi.”

Họ không biết chính xác giờ ông mất, nhưng Anne luôn luôn tin rằng ông đã đạt được ước nguyện của mình, và ra đi đúng lúc bình minh lên trên vịnh. Ngoài kia trên ngọn thủy triều đang rút, trên mặt biển bình minh dát ngọc trai và bạc, đến bến bờ nơi Margaret quá cố chờ đợi, vượt ngoài đông tố và bình yên.

40. Tạm biệt ngôi nhà mơ ước

Thuyền trưởng Jim được chôn trong khu nghĩa địa nhỏ bên kia cảng, rất gần nơi bé Joy nằm ngủ. Họ hàng của ông cho dựng một tấm “bia” rất đắt tiền, rất xấu... một tấm bia mà ông hẳn sẽ lấu linh trên cột nếu nhìn thấy lúc còn sống. Nhưng tấm bia kỷ niệm thực sự của ông nằm trong tim những người quen biết ông, và trong cuốn sách sẽ sống qua nhiều thế hệ.

Leslie khóc vì thuyền trưởng Jim đã không còn sống để chứng kiến thành công vang dội của nó.

“Hẳn ông sẽ vui sướng với những bài bình sách biết bao... gần như tất cả đều hết sức tốt đẹp. Và nhìn thấy cuốn sách cuộc đời của mình dẫn đầu danh sách bán chạy... ôi, giá mà ông còn sống để nhìn thấy điều đó, Anne ơi!”

Nhưng Anne, dù đau buồn, lại tỏ ra thông thái hơn.

“Cái ông quan tâm là cuốn sách, Leslie ạ... chứ không phải điều mọi người nói về nó... và ông đã có nó. Ông đã đọc xong. Cái đêm cuối cùng ấy chắc hẳn là một đêm hạnh phúc nhất đời ông... với cái kết nhanh chóng, không đau đớn mà ông đã hy vọng vào lúc bình minh. Mình mừng cho Owen và cho cậu rằng quyển sách đã thành công đến vậy... nhưng thuyền trưởng Jim đã thỏa mãn rồi... mình *biết*.”

Ngôi sao hải đăng vẫn giữ gác hàng đêm; một người giữ đèn thay thế đã

được cử đến, cho đến lúc một chính quyền hết-sức-sáng-suốt có thể quyết định ai trong số các ứng viên là người thích hợp nhất cho vị trí đó... hoặc ai là người có động lực nhất. Con Bạn Đầu về sống trong căn nhà nhỏ, được Anne và Gilbert và Leslie yêu thương, và được chịu đựng bởi một Susan không ưa thích gì lắm mấy con mèo.

“Tôi có thể chịu đựng nó vì thuyền trưởng Jim, cô bác sĩ thân mến ạ, vì tôi thích ông già. Và tôi sẽ đảm bảo nó được ăn được uống, và được mọi con chuột nó tóm được. Nhưng đừng bắt tôi làm nhiều hơn thế, cô bác sĩ thân mến. Mèo là mèo và cứ nhớ lấy lời tôi là chúng nó sẽ không bao giờ là cái gì khác được. Và ít nhất, cô bác sĩ ạ, giữ nó tránh xa thằng bé ra. Cô cứ thử hình dung sẽ khủng khiếp như thế nào nếu nó hút mất hơi của thằng bé cưng ấy.”

“Cái đấy mới đúng là một thảm-họa-mèo đấy,” Gilbert nói.

“Ôi, cậu cứ cười đi, nhưng mà chuyện đó không đùa được đâu nhé.”

“Mèo không bao giờ hút hơi trẻ con,” Gilbert nói. “Đấy chỉ là một điều mê tín cũ mèm thôi, cô Susan ạ.”

“Ôi thì, có thể là mê tín có thể không, cậu bác sĩ ạ. Tôi chỉ biết là, chuyện đó đã từng xảy ra. Con mèo của vợ thằng cháu trai của chồng chị tôi đã hút hơi đứa bé nhà họ, và thằng bé tội nghiệp đã đi mất rồi khi họ tìm thấy nó. Và mê tín hay không, nếu tôi mà thấy con quái vật lông vàng đấy lảng vảng gần thằng bé nhà mình là tôi lấy que cời tôi quất đấy, cô bác sĩ thân mến ạ.”

Ông bà Marshall Elliott đang chung sống thoải mái và hòa hợp trong căn nhà màu xanh. Leslie bận rộn thêm thừa, vì cô và Owen sẽ cưới vào giáng sinh. Anne tự hỏi mình sẽ làm gì một khi Leslie đi khỏi.

“Thay đổi diễn ra suốt mà. Vừa lúc mọi thứ trở nên thật dễ chịu thì chúng lại thay đổi,” cô nói với một tiếng thở dài.

“Căn nhà cũ của Morgan trên Glen đang rao bán đấy,” Gilbert nói, chẳng có liên quan gì đặc biệt.

“Thế ạ?” Anne hỏi về thờ ơ.

“Đúng. Giờ khi ông Morgan đã mất, bà Morgan muốn đến sống với con cái bà ấy ở Vancouver. Bà ấy sẽ bán rẻ, vì một căn nhà rộng như thế trong

một ngôi làng nhỏ như Glen sẽ không dễ gì mà bán được.”

“À, đấy chắc chắn là một căn nhà đẹp, thế nên chắc là bà ấy sẽ tìm được người mua thôi,” Anne lơ đãng đáp, tự hỏi liệu cô nên khâu giũa hay khâu mũi chỉ cho mấy bộ đồ soóc của bé Jem. Tuần sau thằng bé sẽ được chuyển sang mặc đồ ngắn, và chỉ nghĩ đến chuyện đó thôi Anne đã thấy muốn khóc.

“Thế giả sử chúng mình mua nó?” Gilbert nhỏ nhẹ nói.

Anne đánh rơi bộ đồ khâu và trợn mắt nhìn anh.

“Anh không nói thật đấy chứ Gilbert?”

“Anh nói nghiêm túc đấy em thân yêu ạ.”

“Và rời bỏ nơi chốn thân thương này... căn nhà mơ ước của chúng ta?” Anne nói đầy hoài nghi. “Ôi, Gilbert, chuyện này... chuyện này không thể nghĩ được!”

“Em hãy kiên nhẫn mà nghe anh nói đây này, em yêu. Anh biết chính xác em cảm thấy như thế nào về chuyện này. Cảm xúc của anh cũng vậy. Nhưng chúng ta đã luôn biết rằng rồi có ngày mình sẽ phải chuyển đi mà.”

“Ôi, nhưng không sớm thế chứ, Gilbert... không phải ngay lúc này chứ.”

“Chúng ta có thể sẽ không bao giờ có được một cơ hội như thế nữa. Nếu chúng ta không mua nhà Morgan thì có người khác sẽ mua... và không có căn nhà nào khác ở Glen chúng ta sẽ muốn mua nữa cả, và cũng không có địa điểm đẹp nào khác để xây nhà. Căn nhà nhỏ này... ừ, nó đã và đang là thứ mà không một căn nhà nào khác có thể là đối với chúng ta, anh công nhận, nhưng em cũng biết ở dưới này quá hẻo lánh đối với một bác sĩ. Chúng ta đã cảm nhận được sự bất tiện, mặc dù chúng ta đã cố gắng hết sức mình. Và bây giờ thì nó đã hơi chật rồi. Có lẽ, trong một vài năm nữa, khi Jem muốn có phòng riêng, nó sẽ trở nên quá chật.”

“Ôi, em biết... em biết,” Anne nói, lệ dâng đầy trong mắt. “Em biết tất cả những gì là điểm yếu của căn nhà này, nhưng em yêu nó biết bao... và ở đây mới đẹp làm sao.”

“Rồi em sẽ thấy ở đây rất cô đơn sau khi Leslie đi... và thuyền trưởng

Jim cũng đã đi rồi. Nhà Morgan cũng đẹp, và theo thời gian chúng mình sẽ yêu nó. Em biết lúc nào em cũng ngưỡng mộ nó mà, Anne.”

“Ôi, vâng, nhưng mà... nhưng mà... chuyện này có vẻ đường đột quá, Gilbert à. Em thấy xây xẩm mặt mày. Mười phút trước em chẳng có ý nghĩ nào rời bỏ chốn thân thương này. Em còn đang tính sẽ định làm gì cho nó vào mùa xuân... định làm gì trong vườn. Và nếu chúng ta rời bỏ chỗ này thì ai sẽ lấy nó? Nó *đúng là* hẻo lánh, thế nên rất có thể một gia đình nghèo, vụng, lang thang nào đó sẽ thuê nó... và giày xéo nó... và ôi, thế thì thật là báng bổ. Em sẽ đau khổ kinh khủng.”

“Anh biết. Nhưng chúng ta không thể hy sinh lợi ích của riêng mình vì những suy nghĩ như vậy Anne ạ. Nhà Morgan hợp với chúng ta trong tất cả mọi phương diện... chúng ta thật sự không thể để lỡ một cơ hội như vậy. Hãy nghĩ về cái bãi cỏ lớn ấy với những cây cỏ thụ hùng vĩ; và rừng cây gỗ cứng tuyệt diệu đằng sau nó... mười hai mẫu Anh. Sẽ là chỗ chơi tuyệt vời cho con cái chúng ta! Có một vườn cây ăn quả rất đẹp nữa, và lúc nào em cũng ngưỡng mộ bức tường gạch cao quanh khu vườn với cánh cửa trên đó còn gì... em luôn nghĩ nó thật giống một khu vườn trong sách truyện. Và khung cảnh nhìn ra cảng và đồi cát từ nhà Morgan cũng đẹp như từ đây vậy.”

“Ta không thể nhìn thấy được ngọn hải đăng từ đó.”

“Có, ta có thể nhìn thấy từ cửa sổ gác xếp. Đó là một lợi thế nữa đấy Anne cung... em thích những cái gác xếp to lắm mà.”

“Không có suối trong vườn.”

“Ừ thì không, nhưng có một con suối chảy qua rừng bu lô vào hồ Glen. Và bản thân cái hồ cũng cách đó không xa. Em có thể hình dung mình sở hữu một hồ Nước Lấp Lánh của riêng mình một lần nữa.”

“Thôi, anh đừng nói thêm gì về chuyện đấy ngay lúc này nữa, Gilbert. Cho em thời gian suy nghĩ... để làm quen với ý tưởng đó đã.”

“Được rồi. Dĩ nhiên không quá vội. Có điều... nếu ta quyết định mua, sẽ tốt hơn nếu chuyển nhà và thu xếp xong mọi thứ trước mùa đông.”

Gilbert đi ra ngoài, và Anne cất đám quần áo ngắn của bé Jem đi với bàn

tay run rẩy. Ngày hôm ấy cô không thể may vá thêm tí nào nữa cả. Với đôi mắt đầm nước cô lang thang quanh địa hạt nhỏ bé nơi cô đã trị vì như một nữ hoàng với xiết bao hạnh phúc. Nhà Morgan đúng như những gì Gilbert đã nói. Sân nhà đẹp, còn căn nhà thì đủ cũ để có phẩm giá và sự đĩnh đạc và truyền thống, và đủ mới để vẫn thoải mái và hiện đại. Anne đã luôn ngưỡng mộ nó; nhưng ngưỡng mộ không phải là yêu; và cô yêu căn nhà mơ ước này quá nhiều. Cô yêu *tất cả mọi thứ* về nó... khu vườn mà cô đã chăm sóc, mà rất nhiều người phụ nữ khác đã chăm sóc trước cô... sự lấp lánh long lanh của căn suối nhỏ tinh nghịch trườn qua góc vườn... cánh cổng giữa hai cây linh sam kẽo kẹt... bậc thang cũ bằng sa thạch đỏ... những cây dương Lombardy chững chạc... hai cái tủ kính cổ nhỏ xíu trên lò sưởi trong phòng khách... cái tủ chạn cong cong trong bếp... hai cái cửa sổ áp mái buồn cười trên gác... chỗ xóc nhỏ trên cầu thang... chao ôi, những thứ này là một phần của cô! Làm sao cô rời chúng cho được?

Và căn nhà nhỏ này, đã được thụ phong bằng tình yêu và niềm vui, đã được tái thụ phong với cô bằng hạnh phúc và đau buồn của chính cô! Ở nơi đây cô đã trải qua tháng trăng mật của mình; nơi đây bé Joyce đã sống một ngày ngắn ngủi; nơi đây sự ngọt ngào của tình mẹ đã lại đến với cô qua bé Jem; nơi đây cô đã lắng nghe tiếng nhạc tuyệt vời của tiếng cười thầm thì con trẻ; ở đây những người bạn thương yêu đã ngồi bên đống lửa. Hạnh phúc và buồn đau, sự sống và cái chết, đã vĩnh viễn hóa thiêng liêng căn nhà nhỏ ước mơ này.

Và giờ cô phải rời bỏ nó. Cô biết, ngay cả lúc cô cưỡng lại ý kiến đó với Gilbert. Căn nhà này đã trở nên quá nhỏ bé. Lợi ích của anh làm sự thay đổi là cần thiết; công việc của anh, dù thành công, đã bị chỗi ở của anh gây khó dễ. Anne nhận ra rằng điểm cuối đoạn đời của họ ở chốn thân thương đã đến gần, và rằng cô phải đối diện thực tế đó một cách dũng cảm. Nhưng trái tim cô mới đau làm sao!

“Sẽ hết như rút bỏ một cái gì đó ra khỏi đời mình,” cô khóc. “Và ôi, nếu mình có thể hy vọng rằng một gia đình dễ mến nào đó sẽ đến thế chỗ bọn mình... hay thậm chí giá nó có thể để không. Thà như thế còn tốt hơn để cho nó bị giày xéo bởi một đám người nào đó chẳng biết chút gì về địa lý của vùng đất ước mơ, và chẳng biết chút gì về cái lịch sử đã mang đến cho căn nhà này linh hồn và danh tính của nó. Và nếu một đám người như thế đến đây thì căn nhà sẽ chẳng mấy chốc mà bị tàn phá... một căn nhà cũ sẽ xuống cấp rất nhanh nếu không được chăm sóc tử tế. Họ sẽ phá tung khu vườn của

mình... và để hàng dương Lombardy xơ xác... và đám cọc rào sẽ trông như một cái mòm sún mất một nửa số răng... và mái nhà sẽ dột... và bả sẽ rơi... rồi họ sẽ chèn gối và giẻ rách vào những ô cửa sổ bị vỡ... và mọi thứ sẽ cũ mòn nham nhở.”

Trí tưởng tượng của Anne vẽ ra viễn cảnh hoang tàn của căn nhà nhỏ thân yêu của cô mãnh liệt đến nỗi cô đau lòng dữ dội như thể hành động đó đã hoàn tất. Cô ngồi xuống cầu thang và khóc một trận thật lâu, thật cay đắng. Susan tìm thấy cô ở đấy và hỏi han đầy vẻ quan tâm rằng có vấn đề gì.

“Cô không cãi nhau với cậu bác sĩ đấy chứ, cô bác sĩ thân mến? Nhưng nếu cô có cãi, cũng đừng lo lắng. Đây là chuyện rất dễ xảy ra với các cặp vợ chồng mà, tôi nghe bảo thế, mặc dù tôi chẳng có kinh nghiệm gì về chuyện đó cả. Cậu rồi sẽ hối lỗi thôi, và cô cậu sẽ sớm làm lành ấy mà.”

“Không, không, Susan à, chúng cháu không cãi nhau. Chỉ là ... Gilbert sắp mua nhà của gia đình Morgan, và chúng ta sẽ phải đến đó và ở trên Glen. Và nó sẽ làm tim cháu tan vỡ.”

Bà Susan không hề cảm thông với tâm trạng của Anne chút nào. Chính ra, bà còn tỏ ra khá là vui sướng với viễn cảnh được sống ở Glen. Điều phàn nàn duy nhất của bà về chỗ ở của mình trong căn nhà nhỏ là vị trí hẻo lánh của nó.

“Chao ôi, thế thì tuyệt quá. Nhà Morgan mới to đẹp làm sao.”

“Cháu ghét mấy cái nhà to,” Anne khóc.

“Ôi giờ, cô sẽ không ghét đâu khi cô có nửa tá con,” Susan bình thản nhận xét. “Và giờ căn nhà này đã quá chật với chúng ta rồi. Chúng ta chẳng còn phòng trống nào, từ khi bà Moore về ở đây, và chạn bếp ấy là cái chỗ bực mình nhất tôi từng phải xoay xở làm việc ở trong. Quay chỗ nào cũng chạm góc. Hơn nữa, ở đây xa xôi hẻo lánh quá. Thật chẳng có gì ngoài phong cảnh.”

“Hẻo lánh với cô, có lẽ, Susan à... nhưng không phải với cháu,” Anne nói với nụ cười yếu ớt.

“Tôi không hiểu cô đấy, cô bác sĩ thân mến ạ, nhưng dĩ nhiên tôi không được học hành nhiều. Nhưng nếu bác sĩ Blythe mà mua nhà Morgan thì cậu

ấy sẽ không làm đâu, và điều đó cô có thể tin chắc. Họ có nước trong nhà nhé, và tủ kho với cả tủ chạn rất là đẹp nhé, và khắp đảo Hoàng Tử Edward không có một cái hầm chứa nào như vậy đâu, tôi đã được nghe bảo thế. Chao ôi, cái hầm ở đây, cô bác sĩ ạ, làm tôi đau hết cả tim, cô biết quá rõ rồi đấy.”

“Ôi, cô đi đi, cô Susan, đi đi mà,” Anne tuyệt vọng nói. “Hầm chứa với tủ chạn với tủ kho không làm nên một *mái ấm*. Sao cô không khóc cùng những người đang khóc chứ?”

“À, trước giờ tôi chả giỏi khóc lóc đâu, cô bác sĩ ạ. Tôi thà đổ dành và khích lệ người khác hơn là khóc cùng họ. Nào, thôi cô đừng khóc nữa mà hồng mắt đôi mắt đẹp. Căn nhà này rất tốt và đã phục vụ cô hết mình, nhưng đã đến lúc cô có một căn nhà tốt hơn.”

Quan điểm của bà Susan có vẻ như là của hầu hết mọi người. Leslie là người duy nhất cảm thông thấu hiểu với Anne. Cô cũng khóc ròng, khi nghe tin. Rồi họ cùng lau nước mắt và bắt tay vào sửa soạn chuyển nhà.

“Đã phải đi rồi thì hãy để chúng ta đi càng sớm càng tốt và làm cho xong đi,” Anne tội nghiệp nói với vẻ nhẫn nhịn cay đắng.

“Cậu biết cậu sẽ thích căn nhà cũ đáng yêu ở Glen sau khi cậu đã sống trong đây đủ lâu để có những ký ức thân yêu đan vào đây mà,” Leslie nói. “Bạn bè sẽ đến đó, như họ đã đến đây... hạnh phúc sẽ vinh danh căn nhà ấy cho cậu. Giờ, với cậu nó chỉ là một căn nhà... nhưng năm tháng sẽ biến nó thành một mái ấm.”

Anne và Leslie lại có một trận khóc nữa vào tuần sau khi họ mặc quần áo ngắn cho bé Jem. Anne cảm nhận rõ bi kịch cho mãi đến buổi chiều tối khi cô lại tìm thấy đứa con thân yêu của mình trong bộ đồ ngủ dài.

“Nhưng rồi sẽ đến áo yếm... rồi quần dài... và chẳng mấy chốc nó sẽ lớn mất thôi,” cô thở dài.

“Ừ, cô sẽ không muốn thằng bé lúc nào cũng là một đứa bé chứ, cô bác sĩ, phải không nào?” bà Susan nói. “Chúa phù hộ trái tim vô tội của nó, trông nó ngọt ngào quá đỗi trong bộ đồ soóc; của mình, với đôi chân xinh xinh thò ra ngoài. Mà cứ nghĩ đến việc tiết kiệm được khoản ủi đồ đi, cô bác sĩ.”

“Anne, mình vừa nhận được một lá thư từ Owen,” Leslie nói, bước vào

với khuôn mặt tươi rói. “Và ôi! Minh có tin tuyệt lắm. Anh ấy viết cho mình rằng anh ấy sẽ mua lại căn nhà này từ hội đồng nhà thờ và giữ nó để nghỉ hè ở đây. Anne, cậu có mừng không?”

“Ôi, Leslie, ‘mừng’ không phải là từ dành cho nó! Điều này dường như quá tốt để thành sự thật. Giờ mình sẽ không buồn đến một nửa khi mình biết nơi chốn thân thương này sẽ không bao giờ bị bán bỏ bởi một đám người phá hoại, hay bị để cho đổ vỡ trong hoang tàn. Thật tuyệt vời! Thật đáng yêu!”

Một sáng tháng Mười nọ Anne thức dậy để nhận ra rằng cô đã ngủ đêm cuối cùng dưới mái nhà thân yêu của mình. Ngày hôm ấy quá bận rộn để chìm vào nỗi tiếc và khi chiều buông căn nhà đã bị dọn sạch, Anne và Gilbert ở lại một mình để nói lời tạm biệt. Leslie và bà Susan cùng bé Jem đã lên đường đi Glen cùng với chó hòm xiêng cuối cùng. Ánh hoàng hôn tràn vào qua những ô cửa sổ không rèm.

“Trông nó có một vẻ thật đau lòng, thật trách móc, phải không anh?” Anne nói. “Ôi, đêm nay ở Glen em sẽ rất nhớ nhà.”

“Chúng ta đã rất hạnh phúc ở đây, phải không Anne thân yêu? Gilbert nói, giọng anh đầy cảm xúc.

Anne nghẹn ngào, không trả lời được. Gilbert đợi cô ở cánh cổng linh sam, trong khi cô đi khắp căn nhà và nói lời giã biệt với từng phòng. Cô sắp đi; nhưng căn nhà cũ sẽ vẫn ở đó, nhìn ra biển qua những ô cửa sổ của mình. Những cơn gió mùa thu sẽ thổi lương thảo quanh nhà, mưa xám sẽ rơi và sương trắng sẽ tràn vào quán lầy nó từ biển; ánh trăng sẽ buông xuống thấp sáng những lối đi cũ nơi thầy giáo và cô dâu của thầy từng đi. Ở kia trên bờ cảng cũ, bùa mê của quá khứ vẫn còn vương vất; gió sẽ vẫn thổi đầy cảm dỗ qua những cồn cát bạc; sóng sẽ vẫn vỗ gọi từ những vũng đá đỏ.

“Nhưng chúng ta thì đã đi rồi,” Anne nói qua nước mắt.

Cô bước ra, đóng rồi khóa cửa lại sau lưng. Gilbert đang đợi cô với một nụ cười. Ngôi sao hải đăng đang chiếu sáng về phương Bắc. Khu vườn nhỏ, giờ chỉ còn nở những bông cúc vạn thọ, đã tự phủ mình trong những chiếc bóng.

Anne quỳ xuống hôn lên bậc thềm cũ mòn mà cô đã bước qua với tư cách

một cô dâu.

“Tạm biệt, căn nhà nhỏ yêu dấu của những giấc mơ,” cô nói.

HẾT